

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN HỮU TRI

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CÂU LẠC BỘ
THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỮU TRI

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CÂU LẠC BỘ
THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

- PGS.TS Lê Thiết Can
- TS. Lê Bá Tường

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận án

Nguyễn Hữu Tri

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương 1	
TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	4
1.1. Tổng hợp các quan điểm về giáo dục đào tạo, giáo dục thể chất và thể thao trong Nhà trường thời kỳ đổi mới	4
1.1.1. Quan điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục con người và TDTT	4
1.1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDTT trong Nhà trường thời kỳ đổi mới.....	5
1.1.3. Vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục thể chất và TDTT trong trường học	8
1.2. Các khái niệm liên quan, lân cận đến vấn đề nghiên cứu của luận án.....	10
1.2.1. Khái niệm về TDTT và GDTC	10
1.2.2. Khái niệm về thể lực, phát triển các tố chất thể lực và thể chất. 11	
1.2.3. Khái niệm câu lạc bộ (CLB) và câu lạc bộ TDTT ngoại khóa (CLB TDTT NK)	16
1.2.4. Sự hài lòng, mức độ hài lòng	18
1.3. Tổng quan về tổ chức hoạt động, câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trong trường học	21
1.3.1. Các cơ sở lý luận của hoạt động TDTT ngoại khóa HS, SV trong Nhà trường	21
1.3.2. Cơ sở pháp lý tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa trong Nhà trường	23
1.3.3. Nghiên cứu hoạt động CLB TDTT sinh viên trường đại học trong và ngoài nước	26
1.4. Đặc điểm phát triển tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên	29

1.4.1. Đặc điểm tâm lý cơ bản lứa tuổi sinh viên	29
1.4.2. Đặc điểm sinh lý lứa tuổi sinh viên	31
1.5. Khái quát quá trình hình thành và phát triển trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT)	34
1.5.1. Quá trình hình thành và phát triển Trường ĐHCT	34
1.5.2. Quá trình hình thành và phát triển Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT	36
1.5.3. Công tác GDTC và hoạt động thể thao sinh viên Trường ĐHCT	37
1.6. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan.....	39
1.6.1. Công trình nghiên cứu ngoài nước về thể thao trường học	39
1.6.2. Công trình nghiên cứu trong nước về GDTC và hoạt động thể thao ngoại khóa trong Nhà trường	42

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU 49

2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	49
2.1.1. Đối tượng nghiên cứu	49
2.1.2. Khách thể nghiên cứu	49
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	50
2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu	50
2.2.2. Phương pháp phỏng vấn bằng phiếu (Anket)	50
2.2.3. Phương pháp kiểm tra sự phạm	51
2.2.4. Phương pháp thực nghiệm sự phạm	55
2.2.5. Phương pháp toán học thống kê	56
2.3. Tổ chức nghiên cứu.....	59
2.3.1. Kế hoạch nghiên cứu	59
2.3.2. Địa điểm và đơn vị phối hợp nghiên cứu	61

Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN 62

3.1 Đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ..... 62

3.1.1 Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí, thang đo về hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT..... 62

3.1.2 Thực trạng các điều kiện đảm bảo hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT..... 70

3.1.3 Thực trạng nội dung, hình thức và phương thức tổ chức hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT 78

3.1.4 Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT..... 83

3.1.5 Thực trạng hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT..... 90

3.1.6 Sự hài lòng các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT..... 93

3.1.7 Bàn luận về thực trạng thực trạng hoạt động TDTT NK sinh viên Trường ĐHCT..... 95

3.2 Nghiên cứu xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ..... 98

3.2.1 Cơ sở xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT..... 98

3.2.2 Lựa chọn nội dung, tiêu chí xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT 104

3.2.3 Khái quát tổ chức, hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT. 109

3.2.4 Xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT	111
3.2.5 Bàn luận kết quả nghiên cứu.....	120
3.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ	122
3.3.1 Ứng dụng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT	122
3.3.2 Đánh giá hiệu quả phát triển thể lực chung của sinh viên Trường ĐHCT khi tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa.....	124
3.3.3 Đánh giá hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ thông qua chỉ số mức độ hài lòng của sinh viên...	138
3.3.4 Đánh giá của giảng viên GDTC về CLB TDTT ngoại khóa sinh viên.....	139
3.3.5 Đánh giá hiệu quả về lợi ích tài chính, khả năng duy trì, phát triển CLB TDTT NK SV.....	141
3.3.6 Bàn luận về hiệu quả hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT.....	142
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	149
KẾT LUẬN.....	149
KIẾN NGHỊ.....	150
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

1. Các chữ viết tắt

BGDĐT	Bộ giáo dục và Đào tạo
BGH	Ban Giám hiệu
BXTC	Bật xa tại chỗ
CB	Cán bộ
CD	Cao đẳng
CLB	Câu lạc bộ
CNH	Công nghiệp hóa
CP	Chính phủ
CT	Chỉ thị
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐA	Đề án
ĐBSCL	Đồng Bằng Sông Cửu Long
ĐC	Đối chứng
ĐH	Đại học
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
ĐT	Đào tạo
GD	Giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDTC	Giáo dục thể chất
GS.TS	Giáo sư, tiến sĩ
GV	Giảng viên
HDH	Hiện đại hóa
HSSV	Học sinh, sinh viên
KTX	Ký túc xá
LVD	Lượng vận động
NĐ	Nghị định
NK	Ngoại khóa
NQ	Nghị quyết
NTN	Nhóm thực nghiệm
NXB	Nhà xuất bản
PGS.TS	Phó giáo sư, tiến sĩ
PV	Phòng vấn

QĐ	Quyết định
SL	Số lượng
SS 1	So sánh 1
STN	Sau thực nghiệm
SV	Sinh viên
TB	Trung bình
TC	Tín chỉ
TCTL	Tổ chất thể lực
TDTT	Thể dục thể thao
ThS	Thạc sỹ
TN	Thực nghiệm
TN 1	Thực nghiệm 1
TN 2	Thực nghiệm 2
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
Trợ lý Thể thao	TL TT
TS	Tiến sĩ
TT	Thông tư
TTg	Thủ tướng
TTN	Trước thực nghiệm
TTNK	Thể thao ngoại khóa
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VC QL	Viên chức quản lý
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XPC	Xuất phát cao

2. Đơn vị đo lường

cm	Centimét
g	Gam
kg	Kilôgam
m	Mét
s	Giây
p	Phút

DANH MỤC CÁC BẢNG

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
Bảng 1.1	Quy mô đào tạo của Trường ĐHCT năm học 2018 - 2019	35
Bảng 1.2	Danh sách các học phần GDTC dành cho SV tất cả các ngành học trong Chương trình môn học GDTC	37
Bảng 2.1	Giá trị trung bình thang đo Likert 1-5	51
Bảng 3.1	Thống kê trình độ chuyên môn, học hàm, học vị của nhà khoa học, giảng viên được phỏng vấn	63
Bảng 3.2	Kết quả phỏng vấn nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT (n=30)	64
Bảng 3.3	Hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy các tiêu chí	64
Bảng 3.4	Phân tích mối tương quan với biến tổng thể và hệ số tin cậy của từng tiêu chí được lựa chọn	65
Bảng 3.5	Các tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT	Sau 67
Bảng 3.6	Tổng hợp phân tích hệ số Cronbach' Alpha về thang đo sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa	68
Bảng 3.7	Kiểm định KMO và Bartlett thang đo sự hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT	Sau 69
Bảng 3.8	Ma trận nhân tố với phương pháp xoay Varimax thang đo sự hài lòng khi tham gia CL B TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT	Sau 69

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
Bảng 3.9	Kết quả phỏng vấn về mức độ quan tâm của BGH Trường ĐHCT đến công tác GDTC và hoạt động TDTT NK SV	70
Bảng 3.10	Mức độ quan tâm của SV Trường ĐHCT đối với hoạt động TDTT NK	71
Bảng 3.11	Thực trạng nhận thức SV Trường ĐHCT về hoạt động TDTT NK (n = 850)	72
Bảng 3.12	Thực trạng động cơ của sinh viên Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (n=850)	73
Bảng 3.13	Thống kê đội ngũ GV GDTC Trường ĐHCT giai đoạn 2015 – 2019	74
Bảng 3.14	Kết quả phỏng vấn về mức độ đáp ứng của đội ngũ GV GDTC đối với công tác GDTC, hoạt động thể thao	75
Bảng 3.15	Thực trạng sân bãi, nhà tập luyện, trang thiết bị, dụng cụ TDTT Trường ĐHCT năm học 2015 – 2019	76
Bảng 3.16	Thực trạng kinh phí cho công tác GDTC và hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT, giai đoạn 2015 – 2019	77
Bảng 3.17	Kết quả phỏng vấn về mức độ đáp ứng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT NK SV ĐHCT	77
Bảng 3.18	Bản mô tả chương trình môn học GDTC áp dụng cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học Trường ĐHCT	78
Bảng 3.19	Khảo sát sự hài lòng của sinh viên học môn thể thao	79

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
	tự chọn trong chương trình môn học GDTC Trường ĐHCT	
Bảng 3.20	Thực trạng hình thức tham gia hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=850)	82
Bảng 3.21	Thực trạng mức độ thường xuyên của sinh viên Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (n=850)	84
Bảng 3.22	Thực trạng thời lượng/ngày của SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK (n=850)	85
Bảng 3.23	Thực trạng các môn thể thao được sinh viên Trường ĐHCT lựa chọn khi tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (n=850)	85
Bảng 3.24	Kết quả kiểm tra thể chất nam sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (N = 510)	Sau 90
Bảng 3.25	Kết quả kiểm tra thể chất nữ sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (N = 340)	Sau 90
Bảng 3.26	Kết quả đánh, giá xếp loại theo từng chỉ tiêu thể lực nam sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (N=510)	91
Bảng 3.27	Kết quả đánh, giá xếp loại theo từng chỉ tiêu thể lực nữ sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (N=340)	92
Bảng 3.28	Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT	93
Bảng 3.29	Tầm quan trọng nghiên cứu xây dựng, tổ chức, quản	102

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
	lý hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT	
Bảng 3.30	Kết quả khảo sát về sự cần thiết xây dựng CLB TDTT NK SV	102
Bảng 3.31	Kết quả khảo sát ý kiến viên chức quản lý, CB Đoàn – Hội và GV GDTC về loại hình CLB TDTT NK SV	103
Bảng 3.32	Kết quả phỏng vấn chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên về tiêu chí xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=30)	106
Bảng 3.33	Hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy các nội dung tiêu chí CLB TDTT ngoại khóa	106
Bảng 3.34	Phân tích mối tương quan với biến tổng thể và hệ số tin cậy của từng tiêu chí CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT	107
Bảng 3.35	Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên GDTC Trường ĐHCT về các nội dung Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=17)	112
Bảng 3.36	Kết quả phỏng vấn nội dung giảng dạy bóng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=10)	115
Bảng 3.37	Phân phối nội dung giảng dạy môn bóng chuyên CLB TDTT NK Trường ĐHCT	116
Bảng 3.38	Kết quả phỏng vấn nội dung giảng dạy môn thể dục nhịp điệu NK SV Trường ĐHCT (n=10)	117
Bảng 3.39	Phân phối nội dung giảng dạy thể dục nhịp điệu CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT	117
Bảng 3.40	Kết quả phỏng vấn các nội dung giảng dạy môn cầu	118

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
	lông CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=10)	
Bảng 3.41	Phân phối nội dung giảng dạy cầu lông CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT	119
Bảng 3.42	Thực trạng thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước TN sự phạm	124
Bảng 3.43	Đánh giá, phân loại thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước TN sự phạm	125
Bảng 3.44	Thực trạng thể lực chung nam SV CLB TDTT NK trước TN sự phạm	126
Bảng 3.45	Đánh giá, phân loại thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước TN sự phạm	126
Bảng 3.46	Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn bóng chuyền (nữ TN1) STN	128
Bảng 3.47	Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn TDNĐ (nữ TN2) STN	129
Bảng 3.48	Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn BC (nam TN1) STN	131
Bảng 3.49	Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn môn CL (nam SV TN2) STN	132
Bảng 3.50	Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT NK bóng chuyền (nữ SV TN1), môn TDNĐ (nữ SV TN2) và nhóm nữ sinh viên so sánh (nữ SV SS1) STN	Sau 134
Bảng 3.51	Kết quả so sánh thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn bóng chuyền (nữ SV TN1),	Sau 134

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
	môn TDND (nữ SV TN2) và nhóm nữ sinh viên so sánh (nữ SV SS1)	
Bảng 3.52	So sánh thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa (nữ TN) và nhóm nữ sinh viên so sánh (nữ SV SS1)	135
Bảng 3.53	Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn BC (nam SV TN1), môn CL (nam SV TN2) và nhóm nam sinh viên so sánh (nam SV SS1)	Sau 136
Bảng 3.54	Kết quả so sánh thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn BC (nam TN1), môn CL (nam TN2) và nhóm nam sinh viên so sánh (nam SS1) (Multiple Comparisons)	Sau 136
Bảng 3.55	So sánh thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa (nam TN) và nhóm nam sinh viên so sánh (nam SV SS1)	137
Bảng 3.56	Kết quả phỏng vấn GV GDTC đánh giá về CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=17)	140

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH

BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH	NỘI DUNG	TRANG
Biểu đồ 3.1	Sự cần thiết xây dựng nội dung và tổ chức, quản lý hoạt động ngoại khóa SV (n=17)	82
Biểu đồ 3.2	Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=850)	83
Biểu đồ 3.3	Thực trạng địa điểm SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK (n=850)	86
Biểu đồ 3.4	Nhu cầu lựa chọn hình thức luyện tập TDTT NK của SV Trường ĐHCT (n=850)	87
Biểu đồ 3.5	Môn thể thao sinh viên Trường ĐHCT lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa (n=850)	87
Biểu đồ 3.6	Thời gian phù hợp sinh viên Trường ĐHCT lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa (n=850)	88
Biểu đồ 3.7	Thời lượng trong tuần SV Trường ĐHCT lựa chọn	89
Biểu đồ 3.8	Nhu cầu nội dung giảng dạy TDTT NK SV (n=850)	89
Biểu đồ 3.9	Mức độ sẵn sàng trả phí tham gia CLB TDTT NK của SV Trường ĐHCT (n=850)	90
Biểu đồ 3.10	Giá trị trung bình (mean) về mức độ hài lòng các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT	94
Biểu đồ 3.11	Nhịp độ tăng trưởng W(%) thể lực chung nữ sinh viên môn BC (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV	130

BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH	NỘI DUNG	TRANG
	TN2) CLB TDTT ngoại khóa, STN	
Biểu đồ 3.12	Kết quả đánh giá, phân loại tổng hợp thể lực chung nữ sinh viên môn bóng chuyền (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2) CLB TDTT NK STN	131
Biểu đồ 3.13	Nhịp độ tăng trưởng W(%) thể lực chung nam SV môn BC (nam TN1) và môn CL (nam TN2) CLB TDTT ngoại khóa, STN	133
Biểu đồ 3.14	Kết quả đánh giá, phân loại tổng hợp thể lực chung nam SV môn BC (nam SV TN1) và môn CL (nam SV TN2) CLB TDTT NK STN	134
Biểu đồ 3.15	Mức độ hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB B TDTT NK Trường ĐHCT STN (n=120)	139
Biểu đồ 3.16	Cơ cấu thu – chi tài chính từ nguồn thu phí hội viên CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT	141
Biểu đồ 3.17	Kết quả khảo sát mức lệ phí hội viên CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT (n=120)	141
Sơ đồ 1.1	Mô hình kỳ vọng - cảm nhận	19
Sơ đồ 1.2	Sơ đồ mối quan hệ các yếu tố tác động đến sự hài lòng	19
Sơ đồ 1.3	Thang năng lực vận động tâm lý (Kỹ năng)	20
Sơ đồ 1.4	Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT	35
Sơ đồ 1.5	Sơ đồ tổ chức Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT	37
Hình 2.1	Test chạy 30m xuất phát cao (giây)	52

BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH	NỘI DUNG	TRANG
Hình 2.2	Test bật xa tại chỗ (cm)	53
Hình 2.3	Test chạy tùy sức 5 phút (m)	54
Hình 2.5	Chạy con thoi 4x 10m (giây)	55
Sơ đồ 3.1	Sơ đồ vị trí CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT	110
Sơ đồ 3.2	Cơ cấu quản lý, tổ chức CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT	110
Sơ đồ 3.3	Quy trình đăng ký tham gia CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT	114

PHẦN MỞ ĐẦU

Đảng ta chỉ rõ *“Phát huy nhân tố con người trên cơ sở đảm bảo công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”* [24, tr 12 - 13]. Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, là cụ thể hóa *“chiến lược con người”*, là chiến lược quan trọng của Đảng và Nhà nước.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013) đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đưa ra yêu cầu là phải *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực”* [5]. Nâng cao chất lượng dạy và học các môn học giáo dục thể chất theo hướng tự chọn cho sinh viên không chuyên và tăng cường hoạt động thể thao nhà trường là một nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt trong quá trình đào tạo hiện nay.

Giáo dục thể chất trong trường học là một mặt quan trọng của ngành Giáo dục đào tạo. Công tác giáo dục thể chất (GDTC) trường học có vị trí, ý nghĩa quan trọng trong giáo dục với mục tiêu giáo dục nhằm *“phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế”* [48].

Về tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong trường học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 72/2008/QĐ-BGDĐT V/v quy định việc tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên hệ chính quy trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên

nghiệp [8]. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác GDTC trường học.

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT), là một trong 10 trường đại học trọng điểm của Việt Nam. Hiện tại Trường ĐHCT có 14 khoa, 3 viện nghiên cứu, 01 trung tâm Giáo dục Quốc phòng và 01 Bộ môn Giáo dục Thể chất trực thuộc. Trường ĐHCT thực hiện nhiệm vụ đào tạo 85 ngành bậc Đại học, 35 ngành bậc Thạc sĩ, 14 ngành bậc Tiến sĩ, với số lượng 30.000 sinh viên chính qui tập trung tại trường. Nhiệm vụ chính của trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế – xã hội trong khu vực [98].

Tuy nhiên, hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT phân tán, không được tổ chức bài bản, thiếu tính khoa học, thiếu chặt chẽ, không có sự hướng dẫn chuyên môn... Từ đó, hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa còn thấp, chưa đáp ứng với yêu cầu của phong trào, chưa tương xứng với sự đầu tư kinh phí, mục tiêu mà Nhà trường đặt ra.

Xuất phát từ mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa trong trường học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập, vấn đề: *“Nghiên cứu xây dựng Câu lạc bộ thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ”* đã trở thành một sự đòi hỏi cấp thiết, cần được quan tâm và thực hiện.

Mục đích nghiên cứu

Thông qua đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa và phân tích, khảo sát nhu cầu thực tế của sinh viên Trường ĐHCT, luận án tiến hành xây dựng Câu lạc bộ thể dục thể thao ngoại khóa (CLB TDTT NK) phù hợp cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy - học GDTC, hoạt động thể thao trong Nhà trường.

Mục tiêu nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, đề tài tập trung giải quyết các mục tiêu nghiên cứu sau:

Mục tiêu 1: Nghiên cứu thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.

Mục tiêu 2: Nghiên cứu xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.

Mục tiêu 3: Ứng dụng và đánh giá hiệu quả Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.

Giả thuyết khoa học của đề tài

Việc xây dựng, ứng dụng các tiêu chí, nội dung chương trình CLB TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT là một yêu cầu tất yếu, khách quan để có cơ sở khoa học hệ thống đồng bộ khả thi trong nhận xét đánh giá toàn diện của sinh viên. Thông qua hoạt động CLB TDTT NK nhằm góp phần đảm bảo, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác dạy – học GDTC, đáp ứng nhu cầu tham gia các hoạt động TDTT NK của sinh viên Trường ĐHCT.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng hợp các quan điểm về giáo dục đào tạo, giáo dục thể chất và thể thao trong Nhà trường thời kỳ đổi mới

1.1.1. Quan điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục con người và TDTT

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân cao đẹp của ý chí chiến đấu, tinh thần hy sinh vì sự nghiệp độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Với tầm nhìn sâu rộng và toàn diện, từ rất sớm Bác Hồ đã quan tâm sâu sắc tới sự nghiệp phát triển văn hoá giáo dục, y tế, thể dục thể thao. Bác là hiện thân của sự đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, là một danh nhân văn hóa Thế giới. Người đã chỉ rõ cho thanh niên: *“Phải rèn luyện thân thể cho khoẻ mạnh. Khỏe mạnh thì mới đủ sức để tham gia một cách dẻo dai, bền bỉ những công việc ích nước lợi dân”* [37, tập 10, tr.440]. Sức khỏe và trí tuệ của nhân dân là các nhân tố tạo nên sức mạnh của cộng đồng, của dân tộc, là nguồn hạnh phúc của giống nòi Việt Nam.

Năm 1946 Bác Hồ đã ký sắc lệnh thành lập Nha thể dục trung ương thuộc Bộ Thanh niên, trên cơ sở *“Xét vấn đề thể dục rất cần thiết để tăng cường sức khỏe quốc dân và cải tạo nòi giống Việt Nam”* [32, t.3, tr.190-191].

Bác Hồ đã viết thư kêu gọi *“Toàn dân tập thể dục”*, giữ gìn sức khỏe. Người viết *“Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng có sức khỏe mới thành công, mỗi người dân yếu ớt là làm cho cả nước yếu ớt một phần, mỗi người dân mạnh khỏe tức là góp phần cho cả nước mạnh khỏe. Vì vậy luyện thể dục, bồi dưỡng sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân yêu nước”* [11], *“Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới thành công”* và Người đã chỉ rõ, muốn có sức khỏe thì *“nên luyện tập thể dục”* và coi đó là *“bổn phận của mỗi người dân yêu nước”* [36, t.4, tr.241].

Ngày 31 tháng 3 năm 1960 Bác Hồ tự tay viết thư gửi hội nghị cán bộ Thể dục Thể thao toàn Miền Bắc. Trong thư Người dạy *“Muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt, thì cần có sức khỏe. Muốn có sức khỏe thì nên thường xuyên luyện tập thể dục thể thao. Vì vậy, chúng ta nên phát triển phong trào thể dục thể thao cho rộng khắp”*. Đồng thời Bác còn căn dặn *“Cán bộ thể dục thể thao phải học tập chính trị, nghiên cứu nghiệp vụ và hăng hái công tác”*

nhằm phục vụ sức khỏe cho nhân dân. Về vị trí thể dục thể thao trong xã hội, Bác Hồ khẳng định “*là một trong những công tác cách mạng khác*” [11].

Bác Hồ là một tấm gương mẫu mực về lòng kiên trì rèn luyện thân thể cho khỏe mạnh để làm cách mạng. Cho dù bất kỳ hoàn cảnh nào, từ những chặng đường bôn ba ở hải ngoại, cho đến những ngày sống trong lao tù của giặc Tưởng, hay những ngày sống ở chiến khu Bác vẫn kiên trì tập luyện thể dục để nâng cao sức khỏe.

1.1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDTT trong Nhà trường thời kỳ đổi mới

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992 điều 41 qui định: “*Nhà nước thống nhất sự nghiệp quản lý thể dục thể thao, qui định chế độ GDTC bắt buộc trong nhà trường, khuyến khích và giúp đỡ phát triển các hình thức TDTT tự nguyện của nhân dân, tạo điều kiện cần thiết để không ngừng mở rộng các hoạt động TDTT quần chúng, chú trọng hoạt động TDTT chuyên nghiệp, bồi dưỡng các tài năng thể thao*” [45].

Chỉ thị số 36 - CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 1994, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về công tác thể thao trong giai đoạn mới đã khẳng định nêu rõ: “*Mục tiêu cơ bản, lâu dài của công tác thể dục thể thao là hình thành nền thể dục thể thao phát triển và tiến bộ, góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần của nhân dân và phấn đấu đạt vị trí xứng đáng trong hoạt động thể thao quốc tế, trước hết là ở khu vực Đông Nam Á*” [1].

Tại Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XI (2011) của Đảng, đã khẳng định phát triển, nâng cao chất lượng nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Vì vậy, cần phải “*Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học*” [25].

Tháng 12/2011, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020, trong phần đánh giá những tồn tại, hạn chế, Nghị quyết đã chỉ rõ: “*Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong học sinh, sinh viên chưa thường xuyên và kém hiệu quả*” [4]. Nhiệm vụ chính của GDTC là: Nâng cao sức khỏe, đảm bảo sự phát triển bình thường của cơ thể học sinh, sinh viên; phát

triển thể lực, trang bị những kỹ năng vận động cơ bản và cần thiết cho cuộc sống; hình thành thói quen rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh và giữ phẩm chất đạo đức, nhân cách học sinh, sinh viên, những chủ nhân tương lai của đất nước.

Chính phủ đã ban hành QĐ số 2198/QĐ-TTg về *Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020* [18], với quan điểm “*Phát triển thể dục, thể thao là yếu tố quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, tăng cường thể lực, tầm vóc, tăng tuổi thọ người Việt Nam và lành mạnh hóa lối sống của thanh thiếu niên. Phát triển thể dục, thể thao là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân; ngành thể dục, thể thao giữ vai trò nòng cốt trong thực hiện các chính sách phát triển thể dục, thể thao của Đảng và Nhà nước*”, mục tiêu tổng quát: “*Chiến lược phát triển thể thao Việt Nam đến năm 2020 nhằm xây dựng và phát triển nền thể dục, thể thao nước nhà để nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tăng tuổi thọ của người Việt Nam theo tinh thần vì sự nghiệp dân cường, nước thịnh, hội nhập và phát triển*”.

Quyết định số: 641/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/04/2011 quyết định về việc phê duyệt “*Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc con người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030*” [19] đã nêu rõ:

+ *Mục tiêu tổng quát*: Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong 20 năm tới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt Nam.

+ *Mục tiêu cụ thể*: Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh, giảm mạnh tỷ lệ suy dinh dưỡng để cải thiện các chỉ số cơ bản của trẻ em 5 tuổi và đảm bảo các tiêu chí đánh giá thể lực, tầm vóc thân thể của thanh niên Việt Nam lứa tuổi trưởng thành. Sự phát triển GDTC phải đảm bảo theo quan điểm đường lối chung của Đảng, Nhà nước, của ngành TDTT và ngành Giáo dục – Đào tạo, phải đảm bảo tính dân tộc, tính khoa học và tính nhân dân. Trong đó, đảm bảo tính dân tộc có nghĩa là: Hình thức, nội dung các hoạt động GDTC phải mang bản sắc dân tộc, vì mục đích, lợi ích dân tộc; đảm bảo tính khoa học là: Kế thừa có chọn lọc các tri thức về TDTT của

nhân loại; mọi hoạt động GDTC phải phù hợp với quy luật phát triển tâm, sinh lý của con người.

Ngày 17/6/2016, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1076/QĐ-TTg, phê duyệt *Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025* [21], quan điểm cụ thể như sau:

+ Giáo dục thể chất và thể thao trường học là bộ phận quan trọng, nền tảng của nền thể dục, thể thao nước nhà; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ em, học sinh, sinh viên.

+ Phát triển GDTC và thể thao trường học là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội, các nhà trường và cộng đồng.

+ Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học bảo đảm tính khoa học và thực tiễn, có lộ trình triển khai phù hợp với từng vùng, miền, địa phương trong cả nước.

+ Nhà nước quan tâm đầu tư, đồng thời khuyến khích, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư; phát huy mạnh mẽ sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc phát triển GDTC và thể thao trường học.

Mục tiêu tổng quát của Đề án 1076/QĐ-TTg: *Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh, sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, lành mạnh cho trẻ em, học sinh, sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước* [21].

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 11/2015/NĐ-CP, Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động Thể thao trong nhà trường [20], nội dung cụ thể như sau:

- Giáo dục thể chất trong nhà trường là nội dung giáo dục, môn học bắt buộc, thuộc chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo, nhằm trang bị cho trẻ em, học sinh, sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của học sinh, sinh viên, được tổ chức theo phương thức ngoại khóa, câu lạc bộ thể dục, thể thao, nhóm, cá nhân phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe, nhằm hoàn thiện các kỹ năng vận động, hỗ trợ thực hiện mục tiêu giáo dục thể chất thông qua các hình thức luyện tập, thi đấu thể thao, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao; phát hiện và bồi.

Đẩy mạnh công tác thể thao học đường thực sự mang hiệu quả cụ thể trong việc góp phần đào tạo thế hệ trẻ phát triển toàn diện, hoàn thiện về nhân cách, trí tuệ và thể chất, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững và tăng cường an ninh quốc phòng, cần phải xây dựng nhà trường thành những cơ sở phong trào TDTT quần chúng của học sinh, sinh viên.

1.1.3. Vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục thể chất và TDTT trong trường học

1.1.3.1. Vai trò của giáo dục thể chất trong trường học

Giáo dục thể chất là *“là một loại hình giáo dục toàn diện về đạo đức, thể chất, trí tuệ, thẩm mỹ, kỹ thuật lao động. trong đó thể chất có một vai trò quan trọng trong việc phát triển các tố chất và khả năng vận động, dạy học các động tác vận động [59]*, là một bộ phận của nền văn hóa. Trình độ phát triển TDTT là một trong những tiêu chí đánh giá trình độ văn hóa và năng lực sáng tạo của dân tộc, là phương tiện giao lưu văn hóa nói chung, văn hóa thể chất nói riêng, mở rộng các mối quan hệ quốc tế. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng đến công tác đổi mới nhằm phát triển hơn nữa công tác GDTC.

Vị trí của GDTC trong nhà trường là nội dung giáo dục, môn học bắt buộc, thuộc chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo, nhằm trang bị cho trẻ em, học sinh, sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện [20].

Luật TDTT (2018) là văn bản pháp lý quan trọng đối với công tác quản lý TDTT trong thời kỳ đổi mới, tạo hành lang pháp lý cho TDTT Việt Nam phát triển đúng định hướng: *vì sức khoẻ và hạnh phúc của nhân dân, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc*. Luật Thể dục thể thao đã dành riêng một mục (mục 2) gồm 7 điều (điều 20 – điều 26) để quy định về công tác giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường, trong luật tại điều 20 qui định: *"GDTC là môn học chính*

khoá thuộc chương trình giáo dục, cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khoá phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khoẻ nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện" [47]. Đây là cơ sở pháp lý để Nhà nước, Chính phủ và các bộ ngành tăng cường trách nhiệm đối với công tác Thể dục thể thao nói chung, hoạt động Giáo dục thể chất và thể thao trong trường học nói riêng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2015, quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học với mục tiêu cụ thể *“Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tâm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện” [10].*

1.1.3.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục thể chất trong trường đại học, cao đẳng thời kỳ đổi mới

Công tác GDTC là một mặt của thể dục thể thao (TDTT) với nhiệm vụ là: *“Phát triển toàn diện các tố chất thể lực, và trên cơ sở đó phát triển các năng lực thể chất, bảo đảm hoàn thiện thể hình, củng cố sức khỏe, hình thành theo hệ thống và tiến hành hoàn thiện đến mức cần thiết các kỹ năng và kỹ xảo quan trọng cho cuộc sống”*. Đồng thời chương trình GDTC trong các trường Đại học nhằm giải quyết các nhiệm vụ đó là [59]:

- *Bảo vệ và nâng cao sức khỏe*: Thúc đẩy sự phát triển hài hòa của cơ thể, giữ gìn và hình thành thân thể cân đối, nâng cao các khả năng chức phận của cơ thể, tăng cường quá trình trao đổi chất, củng cố và rèn luyện thần kinh vững chắc; Phát triển một cách vững chắc các tố chất thể lực và năng lực vận động cơ bản, nâng cao khả năng làm việc về trí óc và thể lực; Trên cơ sở phát triển thể chất, tổ chức các hoạt động vui chơi lành mạnh, nghỉ ngơi tích cực, rèn luyện và nâng cao khả năng chịu đựng và sức đề kháng của cơ thể đối với các ảnh hưởng bất lợi của môi trường bên ngoài, phòng chống lại bệnh tật.

- *Nhiệm vụ giáo dục*: Trang bị cho sinh viên những tri thức về TDTT, kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết cho các hoạt động khác nhau trong cuộc sống;

Cung cấp các tri thức và rèn luyện thói quen giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh tập luyện, nếp sống văn minh, lành mạnh; Phát triển hứng thú nhu cầu rèn luyện thân thể cường tráng, hình thành thói quen tự tập luyện;

Trang bị một số tri thức về mặt tổ chức và phương pháp tiến hành một buổi tập luyện TDTT.

- *Nhiệm vụ giáo dục:* Với tư cách là một mặt của giáo dục toàn diện, GDTC góp phần vào việc hình thành các thói quen đạo đức, phát triển trí tuệ, thẩm mỹ, chuẩn bị thể lực cho thanh niên, sinh viên đi vào cuộc sống lao động sản xuất, công tác. Đồng thời phải gắn liền nó với các yêu cầu cụ thể và các hoạt động chung của nhà trường.

- *Nhiệm vụ tiếp tục phát hiện và bồi dưỡng nhân tài thể thao:* GDTC có nhiệm vụ phát hiện những tài năng, năng khiếu trong các trường Đại học và trong điều kiện khả năng của mình bồi dưỡng nhân tài thể thao cho đất nước hoặc thông báo cho các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm để kịp thời bồi dưỡng nhân tài thể thao.

Trên cơ sở xác định mục tiêu giáo dục thể chất trong nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hết sức quan tâm và tạo điều kiện để các nhà trường và cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến tiến bộ khoa học về giáo dục thể chất. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo triển khai giảng dạy chính khoá và tổ chức các hoạt động ngoại khoá của các môn học GDTC cùng với việc ban hành các văn bản qui định về công tác GDTC trong nhà trường Cao đẳng, Đại học.

1.2. Các khái niệm liên quan, lân cận đến vấn đề nghiên cứu của luận án

1.2.1. Khái niệm về TDTT và GDTC

Theo tác giả Nguyễn Toán và Phạm Danh Tôn: *“TDTT là bộ phận của nền văn hóa xã hội, một loại hình hoạt động mà phương tiện cơ bản là các bài tập thể lực (thể hiện cụ thể qua các cách thức rèn luyện thân thể) nhằm tăng cường thể chất cho con người, nâng cao thành tích thể thao, góp phần làm phong phú sinh hoạt văn hóa và giáo dục con người phát triển cân đối hợp lý”* [59].

Thuật ngữ giáo dục thể chất có từ lâu trong ngôn ngữ nhiều nước. Ở nước ta, do bắt nguồn từ gốc Hán - Việt nên cũng có người gọi tắt giáo dục thể chất là thể dục theo nghĩa tương đối hẹp. Giáo dục thể chất là một bộ phận của TDTT. Một trong những hình thức hoạt động cơ bản có định hướng rõ của TDTT trong

xã hội, một quá trình có tổ chức truyền thụ và tiếp thu những giá trị của TĐTT trong hệ thống giáo dục – giáo dưỡng chung (chủ yếu trong nhà trường) [55]: *“Giáo dục thể chất là một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và phát triển có chủ định các tố chất vận động của con người”*. Từ quan niệm trên, ta có thể coi phát triển thể chất là một phần hệ quả của GDTC. Quá trình phát triển thể chất có thể chỉ là bẩm sinh tự nhiên (sự phát triển thể chất tự nhiên của trẻ khi đang lớn) hoặc còn có thêm tác động có chủ đích, hợp lý của GDTC mang lại.

Theo Nô vi côp A.Đ, Matveép L.P *“Giáo dục thể chất là một quá trình giải quyết những nhiệm vụ giáo dục - giáo dưỡng nhất định mà đặc điểm của quá trình này là có tất cả các dấu hiệu chung của quá trình sư phạm vai trò chỉ đạo của nhà sư phạm, tổ chức hoạt động tương ứng với các nguyên tắc sư phạm”* [44, tr. 4].

1.2.2. Khái niệm về thể lực, phát triển các tố chất thể lực và thể chất

Trong hoạt động thể thao, tố chất thể lực là nội dung rất quan trọng trong huấn luyện thể lực cho vận động viên. Sự nâng cao thành tích thể thao không thể không dựa vào sự phát triển cao các tố chất thể lực... Dựa trên cơ sở sinh lý thể dục thể thao và lý luận phương pháp thể dục thể thao về tố chất thể lực cần đi sâu phân tích đặc điểm của từng tố chất thể lực như sau: *“Tố chất thể lực của con người là tổng hợp chất lượng thể hiện trong điều kiện sống cụ thể, lao động và hoạt động TĐTT. Trong vận động thì khả năng vận động được biểu hiện ra bên ngoài qua các tố chất thể lực, trong TĐTT nó là phương tiện để nâng cao khả năng vận động góp phần cải tạo thể chất cho con người”* [54].

- **Thể lực chung:** tác giả Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn thì thể lực chung có thể được hiểu là *“Những tiền đề chung rộng rãi về thể lực để có thể đạt kết quả tốt trong hoạt động hoặc trong một số hoạt động nào đó”* [57].

- **Thể lực chuyên môn:** *“Thể lực chỉ nhằm phục vụ cho yêu cầu chuyên biệt hợp theo từng nghề, từng môn thể thao, thậm chí từng động tác kỹ thuật cho từng tình huống cụ thể, thường được đặt trên nền và sau chuẩn bị thể lực chung”* [57].

- **Tố chất thể lực:** Chức năng vận động được thực hiện bởi sự điều khiển hoạt động của nhiều cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể. Mức độ đạt được trong hoạt động vận động phụ thuộc vào cấu tạo và chức năng cũng như sự hoàn thiện của chúng. Trong quá trình GDTC và huấn luyện thể thể thao, phát triển các tố chất thể lực cũng chính là phát triển và hoàn thiện các cơ quan trong cơ

thể và ngược lại sự hoàn thiện các cơ quan trong cơ thể lại là tiền đề để các tổ chức thể lực phát huy mạnh mẽ [53].

- **Sức mạnh và phương pháp phát triển tố chất sức mạnh [57]:** Sức mạnh của con người được đo bằng lực kế hoặc bằng các máy đo lực trong cơ học. Điều đó cho thấy, sức mạnh là khả năng con người sinh ra lực cơ học bằng nỗ lực cơ bắp. Nói cách khác, sức mạnh của con người là khả năng khắc phục lực đối kháng bên ngoài hoặc đề kháng lại nó bằng sự nỗ lực của cơ bắp.

Cơ bắp có thể sinh ra lực trong những trường hợp: Không thay đổi độ dài cơ (chế độ tĩnh). Giảm độ dài của cơ (chế độ khắc phục). Tăng độ dài của cơ (chế độ nhượng bộ).

Chế độ nhượng bộ và chế độ khắc phục hợp thành chế độ động lực. Trong các chế độ hoạt động như vậy, cơ bắp sản sinh các lực cơ học có trị số khác nhau cho nên có thể coi chế độ hoạt động của cơ là cơ sở phân biệt các loại sức mạnh cơ bản.

Để rèn luyện sức mạnh, người ta sử dụng các bài tập sức mạnh, tức là các động tác với lực đối kháng. Một trong những vấn đề quan trọng nhất của phương pháp rèn luyện sức mạnh là lựa chọn lực đối kháng. Căn cứ vào tính chất lực đối kháng, các bài tập sức mạnh chia thành hai nhóm:

Nhóm một: các bài tập với lực đối kháng bên ngoài đó là các bài tập với dụng cụ nặng, các bài tập với lực đối kháng của người cùng tập, các bài tập với lực đàn hồi, các bài tập với lực đối kháng của môi trường bên ngoài (chạy trên cát, trên mùn cưa...).

Nhóm hai: Các bài tập khắc phục trọng lượng cơ thể.

“Ngoài ra, trong rèn luyện sức mạnh người ta còn sử dụng rộng rãi các bài tập khắc phục trọng lượng cơ thể cộng thêm với trọng lượng của vật thể bên ngoài” [57, tr.298].

Trong hoạt động TDTT, sức mạnh là điều kiện rất quan trọng để nâng cao thành tích thể thao. Tuổi từ 18 đến 25 là tuổi rất thuận lợi cho cơ bắp phát triển sức mạnh. Chính vì thế, trong quá trình tập luyện, rèn luyện sức mạnh sao cho phù hợp nhất để phát triển sức mạnh một cách tốt nhất.

- **Sức nhanh và phương pháp phát triển tố chất sức nhanh [57]:**

“Sức nhanh (tốc độ) là khả năng thực hiện động tác trong một khoảng thời gian ngắn nhất”, [57, tr.317].

“Khái niệm và các hình thức biểu hiện của sức nhanh là một tổ hợp thuộc tính chức năng của con người, nó quy định chủ yếu và trực tiếp đặc tính tốc độ động tác cũng như thời gian phản ứng vận động”, [57, tr.308].

Người ta phân biệt ba hình thức đơn giản biểu hiện sức nhanh là: thời gian tiềm tàng của phản ứng vận động, tốc độ động tác đơn (với lượng đối kháng bên ngoài nhỏ), tần số động tác.

Các hình thức đơn giản của sức nhanh tương đối độc lập với nhau. Đặc biệt, những chỉ số về thời gian phản ứng vận động hầu như không tương quan với tốc độ động tác. Những hình thức kể trên là thể hiện các năng lực tốc độ khác nhau. Trong thực tiễn thường thấy sức nhanh được thể hiện tổng hợp. Ví dụ: Thành tích chạy ngắn phụ thuộc vào thời gian phản ứng vận động, tốc độ phản ứng đơn và tần số bước.

Trong động tác có phối hợp phức tạp thì tốc độ không chỉ phụ thuộc vào sức nhanh mà còn chịu sự chi phối của nhiều nhân tố khác. Ví dụ: *“Trong chạy, tốc độ phụ thuộc vào độ dài bước, còn độ dài bước chạy phụ thuộc vào độ dài chi dưới và lực đạp sau. Vì vậy, tốc độ động tác hoàn chỉnh chỉ thể hiện gián tiếp sức nhanh của con người. Cho nên trong phân tích, đánh giá sức nhanh phải căn cứ vào mức độ phát triển của từng hình thức đơn giản của nó” [57, tr. 309].*

Yếu tố quyết định tốc độ của tất cả các dạng sức nhanh là độ linh hoạt của các quá trình thần kinh và tốc độ cơ cơ. Độ linh hoạt của quá trình thần kinh thể hiện ở khả năng biến đổi nhanh chóng giữa hưng phấn và ức chế trong các trung tâm thần kinh. Tốc độ cơ cơ phụ thuộc trước tiên vào tỷ lệ sợi cơ nhanh và sợi cơ chậm trong bó cơ. Tốc độ cơ cơ chịu ảnh hưởng của hàm lượng các chất cao năng ATP và CP.

Cơ sở sinh lý để phát triển sức nhanh là tăng cường độ linh hoạt và tốc độ dẫn truyền hưng phấn ở trung tâm thần kinh và bộ máy vận động, tăng cường sự phối hợp giữa các sợi cơ và các cơ, nâng cao tốc độ thả lỏng cơ. Để đạt được điều đó người ta sử dụng các bài tập tần số cao, trọng tải nhỏ, có thời gian nghỉ dài. *“Trong hoạt động TDTT, trong huấn luyện cũng như trong giảng dạy, để phát triển sức nhanh, chúng ta cũng cần phải đặc biệt quan tâm tới yếu tố sức mạnh vì tốc độ và sức mạnh có liên quan mật thiết với nhau. Mức độ phát triển sức mạnh ảnh hưởng rõ rệt đến sức nhanh. Trong nhiều môn thể thao, kết quả*

hoạt động phụ thuộc không chỉ vào sức nhanh hay sức mạnh riêng lẻ mà phụ thuộc vào sự phối hợp hợp lý giữa hai tố chất” [57, tr.325].

- Sức bền và phương pháp phát triển tố chất sức bền [57]:

“Sức bền là năng lực thực hiện một hoạt động với cường độ cho trước, hay là năng lực duy trì khả năng vận động trong thời gian dài nhất mà cơ thể có thể chịu đựng được” [57, tr.327].

Do thời gian hoạt động cuối cùng bị giới hạn bởi sự xuất hiện của mệt mỏi, nên cũng có thể định nghĩa sức bền là năng lực của cơ thể chống lại mệt mỏi trong một hoạt động nào đó.

Trong hoạt động TDDT, sự biểu hiện của mệt mỏi cũng đa dạng, song mệt mỏi thể lực do hoạt động cơ bắp gây nên là chính.

Trong sinh lý TDDT, sức bền thường đặc trưng cho khả năng thực hiện các hoạt động thể lực kéo dài liên tục từ hai đến ba phút trở lên, với sự tham gia của một khối lượng cơ bắp lớn (từ 1/2 toàn bộ lượng cơ bắp của cơ thể), nhờ sự hấp thụ oxy để cung cấp năng lượng cho cơ chủ yếu hoặc hoàn toàn bằng con đường ưa khí [57, tr.236 – 257].

Sức bền phụ thuộc vào khả năng hấp thụ oxy tối đa (VO_{2max}) của cơ thể và khả năng duy trì lâu dài mức hấp thụ oxy cao. Mức hấp thụ oxy tối đa của một người quyết định khả năng làm việc trong điều kiện ưa khí của họ. (VO_{2max}) càng cao thì công suất hoạt động ưa khí tối đa sẽ càng lớn và cơ thể thực hiện hoạt động ưa khí càng dễ dàng, vì vậy càng được lâu hơn. Điều đó giải thích tại sao các vận động viên có thành tích thể thao cao trong các môn sức bền lại có (VO_{2max}) rất cao (5 – 6 lít/phút) [54].

Sức bền rất cần thiết cho con người trong cuộc sống lao động và học tập hàng ngày. Đối với lĩnh vực TDDT, nó là cơ sở thiết yếu để giúp cho vận động viên trong hoạt động chuyên môn của mình để gạt hái thành tích thể thao cao, đồng thời đó cũng là cơ sở để giúp sinh viên bền bỉ, dẻo dai trong việc học tập, rèn luyện.

- Mềm dẻo và phương pháp phát triển tố chất mềm dẻo [57]:

Năng lực mềm dẻo là một trong những tiền đề để vận động viên có thể giành được thành tích cao trong môn chuyên sâu. Mềm dẻo là năng lực thực hiện động tác với biên độ lớn. Biên độ tối đa của động tác là thước đo của năng lực mềm dẻo.

Năng lực mềm dẻo được phân thành hai loại: mềm dẻo tích cực và mềm dẻo thụ động. Mềm dẻo tích cực là năng lực thực hiện động tác với biên độ lớn ở các khớp nhờ sự nỗ lực của cơ bắp. Mềm dẻo thụ động là năng lực thực hiện động tác với biên độ lớn ở các khớp nhờ tác động của ngoại lực như: trọng lượng cơ thể, lực ấn, ép của huấn luyện viên hoặc bạn tập...

Năng lực mềm dẻo phụ thuộc vào đàn tính của cơ bắp và dây chằng. Tính chất đàn hồi cao của bộ máy vận động và sự phát triển chưa ổn định của hệ thống xương, khớp trong lứa tuổi thiếu niên là điều kiện rất thuận lợi để phát triển năng lực mềm dẻo. Ở lứa tuổi thiếu niên phải chú trọng phát triển năng lực mềm dẻo.

“Phương pháp chính để phát triển năng lực mềm dẻo là kéo giãn cơ bắp và dây chằng. Nguyên tắc phát triển tổ chất mềm dẻo là cần rèn luyện mềm dẻo một cách liên tục và hệ thống, tốt nhất là tập luyện hằng ngày, bởi vì sau khi đạt được trình độ cao nếu ngưng tập hoặc để cách quãng nhiều buổi tập thì năng lực mềm dẻo sẽ giảm sút nhanh chóng. Cần kết hợp các bài tập phát triển năng lực mềm dẻo thụ động với các bài tập phát triển năng lực mềm dẻo tích cực” [57, tr.370].

- Phương pháp phát triển tổ chất phối hợp vận động [57]:

Năng lực phối hợp vận động là một phức hợp các tiền đề của vận động viên (cần thiết ít hoặc nhiều) để thực hiện thành công một hoạt động thể thao nhất định. Năng lực này được xác định trước hết thông qua các quá trình điều khiển (các quá trình thông tin) và được vận động viên hình thành phát triển trong tập luyện. Năng lực phối hợp vận động có quan hệ chặt chẽ với các phẩm chất tâm lý và các năng lực khác như sức mạnh, sức nhanh và sức bền.

Năng lực phối hợp của vận động viên được thể hiện ở mức độ tiếp thu nhanh chóng có chất lượng, cũng như việc hoàn thiện, củng cố và vận dụng các kỹ xảo về kỹ thuật thể thao. Tuy nhiên, giữa năng lực phối hợp vận động và kỹ xảo về kỹ thuật thể thao có điểm khác nhau cơ bản. Trong khi kỹ xảo về kỹ thuật thể thao chỉ nhằm giải quyết một nhiệm vụ vận động cụ thể, thì năng lực phối hợp vận động là tiền đề cho rất nhiều hành động vận động khác nhau.

Phát triển tốt các năng lực phối hợp vận động sẽ giúp cho con người có thể thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, hợp lý và đẹp các hoạt động vận động trong đời sống hàng ngày, trong lao động sản xuất, trong lĩnh vực quốc phòng và đặc biệt có ý nghĩa to lớn trong hoạt động thể thao nâng cao. Phương

pháp chính để phát triển năng lực phối hợp vận động là tập luyện, còn phương tiện chính là các bài tập thể lực [57, tr.358 - 367].

- **Phát triển thể chất:** Tác giả Nguyễn Quang Quyền (1994) thì cho rằng “*phát triển thể chất là một quá trình diễn ra liên tục trong suốt cuộc đời của một cá thể. Những biến đổi về mặt hình thái, chức năng tâm sinh lý và các tổ chức vận động là những yếu tố cơ bản để đánh giá sự phát triển thể chất của cá thể đó. Phát triển thể chất là một quá trình chịu sự tác động tổng hợp của các yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội. Trong đó, các yếu tố xã hội đóng vai trò ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến sự phát triển thể chất của cơ thể con người*” [49, tr. 55].

Theo Nguyễn Khắc Viện (2002), khái niệm phát triển thể chất “*là một quá trình hình thành và thay đổi hình thái và chức năng sinh vật học cơ thể con người; quá trình đó xảy ra dưới sự ảnh hưởng của điều kiện sống, mà đặc biệt là giáo dục. Sự phát triển thể chất phụ thuộc vào những quy luật khách quan của tự nhiên: quy luật thống nhất giữa cơ thể và môi trường sống, quy luật tác dụng qua lại giữa sự thay đổi chức năng và cấu trúc của cơ thể, quy luật thay đổi dần dần về số lượng và chất lượng trong cơ thể...*” [69, tr73]

Theo Matvêev. L.P phát triển thể chất của con người còn phụ thuộc vào các điều kiện sống và hoạt động của con người (điều kiện phân phối và sử dụng sản phẩm vật chất, giáo dục, lao động, sinh hoạt..) và do đó sự “*phát triển thể chất của con người là do xã hội tác động và tác động ở mức độ quyết định*” [44, tr. 91]

1.2.3. Khái niệm câu lạc bộ (CLB) và câu lạc bộ TDTT ngoại khóa (CLB TDTT NK)

Khái niệm câu lạc bộ (CLB)

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: *CLB là một khái niệm định nghĩa một nhóm các cá nhân tự nguyện tham gia vào một thỏa thuận hợp pháp vì lợi ích và mục tiêu chung, dựa trên những người có cùng sở thích thuộc các lĩnh vực khác nhau trong xã hội. CLB thường đề xuất sự riêng tư rằng việc gia nhập thành viên chỉ thông qua bầu cử và lời mời; định nghĩa cũng thường ngụ ý đây là khu vực dành cho tụ họp và giải trí của các thành viên. Do đó, cá nhân chỉ có thể hành động thông qua người điều hành của họ, hoặc các thành viên được ủy quyền trong quản lý của nhóm. Một CLB chỉ tồn tại dựa trên nguồn quỹ và các thành viên, song song đó nó cũng mang tính chất tạm thời hoặc vĩnh viễn* [96].

CLB được sử dụng để chỉ ra một tổ chức chính thức hoặc một nhóm người có chung sở thích hoặc đặc điểm. CLB bắt nguồn từ tiếng Anh và thường được sử dụng để chỉ tất cả các loại hiệp hội chính thức hoặc không chính thức hoặc các tổ chức vì lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận.

Theo từ điển thuật ngữ nước ngoài định nghĩa CLB: “*CLB là tổ chức xã hội liên kết nhóm người với mục đích giao lưu, trao đổi với nhau những vấn đề chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, nghề nghiệp, tâm tư, tình cảm, ham muốn, hành vi, cuộc sống của con người*” [63]. Trong các khái niệm đều thể hiện CLB là tổ chức xã hội nhằm truyền bá, giáo dục, đào tạo, xây dựng con người phát triển về các mặt chính trị, tư tưởng, văn hóa nghệ thuật, TDTT, nghề nghiệp và lối sống. Đây là tổ chức giáo dục mang tính chất xã hội.

Câu lạc bộ TDTT

Pháp lệnh TDTT do Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa IX đã xác định “*CLB TDTT là đơn vị cơ sở tập luyện trong hệ thống cơ sở tập luyện của nền TDTT Việt Nam*” [2]. Đây cũng là một đơn vị cơ sở tập luyện TDTT dựa trên sự tự nguyện của người tham gia tập luyện và được tổ chức phục vụ nhu cầu của người tham gia tập luyện. Luật TDTT được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 có xác định CLB TDTT là loại hình cơ sở thể thao [46].

Tác giả Dương Nghiệp Chí, Vũ Thái Hồng (2009) [15], thông qua sách chuyên khảo “*Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý TDTT*” có đề cập về CLB TDTT: “*Hình thức tổ chức hoạt động TDTT của những người cùng hứng thú đạt đến mục tiêu của TDTT được thành lập theo trình tự quy định, có cơ sở vật chất hoặc sân bãi tương đối ổn định, được tổ chức hướng dẫn theo kế hoạch*”. Khái niệm này đề cập tới cả các loại hình CLB TDTT hoạt động theo hình thức công lập và ngoài công lập, có phí và không có phí.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành thông tư số 18/2011-BVHTTDL, quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của CLB thể thao cơ sở, “*Câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở là tổ chức tự nguyện, được thành lập tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch*” [11].

Hoạt động TDTT ngoại khóa, CLB TDTT ngoại khóa

TDTT ngoại khóa là hoạt động thể thao tự nguyện là chính, diễn ra theo hình thức có người hướng dẫn hoặc tự tập luyện, thường được tiến hành ngoài

giờ học nội khóa, “*phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe của HS, SV*” [8].

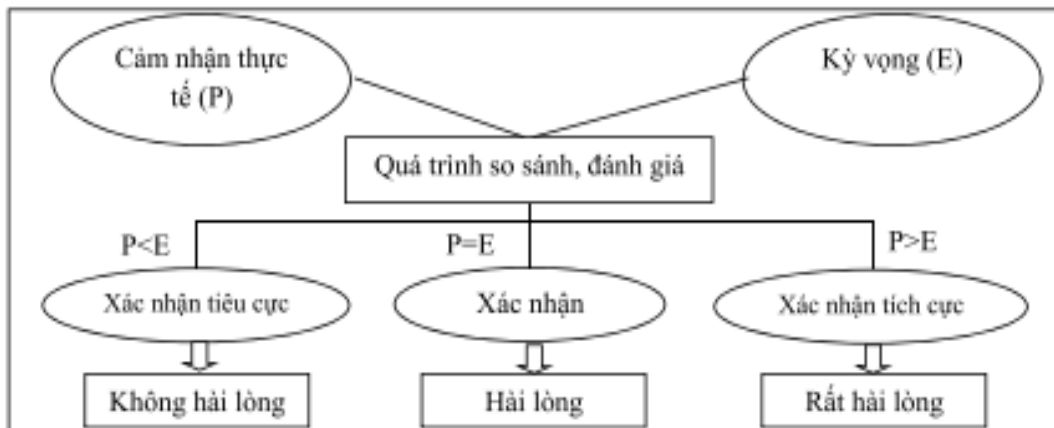
Hoạt động TDTT ngoại khóa đa dạng về hình thức, phương pháp linh hoạt, nội dung phong phú. Hoạt động TDTT ngoại khóa có thể được tiến hành trong trường hoặc ngoài trường [8]. Hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên các trường đại học, cao đẳng rất đa dạng, phong phú: tự tập luyện, thể dục sáng, tập luyện đội tuyển, tập luyện giữa giờ, tập câu lạc bộ trong và ngoài trường....

Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa: Đây là hình thức tập luyện TDTT mang tính xã hội, tự nguyện, nhằm thu hút người ham thích TDTT để tập luyện đạt đến mục tiêu của TDTT được thành lập theo trình tự quy định, có cơ sở vật chất hoặc sân bãi tương đối ổn định, được tổ chức hướng dẫn theo kế hoạch trong Nhà trường. Bản chất của CLB TDTT ngoại khóa trong nhà trường xét một cách toàn diện được thành lập xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng của những sinh viên để phát huy và hưởng thụ những lợi ích của TDTT, từ đó mục đích được thỏa mãn là nâng cao sức khỏe, giải trí... Hoạt động CLB TDTT ngoại khóa phải đảm bảo theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác và tích cực.

1.2.4. Sự hài lòng, mức độ hài lòng

Theo Oliver, sự hài lòng là phản ứng của người tiêu dùng đối với việc được đáp ứng những mong muốn. Định nghĩa này hàm ý rằng sự thỏa mãn chính là sự hài lòng của người tiêu dùng trong việc tiêu dùng sản phẩm hoặc dịch vụ đó đáp ứng những mong muốn của họ. Mô hình “*Kỳ vọng - Cảm nhận*” của Oliver đưa ra nhằm nghiên cứu đánh giá về sự hài lòng của khách hàng, trong đó đề cập đến 2 quá trình nhỏ tác động độc lập đến sự hài lòng của khách hàng. Theo mô hình này, trước khi sử dụng dịch vụ, khách hàng đã hình thành trong suy nghĩ của mình các kỳ vọng về các yếu tố cấu thành nên chất lượng dịch vụ mà nhà cung cấp có thể mang lại cho họ. Sau đó, việc mua và sử dụng dịch vụ sẽ làm hình thành nên cảm nhận thực tế của khách hàng về hiệu năng thực sự của dịch vụ mà họ sử dụng. Bằng sự so sánh giữa những gì họ kỳ vọng trước khi sử dụng dịch vụ với những gì mà họ thực tế nhận được sau khi sử dụng, khách hàng sẽ có sự xác nhận so với kỳ vọng. Có 3 khả năng sẽ xảy ra với mô hình này: (1) *Nếu cảm nhận thực tế hoàn toàn trùng với kỳ vọng thì kỳ vọng sẽ được xác nhận và khách hàng sẽ cảm thấy hài lòng;* (2) *Nếu cảm nhận thực tế lớn hơn kỳ vọng thì sự xác nhận sẽ mang tính tích cực, tức là khách hàng sẽ rất hài lòng;* (3) *Ngược lại,*

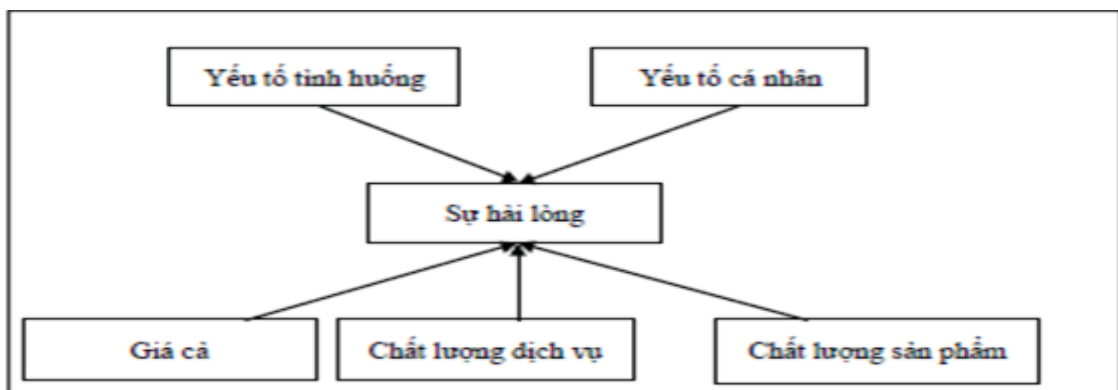
nếu cảm nhận thực tế nhỏ hơn kỳ vọng thì sự xác nhận sẽ mang tính tiêu cực, tức là khách hàng sẽ không hài lòng (thất vọng) [87].



(nguồn: Lovelock, L., 2001)

Sơ đồ 1.1. Mô hình kỳ vọng - cảm nhận

Tác giả Zeithaml và Bitner (2000) cho rằng, “sự hài lòng của khách hàng là sự đánh giá của khách hàng thông qua một sản phẩm hoặc dịch vụ đáp ứng được mong muốn và yêu cầu của họ” [94]. Khái niệm này đã cụ thể hóa về “*sự hài lòng của khách hàng*” là sự đánh giá được đo lường dựa trên sản phẩm hoặc dịch vụ.



Nguồn: Zeithaml và Bitner (2000)

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ mối quan hệ các yếu tố tác động đến sự hài lòng

Sự hài lòng của sinh viên (SV), Wong (2001) cho rằng sự hài lòng của một cá nhân là một trạng thái cảm xúc [93]. Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Basheer A.Al-Alak và Ahmad Salih Mheidi Alnaser (2012) cho thấy yếu tố chất lượng dịch vụ có mối quan hệ theo chiều thuận thuận với sự hài lòng của sinh viên nên sự hài lòng của sinh viên có thể được tăng cường thông qua việc cải tiến chất lượng dịch vụ [74].

1.2.5. Thang năng lực vận động tâm lý (Kỹ năng)

Tác giả Dave (1970), Simpson (1972) [79] và Harrow (1972) cho rằng “miền vận động bao gồm khả năng của người học để hoàn thành các nhiệm vụ về thể chất và thực hiện các động tác và kỹ năng” [84]. Hệ thống phân cấp này bao gồm từ phản xạ và chuyển động cơ bản đến giao tiếp không phân tán và hoạt động biểu cảm có ý nghĩa. Thang vận động tâm lý (kỹ năng của cơ thể liên quan tới sự phối hợp của não bộ và hoạt động của hệ cơ) gồm có 5 cấp độ.



Sơ đồ 1.3. Thang năng lực vận động tâm lý (Kỹ năng)

- **Bắt chước:** Giai đoạn đầu tiên trong việc học một kỹ năng phức hợp. Cá nhân quan sát hành vi của người khác và bắt chước hành vi này.
- **Thao tác theo chỉ dẫn:** Cá nhân có năng lực thực hiện một số hành động thông qua các chỉ dẫn và huấn luyện.
- **Thuần thục:** Cá nhân có năng lực thực hiện một nhiệm vụ với độ chính xác khá cao mà không cần thông qua các chỉ dẫn.
- **Phối hợp:** Cá nhân có năng lực phối hợp một loạt các hành động đòi hỏi cần sử dụng nhiều kỹ năng.
- **Tự động hóa:** Cá nhân cho thấy mức độ thực hiện đã trở thành bản năng (không cần phải suy nghĩ). Các kỹ năng khác nhau được kết hợp theo trình tự thực hiện dễ dàng

Kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Phú và cs (2018) cho rằng kỹ năng dạy bài tập được xác định là một nhiệm vụ đặc thù của người giáo viên vật lý, được phân tích theo lí thuyết hoạt động thành các kỹ năng thành tố dùng làm cơ sở cho việc thiết kế thang đo đánh giá kết quả rèn luyện một kỹ năng chuyên biệt thuộc năng lực dạy học... với thang đo 5 mức cho các kỹ năng thành tố của kĩ năng dạy bài tập (sơ đồ 1); với đối tượng là sinh viên cuối khóa (đang học việc), chúng tôi xây dựng thang đo kỹ năng.

Trên cơ sở lý thuyết thang đo kỹ năng, luận án nghiên cứu, xây dựng nội

dung giảng dạy các môn thể ngoại khóa phù hợp, đáp ứng mức độ kỹ năng vận động thể thao đạt được khi tham gia CLB TDTT NK.

1.3. Tổng quan về tổ chức hoạt động, câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trong trường học

1.3.1. Các cơ sở lý luận của hoạt động TDTT ngoại khóa HS, SV trong Nhà trường

TDTT ngoại khóa là hoạt động tự nguyện là chính, diễn ra theo hình thức tổ chức có người hướng dẫn hoặc tự tập, thường được tiến hành ngoài giờ học nội khóa, phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe của HS, SV. Hoạt động TDTT ngoại khóa là hoạt động tự nguyện, diễn ra theo hình thức tổ chức có người hướng dẫn hoặc tự tập, thường được tiến hành ngoài giờ học nội khóa, phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe của HS, SV. Hoạt động TDTT ngoại khóa còn là môi trường thuận lợi, đầy tiềm năng để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài thể thao cho quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu như hiện nay, TDTT ngoại khóa càng có ý nghĩa tích cực về mặt cộng đồng, hướng thể hệ trẻ vào các sinh hoạt thể thao lành mạnh, tránh xa tệ nạn xã hội. Do đó, nghiên cứu hoạt động TDTT ngoại khóa trong các trường học ở nước ta làm cơ sở phát triển chung cho phong trào TDTT SV cả nước là rất cần thiết [40], [58].

Nguyên tắc tổ chức thể dục thể thao ngoại khóa ở các trường

Hoạt động TDTT ngoại khóa có vị trí quan trọng trong giáo dục và TDTT trường học. Các hoạt động TDTT ngoại khóa kết hợp cùng với các hoạt động dạy học cấu thành một cấu trúc giáo dục trường học hoàn chỉnh, góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục. Trong quá trình tổ chức tập luyện thể thao còn có thể giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ: tăng cường sức khỏe, phát triển toàn diện và hài hòa; giáo dục tố chất thể lực và hình thành các kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết trong sinh hoạt và lao động; trang bị những tri thức cần thiết để thực hành TDTT trong lao động và đời sống hàng ngày. Để thực hiện tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cần lưu ý một số nguyên tắc cơ bản sau đây:

-*Nguyên tắc 1*: Phù hợp xu hướng phát triển chung, đạt hiệu quả thực tiễn.

-*Nguyên tắc 2*: Đáp ứng nhu cầu, sở thích của đối tượng.

-*Nguyên tắc 3*: Tự nguyện, tự giác.

-*Nguyên tắc 4*: Có chương trình, kế hoạch cụ thể và có thể lồng ghép tập luyện và thi đấu phong trào.

-*Nguyên tắc 5*: Xã hội hóa các hoạt động thể thao ngoại khóa đảm bảo tính phổ thông đại chúng

Đặc điểm hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa trường học [40], [57]

Theo các chuyên gia khi tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cần lưu ý đến các mặt:

- + Tính chất hoạt động mềm hóa giữa bắt buộc và tự nguyện;
- + Nội dung phong phú, linh hoạt không bị hạn chế;
- + Không gian địa điểm tiến hành rộng lớn (trong trường hoặc ngoài trường);
- + Hình thức đa dạng có thể tiến hành theo cá nhân, nhóm, khóa, trường;
- + Thời gian hoạt động có thể tiến hành bất kỳ lúc nào trong ngày tùy theo điều kiện thời gian của người tập;
- + Cán bộ GV đóng vai trò hướng dẫn, tư vấn, định hướng; còn SV phát huy vai trò chủ thể, tích cực chủ động phát huy lòng đam mê, hứng thú TDTT năng khiếu, năng lực sáng tạo của mình;

Sinh viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa chủ yếu biết chơi một môn thể thao nào đó chủ yếu để rèn luyện sức khỏe, vóc dáng đẹp. Số ít các em SV có năng khiếu đặc biệt đối với một môn thể thao, có khả năng phát triển, đạt thành tích tốt nếu có môi trường tập luyện hoặc thụ hưởng phương pháp huấn luyện phù hợp, đây là những nhân tố chủ yếu để hình thành nên các đội tuyển, đội tiêu biểu thể thao của trường. Đối tượng này cần có chế độ tập luyện chuyên biệt để nâng cao trình độ thi đấu thể thao, sẵn sàng tham gia thi đấu các giải ngoài trường.

Kết quả nghiên cứu được công bố bởi các nhà khoa học ở các nước cũng khẳng định lợi ích của việc tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa, câu lạc bộ thể thao ngoại khóa sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Tác giả Chris Brown và cộng sự (2018) trong nghiên cứu "*Tham gia câu lạc bộ thể thao sinh viên*", cho rằng các hoạt động ngoại khóa thể thao như câu lạc bộ và các tổ chức sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút sinh viên đăng ký vào trường học ở Hoa Kỳ. Các câu lạc bộ sinh viên quản lý thể thao có thể mang đến cho sinh viên nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động thể thao cụ thể nhằm nâng cao sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp của người học [76].

Hiệp hội Thể thao Giải trí - Nội bộ Quốc gia Hoa Kỳ (NIRSA) xác định: Câu lạc bộ thể thao là một nhóm sinh viên tự nguyện tổ chức để nâng cao lợi ích chung trong một hoạt động thông qua sự tham gia và cạnh tranh. . . .Chìa khóa

thành công cho các chương trình câu lạc bộ thể thao và mỗi câu lạc bộ là sự quan tâm, tham gia và tham gia của lãnh đạo học sinh. Các câu lạc bộ nên là một học tập kinh nghiệm cho các thành viên thông qua sự tham gia của họ. . . . Tham gia vào một nhóm và nhóm giúp nâng cao giáo dục tổng thể của sinh viên khi sống ở một trường cao đẳng/đại học [91].

1.3.2. Cơ sở pháp lý tổ chức hoạt động TDTT NK trong Nhà trường

Cùng với các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chủ trương, đường lối về công tác giáo dục, thể thao nói chung và GDTC học đường nói riêng, bằng rất nhiều các văn bản pháp quy, cụ thể như sau:

- Nghị định 112/2007/NĐ – CP ngày 31 tháng 1 năm 2015, Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật TDTT” [16], Điều 7 qui định trách nhiệm đối với giáo dục thể chất, thể thao trong nhà trường và các cơ sở giáo dục: “... Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm tạo điều kiện hoạt động cho các câu lạc bộ thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên và các Trung tâm thể dục, thể thao trực thuộc.; Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác bảo đảm việc thực hiện đầu tư xây dựng và sử dụng đúng mục đích cơ sở vật chất dành cho môn học giáo dục thể chất và hoạt động thể thao theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Thể dục, thể thao và pháp luật liên quan..”

- Nghị định số: 11/2015/NĐ – CP ngày 31 tháng 1 năm 2015, Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động TDTT trong Nhà trường [20], quy định: “... Cơ quan quản lý giáo dục các cấp và các nhà trường có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các câu lạc bộ thể thao, các hội thể thao học sinh, sinh viên hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường...” và “Các nhà trường bảo đảm việc đầu tư xây dựng và sử dụng đúng mục đích cơ sở vật chất dành cho giáo dục thể chất và hoạt động thể thao theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Thể dục, thể thao, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành...”

- Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL, ngày 02 tháng 12 năm 2011, quy định: “Câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở hoạt động theo hình thức tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; Tài chính của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở thu từ đóng góp của hội viên, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân; Chi cho các hoạt động của câu lạc bộ được các hội viên thống nhất và công khai;

Hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở dựa trên chương trình, kế hoạch đã được xây dựng”

Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 ban hành quyết định về việc đánh giá, xếp loại thể lực [7];

Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015, Qui định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, giai đoạn đào tạo tín chỉ [10],

Luật TDTT (2006) quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường: *“Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khoá phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao”* [46].

Thực tiễn, với số giờ thể dục chính khoá còn hạn chế, GDTC chỉ có đạt được hiệu quả như mong muốn bằng việc tổ chức thêm các hoạt động ngoại khoá giáo dục thể chất cho sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng. Bộ Giáo dục – Đào tạo đã ra Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về việc ban hành Qui định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khoá cho học sinh, sinh viên. Quy định nêu rõ: *“Quy định việc tổ chức hoạt động thể thao ngoại khoá cho học sinh, sinh viên hệ chính qui trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp...”*, *“Hoạt động thể thao ngoại khoá phải được quan tâm, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ, xây dựng kế hoạch phù hợp và đảm bảo về tài chính, cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ, đáp ứng nhu cầu của HS, SV”* [8], cụ thể như sau:

Mục đích, yêu cầu tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khoá trong nhà trường [8]:

- Tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khoá trong nhà trường nhằm động viên, khuyến khích học sinh, sinh viên tự giác tham gia tập luyện thể thao; hình thành thói quen rèn luyện thân thể thường xuyên cho HS, SV.

- Hoạt động thể thao ngoại khoá phải được quan tâm, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ, xây dựng kế hoạch phù hợp và đảm bảo về tài chính, cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ, đáp ứng nhu cầu của HS, SV.

-Xã hội hóa đối với các hoạt động TDTT ngoại khoá của HS, SV.

Nội dung hoạt động thể thao ngoại khoá trong nhà trường [8]:

- Tổ chức cho học sinh, sinh viên tập luyện các bài thể dục, thể dục nhịp điệu, khiêu vũ thể thao trong giờ nghỉ giải lao ở giữa các tiết học (đối với học sinh phổ thông); thời gian ít nhất là 10 phút, thực hiện 01 lần trong 01 ngày.

- Khuyến khích động viên học sinh, sinh viên hàng ngày tự tập luyện ngoài giờ (ngoại khoá) các môn thể thao theo sở thích của từng cá nhân (điền kinh, thể dục, các môn bóng, cầu lông, đá cầu, cờ, võ, vật, bơi lội,...). Nội dung kiểm tra đánh giá thể lực, các môn thể thao có trong chương trình thi đấu của Hội khoẻ Phù Đổng, Đại hội thể thao sinh viên và các chương trình hoạt động giáo dục thể chất của ngành giáo dục.

- Tổ chức cho học sinh, sinh viên tập luyện các môn thể thao dân tộc, trò chơi vận động theo điều kiện của từng địa phương.

- Thành lập, duy trì tập luyện thường xuyên đội tuyển năng khiếu thể thao của từng môn để làm nòng cốt cho hoạt động thể thao của nhà trường và cử đội, vận động viên tham gia thi đấu ở cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc.

- Tổ chức các giải thi đấu thể thao thường xuyên trong nhà trường và tham gia các hoạt động thi đấu thể thao cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc.

Hình thức tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khoá trong trường [8]:

Hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa là các phương thức rèn luyện ngoài giờ của cá nhân, nhóm hay tập thể nhằm mục đích duy trì và phát triển sức khỏe tâm thể. Hình thức hoạt động thể thao ngoại khóa trong nhà trường rất đa dạng, phương pháp linh hoạt, có thể tiến hành nhiều cấp độ, qui mô toàn trường, toàn khóa, lớp hoặc theo đội, nhóm và cá nhân nhằm thỏa mãn yêu cầu khác nhau của SV.

- Tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa theo kế hoạch của nhà trường và được phân cấp tổ chức tập luyện với các hình thức tập theo tập thể (tổ, đội, nhóm, lớp, khối) và tập có hướng dẫn.

- Thành lập các câu lạc bộ thể thao, trung tâm thể thao của nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của học sinh, sinh viên tham gia tập luyện và thi đấu.

- Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao giao lưu và trao đổi, phổ biến những kiến thức về tập luyện thể thao, giữ gìn sức khỏe để tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

- Tổ chức các giải thể thao hoặc Hội thi thể thao ít nhất một năm một lần; Đại hội thể dục thể thao (cho sinh viên, học sinh chuyên nghiệp) hoặc Hội khoẻ Phù Đổng (cho học sinh) hàng năm tại các nhà trường.

Trong công tác GDTC phải đảm bảo thực hiện tốt công tác huấn luyện, thi đấu thể thao trong SV, tổ chức các CLB TDTT, các lớp tự tập luyện, các đội tuyển các môn thể thao, công tác tập luyện, huấn luyện thi đấu cùng đóng góp và các hoạt động văn hoá tinh thần của SV [7], [8].

Căn cứ nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [17], quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của CLB TDTT cơ sở và Thông tư số 18/TT- BVHTTDL [12]:

+ CLB thể thao sinh viên được hiểu như là nơi tập hợp những sinh viên có cùng sở thích, cùng nhu cầu và đam mê về TDTT.

+ CLB thể thao sinh viên vừa là một loại hình tổ chức, vừa là một phương thức hoạt động của Hội Sinh viên, nhằm giải quyết những vấn đề rèn luyện thân thể, phát triển những kĩ năng vận động, sức khoẻ, giải trí, thư giãn, thi đấu, giao lưu học hỏi, đáp ứng những nhu cầu chính đáng của sinh viên.

+ CLB thể thao phải có địa điểm tập luyện, có qui chế, điều lệ riêng dành cho sinh viên.

+ Cơ cấu tổ chức của CLB thể thao gồm: Ban chủ nhiệm, ban chức năng (tuyên truyền cổ động, nội dung, hậu cần, quan hệ đối ngoại), thành viên CLB.

+ CLB thể thao hoạt động phải có nguồn kinh phí riêng từ sự hỗ trợ của đơn vị, thành viên, nhà tài trợ, mạnh thường quân, tổ chức xã hội v.v.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Bộ môn GDTC được Ban Giám hiệu Trường ĐHCT quy định: “ là đơn vị đào tạo, thực hiện giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong trào TDTT phục vụ cho việc phát triển giáo dục đào tạo và thể chất cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”[99]. Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức, quản lý CLB TDTT NK là một trong những chức năng, nhiệm vụ của đơn vị khoa GDTC, Trường ĐHCT.

1.3.3. Nghiên cứu tổ chức hoạt động CLB TDTT sinh viên trường đại học trong và ngoài nước

Thông qua các nghiên cứu cho thấy phần lớn CLB TDTT ngoại khóa sinh

viên ở các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước được quản lý Trung tâm TDTT-GDTC và các tổ chức Đoàn thể, được xây dựng hợp pháp hóa bằng quy chế tổ chức hoạt động chung và phù hợp với điều kiện từng địa phương, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho sinh viên. Thành lập, quản lý, phát triển câu lạc bộ các môn thể thao tùy thuộc điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu, sở thích tập luyện, sức khỏe của học sinh, sinh viên được Ban lãnh đạo các trường quan tâm, đầu tư, hỗ trợ.

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã xây dựng 2 loại hình CLB TDTT ĐHQGHN và CLB thể thao - giải trí ở các trường Đại học thành viên. Câu lạc bộ TDTT ĐHQGHN do Trung tâm GDTC và TT quản lý đã được sự hợp pháp hóa bằng quy chế tổ chức hoạt động huấn luyện VDV của ĐHQGHN. CLB thể thao – giải trí do Đoàn TN và Hội SV các trường Đại học thành viên thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu, vui chơi, giải trí của đông đảo SV ở ngay cơ sở. CLB TDTT ĐHQGHN được Trung tâm GDTC và TT đầu tư và đáp ứng về tài chính cho hoạt động, về sân bãi nhà tập và dụng cụ thể thao, cán bộ huấn luyện có trình độ cao để huấn luyện. Ngoài ra còn một số CLB theo môn cần đến có những chuyên gia ở bên ngoài về hướng dẫn như: Aerobic, khiêu vũ thể thao, nhảy cổ động, bóng ném... CLB TDTT ĐHQGHN do Trung tâm GDTC và TT quản lý đã thu được kết quả: nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện về thể chất, tinh thần; có sự gia tăng số lượng CLB với sự hài lòng của đông đảo SV tham gia tập luyện và thành tích thi đấu ở nhiều môn thể thao nâng cao trình độ thể thao SV [39].

Đại học Huế đã xây dựng mô hình liên kết TDTT, qua hình thức câu lạc bộ thể thao liên kết như: CLB TDTT Võ Cổ truyền Khoa GDTC ĐH Huế - Võ Kinh Vạn An, CLB Karatedo Khoa GDTC - Nghĩa Dũng... Các CLB TDTT ngoại khóa liên kết được đảm bảo về các điều kiện tập luyện như cơ sở vật chất, các bài tập được nghiên cứu và sắp xếp hợp lý tạo cho người tập (SV) cảm nhận sự tiến bộ trong quá trình tập luyện. Mô hình CLB TDTT liên kết mang kết quả phát triển vượt trội cho người tập (SV) về hình thái, thể lực, chức năng và các yếu tố về tâm lý xã hội [31].

CLB thể thao trường ĐH Tôn Đức Thắng [101], ra đời nhằm tạo các sân chơi lành mạnh bổ ích, hướng sinh viên vào các hoạt động thiết thực để tăng cường thể lực nâng cao sức khỏe, xa rời các hoạt động không lành mạnh, phát huy hiệu quả cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện thể dục thể thao (TDTT) do nhà

trường xây dựng và trang bị. Bên cạnh việc thúc đẩy phong trào tập luyện vui chơi thể thao CLB thể thao là còn là nơi để tuyển chọn và đào tạo những sinh viên có đam mê và khả năng vào đội tuyển. Trường đại học Tôn Đức Thắng qui định việc tham gia câu lạc bộ TDTT đối với sinh viên: là tiêu chí để xét sinh viên tái ký hợp đồng nội trú, sinh viên được ghi nhận có tham gia tập luyện TDTT phải tham gia liên tục và tối thiểu 50% số buổi tập luyện trong năm học để đạt được tiêu chí xét ở nội trú (số buổi tập luyện tối đa theo yêu cầu: 12 buổi/tháng). Sinh viên có thể lựa chọn tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa tại:

+CLB TDTT có thu phí: các câu lạc bộ TDTT hoạt động sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường, có thu phí do khoa Khoa học thể thao và Nhà thi đấu tổ chức, quản lý.

+CLB TDTT tự do không thu phí: các câu lạc bộ TDTT ngoài trời, hoạt động tại khuôn viên quanh Ký túc xá, do Ký túc xá quản lý.

Phát triển các CLB TDTT trong sinh viên mang hiệu quả phát triển toàn diện người học, nâng cao chất lượng đào tạo chung, xây dựng thương hiệu riêng của Nhà trường. Tác giả Leon Lifschutz (2012) cho rằng câu lạc bộ thể thao có thể là thành phần quan trọng của trường đại học. Sự hiện diện của các câu lạc bộ thể thao có thể có tác động trực tiếp đến trải nghiệm của sinh viên, kết quả học tập và công thông tin của cựu sinh viên [86]. Nghiên cứu của Leon Lifschutz cho thấy rằng, tổ chức CLB TDTT trong trường đại học Hoa Kỳ cần xem xét các yếu tố:

+ Đầu tiên và quan trọng nhất, điều cần thiết là xác định mục tiêu và sứ mệnh của câu lạc bộ thể thao sinh viên. Mỗi trường, do nền văn hóa và nguồn lực đặc thù, sẽ có các mối quan tâm khác nhau nhưng điều cần thiết là phải có một định nghĩa và sứ mệnh.

+ CLB thể thao - và sự tham gia của sinh viên nói chung - cần được xem xét trong chiến lược duy trì trường. Khi nghiên cứu cho thấy nhiều lần, câu lạc bộ thể thao có thể là một con đường để đạt được những nhu cầu cơ bản của sinh viên như sức khỏe, lòng tự trọng, mối quan hệ xã hội, ...

+ Cần phải có người hướng dẫn có chuyên môn đối với từng môn thể thao của CLB thể thao sinh viên.

+ Thường xuyên tổ chức, đào tạo các hướng dẫn viên của CLB thể thao sinh viên. Đây là lực lượng nòng cốt, quan trọng của CLB.

Tất cả các CLB thể thao của Đại học Houston (Hoa Kỳ) [100] đều được phát triển, tạo ra và duy trì bởi những sinh viên. Việc bắt đầu một CLB thể thao mới theo các bước được liệt kê dưới đây sau khi tổ chức được đăng ký chính thức với Trung tâm Tham gia của Sinh viên (CSI):

+ Liên hệ với ban quản trị CLB thể thao để sắp xếp một cuộc họp để thảo luận về quy trình và kế hoạch tham gia chương trình CLB thể thao.

+ Lấy chữ ký của các sinh viên UH hiện đang theo học, những người có hứng thú với việc thành lập CLB.

+ Nộp các mục sau cho Ban quản trị CLB Thể thao: Nội dung hoạt động của CLB Thể thao; Quy chế CLB; Danh sách cán bộ và thành viên CLB; Lịch hoạt động dự kiến và nguồn tài chính CLB thể thao.

+ Họp, phê duyệt cuối cùng.

Kết quả phân tích cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, có tham khảo các hình thức tổ chức hoạt động TDTT NK SV của các tác giả trong và ngoài nước, tiến hành xây dựng CLB TDTT NK SV phù hợp với điều kiện đặc thù, các điều kiện đảm bảo của Trường ĐHCT.

1.4. Đặc điểm phát triển tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên

1.4.1. Đặc điểm tâm lý cơ bản lứa tuổi sinh viên

Theo Phạm Ngọc Viễn “ *Tâm lý có khả năng huy động, kích phát các năng lực tiềm tàng về thể chất và tinh thần của con người* ”. Tâm lý không chỉ điều khiển hành động giúp con người thích nghi và tồn tại trong những điều kiện hoạt động bình thường mà tâm lý còn có khả năng huy động, kích phát các khả năng thể chất và tinh thần tiềm tàng để con người có những giây phút “*thăng hoa*”, “*xuất thần*”. Trong xúc cảm, hưng phấn mạnh mẽ con người có thể thực hiện được những sáng tạo kỳ diệu trong nghệ thuật, trong khoa học; có thể thực hiện được hành động thể chất phi thường” [68].

Đặc trưng chung đối với thanh niên là phát triển mạnh mẽ sự tự ý thức, xu hướng tự giáo dục, rèn luyện những phẩm chất nhân cách quý giá (những phẩm chất ý chí, đạo đức, thể chất). Và chính thể thao là phương tiện có hiệu quả để phát triển những khả năng đó [68].

Những đặc điểm tâm lý của sinh viên bị chi phối bởi những đặc điểm thể chất, môi trường và vai trò xã hội cụ thể mà trong đó họ sống và hoạt động. Đây là một nhóm xã hội đặc biệt đang chuẩn bị trực tiếp cho việc tham gia vào cuộc sống tinh thần của xã hội và họ có những nét tâm lý cơ bản:

- *Sự thích nghi của sinh viên với cuộc sống và hoạt động mới*: không như còn ở phổ thông lứa tuổi 17, 18, sinh viên phải thích nghi với hoạt động học tập, xã hội, các sinh hoạt trong đời sống tập thể, chủ yếu ở các mặt : nội dung học tập, phương pháp học tập mới, môi trường sinh hoạt rộng lớn, cách thức giao tiếp ứng xử...Mức độ thích nghi này có ảnh hưởng đến thành công trong học tập của sinh viên và sự thích nghi này đối với mỗi sinh viên không hoàn toàn như nhau, tùy thuộc vào đặc điểm tâm lý cá nhân và môi trường sống cụ thể của họ quy định.

- *Đời sống tình cảm, xúc cảm* : tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất của những loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ thể hiện những vui - buồn, sung sướng; yêu-ghét; khinh bỉ-tôn trọng; dễ chịu- khó chịu- xúc động.... Đặc điểm của nó là có tính hệ thống và bền vững so với thời kỳ trước đó. Hầu hết sinh viên biểu lộ sự chăm chỉ, say mê của mình, đối với chuyên ngành hoặc nghề nghiệp đã chọn. Sự giao tiếp trong nhóm bạn chiếm vị trí lớn hơn hẳn so với quan hệ với người lớn tuổi hơn hoặc ít tuổi, những mối quan hệ dựa dẫm, phụ thuộc vào cha mẹ dần dần cũng được thay thế bằng quan hệ bình đẳng, tự lập.

- *Các thuộc tính nhân cách* : nhân cách là bộ mặt tâm lý cá nhân, bao gồm các thuộc tính xu hướng (nhu cầu, hứng thú...), năng lực, tính cách và khí chất [68].

Khí chất: là một tổng hợp các đặc tính tâm lý cá nhân thể hiện tốc độ, cường độ, độ ổn định...của hoạt động tâm lý của con người. Khí chất có đặc tính ổn định và vững chắc. Các nhà tâm lý học chia khí chất làm bốn loại : sôi nổi, linh hoạt, điềm tĩnh, ưu tư. Ở môi trường hoạt động mới, sinh viên rất dễ phản ứng với những thành công hay thất bại, hoặc dễ bộc lộ ra bên ngoài, hoặc thường khép kín, ít bộc lộ... Trong thể thao, tùy loại khí chất mà sinh viên có thể lựa chọn cho mình một môn phù hợp. (Ví dụ : sinh viên có khí chất sôi nổi nên chọn cho mình môn thể thao đòi hỏi có cá tính mạnh như : bóng đá, võ...; hoặc sinh viên có khí chất linh hoạt dễ thích nghi với những thay đổi tình huống thay đổi nên chọn những môn thể thao : bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền...)

Tính cách là một tổng thể bao gồm những tính chất tâm lý tương đối ổn định và vững chắc của một cá nhân và là cái xác định đặc điểm quan hệ xã hội của cá nhân đó, biểu hiện ở thái độ và cách cư xử của cá nhân đối với con người và thế giới xung quanh. Những sinh viên có tính hướng ngoại thích vận động, dễ

hòa hợp, thích kết bạn và dễ giao tiếp. Còn những sinh viên có tính hướng nội thì rất nội tâm, thích làm việc một mình, thường giữ khoảng cách với mọi người.

Năng lực: theo P.A Rudich thì năng lực là tổ hợp những đặc tính tâm – sinh lý của con người chi phối quá trình tiếp thu kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cũng như hiệu quả thực hiện một hoạt động nào đó.

Năng lực thể thao là tổng hợp những thuộc tính tâm – sinh lý chi phối quá trình tiếp thu kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thực hiện một hoạt động thể thao nào đó. D.Harre [23, tr.13] chia năng lực thể thao thành các năng lực thành phần: năng lực kỹ thuật, năng lực chiến thuật, năng lực thể lực, năng lực tâm lý.

Năng lực tâm lý được tạo thành bởi năng lực nỗ lực ý chí, năng lực kiểm soát bản thân, năng lực chịu đựng căng thẳng về tinh thần, năng lực tập trung...

Năng lực thể lực tạo thành bởi nhiều năng lực cụ thể như: năng lực chịu đựng lượng vận động, năng lực sức nhanh, sức mạnh, sức bền...

Sinh viên có năng lực thể thao thường tiếp thu nhanh các tri thức vận động và kỹ thuật động tác mới, tiến bộ nhanh và nhanh chóng hình thành những hành động phù hợp trong điều kiện tình huống thay đổi bất ngờ.

Những phẩm chất nhân cách: tự đánh giá, lòng tự trọng, sự tự tin, sự tự ý thức ... được phát triển mạnh mẽ ở lứa tuổi sinh viên, sẽ có ý nghĩa rất lớn trong việc tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực, có thể tự điều chỉnh hành vi, lối sống của mình.

- *Sự hình thành thế giới quan* : Ở lứa tuổi sinh viên, những điều kiện về mặt trí tuệ, nhân cách và xã hội để xây dựng một hệ thống quan điểm riêng đã được hình thành và đang chín muồi (đặc biệt là sự phát triển của tư duy lý luận, tư duy trừu tượng) .

Sự hình thành thế giới quan được thể hiện ở tính tích cực nhận thức, các em cố gắng xây dựng quan điểm riêng trong lĩnh vực khoa học đối với các vấn đề xã hội, tư tưởng, chính trị, đạo đức..., quan tâm nhiều đến các vấn đề về con người, quan hệ giữa con người và xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa nghĩa vụ và tình cảm.

1.4.2. Đặc điểm sinh lý lứa tuổi sinh viên [28], [33]

Ở lứa tuổi trưởng thành nói chung cơ thể gần như phát triển hoàn thiện, nhất là chiều cao. Bộ máy vận động phát triển ở mức độ cao, cho phép tiếp tục hoàn thiện cơ thể bằng vận động, lao động chân tay, đặc biệt là hoạt động TĐTT.

Tuổi sinh viên nữ là lứa tuổi trưởng thành, là lứa tuổi phát triển cơ thể tốt nhất, hoàn thiện về các chức năng sinh lý như một người phụ nữ bình thường, với đầy đủ những đặc điểm về giới tính, ngoại hình lẫn nội tiết trong cơ thể, đặc biệt là chức năng làm mẹ.

Chiều cao và cân nặng không bằng nam giới do chiều dài của tay và chân ngắn hơn. Tỷ lệ chiều dài của thân với chiều cao cơ thể lớn hơn so với nam giới, do đó trọng tâm của cơ thể thấp hơn, điều này giúp cho cơ thể giữ thăng bằng nhưng tốc độ chạy và độ bật nhảy kém hơn nam giới.

Đại vai hẹp do đó dung lượng phổi kém hơn nam giới theo tỉ lệ 1/1,33. Ngược lại đai hông rộng hơn. Các đốt sống ở lưng thì gần đồng thời các sụn chêm có độ đàn hồi tốt nên làm tăng tính linh hoạt của cơ thể. Các xương ở tứ chi có thành xương mảnh và mềm, bề mặt xương nhẵn do đó khả năng chịu đựng trọng tải kém và dễ bị chấn thương khi va chạm.

- *Hệ thần kinh* : Các biểu hiện cơ bản của hoạt động thần kinh cấp cao hoàn thiện. Hệ thống tín hiệu thứ hai phát triển mạnh mẽ và có ưu thế so với hệ thống tín hiệu thứ nhất. Khả năng tư duy, phân tích tổng hợp, khả năng giao tiếp và trừu tượng hóa ngày càng được hoàn thiện làm sự nhận thức được mở rộng. Độ linh hoạt các quá trình thần kinh hưng phấn và ức chế được cân bằng, các loại hình hoạt động thần kinh thể hiện rõ rệt, sự phối hợp động tác đạt tới kỹ xảo.

- *Hệ tuần hoàn*: đã phát triển hoàn thiện. Buồng tim đã phát triển tương đối hoàn chỉnh. Tim cân nặng trung bình ở người trưởng thành là 270g ở nam và 260g ở nữ. Thể tích to bằng chính nắm tay của họ. Thể tích tim của nữ cũng nhỏ hơn, do đó lượng máu tổng ra sau một lần co bóp cũng ít hơn và tần số co bóp của tim cũng nhanh hơn so với nam. Với cùng một lượng vận động thì mạch của nữ nhanh hơn, sự tăng huyết áp động mạch tối đa ít hơn và khả năng phục hồi chậm hơn so với nam giới.

Tần số co bóp của tim ở người trưởng thành đối với nam từ 70 – 80 lần/phút, nữ từ 75 – 85 lần/phút. Thể tích tâm thu tối đa ở tuổi trưởng thành là 120-140ml. Trong các hoạt động căng thẳng, thể tích phút (tính trên 1kg trọng lượng cơ thể) ở lứa tuổi sinh viên có thể đạt 24-28 lít/phút .

Ở người trưởng thành huyết áp tối đa là 110-130mmHg; huyết áp tối thiểu là 70-90mmHg.

Luyện tập thể dục thể thao cũng làm cho hình thái của tim thay đổi. Đây là sự thay đổi bình thường chứ không phải là bệnh lý. Tập luyện thể lực làm cho

thành tim dày lên, đặc biệt là thành tâm thất trái vì nó phải chịu một áp lực lớn của máu động mạch. Tập luyện sức bền sẽ làm buồng tim giãn rộng ra. Do vậy, tập luyện TDDT làm tim to lên, lực bóp của tim tăng, lưu lượng tim tăng bảo đảm cung cấp máu đầy đủ cho các cơ quan trong quá trình vận động.

- *Hệ xương*: Sự hóa xương bắt đầu từ bào thai và kết thúc ở tuổi trưởng thành. Ở nam chậm lại ở tuổi 20-23 và ở nữ chậm lại ở khoảng 18-20. Nếu tập luyện thể thao thường xuyên và dinh dưỡng đúng mức có thể làm nhanh sự hóa xương và phát triển chiều cao vượt mức, chiều cao cơ thể vẫn có thể tăng thêm ở tuổi trên 25 đối với nam và trên 23 đối với nữ.

- *Hệ cơ*: khối lượng cơ tăng dần theo lứa tuổi, ở người trưởng thành tăng 40%. Tổ chức cơ ở nữ chiếm 30-32% trọng lượng cơ thể, tổ chức mỡ của nữ cao hơn nam 10%. Ở nữ, mỡ thường tập trung ở các vùng quanh bụng, ngực và hông, còn ở nam thì mỡ thường tập trung ở vùng dưới bụng. Do vậy, khả năng hoạt động và duy trì cơ thể trong lượng vận động lớn ở nữ là kém hơn so với nam dẫn tới sự mệt mỏi nhanh hơn. Các cơ phát triển tương đối nhanh, các cơ co phát triển chậm hơn cơ duỗi, đặc biệt là các cơ duỗi ở nữ. Nếu tập luyện thể thao tích cực và có hệ thống sẽ làm tăng sức mạnh, sức bền và sức nhanh của cơ, số lượng tơ cơ tăng, nghĩa là tăng các chất myozin, actin và hàm lượng các chất dự trữ năng lượng cũng tăng cao hơn so với người bình thường. Do đó mỗi sợi cơ trở nên dày hơn, cơ nở hơn. Hoạt động thể thao cũng làm co cơ đàn hồi hơn, các cơ phối hợp tốt hơn, tính linh hoạt của cơ tăng, đồng thời xung động thần kinh tăng, cơ hưng phấn hơn, dẫn đến sự chuyển hưng phấn từ nhóm cơ này sang nhóm cơ khác một cách nhanh chóng, hồi phục nhanh khi ngừng hoạt động.

Tỉ lệ các cơ ở nữ chiếm 30%, trọng lượng cơ thể nên sức mạnh kém hơn nam giới có tỉ lệ cơ là 40%.

+ *Hệ hô hấp*: Tần số hô hấp của người trưởng thành từ 16 – 20 lần/phút. Dung tích sống của nam khoảng 3500ml, của nữ khoảng 2800ml. Thông khí phổi người bình thường khoảng 8-9 lít/phút. Khả năng hấp thụ oxy trong yên tĩnh của người trưởng thành cao, có thể nín thở lâu. Nếu trong hoạt động thể lực, khả năng hấp thụ oxy ở tuổi thiếu niên tăng lên 10 lần so với mức chuyển hóa cơ sở thì người trưởng thành có thể tăng 15-16 lần. Ở trước tuổi dậy thì, khả năng hấp thụ oxy tối đa của nam và nữ giống nhau. Sau giai đoạn này, khả năng hấp thụ oxy tối đa của nam cao hơn nữ. Giá trị hấp thụ oxy đạt tối đa ở tuổi 18-20.

Hoạt động yếm khí: năng lượng yếm khí từ hai hệ phosphagen và lactat nhờ

vào dự trữ ATP, CP và glycogen, nhưng các dự trữ này ở phụ nữ ít hơn so với nam giới vì khối lượng cơ ít hơn, do đó thành tích phụ nữ kém hơn nam trong các môn chạy, bơi cự ly trung bình là các môn đòi hỏi thời gian yếm khí dài.

Hoạt động hiếu khí: là hoạt động với cường độ trung bình và thời gian khá dài cần nhiều oxy để tạo năng lượng cho hoạt động. Nói chung thì phụ nữ hoạt động kém hơn là do VO_2 max không bằng nam giới vì các lý do sau đây :

+ Dung tích sống thấp hơn khoảng 0,7 đến 1 lít vì các cơ hô hấp yếu hơn.

+ Quả tim nhỏ nên lượng tâm thu chỉ khoảng 60-90ml trong lúc ở nam là 90-125ml, do đó lượng máu tuần hoàn ít hơn làm chậm sự trao đổi khí ở phổi và ở mô.

+ Số lượng hồng cầu ở nữ ít hơn, khoảng 3,8 triệu/mm³ máu so với nam khoảng 4,2 triệu/mm³ máu do đó hàm lượng hemoglobin thấp hơn chỉ có 14g% so với nam giới là 16g% (16 g trong 100ml máu).

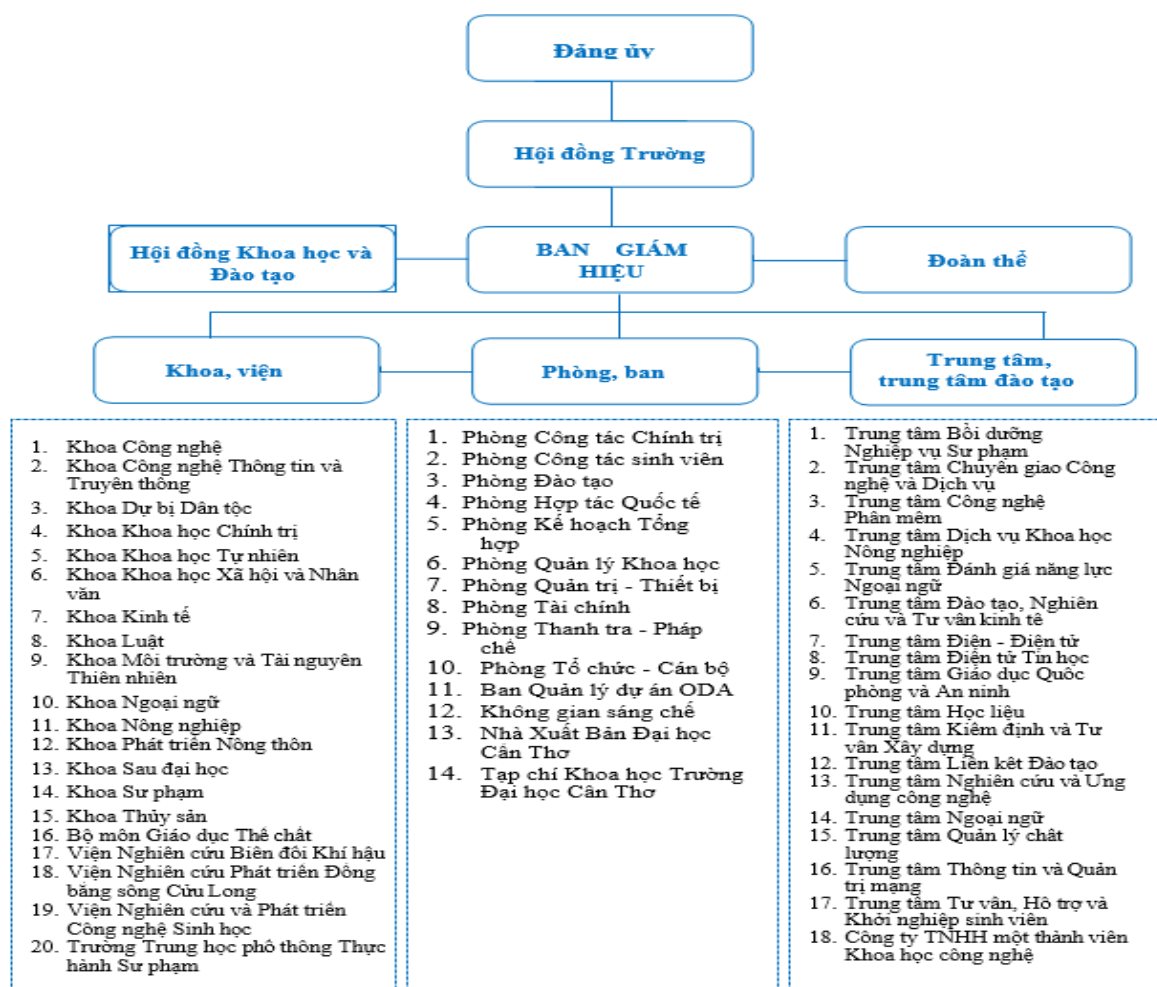
Tóm lại, về sức mạnh và sức bền thì phụ nữ không bằng nam giới do đó thành tích thể thao kém hơn. Về khả năng phối hợp động tác thì khá hơn nam nên thành công ở các môn thể dục nghệ thuật và các bài tập trên cầu thăng bằng.

1.5. Khái quát quá trình hình thành và phát triển trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT)

1.5.1. Quá trình hình thành và phát triển Trường ĐHCT [27]

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/03/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành và trọng điểm trực thuộc Bộ GD&ĐT ở vùng ĐBSCL, là thành viên của tổ chức AUN (từ tháng 07/2013). Năm 2009, Trường ĐHCT đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỷ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251 - 300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Năm 2018,

Trường ĐHCT, cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Song song với công tác đào tạo, ĐHCT đã tham gia tích cực các chương trình NCKH, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội của vùng.



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT

Quy mô đào tạo của Nhà trường năm học 2018 - 2019 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.1. Quy mô đào tạo của Trường ĐHCT năm học 2018 - 2019

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ
1	Viện NCPT Đồng bằng SCL	333
2	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	1.100
3	Khoa Dự bị Dân tộc	469
4	K.Công nghệ Thông tin & Truyền thông	3.936
5	Khoa Ngoại ngữ	2.200
6	Khoa Phát triển Nông thôn	3.101
7	Khoa Khoa học Tự nhiên	1.421

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ
8	Khoa Kinh tế	6.820
9	Khoa Luật	2.128
10	Khoa Khoa học Chính trị	927
11	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	2.577
12	Khoa Nông nghiệp	5.527
13	Khoa Sư phạm	2.284
14	Bộ môn Giáo dục thể chất	241
15	Khoa Công nghệ	7.526
16	Khoa Thủy sản	1.836
17	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	1.685
TỔNG CỘNG		44.111

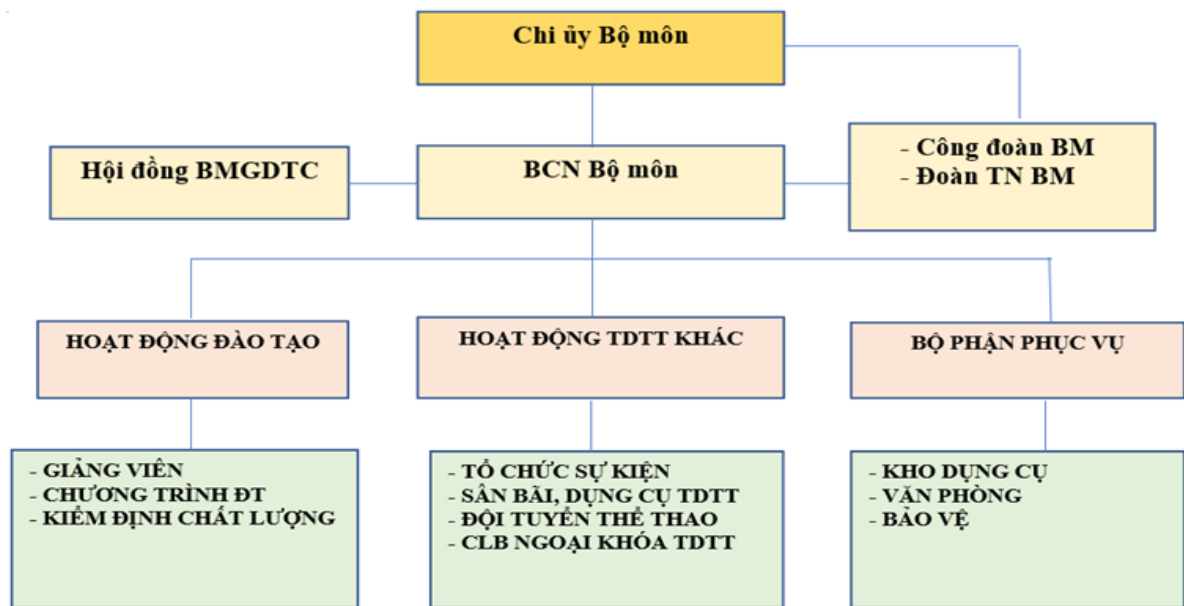
(Nguồn: <https://qldiem.ctu.edu.vn/htql/quanly/qlsv/codes/index.php?mID=SV401>)

Trường ĐHCT có tất cả 17 đơn vị Khoa/ Viện/ Bộ môn có đào tạo sinh viên các ngành trình độ đại học, với tổng số sinh viên hàng năm trên 30 nghìn sinh viên. Quy mô đào tạo của Nhà trường được xếp vào nhóm các trường có quy mô đào tạo đại học cấp vùng trong cả nước, trên 40 nghìn sinh viên.

1.5.2. Quá trình hình thành và phát triển Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT [99]

Năm 1976 với tên gọi Bộ môn TĐTT được thành lập và ghép chung với Bộ môn Quân Sự gọi là Bộ môn Quân Thể. Năm 1996, đổi tên thành Bộ môn GDTC trực thuộc Trường ĐHCT và duy trì cho đến nay. BM GDTC rất chú trọng công tác phát triển đội ngũ giảng viên, hằng năm Bộ môn đều có xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng giảng viên, đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên ngành GDTC.

Trường ĐHCT phân công BM GDTC thực hiện chức năng và nhiệm vụ: giảng dạy các môn thể dục thể thao cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành giáo dục thể chất, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động phong trào TĐTT phục vụ cho việc phát triển giáo dục đào tạo và thể chất cho khu vực ĐBSCL.



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ tổ chức Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT

1.5.3. Công tác GDTC và hoạt động thể thao sinh viên Trường ĐHCT

1.5.3.1. Công tác GDTC nội khóa [26]

Chương trình môn học GDTC được Nhà trường nghiệm thu, tổ chức đào tạo từ năm 2015, gồm hệ thống các môn thể thao tự chọn: điền kinh, võ taekwondo, bóng chày, bơi lội, bóng đá, cầu lông, thể dục nhịp điệu, bóng rổ, cờ vua...Phản hồi về mức độ hài lòng của sinh viên đối với công tác dạy – học môn thể thao tự chọn là một trong những thông tin quan trọng nhằm cải tiến, bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 1.2. Danh sách các học phần GDTC dành cho SV tất cả các ngành học trong Chương trình môn học GDTC

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
1	TC001	Điền kinh 1	1		1		30		I, II, III
2	TC002	Điền kinh 2	1		1		30	TC001	I, II, III
3	TC024	Điền kinh 3	1		1		30	TC002	I, II, III
4	TC003	Taekwondo 1	1		1		30		I, II, III
5	TC004	Taekwondo 2	1		1		30	TC003	I, II, III
6	TC019	Taekwondo 3	1		1		30	TC004	I, II, III
7	TC005	điền kinh 1	1		1		30		I, II, III
8	TC006	điền kinh 2	1		1		30	TC005	I, II, III

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
9	TC020	điền kinh 3	1		1		30	TC006	I, II, III
10	TC007	Bóng đá 1	1		1		30		I, II, III
11	TC008	Bóng đá 2	1		1		30	TC007	I, II, III
12	TC021	Bóng đá 3	1		1		30	TC008	I, II, III
13	TC009	Bóng bàn 1	1		1		30		I, II, III
14	TC010	Bóng bàn 2	1		1		30	TC009	I, II, III
15	TC022	Bóng bàn 3	1		1		30	TC010	I, II, III
16	TC011	Cầu lông 1	1		1		30		I, II, III
17	TC012	Cầu lông 2	1		1		30	TC011	I, II, III
18	TC023	Cầu lông 3	1		1		30	TC012	I, II, III
19	TC016	Thể dục nhịp điệu 1	1		1		30		I, II, III
20	TC017	Thể dục nhịp điệu 2	1		1		30	TC016	I, II, III
21	TC018	Thể dục nhịp điệu 3	1		1		30	TC017	I, II, III
22	TC025	Cờ vua 1	1		1		30		I, II, III
23	TC026	Cờ vua 2	1		1		30	TC025	I, II, III
24	TC027	Cờ vua 3	1		1		30	TC026	I, II, III
25	TC013	Bơi lội	1	1			30		I, II
26	TC028	Bóng rổ 1	1		1		30		I, II, III
27	TC029	Bóng rổ 2	1		1		30	TC028	I, II, III
28	TC030	Bóng rổ 3	1		1		30	TC029	I, II, III

Theo quy định, các sinh viên bắt buộc phải hoàn thành đầy đủ 3 tín chỉ chương trình môn học giáo dục thể chất dành cho sinh viên không chuyên thì mới đủ điều kiện, riêng đối với các sinh viên Khoa Thủy Sản thì chỉ cần 2 tín chỉ kèm với tín chỉ bơi lội đặc thù của Khoa Thủy Sản là đủ điều kiện.

1.5.3.2. Hoạt động TDTT ngoại khóa

Trường ĐHCT là một trong những trường có truyền thống, thành tích thể thao tốt, tiêu biểu, là thành viên tích cực của Hội thể thao đại học chuyên nghiệp đồng bằng sông Cửu Long, toàn quốc. Các thành tích tiêu biểu của Trường ĐHCT tham gia thi đấu tại các giải thể thao sinh viên thành phố, khu vực, toàn quốc giai đoạn 2010-2019:

+ Trường ĐHCT đạt thành tích tốt nhất trong các trường đại học, cao đẳng tham gia Hội thao sinh viên cấp thành phố Cần Thơ tổ chức hàng năm. Thế mạnh của nhà trường là các môn thể thao tập thể như bóng đá nam – nữ, bóng

chuyên nam – nữ, bóng rổ và các môn các nhân, đồng đội như cầu lông, bóng bàn, đá cầu, điền kinh....

+ Trường ĐHCT nằm trong top 3 các trường đại học, cao đẳng có thành tích thể thao tốt nhất tại các Hội thao do Hội thể thao ĐH, CN Cửu Long Giang tổ chức giai đoạn 2010 – 2015. Các đội thể thao như bóng đá nam – nữ, bóng chuyên nam – nữ của Nhà trường luôn đạt thứ hạng cao nhất trong các kỳ Hội thao này.

+ Năm 2011, tại giải bóng chuyên sinh viên toàn quốc – cúp Toyota, đội bóng chuyên nam Trường ĐHCT vinh dự đạt thành tích vô địch. Đây là một vinh dự, thành tích tiêu biểu cho Nhà trường.

+ Các đội bóng đá nam – nữ của nhà trường cũng đạt được nhiều thành tích tiêu biểu tại các kỳ hội thao cấp khu vực, toàn quốc. Năm 2018, đội bóng đá futsal của Trường ĐHCT đạt giải nhì VUG-Game toàn quốc.

Sinh viên Trường ĐHCT tham gia tích cực rèn luyện thể thao ngoại khóa sau giờ học. Hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên rất đa dạng về hình thức: tự tập, tập theo nhóm, đội... Giờ học GDTC chính khóa được Nhà trường quy định cụ thể 30 giờ học trên lớp là có 60 giờ tự học [59]. Phần lớn sinh viên tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa trong trường do sốt thích cá nhân và đáp ứng tiêu chuẩn 02 giờ tự học.

Trường ĐHCT có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tương đối đầy đủ như nhà tập luyện và nhà thi đấu đa năng phục vụ hoạt động giảng dạy và tổ chức thể thao ngoại khóa cầu lông, bóng bàn, thể dục nhịp điệu, bóng chuyên, bóng đá futsal, võ taekwondo.... Mặt khác, sinh viên Trường ĐHCT tham gia tập luyện ngoại khóa với số lượng lớn các môn thể thao phổ biến, có tính chất đồng đội, giải trí linh hoạt như: cầu lông, thể dục nhịp điệu, bóng chuyên, bóng đá futsal, võ taekwondo.... Đây là những cơ sở thực tiễn, cần thiết giúp Luận án xây dựng CLB TDTT NK cho sinh viên Trường ĐHCT một cách khoa học, phù hợp và đảm bảo yêu cầu tính khả thi.

1.6. Tổng quan các công tình nghiên cứu có liên quan

1.6.1. Công trình nghiên cứu ngoài nước về thể thao trường học

Nâng cao hiệu quả công tác GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường được nhiều nước trên thế giới đặc biệt quan tâm nghiên cứu. Sau đây một số đề tài tiêu biểu. Trung Quốc là một quốc gia có số dân trên một tỉ đứng hàng đầu thế giới. Hiện nay quốc gia này đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Nền kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục đang có những bước thay đổi rõ rệt. Các nghiên

cứu nước ngoài được cập nhật từ trang web: <http://www.cnki.net/> [97]: chủ yếu đề cập đến các vấn đề sau: thể lực lứa tuổi, hồi phục thể lực, trình độ thể lực, đánh giá thể lực, phân cấp thể lực, đo lường thể lực:

- Tác giả Lý Hải Yến (2010) đã công bố kết quả: “*Nghiên cứu và vận dụng phương pháp đo lường hoạt động thể lực thường ngày thanh thiếu niên thành phố Thượng Hải*” đã tiến hành khảo sát 1.589 thanh thiếu niên về hoạt động thể lực và phát triển thể chất, Luận văn Tiến sĩ, Khoa Vận động thân thể, Học viện Thể thao Thượng Hải [73].

- Tác giả Vương Siêu (2012) đã tổng kết : “*Nghiên cứu hiện trạng và khuynh hướng hoạt động thể lực*” trên 5 phương diện là thể lực và sức khỏe, điều tra hiện trạng hoạt động thể lực, công cụ đo lường hoạt động thể lực, nhân tố ảnh hưởng hoạt động thể lực, thúc đẩy phát triển thể lực, Tập san nghiên cứu khoa học Học viện thể thao Thượng Hải [46].

- Tác giả Vương Hiểu Lung (2013) với đề tài : “*Nghiên cứu tương quan kết quả kiểm tra thể chất và trình độ hoạt động thể lực sinh viên đại học Hải Nam*” đã tìm ra mối liên hệ mật thiết giữa kết quả kiểm tra thể chất và trình độ hoạt động thể lực, đồng thời chỉ ra vì rất nhiều lý do dẫn đến hoạt động thể lực của sinh viên đại học Hải Nam là chưa đủ, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Triết Giang, Khoa Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao [41].

- Tác giả Richard Bailey (2006), trong kết quả nghiên cứu “*Giáo dục thể chất và thể thao trong học đường: đánh giá lợi ích và kết quả*” chứng minh khoa học đã được thu thập về sự đóng góp và lợi ích của giáo dục thể chất và thể thao (PES) trong học đường cho cả hai đối tượng là người học và hệ thống giáo dục, trên một số khía cạnh (thể chất, lối sống, xã hội và nhận thức). Thể thao trong học đường có khả năng đóng góp quan trọng vào sự phát triển các kỹ năng vận động cơ bản và quá trình hoàn thiện thể chất của trẻ em, đây là tiền đề cần thiết cho lối sống và việc tham gia vào các hoạt động thể chất sau này. Không những vậy, nó có thể hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm và cách ứng xử trong xã hội [90].

- Nhóm tác De Martelaer, K, Theeboom (2006) và Priest, N. Armstrong, R, Doyle (2008) cho rằng thể thao là một trong những hoạt động giải trí phổ biến nhất trong giới trẻ và thường được tổ chức dưới hình thức câu lạc bộ thể thao hoặc ngoại khóa diễn kinh tại trường học. Do ngày càng có nhiều trẻ em và thanh niên tham gia các môn thể thao có tổ chức trên khắp thế giới, các câu lạc bộ thể thao và vận động viên trẻ đã trở thành mục tiêu quan trọng cho các can

thiệp xã hội và các chính sách khác nhau, đặc biệt là liên quan đến sức khỏe [80], [89].

- Tương tự các nghiên cứu gần đây cho thấy câu lạc bộ thể thao là một môi trường lý tưởng để thúc đẩy sự tham gia của toàn cộng đồng vào hoạt động thể chất. Nhóm tác giả Kokko, S, Kannas, L, Villberg (2006), cho rằng câu lạc bộ thể thao nâng cao sức khỏe ở Phần Lan cần thiết lập các tiêu chuẩn sơ bộ. Các tiêu chuẩn và chỉ số cũng sẽ cung cấp một công cụ thiết thực để các câu lạc bộ thể thao đưa việc nâng cao sức khỏe vào các hoạt động của các thành viên tham gia câu lạc bộ [85].

- Tổ chức Y tế Thế giới (2007), với tài liệu “Loạt thông tin của Tổ chức Y tế Thế giới về sức khỏe học đường” đã hướng đến hai vấn đề chính yếu: Thứ nhất, xác định tầm quan trọng của hoạt động thể chất đối với trẻ em và thanh thiếu niên ngày nay, phát triển tính linh hoạt, độ bền, sức mạnh và sự phối hợp cũng như kỹ năng vận động; Thứ hai, nó minh họa cách mà các trường học cùng với gia đình và cộng đồng có thể hỗ trợ cho SV được hoạt động theo nhiều phương thức để phát triển kỹ năng và sự ham thích mà qua đó sẽ giúp họ vận động cơ thể trong suốt cuộc đời [92].

- Tác giả Coakley (2007),(2009) đã phát triển hai mô hình câu lạc bộ TDTT với hai tính chất đặc thù khác biệt, đó là mô hình theo “ham muốn và tập luyện” và “quyền lực và hướng tới đối tượng người sử dụng”. Mô hình đầu tiên nhấn mạnh đến các yếu tố như sự ham thích khi tham gia tập luyện, ý kiến cá nhân, có sức khỏe tốt, có các mối quan hệ xã hội và các yếu tố môi trường tập luyện. Ngược lại, mô hình thứ hai đề cao các vấn đề như có các tiêu chuẩn cao hơn đối thủ cạnh tranh, thôi thúc người tập đạt thành công cao, mạo hiểm với sức khỏe nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho người tập như sức mạnh, sức bền, tốc độ [77],[78].

- Tác giả Amy M.Tenhouse (2008), qua đề tài “Các hoạt động ngoại khóa trong trường đại học - Tác động đến SV” (2008) đã đưa ra các loại hình hoạt động ngoại khóa phổ biến và hiệu quả trong các trường đại học ở Mỹ ... thông qua sự tham gia ngoại khóa, SV thường xuyên tương tác với các bạn bè cùng sở thích, được hội nhập xã hội vào môi trường đại học [74].

- Tác giả Don J. Webber và Andrew Mearman (2009) ở đại học West of England với đề tài “Sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động thể thao”, nhóm tác giả đã rút ra kết luận: Các trường đại học nên có nhiều chính sách để

khuyến khích SV tham gia TDTT. Các chính sách này bao gồm việc tổ chức nhiều hơn các hoạt động thể thao và cố gắng thay đổi nhận thức của SV về TDTT, đặc biệt nên tập trung vào việc cung cấp các môn thể thao mang tính xã hội, tranh đua và được tổ chức chặt chẽ [81].

-Nhóm tác giả *Petra Golja, Tatjana Robič* (2014), nghiên cứu chứng minh rằng các câu lạc bộ thể thao ở Slovenia đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động thể thao. Nghiên cứu hiện tại đã chứng minh rằng vai trò của các câu lạc bộ thể thao trong việc thúc đẩy hoạt động thể thao trong sinh viên là chắc chắn là có lợi ích [88].

-Trường đại học Carroll University, Hoa Kỳ định nghĩa “*Câu lạc bộ thể thao là một nhóm sinh viên được công nhận tự nguyện tổ chức với mục đích thúc đẩy hơn nữa lợi ích chung của họ trong một hoạt động thể thao cụ thể thông qua việc tham gia hoặc cạnh tranh ở cấp tiểu bang và quốc gia*”. CLB thể thao cung cấp một môi trường cạnh tranh nhấn mạnh sự tham gia, phát triển kỹ năng thể chất và khả năng lãnh đạo của học sinh. Các môn thể thao của câu lạc bộ được dẫn dắt và điều hành bởi các thành viên trong nhóm sinh viên và được quản lý bởi Khoa Thể thao Giải trí. Câu lạc bộ thể thao có khả năng sử dụng cơ sở vật chất, phương tiện và kinh phí của Đại học Carroll. Đổi lại, các thành viên câu lạc bộ thể thao phải tuân thủ Hướng dẫn thể thao của câu lạc bộ này [95].

1.6.2. Công trình nghiên cứu trong nước về GDTC và hoạt động thể thao ngoại khóa trong Nhà trường

Trong những năm gần đây, các tác giả trong nước cũng có nhiều đề tài nghiên cứu liên quan đến thể chất của sinh viên như:

- Tác giả Dương Nghiệp Chí (2007), trong nghiên cứu “*Thể thao trường học ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới*” đã nhận định: Chất lượng và hiệu quả của GDTC ở nước ta còn thấp so với các nước tiên tiến trên thế giới, do những nguyên nhân về tổ chức, đội ngũ chuyên môn và cơ sở vật chất. Việc thực hiện hoạt động TDTT ngoại khóa trong nhà trường chưa nề nếp, mục đích và yêu cầu giáo dục chưa được đề cao [14].

- Tác giả Bùi Bảo Trung (2012), trong kết quả “*Nghiên cứu tổ chức hoạt động CLB môn cầu lông ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Hoa Sen*”, tác giả lấy mô hình thí điểm của hoạt động CLB cầu lông, để làm tiền đề phát triển phong trào TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Hoa Sen [62].

- Tác giả Nguyễn Đức Thành (2013), trong nghiên cứu *“Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên một số trường Đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh”* [55], tác giả đã xác định được các tiêu chí như: mục đích, chức năng và nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, điều kiện đảm bảo, thành viên tham gia, cơ sở pháp lý..để xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên TP.HCM.

- Tác giả Nguyễn Găng (2015), trong kết quả *“Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết TDTT giữa đại học Huế và các tổ chức TDTT trên địa bàn thành phố Huế”*, tác giả đã đánh giá thực trạng nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa của SV, đề xuất mô hình CLB TDTT liên kết có kết quả tốt trong phát triển thể lực, tâm lý xã hội đối với SV, người tập [31].

- Tác giả Phùng Xuân Dũng (2015), trong kết quả *“Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học sư phạm TDTT Hà Nội”* [30] đã đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa và xây dựng được 03 giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả, đáp ứng nhu cầu hoạt động TDTT của SV.

- Tác giả Nguyễn Hữu Vũ (2015), nghiên cứu *“Ứng dụng một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên trường đại học tư thục Hoa Sen thành TP. HCM”* [71]. Kết quả nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về công tác Giáo dục thể chất trường học, trong đó bao gồm đặc điểm, vị trí, những tiêu chí đánh giá sự phát triển, những nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến chất lượng Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Tư thục Hoa Sen Tp. Hồ Chí Minh; xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá chất lượng công tác Giáo dục thể chất gồm 38 tiêu chí; đánh giá khách quan về thực trạng công tác Giáo dục thể chất và chỉ rõ nguyên nhân của những thành công, hạn chế; và đề xuất 03 nhóm gồm 15 giải pháp nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Tư thục Hoa Sen.

- Tác giả Nguyễn Ngọc Minh (2017), trong kết quả nghiên cứu *“Nghiên cứu loại hình câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động có hiệu quả phù hợp với tổ chức Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao của Đại học Quốc gia Hà Nội”*, trên cơ sở ứng dụng lý luận và nghiên cứu thực tiễn luận án đã xác định 2 loại hình CLB TDTT ĐHQGHN và được sự nhất trí của tập thể cán bộ GV Trung tâm GDTC. Đó là: Câu lạc bộ TDTT ĐHQGHN do Trung tâm quản lý đã được sự hợp pháp hóa bằng quy chế tổ chức hoạt động huấn luyện VĐV của

DHQGHN. CLB thể thao – giải trí do Đoàn TN và Hội SV các trường Đại học thành viên thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu, vui chơi, giải trí của đông đảo SV ở ngay cơ sở [43].

- Tác giả Nguyễn Trung Kiên (2018), trong nghiên cứu “*Xây dựng chương trình đào tạo hướng dẫn viên Aerobic tại trường đại học TDTT TP. HCM*” [36], tác giả đã đánh giá được thực trạng phát triển phòng trào aerobic tại các địa phương tương đối lớn, xây dựng thành công chương trình đào tạo hướng dẫn viên theo các cấp độ, đạt hiệu quả cao.

- Tác giả Nguyễn Thanh Hùng (2018), với kết quả nghiên cứu: “*Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Đại học Quy Nhơn*” [38]. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về công tác Giáo dục thể chất trường học; đánh giá được thực trạng công tác giáo dục thể chất sinh viên trong trường Đại học Quy Nhơn về các mặt: thực trạng chương trình giáo dục thể chất nội, ngoại khóa và hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao, thực trạng thể chất học sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thể chất của sinh viên trường Đại học Quy Nhơn; xác định đổi mới được mô hình xây dựng chương trình giáo dục thể chất nội, ngoại khóa với 2 nội dung: Học phần tự chọn nội khóa, ngoại khóa câu lạc bộ thể dục thể thao: học phần thể thao tự chọn 9 môn: (Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng ném, bóng bàn và võ thuật.

- Tác giả Trần Ngọc Cương (2018), trong kết quả “*Nghiên cứu xây dựng chương trình các môn thể thao tự chọn theo mô hình câu lạc bộ trong đào tạo tín chỉ của sinh viên trường đại học Sài Gòn*”, tác giả đã tìm ra những nguyên nhân còn hạn chế từ các điều kiện đảm bảo chương trình và xây dựng mô hình câu lạc bộ nội khóa đáp ứng nhu cầu về xây dựng chương trình mới, mang lại hiệu quả [22].

- Tác giả Đặng Minh Thành (2018), trong kết quả nghiên cứu “*Đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên tỉnh Sóc Trăng*” [58], tác giả đã xây dựng tiêu chí đánh giá và đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên tỉnh Sóc Trăng, đạt hiệu quả.

- Tác giả Đặng Minh Thắng (2019), trong kết quả “*Nghiên cứu xây dựng nội dung, chương trình TDTT ngoại khóa cho nam sinh viên trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II*” [53], tác giả đã đánh giá thực trạng và xây dựng chương

trình hoạt động TDDT ngoại khóa cho nam sinh viên trường Cao đẳng cảnh sát Nhân dân II khoa học, phù hợp đạt hiệu quả.

Các tác giả là giảng viên Trường ĐHCT cũng đã nhiều kết quả nghiên cứu về công tác GDTC và hoạt động TDDT ngoại khóa cho sinh viên Nhà trường:

- Tác giả Phan Việt Thái (2003), trong kết quả “*Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa đến thể chất và chất lượng học tập của sinh viên trường Đại học Cần Thơ*” [48], tác giả đánh giá ảnh hưởng tốt của hoạt động TDDT ngoại khóa đến kết quả học tập của sinh viên Trường ĐHCT. Đây là kết quả nghiên cứu trong điều kiện Trường ĐHCT đào tạo theo niên chế.

- Tác giả Trần Thị Xoan (2006), qua đề tài “*Nghiên cứu phát triển các hình thức thể thao ngoại khóa phù hợp với nữ sinh viên*” [72], tác giả kết luận: Thực trạng các môn được SV nữ ĐH Cần Thơ tập luyện ngoại khóa là : điền kinh (29.31%), phối hợp nhiều môn (26.72%), thể dục (16.68%), bóng đá (4.2%), bóng chuyền (6.7%), bóng bàn (6.51%) và cầu lông (8.05%). Sinh viên có nhu cầu tập luyện TTNK có tổ chức (có người hướng dẫn, có kế hoạch, có quy định), theo các hình thức (tự tập, theo nhóm tổ, CLB, thể dục sáng và phối hợp nhiều hình thức dựa trên nguyện vọng của nữ SV). Thời gian tập luyện TTNK 3 buổi/tuần, mỗi buổi 60 - 90 phút. Đây là kết quả nghiên cứu trong điều kiện Trường ĐHCT đào tạo theo niên chế.

- Tác giả Nguyễn Văn Hòa (2017), trong nghiên cứu “*Cải tiến chương trình giảng dạy các môn thể thao tự chọn cho sinh viên không chuyên trường Đại học Cần Thơ*” [35], tác giả đã xây dựng được một chương trình mới với thời lượng là 90 tiết bao gồm 9 môn và ứng dụng cho sinh viên không chuyên. Kết quả đạt được sự tăng trưởng về hình thái và thể lực, phân loại thể lực với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đại loại tốt. Đây là kết quả nghiên cứu về công tác GDTC cho sinh viên trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ (học phần, tín chỉ) của Trường ĐHCT. Tác giả Nguyễn Văn Hòa đã thành công trong “*Cải tiến chương trình giảng dạy các môn thể thao tự chọn cho sinh viên không chuyên trường Đại học Cần Thơ*”, chủ yếu là cải tiến công tác GDTC nội khóa cho sinh viên Nhà trường.

Tiểu kết chương 1:

Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về GDTC và thể thao trường học được thể hiện rõ và nhất quán trong hiến pháp, luật, pháp lệnh, chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông tư của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các bộ, ngành, đoàn thể chính trị xã hội có liên quan. Quan điểm khẳng định GDTC là một mặt

quan trọng của giáo dục toàn diện cho thế hệ con người Việt Nam có thể lực cường tráng, có trí tuệ phát triển cao, có đạo đức trong sáng để xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước là nhiệm vụ mà Đảng và nhà nước ta quan tâm hàng đầu để phấn đấu có một Tổ quốc “ *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” ngang tầm với các nước tiên tiến trên thế giới trong mọi thời đại mới hiện nay. Công tác GDTC đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, ý chí, giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên; phát triển cơ thể một cách hài hòa, xây dựng thói quen lành mạnh và khắc phục những thói quen xấu, rèn luyện thân thể đạt những chỉ tiêu thể lực qui định cho từng đối tượng và năm học trên cơ sở tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo lứa tuổi; góp phần đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khái niệm CLB TDTT có thể hiểu: Là một tổ chức xã hội về TDTT, là nền tảng, tế bào của hệ thống tổ chức, quản lý TDTT, là đơn vị cơ sở TDTT. Cá nhân tham gia CLB là những người có cùng sở thích về hoạt động TDTT trên cơ sở tự nguyện, tự giác. Tổ chức quản lý và hoạt động có tổ chức theo quy chế và pháp luật hiện hành, có kế hoạch chương trình hoạt động thiết thực.

Có thể thấy rằng, hoạt động TDTT ngoại khóa là hoạt động tự nguyện, đáp ứng nhu cầu cơ bản của sinh viên trong nhà trường. Tăng cường hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ thể thao ngoại khóa thể thao đang dần đang là xu hướng chung trong định hướng giáo dục của các trường đại học ở Việt Nam, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định thương hiệu trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế.

Hoạt động TDTT ngoại khóa trong các trường đại học, cao đẳng chủ yếu được tổ thông qua hình thức CLB TDTT ngoại khóa. CLB TDTT NK trong trường học là loại CLB TDTT cơ sở, được tổ chức, quản lý phù hợp theo quy định hoạt động thể thao trường học hiện hành.

Phân tích các hình thức tổ chức hoạt động CLB TDTT cho SV các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước, cho thấy rằng: tổ chức hoạt động ngoại khóa thể thao nói chung và CLB thể thao SV là nhu cầu cần thiết đối với bản thân sinh viên và cả Nhà trường. Ở Việt Nam, tổ chức CLB TDTT ngoại khóa hay CLB TT giải trí (công lập hay liên kết) được các tác giả tập trung nghiên

cứu, ứng dụng và đánh giá hiệu quả hoạt động, góp phần nâng cao thể chất, phát triển chức năng, tâm sinh lý người học (SV) khi tham gia. Điều này cũng hết sức phù hợp với điều kiện pháp lý, quy định hiện hành của Nhà nước đối với hoạt động giáo dục trong trường đại học.

Lứa tuổi sinh viên có những nét tâm lý điển hình, đây là thế mạnh của họ so với các lứa tuổi khác như: tự ý thức cao, có tình cảm nghề nghiệp, có năng lực và tình cảm trí tuệ phát triển (khao khát đi tìm cái mới, thích tìm tòi, khám phá), có nhu cầu, khát vọng thành đạt, nhiều mơ ước và thích trải nghiệm, dám đối mặt với thử thách. Song, do hạn chế của kinh nghiệm sống, sinh viên cũng có hạn chế trong việc chọn lọc, tiếp thu cái mới. Những yếu tố tâm lý này có tác động chi phối hoạt động học tập, rèn luyện và phấn đấu của sinh viên.

Tập luyện TDDT có ảnh hưởng tốt đến toàn bộ chức năng cơ thể của người phụ nữ, giúp cho họ thuận lợi trong việc mang thai và sinh con. Sự thích nghi đòi hỏi rất cao đối với họ trong quá trình tập luyện TDDT. Do vậy, việc tập luyện phải được tiến hành và tổ chức phù hợp với đặc điểm riêng của họ. Lứa tuổi sinh viên nếu tập luyện TDDT có hệ thống, với những hình thức phù hợp và tích cực sẽ giúp cho cơ thể các em phát triển cân bằng về hình thái, chức năng vận động và phát triển thể lực tốt, giúp cho lao động trí óc đạt hiệu quả hơn.

Trường ĐHCT luôn quan tâm đến công tác đảm bảo chất lượng đào tạo. Trường ĐHCT thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà nước về tổ chức, đào tạo sinh viên các ngành theo chương trình đào tạo tín chỉ. Nhà trường đã tổ chức xây dựng, nghiệm thu chương trình môn học GDTC áp dụng cho sinh viên các ngành [10]. Theo yêu cầu đề cương chi tiết môn học GDTC với các môn thể thao cho sinh viên học tín chỉ có 1 giờ học trên lớp và 02 giờ tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện cá nhân [9], [26]. Việc tổ chức, quản lý hoạt động TDDT ngoại khóa của Nhà trường chưa được quan tâm, đầu tư, nghiên cứu, xây dựng một cách khoa học, bài bản, chưa đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện TDDT ngoài giờ học chính khóa, trên lớp của đa số sinh viên Nhà trường. Nghiên cứu xây dựng, tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa thông qua hình thức tổ chức CLB TDDT ngoại khóa các môn thể thao tự chọn là nhu cầu thực tế của sinh viên, là xu hướng tất yếu cần đặc biệt chú trọng trong giai đoạn đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trình độ đại học hiện nay.

Hoạt động TDDT cần được tổ chức quản lý, chỉ đạo cụ thể, phù hợp nhằm phát triển bền vững, duy trì hoạt động TDDT ngoại khóa thường xuyên, liên tục.

Từ đó, chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa chưa tương xứng với sự đầu tư kinh phí của Nhà trường, chưa đáp ứng yêu cầu của sinh viên tham gia.

Các công trình nghiên cứu về công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên rất phong phú, đa dạng. Việc nghiên cứu, đánh giá sự phát triển thể chất của người Việt Nam nói chung, của học sinh, sinh viên nói riêng luôn được các cấp các ngành đặc biệt quan tâm. Hiện nay, chưa có công trình nghiên cứu xây dựng câu lạc bộ TDTT ngoại khóa phù hợp cho sinh viên trong giai đoạn đào tạo tín chỉ Trường ĐHCT chưa được ai quan tâm, nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện.

Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng câu lạc bộ TDTT ngoại khóa đã chỉ ra cơ sở về hoạt động TDTT ngoại khóa như: các loại hình hoạt động, nội dung, nguyên tắc tổ chức.... Thực trạng việc nghiên cứu tổ chức CLB TDTT ngoại khóa cho sinh viên được rất nhiều các nhà khoa học, các chuyên gia quan tâm nghiên cứu nhiều năm nay. Tuy nhiên, nghiên cứu xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT trong giai đoạn đào tạo tín chỉ hiện nay chưa được ai đề cập tới.

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

- Xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.

2.1.2. Khách thể nghiên cứu

* Khách thể phỏng vấn:

- Lượng mẫu phỏng vấn xác định các tiêu chí, các vấn đề liên quan đến CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT: 30 người (bao gồm GV, CBQL, nhà khoa học các trường đại học, cao đẳng ở TP Cần Thơ, Vĩnh Long, Bạc Liêu, TP. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên....);

- Lượng mẫu phỏng vấn đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa, các vấn đề liên quan đến xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT: 40 nhà chuyên môn (nội dung chương trình hoạt động TDTT NK cho sinh viên);

- Lượng mẫu phỏng vấn cán bộ quản lý, cán bộ Đoàn – Hội sinh viên Trường ĐHCT về thực trạng và các vấn đề liên quan công tác GDTC, hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên: bao gồm 27 người và 17 GV (Bộ môn GDTC-ĐHCT);

- Lượng mẫu phỏng vấn đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK và nhu cầu hoạt động TDTT, CLB TDTT NK bao gồm 850 sinh viên các đơn vị của Trường ĐHCT (Sinh viên năm nhất: 480 SV gồm 300 SV nam và 180 SV nữ; sinh viên năm 2: 370 SV gồm 210 SV nam và 160 SV nữ).

* Khách thể kiểm tra sự phạm:

- Chọn mẫu ngẫu nhiên cả khối: nghiên cứu đã lập danh sách theo từng khóa, sau đó chọn ngẫu nhiên một số SV các khóa đang học tại trường. Sinh viên các khóa của Trường ĐHCT, năm học 2018 – 2019, với số lượng 850 cụ thể như sau:

+ Sinh viên khóa 43: 210 SV nam và 160 SV nữ.

+ Sinh viên khóa 44: 300 SV nam và 180 SV nữ.

* Khách thể thực nghiệm:

* Mẫu thực nghiệm:

Luận án lựa chọn khách thể tham gia thực nghiệm bao gồm nhóm:

-Nhóm sinh viên thực nghiệm: CLB ngoại khóa bóng chuyền gồm có 30 sinh viên nam; CLB ngoại khóa thể dục nhịp điệu là 30 sinh viên nữ; CLB ngoại khóa cầu lông là 30 sinh viên nam và 30 sinh viên nữ. Tất cả các sinh viên nhóm thực nghiệm đều học khóa 44 của trường:

+ Nhóm nữ sinh viên nhóm thực nghiệm 1 (Nữ TN1): 30 sinh viên tham gia CLB ngoại khóa bóng chuyền.

+ Nhóm nữ sinh viên nhóm thực nghiệm 2 (Nữ TN2): 30 sinh viên tham gia CLB ngoại khóa thể dục nhịp điệu (TDNĐ).

+ Nhóm nam sinh viên nhóm thực nghiệm 1 (Nam TN1): 30 sinh viên tham gia CLB ngoại khóa bóng chuyền.

+ Nhóm nam sinh viên nhóm thực nghiệm 2 (Nam TN2): 30 sinh viên tham gia CLB ngoại khóa cầu lông.

** Mẫu so sánh sau thực nghiệm:*

- Nhóm sinh viên so sánh sau thực nghiệm: 30 sinh viên nữ (N.SS1) và 30 sinh viên nam (N.SS1) là những sinh viên tự luyện tập TDTT ngoại khóa, không có tham gia CLB TDTT ngoại khóa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu [51]

Để giải quyết mục tiêu trên các phương pháp nghiên cứu được Luận án sử dụng là [51], [61], [64], [67]:

2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Luận án sử dụng phương pháp này trong quá trình nghiên cứu là phục vụ chủ yếu cho việc giải quyết nhiệm vụ của đề tài. Sử dụng những sách báo, đề tài, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước tổng hợp các tài liệu, hệ thống hóa kiến thức liên quan. Nghiên cứu phân tích tổng hợp từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau để tìm ra cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu, xác định mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp và tổ chức nghiên cứu, dự báo kết quả nghiên cứu, lựa chọn các hình thức, nội dung, cách thức tổ chức, quản lý hoạt động TDTT NK phù hợp với thực tiễn của Trường ĐHCT. Các tài liệu bao gồm về tâm sinh lý, sư phạm, lý luận giáo dục thể chất và các báo cáo, công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả trong và ngoài nước.

2.2.2. Phương pháp phỏng vấn bằng phiếu (Anket)

Mục đích – ý nghĩa: Sử dụng phương pháp phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu (Anket). Phương pháp này sử dụng trong quá trình điều tra, khảo sát thực trạng. Qua đó tham khảo ý kiến của các chuyên gia, giảng viên, các nhà quản lý

thể thao về các hình thức, nội dung, cách thức tổ chức, quản lý hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT và các vấn đề liên quan đến nội dung Luận án.

Công cụ đo:

- Phòng vấn chuyên gia về tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK Trường ĐHCT (P.PL1);

- Phòng vấn Nhà khoa học, giảng viên nhiều kinh nghiệm về các chỉ tiêu đánh giá thực trạng, các điều kiện, nội dung xây dựng CLB TDTT ngoại khóa (P.PL2);

- Phòng vấn viên chức quản lý, cán bộ Đoàn – Hội về thực trạng, nhu cầu, các vấn đề liên quan đến hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT (P.PL 3);

- Phòng vấn sinh viên mức độ hài lòng đối với chương trình môn học GDTC, thực trạng, nhu cầu tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (P.PL 4);

- Phòng vấn sinh viên nhóm thực nghiệm mức độ hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa theo môn thể thao tự chọn mà đề tài xây dựng (P.PL 5);

Cách đánh giá kết quả phỏng vấn: Luận án sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1-5) cho các câu hỏi khảo sát. Giá trị trung bình của thang đo mà bạn sử dụng (thường là thang đo khoảng – interval scale) khoảng cách = (Maximum – Minimum) / n = (5-1)/5 = 0.8. Ý nghĩa các mức như sau:

Bảng 2.1. Giá trị trung bình thang đo Linket 1-5

GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH	Ý NGHĨA
1.00 – 1.80	Rất không đồng ý/ Rất không hài lòng/ Rất không quan trọng...
1.81 – 2.60	Không đồng ý/ Không hài lòng/ Không quan trọng...
2.61 – 3.40	Không ý kiến/ Trung bình...
3.41 – 4.20	Đồng ý/ Hài lòng/ Quan trọng...
4.21 – 5.00	Rất đồng ý/ Rất hài lòng/ Rất quan trọng...

2.2.3. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Là phương pháp nghiên cứu dựa vào hệ thống các bài tập hoặc test được thực tiễn thừa nhận và được tiêu chuẩn hóa về nội dung, hình thức và điều kiện thực hiện nhằm đánh giá các năng lực khác nhau của sinh viên. Hệ thống các test được luận án sử dụng theo Quyết định số : 53/2008 của Bộ GD&ĐT [7].

Các test được đo vào buổi chiều (từ 2 giờ đến 5 giờ), đo theo thứ tự các test được trình bày ở phần dưới đây.

Tổ chất nhanh

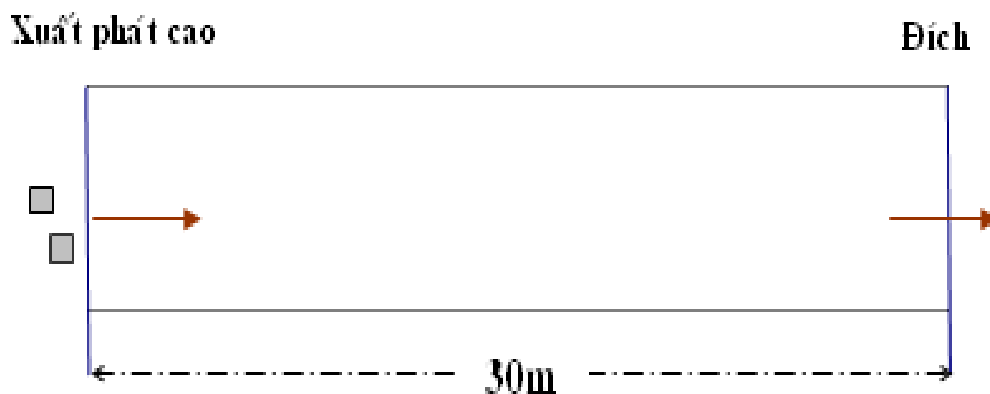
Chạy 30m xuất phát cao (giây)

Mục đích: đánh giá sự di chuyển của cơ thể với tốc độ nhanh nhất.

Dụng cụ, sân kiểm tra: đường chạy điền kinh ĐHCT, đồng hồ bấm giây điện tử (hiệu Casio Japan) có độ chính xác 1/100 giây, cờ, giấy, bút ghi chép.

Phương pháp tiến hành: mỗi đợt chạy từ 02 – 03 sinh viên theo ô chạy riêng. Người thực hiện đứng ở tư thế xuất phát cao sát ngay vạch xuất phát, khi nghe lệnh “Chạy” thì nhanh chóng rời khỏi vạch xuất phát và chạy nhanh về đích. Thành tích được tính bằng thời gian chạy từ vạch vạch xuất phát đến chạm dây đích và vượt qua mặt phẳng thẳng đứng của dây đích (30m).

Kết quả: đo một lần chạy và được tính bằng giây.



Hình 2.1. Test chạy 30m xuất phát cao (giây)

Tổ chất mạnh

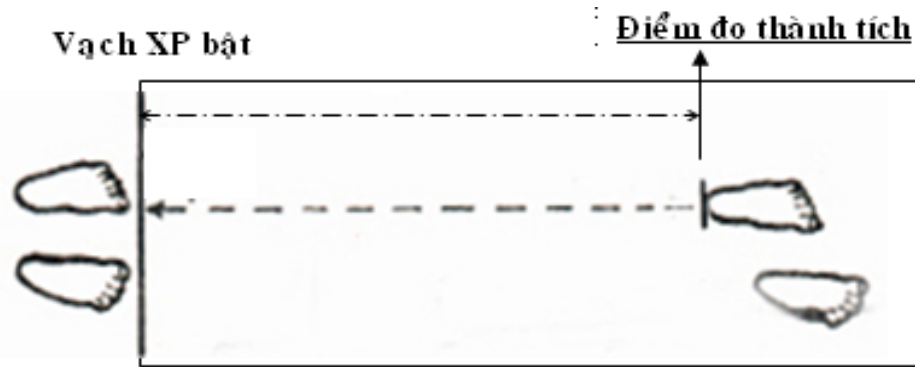
Bật xa tại chỗ (cm)

Mục đích: đánh giá sức mạnh bộc phát tổng hợp của nhóm cơ chi dưới và cơ lưng.

Dụng cụ, sân kiểm tra: thước dây, hồ nhảy xa, giấy bút, biên bản ghi chép.

Phương pháp tiến hành: người thực hiện đứng sau vạch kiểm tra của ván giậm nhảy, ở tư thế ngồi xổm, sau đó dùng lực đạp của hai chân và sự phối hợp toàn thân bật người lên bay về trước và rơi xuống bằng hai chân vào hố cát. Thành tích được tính bằng khoảng cách từ điểm chạm của bất cứ bộ phận nào của cơ thể với hố cát gần với vạch xuất phát nhất, từ đó kéo thước đo vuông góc với vạch xuất phát.

Kết quả: thực hiện 03 lần và lấy lần có thành tích cao nhất (cm).



Hình 2.2. Test bột xa tại chỗ (cm)

Lực bóp tay thuận (kg)

Mục đích: đánh giá sức mạnh của bàn tay thuận.

Dụng cụ đo: lực kế kiểu Collin.

Phương pháp tiến hành: người được kiểm tra đứng ở tư thế thẳng tự nhiên tay duỗi thẳng ra ngang tạo với trục dọc cơ thể một góc 45° . Lực kế được đặt trong lòng bàn tay giữa ngón cái và các ngón còn lại. Người được đo dùng lực hết sức của tay thuận bóp mạnh. Thành tích được tính bằng cách đọc số kilogram trên đồng hồ lực kế.

Kết quả: đo hai lần lấy lần có thành tích cao nhất (kg).

Tổ chất bền

Để đánh giá sức bền, người ta thường sử dụng chạy với cự ly dài tính thời gian hoặc chạy với thời gian nhất định tính cự ly (số mét) chạy được.

Chạy 5 phút tùy sức (m):

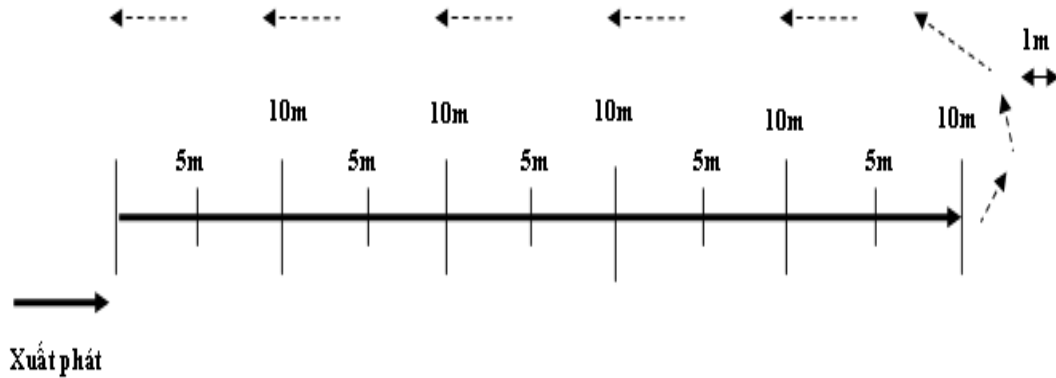
Đường chạy tối thiểu dài 50m, rộng ít nhất 02m, hai đầu kẻ hai đường giới hạn, phía ngoài hai giới hạn có khoảng trống ít nhất 1m, để chạy quay vòng. Giữa đầu đường chạy (tìm đường) đặt vật chuẩn để quay vòng. Trên đoạn 50m, đánh dấu từng đoạn 10m để xác định phần lẻ của quanh đường (5m) sau khi hết thời gian chạy.

Khi có lệnh “Chạy” đối tượng điều tra chạy trong ô chạy, hết đoạn đường 50m, vòng (bên trái) qua vật chuẩn, chạy lặp lại trong vòng thời gian 05 phút. Người chạy nên chạy từ từ ở những phút đầu, phân phối đều và tùy theo sức của mình mà tăng tốc dần. Nếu mệt, có thể chuyển dần thành đi bộ cho đến hết giờ.

Mỗi đối tượng điều tra có một số đeo ở ngực và tay cầm tích-kê có số tương ứng. Khi có lệnh dừng chạy, lập tức thả ngay tích-kê của mình xuống

ngay chân tiếp đất để đánh dấu số lẻ quãng đường chạy, sau đó chạy chậm dần hoặc đi bộ thả lỏng để lấy lại sức.

Đơn vị đo quãng đường chạy là mét (m).



Hình 2.3. Test chạy tùy sức 5 phút(m)

Tổ chất khéo léo (năng lực phối hợp vận động)

Chạy con thoi 4 x10m (giây)

Mục đích: Đánh giá sự nhanh nhẹn khéo léo trong chạy có chuyển hướng.

Dụng cụ sân bãi: Trên mặt sân bằng phẳng kẻ hai vạch vôi song song cách nhau 10m. Đồng hồ bấm giây điện tử (Casio Japan) có độ chính xác 1/100 giây, cờ, biên bản chạy, giấy bút ghi chép.

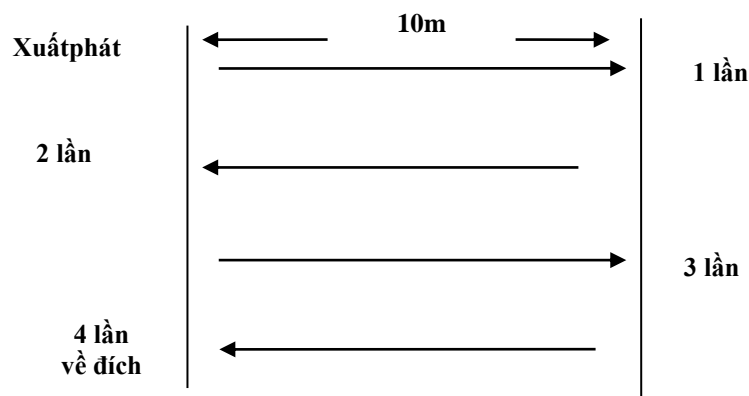
Cách tiến hành:

Mỗi lần chạy một học sinh. Người thực hiện ở tư thế xuất phát cao tại vạch xuất phát, sau khi nghe lệnh “*Chạy*” thì nhanh chóng rời khỏi vị trí và chạy nhanh đến giẫm lên vạch vôi được kẻ ở phía bên kia, sau đó quay lại chạy nhanh về giẫm lên vạch xuất phát cũ và làm giống như vậy lần nữa để về đích. Mỗi người chỉ chạy một lần

Cách lấy kết quả:

Thành tích được tính bằng thời gian chạy từ vạch vôi xuất phát đến qua mặt phẳng đích (40m), gồm bốn lần (mỗi lần 10m).

Kết quả đo được tính bằng giây.



Hình 2.5. Chạy con thoi 4x 10m

Tổ chất sức mạnh bền

Nằm ngửa gập bụng (số lần trên/ 30 giây)

Mục đích: đánh giá sức mạnh của cơ thân mình.

Dụng cụ sân bãi: thảm cao su, đồng hồ bấm giây điện tử (Casio JaPan) có độ chính xác 1/100 giây, giấy bút ghi chép.

Cách tiến hành:

Đối tượng điều tra ngồi trên thảm, chân co 90^0 ở khớp gối, bàn chân áp sát sàn, lòng bàn tay áp chặt vào sau đầu, các ngón tay đang chéo nhau, khuỷu tay chạm đùi.

Người thứ hai hỗ trợ bằng cách ngồi lên mu bàn chân, đối diện với đối tượng kiểm tra, hai tay giữ ở phần dưới cẳng tay, nhằm không cho bàn chân đối tượng điều tra tách xa khỏi sàn.

Khi có hiệu lệnh “*bắt đầu*” đối tượng điều tra ngã người nằm ngửa ra, hai bả vai chạm sàn sau đó gập bụng thành ngồi, hai khuỷu tay chạm đùi, thực hiện động tác gập thân đến 90^0 . Mỗi lần ngã người, co bụng được tính một lần. Điều tra viên thứ nhất ra lệnh “*bắt đầu*”, bấm đồng hồ, đến giây thứ 30, “*hò kết thúc*”, điều tra viên thứ hai đếm số lần gập bụng.

Yêu cầu đối tượng điều tra làm đúng kỹ thuật và cố gắng thực hiện được số lần cao nhất trong 30 giây. Mỗi người thực hiện một lần.

Cách lấy kết quả: tính số lần đạt yêu cầu trong 30 giây.

2.2.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Mục đích – ý nghĩa: Luận án sử dụng phương pháp này thông qua việc thu thập những thông tin được thực hiện bởi những quan sát trong điều kiện gây biến đổi đối tượng khảo sát, môi trường xung quanh. Phương pháp thực nghiệm sư phạm phổ biến rộng rãi trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội và

được sử dụng vào chương trình giảng dạy, huấn luyện, những nhân tố mới được nghiên cứu và ảnh hưởng của chúng đối với những nhân tố khác trong nghiên cứu khoa học lĩnh vực TDTT.

Cách thức thực nghiệm: kết quả thực nghiệm xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên tại Trường ĐHCT sẽ kiểm nghiệm và đánh giá được mức độ hiệu quả về các mặt phát triển thể lực, mức độ hài lòng trên khách thể nghiên cứu cũng như đánh giá mức độ hiệu quả về một số mặt (chính trị tuyên truyền, kinh tế, giáo dục...) của CLB TDTT ngoại khóa.

Khách thể thực thực nghiệm: sinh viên năm 1 và sinh viên năm 2 Trường ĐHCT

+ Sinh viên nhóm thực nghiệm (120 SV nam –nữ) được tập luyện theo chương trình giảng dạy của CLB TDTT ngoại khóa mà Luận án xây dựng. Được giảng viên hướng dẫn, có kiểm soát thời lượng hoạt động. Thời gian tham gia CLB TDTT NK của sinh viên nhóm thực nghiệm là 17h30 – 19h30, các ngày trong tuần. Thời lượng tham gian của mỗi sinh viên nhóm thực nghiệm là 03 buổi/ tuần.

+ Sinh viên nhóm sinh viên so sánh (60 SV nam – nữ) tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa tự cá nhân, theo thói quen bình thường hàng ngày, thời lượng và nội dung không được kiểm soát chặt chẽ.

Luận án thực nghiệm nội dung chương trình giảng dạy bóng chuyền, thể dục nhịp điệu và cầu lông ngoại khóa.

2.2.5. Phương pháp toán học thống kê

Phương pháp này sử dụng trong việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của Luận án. Trong quá trình thu thập và xử lý số liệu, Luận án đã sử dụng các tham số đặc trưng, thường qui, truyền thống, được trích xuất từ các tài liệu chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học. Luận án xử lý số liệu với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 20.0, Microsoft Excel (Office 2016).

- **Giá trị trung bình:** (\bar{X}) Là tổng lượng trị số các cá thể với tổng số cá thể của tập hợp mẫu.

$$\bar{X} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

Trong đó : n : tổng số đối tượng quan sát.

X_i : giá trị từng đối tượng quan sát.

\sum : là ký hiệu tổng cộng.

$\sum_{i=1}^n X_i$: là tổng giá trị đạt được của đối tượng nghiên cứu từ $i=1$.

- **Độ lệch chuẩn (σ):** là chỉ số nói lên tính chất phân bố của các trị số X_i chung quanh giá trị trung bình.

$$\sigma = \sqrt{\frac{\sum_i (X_i - \bar{X})^2}{n}}$$

- **Sai số tương đối của giá trị trung bình (ε):** dùng để kiểm tra tính đại diện của tập hợp mẫu với tổng thể qua giá trị số trung bình

$$\varepsilon = \frac{t_{0.05} \times \sigma_x}{\bar{x}}$$

Trong đó: + $t_{0.05}$ là giá trị giới hạn chỉ số t_{student} ứng với xác suất $p = 0.05$ và độ tự do n

+ σ_x : là sai số chuẩn của số trung bình : $\sigma_x = \frac{\sigma}{\sqrt{n}}$

- **Hệ số biến thiên (C_v):** là tỉ lệ phần trăm giữa độ lệch chuẩn và trung bình cộng, dùng để đánh giá tính chất đồng đều của các chỉ tiêu nghiên cứu

$$C_v = \frac{\sigma}{\bar{x}} \cdot 100\%$$

Cách đánh giá:

+ $C_v \leq 10\%$ các số liệu phân bố tập trung quanh số trung bình.

+ $C_v > 10\%$ các số liệu phân bố phân tán xung quanh số trung bình.

- **Chỉ số x^2** : Sử dụng chỉ số này nhằm đánh giá mức độ khác biệt giữa 2 kết quả phỏng vấn.

$$x^2 = \sum \frac{(Q_i - L_i)^2}{L_i}$$

Trong đó : Q_i là tần số quan sát

L_i là tần số lý thuyết

- **Chỉ số t- Student:**

- t (student) 2 mẫu có liên quan: $t = \frac{\bar{x}_d}{\frac{\sigma_d}{\sqrt{n}}}$

- t (student) 2 mẫu độc lập:

$$t = \frac{\bar{x}_a - \bar{x}_b}{\sqrt{\frac{\sigma_a^2}{n_a} + \frac{\sigma_b^2}{n_b}}}$$

Trong đó: t là chỉ số *Student*
 d hiệu số giữa các cặp giá trị
 n là số cặp

- Nhịp độ tăng trưởng: S. Brody %

$$W\% = \frac{100 \times (V_2 - V_1)}{0.5 \times (V_1 + V_2)}$$

Trong đó: W : nhịp độ phát triển %.

V_1 : kết quả kiểm tra lần trước của các chỉ tiêu \bar{X}_1 .

V_2 : kết quả kiểm tra lần sau của các chỉ tiêu \bar{X}_2 .

100 và 0,5 : là các hằng số.

-Kiểm nghiệm Chi – Square χ^2 : Kiểm nghiệm sự khác biệt giữa các nhóm thực nghiệm và đối chứng

-Phân tích phương sai ANOVA: sử dụng để so sánh khác biệt giữa các nhóm sinh viên thực nghiệm và nhóm sinh viên so sánh.

-Phân tích độ tin cậy nội tại (*Internal Consistent Reliability Analysis*)

Cronbach's Alpha là phép kiểm định thống kê về mức độ chặt chẽ (khả năng giải thích cho một khái niệm nghiên cứu) mà các mục hỏi trong thang đo tương đương với nhau. Hệ số Cronbach's Alpha không cho biết biến đo lường nào cần loại bỏ và biến đo lường nào cần giữ lại, chính vì vậy mà ta xét thêm hệ số tương quan tổng biến của các biến. Các biến có hệ số tương quan tổng biến (*Corrected item total correlation*) nhỏ hơn 0.3 được coi là biến “rác” và sẽ bị loại ra khỏi thang đo [57].

Các mức giá trị của Cronbach's Alpha: lớn hơn 0.8 là thang đo lường tốt; từ 0.7 đến 0.8 là sử dụng được; từ 0.6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu [57].

-Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sử dụng phương pháp này để khám phá ra cấu trúc cơ bản của một tập hợp các biến có liên quan với nhau.

*** Kiểm tra điều kiện để thực hiện EFA:**

Trong EFA, kích thước mẫu thường được xác định dựa vào “kích thước tối thiểu” và “số lượng biến đo lường đưa vào phân tích”. Điều kiện để thực hiện EFA như sau:

- Hair và cộng sự (2009) cho rằng để sử dụng EFA, kích thước mẫu tối thiểu phải là 50, tốt hơn nên là 100. Ông Hair đề nghị, cố gắng tối đa hóa tỷ lệ quan sát trên mỗi biến đo lường là 5:1, có nghĩa là cứ 1 biến đo lường thì cần tối thiểu là 5 quan sát [81].

- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) cho rằng số lượng quan sát (cỡ mẫu) ít nhất phải gấp 4 đến 5 lần số biến trong phân tích nhân tố [61].

Tiêu chuẩn Eigenvalue là một tiêu chí sử dụng phổ biến trong việc xác định số lượng nhân tố trích trong phân tích EFA. Với tiêu chí này, số lượng nhân tố được xác định ở nhân tố có Eigenvalue tối thiểu bằng 1. Ngoài ra, tổng phương sai trích (TVE) cần phải được xem xét, tổng này phải lớn hơn 0.5 (50%), nghĩa là phần chung phải lớn hơn phần riêng (Nguyễn Đình Thọ, 2011) [57].

Factor loading (hệ số tải nhân tố hay trọng số nhân tố) là chỉ tiêu để đảm bảo ý nghĩa thiết thực của EFA:

- Factor loading > 0.3 được xem là đạt mức tối thiểu;
- Factor loading > 0.4 được xem là quan trọng;
- Factor loading > 0.5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn.

Ngoài ra, chênh lệch giữa các hệ số tải nhân tố của một biến quan sát phải lớn hơn 0.3. Tuy nhiên, cũng giống như Cronbach's Alpha, việc loại bỏ các biến quan sát cần phải xem xét sự đóng góp về mặt nội dung của biến đó trong khái niệm nghiên cứu (Nguyễn Đình Thọ, 2011) [57].

2.3. Tổ chức nghiên cứu

2.3.1. Kế hoạch nghiên cứu

Đề tài được tiến hành trong thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 05/2023:

*** Gian đoạn 1: Từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017**

- Định hướng nghiên cứu trên cơ sở phân tích, tổng hợp kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước, ngoài nước có liên quan. Tham vấn ý kiến của các nhà chuyên môn về định hướng nghiên cứu.

- Xây dựng đề cương luận án và bảo vệ đề cương luận án trước Hội đồng.

- Xây dựng kế hoạch, xin ý kiến với Ban lãnh đạo Bộ môn GDTC, Trường ĐHCCT về kế hoạch nghiên cứu.

- Xây dựng các phiếu phỏng vấn, điều tra dự thảo, tập huấn đội ngũ cộng tác viên và tiến hành điều tra, khảo sát các thông tin, dữ liệu có liên quan của Trường ĐHCCT.

*** Giai đoạn 2: Từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 05 năm 2019**

- Tổng hợp tài liệu viết phần tổng quan các vấn đề nghiên cứu, xây dựng kế hoạch khung, kế hoạch nghiên cứu chi tiết của luận án.

- Tham vấn ý kiến của chuyên gia, thu thập thông tin về xác định các tiêu chí đánh giá hoạt động TDTT ngoại khóa. Tổng hợp thông tin làm cơ sở xây dựng phiếu phỏng vấn.

- Tiến hành phỏng vấn xác định các tiêu chí đánh giá tiêu chí đánh giá hoạt động TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT, xử lý các yêu cầu toán thống kê cho phiếu phỏng vấn.

- Xin ý kiến giảng viên hướng dẫn khoa học và chuyên gia về kết quả phân tích xác định các tiêu chí đánh giá.

- Tiến hành phỏng vấn giảng viên, cán bộ quản lý, chuyên gia, sinh viên và tính toán, phân tích kết quả phỏng vấn thực trạng công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT; phân tích cơ sở thực tiễn, nhu cầu của SV Trường ĐHCT về nội dung, hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa.

- Kiểm tra thể chất và đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên ĐHCT về chương trình môn học GDTC, học kỳ 2 năm học 2018 – 2019.

- Hoàn chỉnh mục tiêu nghiên cứu thứ nhất của luận án và xin ý kiến chuyên gia, giảng viên hướng dẫn khoa học.

*** Giai đoạn 3: Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019**

- Xây dựng CLB TDTT NK phù hợp cho SV Trường ĐHCT

- Xác định hình thức, nội dung hoạt động CLB TDTT NK phù hợp với SV Trường ĐHCT.

- Xác định các yếu tố, điều kiện cần thiết cho hoạt động CLB TDTT NK theo môn thể tự chọn tương đồng với CT môn học GDTC nội khóa.

- Xây dựng CLB TDTT NK với hình thức CLB TDTT công lập do Trường ĐHCT tổ chức quản lý.

- Xây dựng nội dung giảng dạy ngoại khóa môn bóng chuyền, môn thể dục nhịp điệu, môn cầu lông cho sinh viên Trường ĐHCT.

- Kiểm tra thể lực chung của các nhóm thực nghiệm

- Hoàn thiện mục tiêu nghiên cứu thứ hai của luận án và xin ý kiến đóng góp của chuyên gia và giảng viên hướng dẫn khoa học.

*** Giai đoạn 4: Từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021**

- Xử lý dữ liệu kiểm tra thể lực chung và đánh giá, xếp loại thể lực chung các nhóm trước thực nghiệm.

- Tiến hành thực nghiệm hoạt động CLB TDTT ngoại khóa phù hợp với SV Trường ĐHCT ở môn thể thao bóng chuyền, thể dục nhịp điệu, cầu lông.

- Tiến hành phỏng vấn và kiểm tra khách thể phỏng vấn và kiểm tra sự phạm sau thực nghiệm; tính toán và phân tích dữ liệu sau thực nghiệm

- Hoàn thiện mục tiêu nghiên cứu thứ ba của luận án và xin ý kiến chuyên gia, giảng viên hướng dẫn khoa học.

*** Giai đoạn 5: Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 05 năm 2023**

- Viết và hoàn thiện luận án và xin đóng góp ý kiến của giảng viên hướng dẫn khoa học và của chuyên gia.

- Báo cáo chuyên đề nghiên cứu.

- Báo cáo Luận án cấp khoa chuyên môn, sau đó sửa chữa bổ sung theo ý kiến của Hội đồng Khoa học.

- Báo cáo Luận án cấp cơ sở, sau đó sửa chữa bổ sung theo ý kiến của Hội đồng Khoa học.

- Báo cáo Luận án cấp trường, sau đó sửa chữa bổ sung theo ý kiến của Hội đồng Khoa học.

2.3.2. Địa điểm và đơn vị phối hợp nghiên cứu

- Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường Đại học Cần Thơ.

Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ

3.1.1. Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí, thang đo về hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

3.1.1.1. Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

Lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

Luận án tiến hành lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT thông qua các bước như sau:

- *Bước 1:* Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, kết hợp phân tích, tổng hợp các công trình nghiên cứu được công bố về công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDTT trường học, luận án thống kê các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT.

- *Bước 2:* Thiết kế phiếu phỏng vấn các nhà chuyên môn, giảng viên, nhà khoa học xác định các tiêu chí phù hợp nhằm đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

- *Bước 3:* Lựa chọn các tiêu chí phù hợp đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

- *Bước 4:* Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT theo các tiêu chí được lựa chọn.

Kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước công bố gần đây về công tác GDTC và hoạt động TDTT trong trường đại học, cao đẳng:

+ Tác giả Nguyễn Đức Thành [55] và tác giả Nguyễn Gắng [28] đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa SV thông qua nội dung, hình thức, các yếu tố ảnh hưởng đến tập luyện TDTT NK.

+ Tác giả Đặng Minh Thắng [53] đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK SV thông qua các chỉ tiêu : sự quan tâm của các cấp lãnh đạo nhà trường; chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy TDTT ngoại khóa; điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động TDTT ngoại khóa; kinh phí hoạt động TDTT ngoại

khóa; nội dung chương trình giảng dạy TDTT ngoại khóa; hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa; nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa; sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa; trình độ thể lực của sinh viên; sự hài lòng của sinh viên về các môn TDTT ngoại khóa; kết quả học tập GDTC.

+ Tác giả Đặng Minh Thành [56] xác định các tiêu chí đánh giá định lượng thực trạng nội dung và phương pháp tổ chức TTNK cho sinh viên tỉnh Sóc Trăng bao gồm : đánh giá thể lực ; số lượng SV tham gia TT NK ; số lượng đội nhóm, CLB TDTT NK ; số lượng SV tham gia thi đấu giải TT và thành tích của đội tuyển thể thao... Bên cạnh đó, luận án tổng hợp kết quả nghiên cứu của các tác giả Trần Ngọc Cương [28], Nguyễn Văn Hòa [35], Nguyễn Thanh Hùng [38] ... và thực trạng điều kiện cụ thể của Trường ĐHCT, luận án đã xây dựng phiếu khảo sát lựa chọn tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Nhà trường bao gồm 05 tiêu chí và phân bổ sung thêm các tiêu chí (P.PL1). Luận án tiến hành phỏng vấn 30 nhà khoa học, giảng viên, theo thang đánh giá Likert mức độ 1-5 nhằm đảm bảo đầy đủ độ tin cậy, đầy đủ và phù hợp các tiêu chí được lựa chọn. Trình độ chuyên môn, học hàm, học vị của các nhà chuyên môn được trình bày cụ thể qua bảng 3.1.

Bảng 3.1. Thống kê trình độ chuyên môn, học hàm, học vị của nhà khoa học, giảng viên được phỏng vấn

TT	NHÀ KHOA HỌC, GIẢNG VIÊN ĐƯỢC PHỎNG VẤN	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1	PGS, TS	07	23.33
2	Giảng viên giảng viên chính	09	30.0
3	Thâm niên công tác trong các trường đại học, cao đẳng từ 5 năm trở lên	30	100.0

Qua bảng 3.1, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, học hàm, học vị của người được phỏng vấn. Nhà chuyên môn có học hàm, học vị phó giáo sư và tiến sĩ chiếm tỷ lệ 23.33% (07/30 người được phỏng vấn), giảng viên chính chiếm tỷ lệ 30.0% (09/30 người được phỏng vấn) và 100% nhà chuyên môn có thâm niên công tác trên 5 năm. Kết quả phỏng vấn, không có bổ sung thêm tiêu chí nào khác ngoài các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT do đề tài đề xuất, được trình bày qua bảng 3.2.

Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHTC (n=30)

Mã hóa	Các tiêu chí đánh giá	Số lượng (N)	Mean (Trung bình)	Std. Deviation (Độ lệch chuẩn)	Min (Giá trị nhỏ nhất)	Max (Giá trị lớn nhất)
TC1	Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHTC	30	4.60	.724	2	5
TC2	Hình thức, nội dung, phương thức tổ chức thể thao NK SV Trường ĐHTC	30	4.53	.937	2	5
TC3	Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDDT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHTC	30	4.47	.819	2	5
TC4	Hiệu quả của hoạt động TDDT ngoại khóa SV Trường ĐHTC	30	4.43	.935	2	5
TC5	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDDT ngoại khóa	30	4.53	.681	2	5

Qua bảng 3.2, cho thấy 05 tiêu chí có giá trị trung bình từ 4.43 đến 4.60. Các tiêu chí được lựa chọn đều đạt mức cần thiết. Nhằm xác định độ tin cậy của các tiêu chí, đề tài tiến hành phân tích hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy. Kết quả được trình bày ở bảng 3.3.

Bảng 3.3. Hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy các tiêu chí

Reliability Statistics (Thống kê tin cậy)

Chỉ số Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items (Số lượng các mục hỏi)
.946	.950	5

Kết quả bảng 3.3, phân tích hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy tổng thể các tiêu chí được lựa chọn là 0.946 (Các mức giá trị của Alpha: lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu _Nunally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995; dẫn theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Điều đó cho thấy các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDDT sinh viên Trường ĐHTC đảm bảo độ tin cậy cần

thiết về tổng thể (05 tiêu chí). Đề tài tiến hành phân tích mối tương quan với biến tổng thể và hệ số tin cậy của từng tiêu chí, nhằm cần thiết phải loại bỏ các tiêu chí có hệ số Cronbach's Alpha Item Deleted không đạt yêu cầu, kết quả được trình bày qua bảng 3.4.

Bảng 3.4. Phân tích mối tương quan với biến tổng thể và hệ số tin cậy của từng tiêu chí được lựa chọn

Item-Total Statistics (Hệ số tương quan biến tổng)

MÃ TIÊU CHÍ	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Squared Multiple Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TC1	17.97	9.620	.869	.794	.933
TC2	18.03	8.171	.933	.917	.920
TC3	18.10	9.197	.841	.756	.936
TC4	18.13	8.533	.849	.792	.937
TC5	18.03	10.033	.822	.812	.942

Qua bảng 3.4, cho thấy các tiêu chí đều có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted từ 0.920 đến 0.942, và hệ số này lớn hơn 0.6, từng tiêu chí đều đạt mối tương quan với biến tổng > 0.3 . Điều đó khẳng định rằng, các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT đảm bảo độ tin cậy cần thiết, không cần loại bỏ tiêu chí nào (*Theo Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005, Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha chỉ cho biết các đo lường có liên kết với nhau hay không; nhưng không cho biết biến quan sát nào cần bỏ đi và biến quan sát nào cần giữ lại. Khi đó, việc tính toán hệ số tương quan giữa biến-tổng sẽ giúp loại ra những biến quan sát nào không đóng góp nhiều cho sự mô tả của khái niệm cần đo*).

Kết quả phỏng vấn, kiểm nghiệm độ tin cậy, đề tài đã tiến hành lựa chọn được 05 tiêu chí phù hợp, nhằm đánh giá thực trạng hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT, cụ thể:

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT
- Hình thức, nội dung, phương thức tổ chức thể thao NK SV Trường ĐHCT
- Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT
- Hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

- Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa.

Xây dựng các nội dung các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

Nhằm phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT theo các tiêu chí được lựa chọn, luận án xây dựng các nội dung đánh giá như sau:

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT: Sự quan tâm của Ban Giám hiệu Nhà trường, lãnh đạo các cấp đối với hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên; đội ngũ giảng viên GDTC; Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, kinh phí phục vụ hoạt động TDTT cho sinh viên và nhận thức của giảng viên, sinh viên, động cơ của sinh viên đối với hoạt động TDTT ngoại khóa.

- Hình thức, nội dung, phương thức tổ chức thể thao NK SV Trường ĐHCT. Luận án phân tích đánh giá nội dung, kế hoạch chương trình môn học GDTC nội khóa các môn thể thao tự chọn cho sinh viên toàn trường và thực trạng hình thức, phương thức tổ chức hoạt động thể thao NK; khảo sát mức độ cần thiết, nhu cầu xây dựng, biên soạn nội dung, chương trình giảng dạy ngoại khóa các môn thể thao tự chọn, đáp ứng nguyện vọng của SV Nhà trường.

- Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT. Luận án xây dựng phiếu phỏng vấn (P.PL7) phỏng vấn sinh viên về mức độ hài lòng đối với chương trình môn học GDTC của Nhà trường; thực trạng tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa của SV. Luận án xây dựng phiếu phỏng vấn (P.PL7) phỏng vấn sinh viên về nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa; các môn thể thao được lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa; các vấn đề tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa thông qua hình thức CLB TDTT ngoại khóa môn thể thao tự chọn.

- Hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT. Luận án tiến hành đánh giá, phân loại thể lực sinh viên nam – nữ tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa. Luận án tham khảo ý kiến của Lãnh đạo Phòng ban/ Trung tâm/ Viện, Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao (P.PL6) và giảng viên Bộ môn GDTC (P.PL5) về hoạt động TDTT ngoại khóa về hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.

- Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDDT ngoại khóa. Luận án tham khảo ý kiến của Lãnh đạo Phòng ban/ Trung tâm/ Viện, Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao (P.PL6) và giảng viên Bộ môn GDTC (P.PL5) về mức độ hài lòng về hoạt TDDT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.

3.1.1.2. “*Nghiên cứu xây dựng thang đo mức độ hài lòng của sinh viên tham gia CLB TDDT ngoại khóa thể thao Trường ĐHCT*”. Thang đo về sự hài lòng của sinh viên sau khi tham gia lớp học, hoạt động TDDT đã được nhiều tác giả trong nước nghiên cứu, công bố.

+ Tác giả Võ Văn Việt [70] Trường Đại học Sư phạm TP.HCM cho rằng các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ đào tạo bao gồm các nhân tố: chương trình đào tạo, giảng viên, hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ...

+ Tác giả Nguyễn Trương Phương Uyên [65] Trường Đại học Tài Chính Marketing TP.HCM cho rằng sự hài lòng của sinh viên sau khi tham gia lớp học GDTC thông qua thang đo gồm 02 nhân tố sự hứng thú và giá trị với 13 biến quan sát.

+ Tác giả Nguyễn Hữu Vũ [71] Trường Đại học Hoa Sen cho rằng đánh giá của SV sau khi tham gia học tập GDTC mới được xây dựng thông qua các nhân tố: hoạt động giảng dạy của giảng viên; thông tin môn học/ giáo trình tài liệu và cơ sở vật chất – trang thiết bị phục vụ dạy học...

+ Tác giả Nguyễn Văn Điệp [30] Trường Đại học Tây Đô cho rằng các yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ cơ sở vật chất trường đại học Tây Đô có 5 yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của sinh viên là: cơ sở vật chất phòng học; quản lý bảo trì; nhân viên phục vụ; cơ sở vật chất truyền thông và quản lý giải pháp đáp ứng yêu cầu sinh viên.

Căn cứ điều kiện cụ thể của Trường ĐHCT, đề tài đã đề xuất thang đo về sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDDT ngoại khóa gồm 15 biến quan sát, thông qua các tiêu chí: *Các điều kiện đảm bảo; Thành viên CLB TDDT ngoại khóa SV và Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDDT ngoại khóa*, cụ thể qua bảng 3.5.

Bảng 3.5. Các tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT

TT	MÃ HÓA TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ
1	ĐKĐB	Các điều kiện đảm bảo
1.1	ĐKĐB1	Sự quan tâm của lãnh đạo các cấp đối với hoạt động CLB TDTT ngoại khóa SV
1.2	ĐKĐB2	Công tác quản lý, tổ chức điều hành hoạt động, tập luyện CLB TDTT ngoại khóa SV
1.3	ĐKĐB3	Các hoạt động giao lưu khác trong trường, ngoài trường
1.4	ĐKĐB4	Kế hoạch, chương trình, nội dung tập luyện CLB TDTT ngoại khóa SV
1.5	ĐKĐB5	Điều kiện sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị tập luyện TDTT
2	TV CLB	Thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV
2.1	TV CLB1	Ban chủ nhiệm và các thành viên các Tiểu ban chuyên môn ứng xử hòa nhã, thân thiện
2.2	TV CLB2	Giảng viên, huấn luyện viên ứng xử hòa nhã, thân thiện
2.3	TV CLB3	Các thành viên có tinh thần đoàn kết, hợp tác
2.4	TV CLB4	Sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa luôn thân thiện, hòa đồng
3	SVHL	Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa
3.1	SVHL1	Sinh viên thích tham gia CLB TDTT ngoại khóa
3.2	SVHL2	Sinh viên có cảm xúc rất tốt sau khi tham gia các buổi tập TDTT ngoại khóa
3.3	SVHL3	Tham gia CLB TDTT ngoại khóa, sinh viên thấy vui khi sinh hoạt nhóm, tập thể
3.4	SVHL4	Tham gia CLB TDTT ngoại khóa rất hữu ích cho sức khỏe của tôi
3.5	SVHL5	Tôi sẵn sàng dành thêm thời gian và giới thiệu các bạn tôi tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa
3.6	SVHL6	Tham gia CLB TDTT ngoại khóa, góp phần giúp tôi hiểu được tầm quan trọng của việc làm việc nhóm

Luận án tiến hành kiểm định độ tin cậy của các tiêu chí, thang đo thông quan các công cụ toán thống kê. Chúng tôi tiến hành kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy của các biến quan sát, nhằm loại bỏ các biến không đảm bảo tính đại diện, độ tin cậy của thang đo. Kết quả sinh viên được trình bày ở bảng 3.6.

Bảng 3.6. Tổng hợp phân tích hệ số Cronbach' Alpha về thang đo sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa

STT	Biến quan sát	Hệ số tương quan - biến tổng	Hệ số Cronbach' Alpha nếu loại biến	Hệ số Cronbach' Alpha	Biến quan sát bị loại
1	Các điều kiện đảm bảo (ĐKĐB)				
1.1	ĐKĐB1	.495	.736	.763	<i>Không có biến bị loại</i>
1.2	ĐKĐB2	.638	.682		
1.3	ĐKĐB3	.484	.737		
1.4	ĐKĐB4	.543	.717		
1.5	ĐKĐB5	.512	.727		
2	Thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV (TV CLB)				
2.1	TV CLB1	.648	.795	.833	<i>Không có biến bị loại</i>
2.2	TV CLB2	.570	.828		
2.3	TV CLB3	.726	.759		
2.4	TV CLB4	.710	.768		
3	Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa (SVHL)				
3.1	SVHL1	.703	.816	.854	SVHL6=0.272<0.3, bị loại
3.2	SVHL2	.651	.829		
3.3	SVHL3	.744	.803		
3.4	SVHL4	.667	.824		
3.5	SVHL5	.611	.844		

Qua bảng 3.6, cho thấy, hệ số Cronbach' Alpha của các nhân tố: *Các điều kiện đảm bảo*; *Thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV* và *Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa* đều lớn hơn 0.7 (ĐKĐB=0.763, TV CLB=0.833 và SVHL=0.854), cho thấy thang đo được xây dựng có độ tin cậy cao. Thang đo gồm 14 biến quan sát (loại 01 biến SVHL6). Luận án tiến hành các phân tích tiếp theo.

Trên cơ sở phân tích hệ số Cronbach' Alpha thang đo đủ độ tin cậy, gồm 14 biến quan sát, đề tài tiến hành phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) cho các biến độc lập. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) là một phương pháp phân tích định lượng dùng để rút gọn một tập gồm

nhiều biến đo lường phụ thuộc lẫn nhau thành một tập biến ít hơn (gọi là các nhân tố) để chúng có ý nghĩa hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết nội dung thông tin của tập biến ban đầu (Hair et al. 2009) [82].

Phương pháp Principal Components Analysis với phép xoay Promax được sử dụng nhằm phân tích nhân tố khám phá EFA thông qua hệ số KMO (Kaiser – Meyer – Olkin).

** Kiểm tra các điều kiện để thực hiện EFA:*

Thang đo sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT thỏa mãn các điều kiện:

+ Theo tác giả Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), số lượng quan sát (cỡ mẫu) ít nhất phải gấp 4 đến 5 lần số biến trong phân tích nhân tố [61]. Số lượng sinh viên tham gia khảo sát là 105 sinh viên nhóm thực nghiệm. Số biến quan sát là 15 (số lượng SV là $105 > 18 \times 5 = 75$, số lượng mẫu tối thiểu).

+ Theo Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2009) [57], loại bỏ các biến quan sát có hệ số Cronbach' Alpha < 0.3 , vì có thể là biến rác. Thang đo đề tài xây dựng có hệ số Cronbach' Alpha > 0.3 , nên đạt yêu cầu.

** Điều kiện cần để bảng kết quả ma trận xoay có ý nghĩa thống kê là:*

- Hệ số KMO phải nằm trong đoạn từ 0.5 đến 1
- Kiểm định Barlett có sig. phải nhỏ hơn 0.05
- Giá trị Eigenvalue lớn hơn hoặc bằng 1.0
- Tổng phương sai trích lớn hơn hoặc bằng 50%.

Các kết quả phân tích nhân tố nhân tố khám phá EFA về thang đo sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT được thể hiện qua bảng 3.7 và bảng 3.8.

Bảng 3.7. Kiểm định KMO và Bartlett thang đo sự hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHTC

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.795
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	594.773
	df	91
	Sig.	.000

Bảng 3.8. Ma trận nhân tố với phương pháp xoay Varimax thang đo sự hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHTC

Rotated Component Matrix^a			
Các nhân tố ảnh hưởng	Component		
	1	2	3
ĐKĐB1			.701
ĐKĐB2			.812
ĐKĐB3			.637
ĐKĐB4			.716
ĐKĐB5			.700
TV CLB1		.715	
TV CLB2		.791	
TV CLB3		.799	
TV CLB4		.810	
SVHL1	.811		
SVHL2	.733		
SVHL3	.852		
SVHL4	.738		
SVHL5	.696		

Kết quả phân tích EFA được dừng ở lần chạy thứ 2 (lần thứ 2 loại biến SVHL6, hệ số tải < 0.5). Kết quả chạy EFA lần cuối, hệ số KMO=0.795, giá trị

kiểm định Bartlett Test sig = 0.000 < 0.05 có ý nghĩa thống kê. Hệ số tải của các biến đều > 0.5, cho thấy các biến quan sát của 03 nhóm nhân tố đều có ý nghĩa, với sai số trích 61.34%. Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (>1), nhân tố thứ 3 có Eigenvalues thấp nhất là 1.487 > 1. Như vậy, thang đo khảo sát sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT gồm 03 nhân tố *Các điều kiện đảm bảo; Thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV và Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa* với 14 biến quan sát đảm bảo tính khoa học, tin cậy.

3.1.2. Thực trạng các điều kiện đảm bảo hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

3.1.2.1. *Thực trạng sự quan tâm của Ban Giám hiệu (BGH), lãnh đạo Nhà trường, nhận thức, động cơ của sinh viên đối với hoạt động TDTT ngoại khóa*

Luận án xây dựng phiếu phỏng khảo sát viên chức Lãnh đạo Phòng ban/ Trung tâm, cán bộ Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao (P.PVN) và sinh viên (P.PVN) về đánh giá sự quan tâm của Ban Giám hiệu Nhà trường, lãnh đạo các cấp đối với hoạt động TDTT NK của SV. Kết quả được trình bày qua bảng 3.9.

Bảng 3.9. Kết quả phỏng vấn về mức độ quan tâm của BGH Trường ĐHCT đến công tác GDTC và hoạt động TDTT NK SV

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	Ban Giám hiệu						Hệ số chi- Square Asymp. Sig. (2-sided)	P
		Không quan tâm		Quan tâm		Rất Quan tâm			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	3	11.11	19	70.37	5	18.52	0.000	<0.05
Sinh viên	850	27	3.18	343	40.35	480	56.47		

Qua bảng 3.9, kết quả khảo sát đa số ý kiến (trên 90%) viên chức quản lý, cán bộ Đoàn – Hội, trợ lý thể thao các đơn vị và sinh viên cho rằng mức độ quan tâm của BGH Trường ĐHCT, các cấp lãnh đạo đối với công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Nhà trường từ “quan tâm” đến “rất quan tâm”, với kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.000 < 0.05, cho

thấy kết quả phỏng vấn đáng tin cậy. Thực tế, Đảng ủy - BGH Trường ĐHCT, các cấp lãnh đạo luôn quan tâm, đầu tư, tạo các điều kiện cần thiết trong khả năng của Nhà trường cho công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên, xem đây là bộ phận quan trọng trong công tác bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, tạo nên thương hiệu, giá trị cốt lõi của Trường ĐHCT.

Trường ĐHCT có truyền thống hoạt động TDTT nổi bật và đội ngũ giảng viên Bộ môn GDTC đã nỗ lực, hoàn thành tốt công tác chuyên môn ban lãnh đạo Nhà trường phân giao.

Luận án khảo sát viên chức quản lý, cán bộ Đoàn – Hội và giảng viên GDTC về mức độ quan tâm của sinh viên đối với hoạt động TDTT ngoại khóa của Nhà trường, kết quả được trình bày qua bảng 3.10.

Bảng 3.10. Mức độ quan tâm của SV Trường ĐHCT đối với hoạt động TDTT NK

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	SV quan tâm đến hoạt động TDTT ngoại khóa						Hệ số chi- Square Asymp. Sig. (2-sided)	P
		Không quan tâm		Quan tâm		Rất Quan tâm			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	1	3.70	9	33.33	17	62.96	0.03	<0.05
GV GDTC	17	1	5.88	12	70.59	4	23.53		

Qua bảng 3.10, kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết viên chức quản lý, cán bộ Đoàn – Hội, giảng viên GDTC đều cho rằng sinh viên quan tâm đến hoạt động TDTT ngoại khóa chiếm tỷ lệ trên 90%, với *kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.03 < 0.05*, cho thấy kết quả phỏng vấn đáng tin cậy.

Luận án tiến hành phân tích nhận thức của sinh viên Trường ĐHCT về hoạt động TDTT ngoại khóa. Thiết kế câu khảo sát có thêm mục “*ý khác*” để sinh viên có thể điền thêm thông tin ngoài các ý phiếu phỏng vấn xây dựng. Tổng hợp các ý khác đều tương đồng với các mục mà đề tài xây dựng, không bổ sung

ý thêm. Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên về vai trò, tác dụng của hoạt động TDTT NK được trình bày qua bảng 3.11.

Bảng 3.11. Thực trạng nhận thức SV Trường ĐHCT về hoạt động TDTT NK (n = 850)

STT	Nội dung phỏng vấn	Nam SV (n=510)		Nữ SV (n=340)		Tổng (n=850)	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
1	Không quan trọng	2	0.39	3	0.88	5	0.59
2	Góp phần rèn luyện nhân cách, ý chí, hoàn thiện, phát triển thể chất, đạt tiêu chuẩn rèn luyện sinh viên 5 tốt	479	93.92	289	85.00	768	90.35
3	Mất thời gian, không có tác dụng gì	5	0.98	8	2.35	13	1.53
4	Là phương tiện tự nâng cao sức khỏe, rèn luyện, hoàn thiện môn học GDTC (thực hiện 02 giờ tự học của sinh viên)	425	83.33	298	87.65	723	85.06
5	Có tác dụng vui chơi, giải trí lành mạnh	369	72.35	258	75.88	627	73.76
6	Có tác dụng làm cho tinh thần hưng phấn, tích cực, thúc đẩy học tập, nghiên cứu tại trường	372	72.94	301	88.53	673	79.18
7	Nguy hiểm, dễ xảy ra chấn thương	22	4.31	37	10.88	59	6.94
8	Tốn kém, không thích hợp cho sinh viên	11	2.16	19	5.59	30	3.53

Qua bảng 3.11, cho thấy đa số sinh viên Trường ĐHCT nhận thức được lợi ích thiết thực của hoạt động TDTT ngoại khóa trong rèn luyện sức khỏe, bổ sung cho các môn học khác, là môi trường hoàn thiện, phát triển toàn diện bản thân. Đánh giá về lợi ích của hoạt động TDTT ngoại khóa của nam sinh viên và nữ sinh viên được khảo sát tương đồng nhau. Hầu hết các sinh viên được khảo sát đều nhận thức vai trò, tác dụng của hoạt động TDTT ngoại khóa theo hướng có lợi cho bản thân khi tham gia như: Góp phần rèn luyện nhân cách, ý chí, hoàn

thiện, phát triển thể chất, đạt tiêu chuẩn rèn luyện sinh viên 5 tốt (chiếm trên 90.35% sinh viên được khảo sát); Là phương tiện tự nâng cao sức khỏe, rèn luyện, hoàn thiện môn học GDTC (thực hiện 02 giờ tự học của sinh viên (chiếm trên 85.06% sinh viên được khảo sát); Có tác dụng làm cho tinh thần hưng phấn, tích cực, thúc đẩy học tốt các môn khác trong chương trình học (chiếm trên 79.18% sinh viên được khảo sát) và có tác dụng vui chơi, giải trí lành mạnh (chiếm 73.76% sinh viên được khảo sát). Có thể thấy được rằng, đa số sinh viên Trường ĐHCT có nhận thức tích cực về hoạt động TDTT NK.

Luận án tiến hành khảo sát thực trạng động cơ của sinh viên Trường ĐHCT khi tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa. Kết quả được trình bày qua bảng 3.12.

Bảng 3.12. Thực trạng động cơ của sinh viên Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (n=850)

STT	Nội dung phỏng vấn	Nam SV (n=1,065)		Nữ SV (n=880)		Tổng (n=1,945)	
		<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)
1	Động cơ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất bản thân	375	73.53	286	84.12	661	77.76
2	Động cơ ham thích TDTT, nâng cao trình độ thể thao	497	97.45	302	88.82	799	94.00
3	Động cơ thể hiện, khẳng định bản thân	157	30.78	86	25.29	243	28.59
4	Động cơ giao lưu bạn bè, mở rộng mối quan hệ xã hội	276	54.12	249	73.24	525	61.76
5	Động cơ nâng cao kết quả học tập môn học GDTC	369	72.35	279	82.06	648	76.24

Qua bảng 3.12, kết quả khảo sát đa số sinh viên Trường ĐHCT khi tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa với động cơ: Động cơ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất bản thân (77.76%). Các động cơ như ham thích TDTT, nâng

cao trình độ thể thao, giao lưu bạn bè, mở rộng mối quan hệ xã hội, (từ 28.59% đến 94.0%); sinh viên tham gia TDTT ngoại khóa nâng cao kết quả học tập môn học GDTC chiếm tỷ lệ lớn 76.24%. Có thể nhận thấy được, phần lớn sinh viên Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa nhằm rèn luyện, giữ gìn sức khỏe, phát triển thể chất, mở rộng các mối quan hệ xã hội, bổ sung, nâng cao kết quả học tập môn học GDTC nội khóa.

3.1.2.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC Trường ĐHCT

Thực trạng đội ngũ giảng viên Bộ môn GDTC, trường đại học Cần Thơ giai đoạn 2015 – 2019 được trình bày qua bảng 3.13.

Bảng 3.13. Thống kê đội ngũ GV GDTC Trường ĐHCT giai đoạn 2015 – 2019

Năm học	Tổng số giảng viên	Giới tính			Học hàm		Trình độ đào tạo		Thâm niên công tác	
		Nam	Nữ		GS	PGS	TS	ThS	Trên 10 năm	Dưới 10 năm
2015-2016	n	20	16	04	0	0	02	18	15	04
	Tỷ lệ %	100	80	20	0	0	10	90	75	25
2016-2017	n	19	11	8	0	0	03	16	15	04
	Tỷ lệ %	100	57.89	42.11	0	0	15.79	84.21	78.95	21.05
2017-2018	n	19	15	04	0	0	3	16	16	03
	Tỷ lệ %	100	78.95	21.05	0	0	15.79	84.21	84.21	15.79
2018-2019	n	19	15	4	0	0	04	15	17	02
	Tỷ lệ %	100	78.95	21.05	0	0	21.05	78.95	89.47	10.53
2019-2020	n	19	15	04	0	0	05	14	18	01
	Tỷ lệ %	100	78.95	21.05	0	0	26.32	73.68	94.74	5.26

Từ bảng 3.13, cho thấy tổng số GV GDTC giai đoạn 2015 – 2019 với số lượng ổn định từ 19 – 20 GV. Đội ngũ GV GDTC tham gia giảng dạy chương trình môn học GDTC của Trường ĐHCT có những đặc điểm như sau:

- Số giảng viên nữ là 04 giảng viên, chiếm tỷ lệ khoảng 20% trên tổng số giảng viên của đơn vị. Các giảng viên nữ này có chuyên ngành đào tạo đa dạng, phù hợp giảng dạy các môn thể thao tự chọn là bóng chuyền, võ taekwondo, điền kinh, bơi lội, cờ vua, thể dục nhịp điệu (aerobic)....

- 100% GV GDTC có trình độ đào tạo thạc sĩ trở lên, đáp ứng yêu cầu trình độ giảng viên tham gia giảng dạy đại học theo quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số GV có trình độ tiến sĩ và đang học nghiên cứu sinh có xu hướng tăng rõ rệt qua các năm (năm học 2015 – 2016 GV có trình độ tiến sĩ là 02 GV chiếm tỷ lệ 10%, đến năm học 2018 – 2019 GV có trình độ tiến sĩ là 05, chiếm tỷ lệ 26.32%).

- Về thâm niên công tác, hầu hết GV GDTC đều có thâm niên công tác trên 10 năm (trên 75%). Điều đó cho thấy, đội ngũ GV của đơn vị nhiều kinh nghiệm trong công tác chuyên môn và các hoạt động liên quan đến TDDT. Tuy nhiên, Bộ môn GDTC không có GV nào là Giáo sư, Phó Giáo sư trong giai đoạn 2015 – 2019. Đội ngũ GV GDTC của Trường ĐHCT cần phấn đấu cho tiêu chí này ở những giai đoạn tiếp theo, nhằm góp phần nâng cao vị thế Nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo chung.

Đánh giá của Lãnh đạo Phòng ban/ Trung tâm, Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao và sinh viên các khóa về mức độ đáp ứng của đội ngũ GV GDTC đối với hoạt động TDDT NK được trình bày qua bảng 3.14.

Bảng 3.14. Kết quả phỏng vấn về mức độ đáp ứng của đội ngũ GV GDTC đối với công tác GDTC, hoạt động thể thao

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	Đội ngũ GV GDTC						Hệ số chi- Square Asymp. Sig. (2-sided)	P
		Không đáp ứng		Đáp ứng		Hoàn toàn đáp ứng			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	1	3.70	8	29.63	18	66.67	0.00	<0.05
Sinh viên	850	20	2.35	710	83.53	120	14.12		

Kết quả khảo sát qua bảng 3.14 cho thấy, viên chức lãnh đạo – cán bộ Đoàn – Hội, Trợ lý thể thao và sinh viên phần lớn đánh giá đội ngũ giảng viên GDTC đáp ứng yêu cầu hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên Nhà trường (với *kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.00 < 0.05*)

3.1.2.3. *Thực trạng các điều kiện đảm bảo khác (cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, kinh phí....) phục vụ hoạt động TDDT NK SV Trường ĐHCT*

Thực trạng các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện việc tổ chức hoạt động thể dục thể thao NK cho SV Trường ĐHCT được trình bày qua bảng 3.15.

Bảng 3.15. Thực trạng sân bãi, nhà tập luyện, trang thiết bị, dụng cụ TDTT Trường ĐHCT năm học 2015 – 2019

TT	Sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	
			Đạt - Tốt	Chưa đạt
I Sân bãi, nhà tập				
1	Nhà thi đấu TDTT	01	01	0
2	Nhà thi tập luyện TDTT (cầu lông, bóng bàn, thể dục aerobic, võ...)	01	01	0
3	Sân bóng đá lớn	2	01	01
4	Sân cỏ nhân tạo	01	01	0
5	Sân bóng chuyên	20	16	04
6	Sân hoạt động TDTT chung	18	17	01
7	Sân điền kinh	01	01	0
8	Sân bóng rổ	06	06	0
9	Hố nhảy xa	02	02	0
II Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ TDTT				
1	Bóng chuyên	100	100	0
2	Bóng đá	60	60	0
3	Bàn bóng bàn	10	08	02
4	Dụng cụ nhảy cao	02	02	0
5	Bóng rổ	30	30	0
6	Quả tạ 3 kg, 5 kg, 7 kg	30	30	0
7	Bàn đập xuất phát (bộ)	04	04	0
8	Lực kế tay	02	01	01
9	Đồng hồ bấm giờ	04	03	01
10	Bộ dụng cụ tập võ	05	04	01

Qua bảng 3.15 cho thấy, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác Giáo dục thể chất và hoạt động TDTT Trường ĐHCT phong phú, đa dạng. Trong số đó gồm có: Nhà thi đấu TDTT và nhà tập luyện TDTT để tổ chức giảng dạy, hoạt động TDTT ngoại khóa các môn: bóng chuyên, bóng đá futsal, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, thể dục aerobic, cầu mây, đá cầu, võ....

- Các công trình TDTT ngoài trời như sân bóng đá, bóng chuyên, bóng rổ, điền kinh... được nhà trường quan tâm đầu tư, xây dựng tại đơn vị Bộ môn GDTC. Ngoài ra, các đơn vị Khoa/Viện/ Trung tâm, Kí túc xá của trường cũng quan tâm cải tạo, xây dựng các sân bóng chuyên, cầu lông, sân hoạt động ngoài trời với số

lượng và diện tích lớn nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên. Thực trạng kinh phí cho công tác GDTC nội khóa và hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT, giai đoạn 2015 – 2019 được thể hiện qua bảng 3.16.

Bảng 3.16. Thực trạng kinh phí cho công tác GDTC và hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT, giai đoạn 2015 – 2019

ĐVT: triệu đồng

TT	NĂM	NỘI DUNG KINH PHÍ		Tổng cộng
		<i>Kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TDTT</i>	<i>Kinh phí hoạt động TDTT ngoại khóa</i>	
1	2015	215	300	515
2	2016	220	300	520
3	2017	230	300	530
4	2018	235	300	535
5	2019	240	300	540

Hàng năm, BGH Nhà trường phân giao kinh phí cho đơn vị Bộ môn GDTC mua sắm bổ sung các dụng cụ, trang thiết bị TDTT phục vụ công tác GDTC và TDTT của toàn trường như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, trang thiết bị cần thiết khác... Kết quả đánh giá mức độ đáp ứng của các điều kiện đảm bảo khác (sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ, kinh phí...) cho hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT được trình bày qua bảng 3.17.

Bảng 3.17. Kết quả phỏng vấn về mức độ đáp ứng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT NK SV ĐHCT

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (n)	Đội ngũ GV GDTC						Hệ số chi-Square Asymp. Sig. (2-sided)	P
		Không đáp ứng		Đáp ứng		Hoàn toàn đáp ứng			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	1	3.70	12	44.44	14	51.85	0.00	<0.05
Sinh viên	850	17	2.00	695	81.76	138	16.24		

Kết quả phỏng vấn đa số viên chức và sinh viên được hỏi đều cho rằng các điều kiện đảm bảo khác (sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ, kinh phí...) “đáp

ứng” và “hoàn toàn đáp ứng”, với trên 90% khách thể tham gia khảo sát, với kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.000 < 0.05, cho thấy kết quả phỏng vấn đáng tin cậy.

* *Tóm lại*: thực trạng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT có khả năng đáp ứng nhu cầu rèn luyện, giải trí của sinh viên toàn trường. BGH Nhà trường, Ban lãnh đạo các đơn vị, tổ chức Đoàn – Hội, sinh viên quan tâm, có nhận thức tích cực về hoạt động TDTT ngoại khóa.

3.1.3. Thực trạng nội dung, hình thức và phương thức tổ chức hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

* *Chương trình môn học GDTC nội khóa* : Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên phải đăng kí, tích lũy vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học theo hướng dẫn sau: HP GDTC 1 (01TC) + HP GDTC 2 (01TC) + HP GDTC 3 (01TC) (03 tín chỉ cho cùng 1 môn thể thao tự chọn); hoặc sinh viên Khoa Thủy sản: HP Bơi lội (TC013 – 01TC) + HP GDTC 1 (01TC) + HP GDTC 2 (01TC) (01 tín chỉ Bơi lội, kết hợp 02 tín chỉ GDTC cho cùng 1 môn thể thao tự chọn). Ví dụ: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1 (TC003), Taekwondo 2 (TC004), Taekwondo 3 (TC019), các học phần GDTC khác cũng tương tự... Thực trạng chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường ĐHCT được mô tả qua bảng 3.18.

Bảng 3.18. Bản mô tả chương trình môn học GDTC áp dụng cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học Trường ĐHCT

TT	CT MÔN HỌC GDTC	MÔ TẢ
1	Mục tiêu chương trình	- Về kiến thức; - Về kỹ năng; - Về thái độ
2	Đối tượng	- Sinh viên đào tạo trình độ đại học
3	Nội dung chương trình	- Các môn thể thao tự chọn: điền kinh, võ taekwondo, bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, thể dục nhịp điệu (aerobic), bơi lội, cờ vua, bóng rổ.... - Học phần: đề cương chi tiết gồm kiến thức lý thuyết và thực hành.

TT	CT MÔN HỌC GDTC	MÔ TẢ
4	Thời lượng phân phối chương trình	- Số tín chỉ 03 tín chỉ. - 03 học phần tự chọn. - 01 tín chỉ/ học phần. - 30 giờ/ 1 tín chỉ, 01 giờ học trên lớp có 02 giờ tự học.
5	Khối lượng tín chỉ tích lũy	-HP GDTC 1 (01TC) + HP GDTC 2 (01TC) + HP GDTC 3 (01TC) (03 tín chỉ cho cùng 1 môn thể thao tự chọn); - Sinh viên Khoa Thủy sản: HP Bơi lội (TC013 – 01TC) + HP GDTC 1 (01TC) + HP GDTC 2 (01TC) (01 tín chỉ Bơi lội, kết hợp 02 tín chỉ GDTC cho cùng 1 môn thể thao tự chọn).
6	Thời gian giảng dạy	- Học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ hè
7	Đơn vị quản lý học phần	- Bộ môn Giáo dục thể chất

Khảo sát mức độ hài lòng của 850 sinh viên các đơn vị đào tạo trong Trường ĐHCT đối với các nội dung chương trình môn học GDTC. Các nội dung phỏng vấn, luận án sử dụng bộ công cụ khảo sát các bên liên quan của AUN-QS, kết hợp kết quả nghiên cứu của các tác giả liên quan và tổng hợp ý kiến từ các giảng viên, nhà quản lý có nhiều kinh nghiệm, sử dụng thang đo mức độ Likert 1-5. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 3.19.

Bảng 3.19. Khảo sát sự hài lòng của sinh viên học môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC Trường ĐHCT (n=850)

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Số lượng (n)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
1	Nội dung cấu trúc môn học	850	4.11	1.089	1	5
2	Đề cương môn học, tài liệu tham khảo	850	3.97	1.082	1	5
3	Kết quả học tập, rèn luyện được mong đợi	850	3.84	1.088	1	5
4	Kế hoạch, phương pháp, nội dung giảng dạy của giảng viên	850	3.94	1.081	1	5
5	Phương pháp đánh giá kết quả học tập	850	3.85	1.080	1	5
6	Giảng viên thường xuyên cập	850	4.20	1.032	1	5

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Số lượng (n)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
	nhật kiến thức mới					
7	Phương pháp khuyến khích, hướng dẫn sinh viên tự học, tự rèn luyện	850	4.03	1.057	1	5
8	Chất lượng hệ thống sân bãi, nhà tập luyện	850	3.18	.946	1	5
9	Chất lượng trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tập luyện, học tập	850	4.13	1.074	1	5
10	Môi trường xã hội, cảnh quan phục vụ tập luyện, học tập	850	4.08	1.088	1	5
11	Chất lượng bộ phận hỗ trợ cho mượn, quản lý dụng cụ, trang thiết bị phục vụ học tập, rèn luyện	850	4.15	1.052	1	5
12	Sự quan tâm của Ban lãnh đạo BM. GDTC trong việc đảm bảo chất lượng dạy - học	850	4.18	1.045	1	5
13	Hoạt động TDDT ngoài khóa ngoài giờ học	850	3.21	.925	1	5
Hệ số Cronbach's Alpha 0.606			N of Items (Số lượng các mục hỏi) 13			

Qua bảng 3.19, kết quả khảo sát cho thấy các tiêu chí khảo sát mức độ hài lòng của SV học môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC Trường ĐHCT có giá trị trung bình mean từ 3.18– 4.20. Kiểm nghiệm độ tin cậy Cronbach's Alpha của các tiêu chí cho thấy 13 tiêu chí khảo sát mức độ hài lòng của SV học môn thể thao tự chọn chương trình môn học GDTC Trường ĐHCT có độ tin cậy tổng thể Cronbach Alpha là 0.606. SV đánh giá cao ở tiêu chí “GV thường xuyên cập nhật kiến thức mới” (mean: 4.02). Tuy nhiên, thông qua kết quả khảo sát, hầu hết SV đều cho rằng: *Chất lượng hệ thống sân bãi, nhà tập luyện* (mean: 3.18); *Hoạt động TDDT ngoài khóa ngoài giờ học* (mean: 3.21) cần phải được Trường ĐHCT quan tâm cải thiện thêm trong thời gian tới.

Hoạt động TDDT NK SV Trường ĐHCT được Đảng ủy – BGH quan tâm, đầu tư kinh phí, khuyến khích SV tham gia. Hàng năm BGH cấp kinh phí nhằm tổ chức các hoạt động TDDT cho SV toàn trường. Nhà trường cũng quan tâm

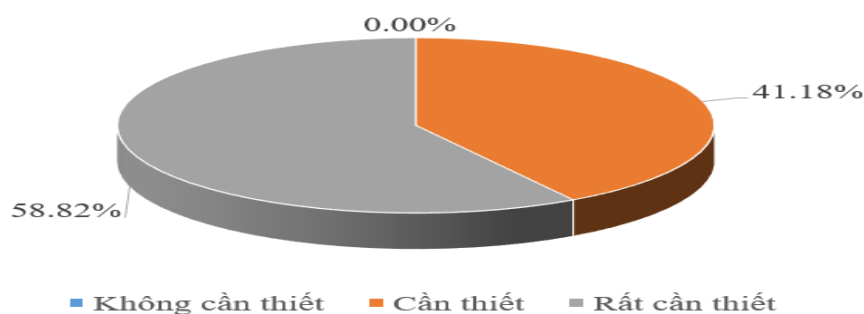
đầu tư kinh phí xây dựng các sân bóng đá, bóng chuyền, nhà tập cầu lông, bóng bàn; trang bị cơ sở vật chất tương đối cho hoạt động TDTT của SV toàn trường. Hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT thực trạng như sau:

+ *Về tổ chức hoạt động cấp trường*: Hàng năm Trường ĐHCT đều tổ chức Hội thao truyền thống sinh viên toàn trường. Mục đích của Hội thao truyền thống sinh viên nhằm: tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, triển khai 2 cuộc vận động “*Sinh viên 5 tốt*” và “*Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh*”; phát động phong trào thường xuyên tập luyện, thi đấu các môn thể thao trong Cán bộ và sinh viên. Hội thao hàng năm được tổ chức khoảng 40 nội dung của 11 môn thi đấu với hơn 5.000 lượt VĐV đăng ký tham dự, thu hút đông đảo cán bộ và sinh viên tham gia thi đấu và cổ vũ. Hội thao đã thực sự trở thành ngày hội lôi cuốn sinh viên vui chơi giải trí lành mạnh và là cơ hội để học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, thắt chặt tình đoàn kết. Ngoài ra, Hội SV trường còn tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao không thường xuyên giữa các liên chi hội sinh viên; tổ chức các đội thể thao thi đấu giải cấp thành phố, khu vực. Bên cạnh đó, các đơn vị khoa, Bộ môn, viện, trung tâm của trường đại học Cần Thơ còn tổ chức các giải thi đấu cấp ngành học, cấp Bộ môn, cấp khoa và các hoạt động thi đấu giao lưu thể thao giữa các đơn vị liên kết

+ *Về tổ chức đội tuyển thi đấu thể thao*: Đội tuyển thể thao cấp trường, đội tuyển thể thao cấp khoa/ đơn vị/Liên chi hội....

+ Về hình thức tập luyện TDTT NK SV: ngoài giờ học chính khóa, hoạt động TDTT NK SV toàn trường rất đa dạng, phong phú thông qua hình thức tự tập luyện, các đội, nhóm, nhóm tự tổ chức ... luyện tập, thi đấu thường xuyên hoặc không thường xuyên, tùy theo nhu cầu, sở thích của từng nhóm đối tượng.

Luận án khảo sát 17 GV GDTC về sự cần thiết nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình, tổ chức hoạt động TDTT NK SV. Tất cả GV GDTC được phỏng vấn đều nhận thấy rằng “*cần thiết*” và “*rất cần thiết*” nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình, tổ chức hoạt động TDTT NK SV. Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.1.



Biểu đồ 3.1. Sự cần thiết xây dựng nội dung và tổ chức, quản lý hoạt động ngoại khóa SV (n=17)

Luận án khảo sát thực trạng hình thức hoạt động TDTT NK của SV Trường ĐHCT. Ở câu hỏi này, đề tài đã xây dựng thêm mục “*y khác*”, nhằm giúp SV điền thêm thông tin hình thức tham gia hoạt động TDTT NK. Không có bổ sung thêm hình thức khác. Kết quả được trình bày qua bảng 3.20.

Bảng 3.20. Thực trạng hình thức tham gia hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=850)

STT	Nội dung phỏng vấn	Nam SV (n=510)		Nữ SV (n=340)		Tổng (n=850)	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
1	Hoạt động tự tập luyện cá nhân	79	15.49	87	25.59	166	19.53
2	Hoạt động tự tập luyện theo nhóm (có cùng sở thích)	289	56.67	152	44.71	441	51.88
3	Hoạt động trong các đội tuyển Trường/Khoa/Liên chi hội SV	22	4.31	17	5.00	39	4.59
4	Hoạt động trong CLB TDTT ngoài Trường ĐHCT	57	11.18	36	10.59	93	10.94
5	Hoạt động trong CLB TDTT trong Trường ĐHCT, có người hướng dẫn	63	12.35	48	14.12	111	13.06

Qua bảng 3.20, cho thấy hoạt động TDTT NK của SV Trường ĐHCT chủ yếu là hình thức tự tập luyện cá nhân, tập luyện theo nhóm có cùng sở thích. Các hoạt động TDTT NK của SV Trường ĐHCT mang tính tự phát, chưa có người hướng dẫn chuyên môn. Điều này cũng dễ hiểu, hoạt động TDTT NK cho SV Nhà trường chưa được quan tâm tổ chức một cách có hệ thống, khoa học, phù hợp với đặc điểm tình hình của SV, chưa đáp ứng được nhu cầu của SV. Hoạt

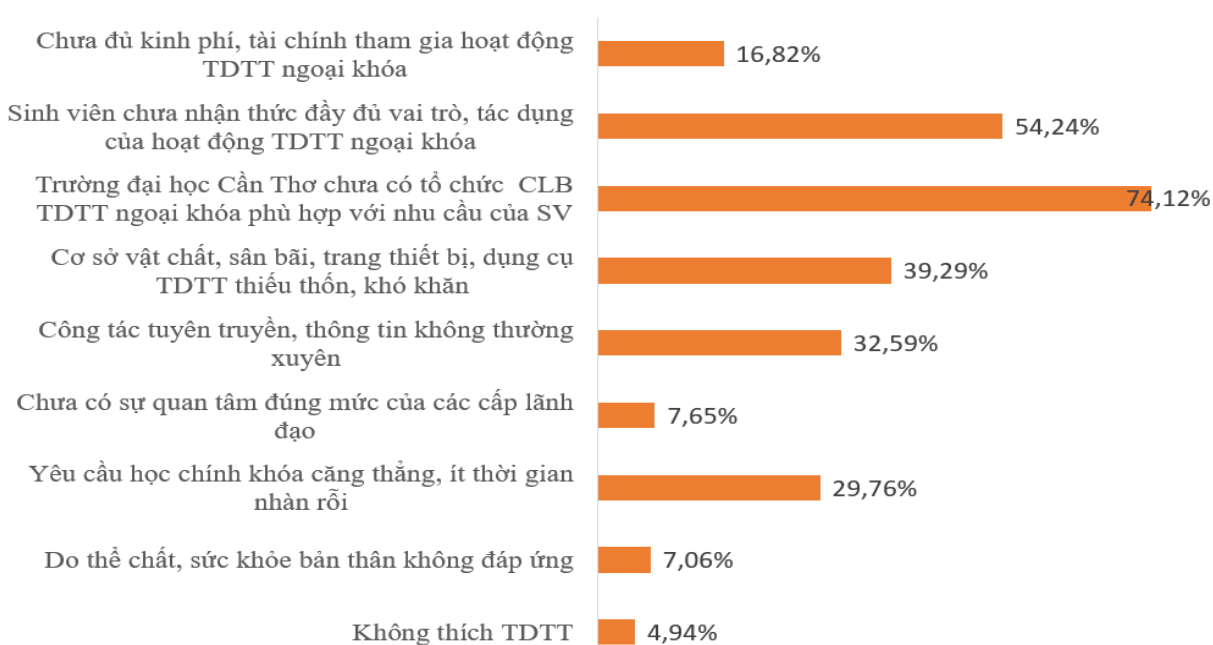
động TDTT NK SV Trường ĐHCT cần phải được nghiên cứu xây dựng, tổ chức một cách khoa học, bài bản.

3.1.4. Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT

Luận án tiến hành phỏng vấn SV Trường ĐHCT về thực trạng, mức độ hài lòng và nhu cầu hoạt động TDTT NK thông qua phiếu khảo sát (PPVN). Khảo sát được tiến hành vào học kỳ 2 năm học 2018 – 2019. Tổng số SV tham gia khảo sát là 850 sinh viên. Trong đó, SV nam là 510 SV (chiếm tỷ lệ khoảng 60%) và SV nữ là 340 SV (chiếm tỷ lệ khoảng 40%). SV tham gia khảo sát là SV năm nhất và năm thứ 2 đang học tại trường.

3.1.4.1. Thực trạng tập luyện TDTT NK SV Trường ĐHCT

Luận án tiến hành khảo sát ý kiến SV Trường ĐHCT về các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa. Ở câu hỏi này, luận án đã xây dựng thêm mục “*ý khác*”, nhằm giúp sinh viên điền thêm thông tin nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa. Không có bổ sung ý khác. Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.2 như sau:



Biểu đồ 3.2. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=850)

Qua biểu đồ 3.2, cho thấy các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT khá phong phú, đa dạng. Các nguyên nhân do bản thân sinh viên như: không thích TDTT, sức khỏe, thể chất không đảm bảo, chưa đủ kinh phí, tài chính, nhận thức của sinh viên... Các nguyên nhân khách quan, bên ngoài cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT như: áp lực học chính khóa, công tác tuyên truyền... Nguyên nhân khách quan chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên là cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TDTT thiếu thốn, khó khăn và Trường ĐHCT chưa có tổ chức các CLB TDTT ngoại khóa phù hợp với nhu cầu của SV (chiếm hơn 74.12%). Điều đó cho thấy rằng, trong thời gian tới, Nhà trường cần quan tâm đến công tác cải tạo, xây dựng các hệ thống sân bãi, mua sắm dụng cụ TDTT cần thiết... và quan trọng hơn là tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Nhà trường một cách có khoa học, bài bản, có hệ thống.

Thực trạng mức độ thường xuyên của SV nam-nữ Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa được trình bày qua bảng 3.21.

Bảng 3.21. Thực trạng tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên của sinh viên Trường ĐHCT (n=850)

STT	Nội dung phỏng vấn	Nam SV (n=510)		Nữ SV (n=340)		Tổng (n=850)	
		<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)
1	Thường xuyên (hơn 3 buổi/tuần)	274	53.73	171	50.29	445	52.35
2	Không thường xuyên (2-3 buổi/tuần)	159	31.18	155	45.59	314	36.94
3	Ít tham gia (1 buổi/tuần)	77	15.10	14	4.12	91	10.71

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết SV Trường ĐHCT đều tham gia hoạt động TDTT NK khá thường xuyên, từ 2 đến hơn 3 buổi/ tuần (chiếm khoảng 90% SV được khảo sát).

Luận án tiến hành khảo sát thực trạng thời lượng/ ngày của SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK. Kết quả được trình bày qua bảng 3.22 như sau:

Bảng 3.22. Thực trạng thời lượng/ngày tham gia hoạt động TDTT NK của SV Trường ĐHCT (n=850)

STT	Nội dung phỏng vấn	Nam SV (n=510)		Nữ SV (n=340)		Tổng (n=850)	
		<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 30 phút/ngày	105	20.59	122	35.88	227	26.71
2	Từ 30 phút đến 60/ngày	223	43.73	162	47.65	385	45.29
3	Trên 1 giờ/ngày	182	35.69	56	16.47	238	28.00

Qua bảng 3.22, cho thấy, đa số SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK với thời lượng từ 30 phút trở lên trong ngày (chiếm hơn 73% sinh viên được khảo sát).

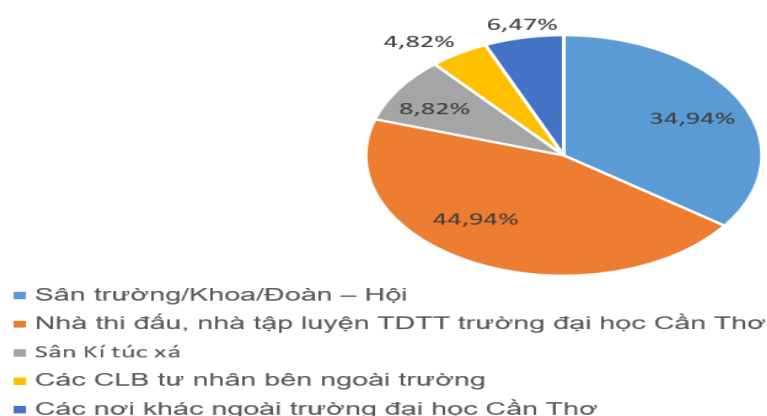
Thực trạng môn thể thao được 850 SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK. Ở câu hỏi này, đề tài đã xây dựng thêm mục “*ý khác*”, nhằm giúp sinh viên điền thêm thông tin môn thể thao được lựa chọn khi tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa. Các ý khác mà sinh viên bổ sung chủ yếu có nội dung liên quan đến các trò chơi dân gian phù hợp đặc tính vùng miền. Đề tài tiến hành bổ sung thêm 01 mục lựa chọn là “*các trò chơi dân gian*”. Kết quả được trình bày qua bảng 3.23.

Bảng 3.23. Thực trạng các môn thể thao được sinh viên Trường ĐHCT lựa chọn khi tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (n=850)

STT	Nội dung phỏng vấn	Nam SV (n=510)		Nữ SV (n=340)		Tổng (n=850)	
		<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)	<i>n</i>	Tỷ lệ (%)
1	Điền kinh	25	4.90	13	3.82	38	4.47
2	Võ Taekwondo	22	4.31	14	4.12	36	4.24
3	Bóng chuyền	155	30.39	87	25.59	242	28.47
4	Bóng đá	65	12.75	41	12.06	106	12.47
5	Bóng bàn	24	4.71	22	6.47	46	5.41
6	Cầu lông	112	21.96	44	12.94	156	18.35
7	Thể dục nhịp điệu	21	4.12	89	26.18	110	12.94
8	Bơi lội	11	2.16	9	2.65	20	2.35
9	Bóng rổ	19	3.73	8	2.35	27	3.18
10	Đá cầu	12	2.35	9	2.65	21	2.47
11	Các trò chơi dân gian	44	8.63	4	1.18	48	5.65

Qua bảng 3.23, cho thấy SV Trường ĐHCT lựa chọn các môn thể thao để tham gia hoạt động TDTT NK khá đa dạng, phong phú, với khoảng 11 môn thể thao được lựa chọn. Các môn thể thao được SV Trường ĐHCT phần lớn đều tương đồng với chương trình môn học GDTC (09/11 môn thể thao). SV Trường ĐHCT được khảo sát có xu hướng lựa chọn các môn thể thao tương đồng với các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC chính khóa như điền kinh, bóng chuyền, bóng đá, thể dục... (hơn 10%). Điều này cũng dễ hiểu, các môn thể thao được lựa chọn khi tham gia hoạt động TDTT NK đều phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của SV Nhà trường.

Thực trạng địa điểm SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK được trình bày qua biểu đồ 3.3 như sau:



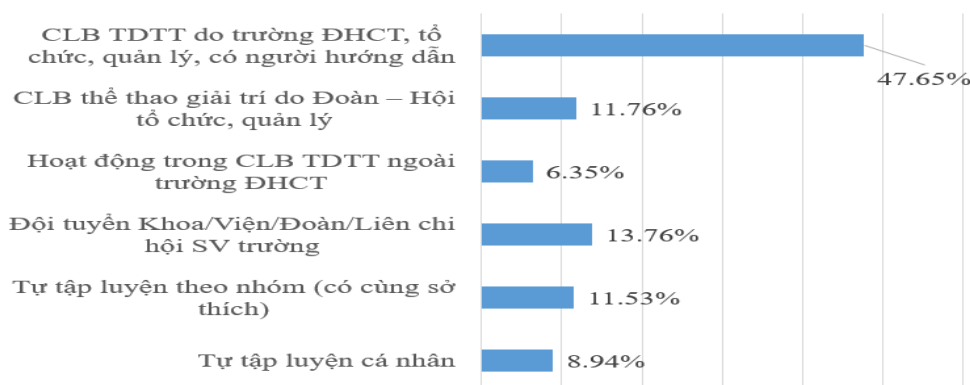
Biểu đồ 3.3. Thực trạng địa điểm SV Trường ĐHCT tham gia hoạt động TDTT NK (n=850)

Qua biểu đồ 3.3, cho thấy thực trạng địa điểm luyện tập TDTT NK của SV Trường ĐHCT chủ yếu là ở các sân Đoàn – Hội, Kí túc xá, Nhà thi đấu, nhà tập luyện TDTT của Nhà trường. Các địa điểm được SV lựa chọn chủ yếu ở trong Trường ĐHCT (chiếm tỷ lệ 80%).

3.1.4.2. Phân tích nhu cầu tham gia CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Nhằm phân tích, đánh giá thực trạng nhu cầu tham gia CLB TDTT NK của 850 SV Trường ĐHCT, luận án tiến hành khảo sát các nội dung: hình thức hoạt động TDTT NK phù hợp đối với SV; môn thể thao phù hợp tập luyện CLB TDTT NK; thời gian tham gia hoạt động CLB TDTT NK và khả năng sẵn sàng trả phí khi tham gia hoạt động CLB TDTT NK.

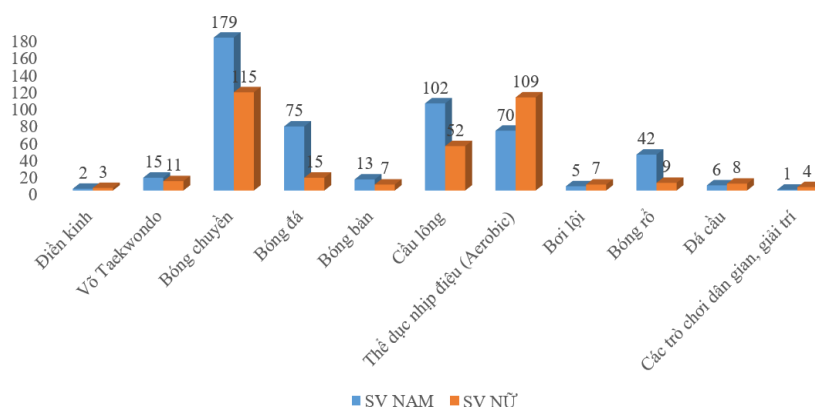
SV Trường ĐHCT có xu hướng lựa chọn hình thức tập luyện TDTT theo hình thức CLB, đội, nhóm (kết quả khảo sát thực trạng). Nhằm làm rõ hơn nhu cầu của SV trong lựa chọn hình thức tập luyện TDTT NK, luận án tiến hành khảo sát 850 SV Trường ĐHCT. Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.4.



Biểu đồ 3.4. Nhu cầu lựa chọn hình thức luyện tập TDTT NK của SV Trường ĐHCT (n=850)

Qua biểu đồ 3.4, cho thấy hình thức luyện tập TDTT được phần lớn SV Trường ĐHCT lựa chọn thông qua khảo sát là “*CLB TDTT do Trường ĐHCT, tổ chức, quản lý, có người hướng dẫn*”, chiếm hơn 47.65%. Điều này cũng phù hợp với đặc trưng của SV Trường ĐHCT thích tham gia sinh hoạt tập thể đội, nhóm, CLB...

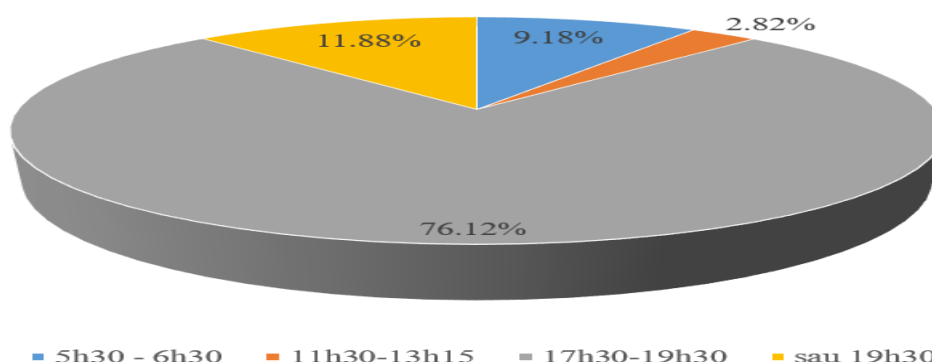
Luận án tiến hành khảo sát nhu cầu lựa chọn môn thể thao tập luyện CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT. Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.5 như sau:



Biểu đồ 3.5. Môn thể thao sinh viên Trường ĐHCT lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa (n=850)

Kết quả khảo sát nhu cầu lựa chọn môn thể thao tham gia tập luyện CLB TDTT NK của SV Trường ĐHCT qua biểu đồ 3.5 cho thấy, các môn thể thao được sinh viên lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa đa dạng, phong phú và tương đồng với các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC hiện hành của Trường ĐHCT (võ taekwondo, thể dục nhịp điệu, bóng rổ, bóng chuyên, bóng đá....). Trong đó, các môn thể thao được nam SV lựa chọn tham gia CLB TDTT NK là môn bóng chuyên và môn cầu lông (20% SV nam chọn môn cầu lông, 35.10% SV nam chọn môn bóng chuyên), nữ SV lựa chọn môn bóng chuyên, thể dục nhịp điệu (32.06% SV nữ chọn môn TDNĐ, 33.82% SV nữ chọn môn bóng chuyên). Điều đó cho thấy, nghiên cứu tổ chức, xây dựng các CLB TDTT ngoại khóa tương đồng với các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC là phù hợp với nhu cầu của sinh viên Trường ĐHCT.

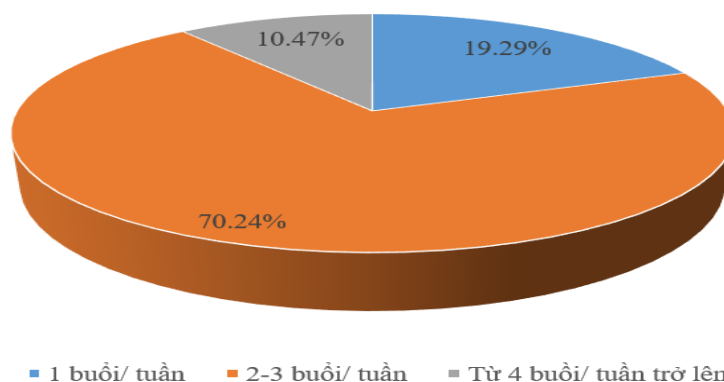
Nhu cầu về thời gian thích hợp tham gia CLB TDTT NK của SV Trường ĐHCT. Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.6.



Biểu đồ 3.6. Thời gian phù hợp sinh viên Trường ĐHCT lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa (n=850)

Kết quả khảo sát 850 SV Trường ĐHCT, cho thấy hầu hết sinh viên được hỏi cho rằng thời gian thích hợp tập luyện CLB TDTT NK hàng ngày là từ 17h00-19h30, hơn 76%. Điều này cũng hết sức phù hợp với thời gian biểu cá nhân của SV.

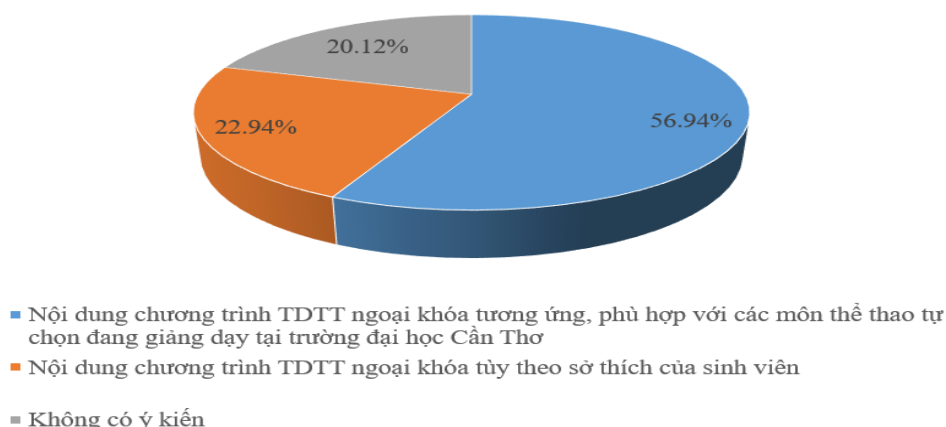
Kết quả khảo sát thời lượng phù hợp tham gia CLB TDTT NK của SV Trường ĐHCT trong tuần được trình bày qua biểu đồ 3.7.



Biểu đồ 3.7. Thời lượng trong tuần SV Trường ĐHCT lựa chọn tham gia CLB TDTT ngoại khóa (n=850)

Kết quả khảo sát 850 SV Trường ĐHCT, cho thấy hầu hết SV được hỏi cho rằng thời lượng thích hợp tập luyện CLB TDTT NK hàng tuần là từ 2 – 3 buổi/ tuần, chiếm tỷ lệ hơn 70%.

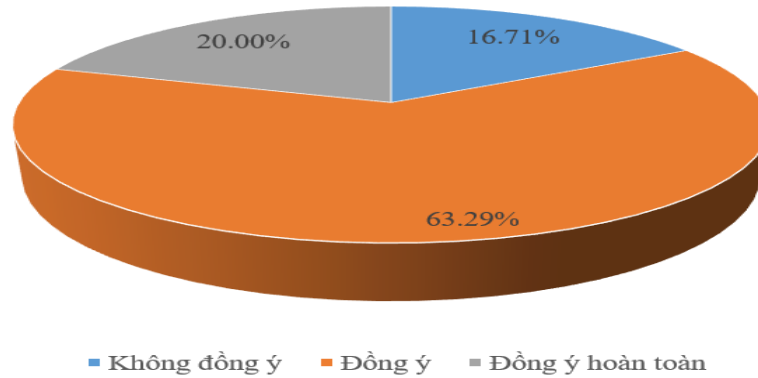
Khảo sát nhu cầu nội dung giảng dạy CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT. Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.8.



Biểu đồ 3.8. Nhu cầu nội dung giảng dạy TDTT NK SV (n=850)

Qua biểu đồ 3.8, cho thấy phần lớn sinh viên được hỏi cho rằng nội dung giảng dạy TDTT NK tương ứng, phù hợp với các môn thể thao tự chọn đang giảng dạy tại Trường ĐHCT, chiếm 56.94% SV được khảo sát.

Khảo sát mức độ sẵn sàng trả phí tham gia CLB TDTT NK đối với SV Trường ĐHCT, được trình bày qua biểu đồ 3.9 sau:



Biểu đồ 3.9. Mức độ sẵn sàng trả phí tham gia CLB TDTT NK của SV Trường ĐHCT (n=850)

Kết quả phỏng vấn 850 sinh viên Trường ĐHCT, cho thấy đa số sinh viên được hỏi cho biết sẵn sàng trả một phần chi phí khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT, với 63.29% sinh viên tham gia khảo sát.

3.1.5. Thực trạng hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

Luận án đánh giá hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT thông qua các yếu tố: thể lực chung, đánh giá của lãnh đạo, GV, cán bộ Đoàn – Hội, Trợ lý thể thao các đơn vị đối với hoạt động TDTT ngoại khóa, hiệu quả kinh tế-xã hội...

Trên cơ sở phân tích, tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học, kết quả các luận án nghiên cứu có liên quan đến công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa trường học có liên quan, đề tài sử dụng các test đánh giá thể lực chung theo Quyết định 53/2008 của Bộ GD&ĐT [9] phù hợp cho sinh viên Trường ĐHCT:

- +Lực bóp tay thuận (kG);
- +Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây);
- +Bật xa tại chỗ (cm);
- +Chạy 30m XPC;
- +Chạy con thoi 4 x 10m;
- +Chạy tùy sức 5 phút (m).

- Sinh viên các khóa của Trường ĐHCT, năm học 2018 – 2019, với số lượng 850, cụ thể như sau:

- + Sinh viên khóa 43: 210 SV nam và 160 SV nữ.
- + Sinh viên khóa 44: 300 SV nam và 180 SV nữ.

Kết quả kiểm tra thực trạng thể lực chung sinh viên nam – nữ Trường ĐHCT được trình bày qua bảng 3.24 và bảng 3.25.

Bảng 3.24. Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (n = 510)

STT	TÊN TEST KIỂM TRA	SV KHÓA 43 (n=210)			SV KHÓA 44 (n=300)		
		\bar{x}	$\pm \sigma$	Cv%	\bar{x}	$\pm \sigma$	Cv%
1	Lực bóp tay thuận (kG)	45.44	2.42	5.33	45.15	2.69	5.96
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	18.85	1.86	9.86	19.02	1.88	9.90
3	Bật xa tại chỗ (cm)	212.37	20.75	9.77	216.13	18.48	8.55
4	Chạy 30m XPC	5.48	0.54	9.85	5.46	0.53	9.78
5	Chạy con thoi 4 x 10m	11.85	0.68	5.73	11.87	0.72	6.04
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	961.48	90.45	9.41	970.33	96.19	9.91

Bảng 3.25. Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (N = 340)

STT	TÊN TEST KIỂM TRA	SV KHÓA 43 (n=160)			SV KHÓA 44 (n=180)		
		\bar{x}	$\pm \sigma$	Cv%	\bar{x}	$\pm \sigma$	Cv%
1	Lực bóp tay thuận (kG)	28.35	2.27	8.01	28.91	2.50	8.64
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	16.54	1.64	9.92	16.47	1.63	9.87
3	Bật xa tại chỗ (cm)	158.28	12.48	7.89	159.87	15.74	9.85
4	Chạy 30m XPC	6.24	0.59	9.49	6.18	0.56	9.03
5	Chạy con thoi 4 x 10m	12.68	0.80	6.34	12.38	1.12	9.03
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	880.13	75.70	8.60	872.17	86.14	9.88

Kết quả đánh giá, xếp loại thể lực nam – nữ sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 theo từng chỉ tiêu, trên cơ sở QĐ 53/2008 của Bộ GD&ĐT. Kết quả được trình bày cụ thể qua bảng 3.26, bảng 3.27.

Bảng 3.26. Kết quả đánh, giá xếp loại theo từng chỉ tiêu thể lực nam sinh viên Trường ĐHTC năm học 2018 – 2019 (n=510)

KHÁCH THỂ	XẾP LOẠI	Số lượng (N)/ Tỷ lệ (%)	TÊN TEST ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI					
			Lực bóp tay thuận (kG)	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (s)	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
SV NAM K43 (n = 210)	TỐT	n	14	6	43	15	62	12
		%	6.67	2.86	20.48	7.14	29.52	5.71
	ĐẠT	n	176	153	101	105	71	100
		%	83.81	72.86	48.10	50.00	33.81	47.62
	KHÔNG ĐẠT	n	20	51	66	90	77	98
		%	9.52	24.29	31.43	42.86	36.67	46.67
SV NAM K44 (n = 300)	TỐT	n	20	13	67	11	97	45
		%	6.67	4.33	22.33	3.67	32.33	15.00
	ĐẠT	n	210	248	187	225	142	170
		%	70.00	82.67	62.33	75.00	47.33	56.67
	KHÔNG ĐẠT	n	70	39	46	64	61	85
		%	23.33	13.00	15.33	21.33	20.33	28.33

Kết quả bảng 3.26, cho thấy, đánh giá xếp loại theo từng chỉ tiêu thể lực sinh viên nam:

+ Sinh viên nam khóa 43 còn số lượng lớn SV “không đạt” ở các chỉ tiêu đánh giá: Nằm ngửa gập bụng còn 24.29% SV xếp loại “không đạt” (51/210SV); Bật xa tại chỗ 31.43% SV xếp loại “không đạt” (66/210SV); Chạy 30m XPC 42.86% SV xếp loại “không đạt” (90/210SV), Chạy con thoi 4 x 10m 36.67% SV xếp loại “không đạt” (77/210SV) và chạy tùy sức 5 phút 46.67% SV xếp loại “không đạt” (98/210SV).

+ Sinh viên nam khóa 44 còn số lượng lớn SV “không đạt” ở các chỉ tiêu đánh giá: Lực bóp tay thuận còn 23.33% SV xếp loại “không đạt” (70/300SV); Bật xa tại chỗ 15.33% SV xếp loại “không đạt” (46/300SV); Chạy 30m XPC 21.33% SV xếp loại “không đạt” (64/300SV), Chạy con thoi 4 x 10m 20.33% SV xếp loại “không đạt” (61/210SV) và chạy tùy sức 5 phút 28.33% SV xếp loại “không đạt” (85/210SV).

Bảng 3.27. Kết quả đánh, giá xếp loại theo từng chỉ tiêu thể lực nữ sinh viên Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 (n=340)

KHÁCH THỂ	XẾP LOẠI	Số lượng (N)/ Tỷ lệ (%)	TÊN TEST ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI					
			Lực bóp tay thuận (kG)	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (s)	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
SV NỮ K43 (n = 160)	TỐT	n	12	5	28	15	17	16
		%	7.50	3.13	17.50	9.38	10.63	10.00
	ĐẠT	n	105	85	59	100	87	83
		%	65.63	53.13	36.88	62.50	54.38	51.88
	KHÔNG ĐẠT	n	43	70	73	45	56	61
		%	26.88	43.75	45.63	28.13	35.00	38.13
SV NỮ K44 (n = 180)	TỐT	n	18	11	53	40	68	35
		%	10.00	6.11	29.44	22.22	37.78	19.44
	ĐẠT	n	125	98	68	104	60	78
		%	69.44	54.44	37.78	57.78	33.33	43.33
	KHÔNG ĐẠT	n	37	71	59	36	52	67
		%	20.56	39.44	32.78	20.00	28.89	37.22

Kết quả bảng 3.27, cho thấy,

Đánh giá xếp loại theo từng chỉ tiêu thể lực sinh viên nữ các khóa:

+ Sinh viên nữ khóa 43 còn số lượng lớn SV “không đạt” ở các chỉ tiêu đánh giá: Lực bóp tay thuận còn 26.88% SV xếp loại “không đạt” (43/160SV); Nằm ngửa gập bụng còn 43.75% SV xếp loại “không đạt” (70/160SV); Bật xa tại chỗ 45.63% SV xếp loại “không đạt” (70/160SV); Chạy 30m XPC 28.13% SV xếp loại “không đạt” (45/160SV), Chạy con thoi 4 x 10m 35.0% SV xếp loại “không đạt” (56/160SV) và chạy tùy sức 5 phút 38.13% SV xếp loại “không đạt” (61/160SV).

+ Sinh viên nữ khóa 44 còn số lượng lớn SV “không đạt” ở các chỉ tiêu đánh giá: Lực bóp tay thuận còn 20.56% SV xếp loại “không đạt” (37/180SV); Nằm ngửa gập bụng còn 39.44% SV xếp loại “không đạt” (71/180SV); Bật xa tại chỗ 32.78% SV xếp loại “không đạt” (59/180SV); Chạy 30m XPC 20% SV xếp loại “không đạt” (36/180SV), Chạy con thoi 4 x 10m 28.89% SV xếp loại “không đạt” (52/180SV) và chạy tùy sức 5 phút 37.22% SV xếp loại “không đạt” (67/210SV).

Đánh giá của các viên chức lãnh đạo Phòng ban/ Trung tâm, Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao và 17 giảng viên GDTC về hiệu quả thực trạng hoạt động TDDT NK về mức độ “*đáp ứng*” nhu cầu của sinh viên. Kết quả được trình bày qua bảng 3.28.

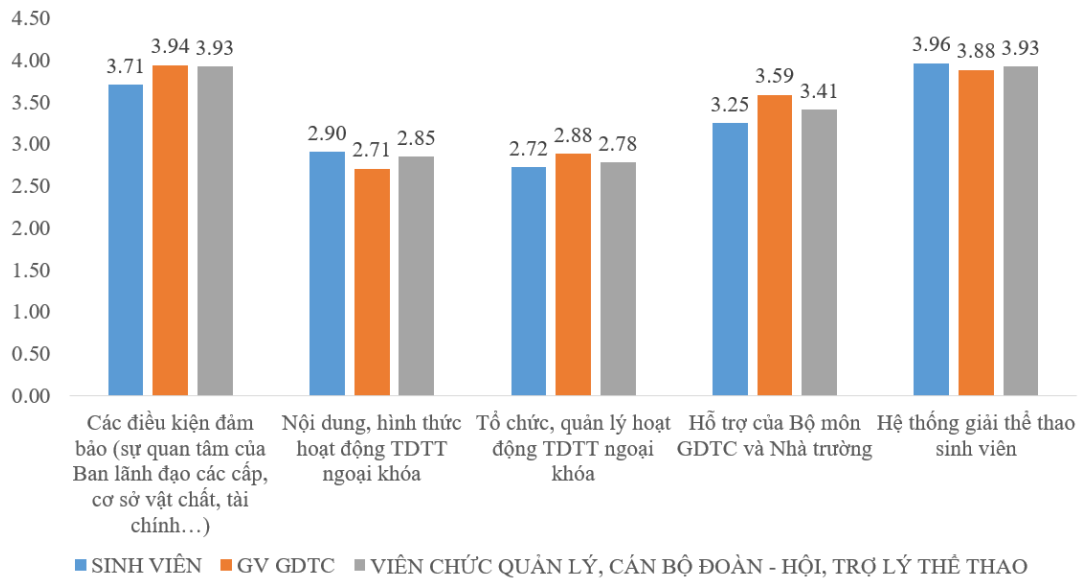
Bảng 3.28. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động TDDT NK SV Trường ĐHCT

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	Hoạt động TDDT NK SV						Hệ số chi- Square Asymp. Sig. (2-sided)	p
		Không <i>đáp ứng</i>		<i>Đáp ứng</i>		Hoàn toàn <i>đáp ứng</i>			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	14	51.85	13	48.15	0	0.00	0.041	<0.05
GV GDTC	17	14	82.35	3	17.65	0	0.00		

Kết quả khảo sát bảng 3.28 cho thấy, đa số giảng viên GDTC và Lãnh đạo Khoa/ Phòng ban/ Trung tâm/ Viện, Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao đánh giá hoạt động TDDT của Nhà trường chưa “*đáp ứng hoàn toàn*” nhu cầu của sinh viên (hơn 80% viên chức khảo sát), với *kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.041 < 0.05*, cho thấy kết quả phỏng vấn đáng tin cậy. Do đó, cần thiết nghiên cứu, tổ chức, quản lý hoạt động TDDT NK SV Trường ĐHCT khoa học, phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDTC trong Nhà trường.

3.1.6. Sự hài lòng các bên liên quan đối với hoạt động TDDT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

Luận án khảo sát mức độ hài lòng của 850 sinh viên, 27 viên chức quản lý và 17 GV GDTC về mức độ hài lòng đối với hoạt động TDDT ngoại khóa SV Trường ĐHCT theo các yếu tố: các điều kiện đảm bảo (cơ sở vật chất, tài chính...), nội dung hoạt động TDDT ngoại khóa, tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa, hỗ trợ của Bộ môn GDTC và Nhà trường, hệ thống giải thể thao sinh viên (P.PL07). Kết quả được trình bày qua biểu đồ 3.10.



Biểu đồ 3.10. Giá trị trung bình (mean) về mức độ hài lòng các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

Qua biểu đồ 3.10, ta nhận thấy, đánh giá về hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT, GV GDTC, Ban lãnh đạo/ cán bộ Đoàn – Hội – Trợ lý thể thao của các đơn vị khá tương đồng nhau. Trong đó mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT về các nội dung khảo sát còn tương đối thấp, cụ thể như sau:

+ *Nội dung, hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa*: giá trị trung bình (mean) đánh giá tương đối thấp, từ 2.71 (GV GDTC) đến 2.90 (SV). Điều đó cho thấy, cần có nghiên cứu xây dựng, ban hành nội dung chương trình, hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa cho SV Nhà trường.

+ *Tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa*: có giá trị trung bình (mean) đánh giá tương đối thấp, từ 2.72 (SV) đến 2.78 (Viên chức quản lý, Cb Đoàn – Hội – Trợ lý thể thao). Điều đó cho thấy, cần có nghiên cứu tổ chức tập luyện TDTT ngoại khóa cho SV Nhà trường. Các bên liên quan đều cho rằng, hình thức tự tập luyện, tập theo nhóm sinh viên và các hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa TDTT của SV Trường ĐHCT hiện tại chưa thật sự đáp ứng nhu cầu của SV. Cần phải nghiên cứu, tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa có hệ thống, bài bản và tổ chức quản lý phù hợp.

+ *Hỗ trợ của Bộ môn GDTC và Nhà trường*: có giá trị trung bình (mean) đánh giá tương đối thấp, từ 3.25 (SV) đến 3.65 (GV GDTC). SV Trường ĐHCT

cần sự hỗ trợ từ Nhà trường về đầu tư, bảo trì hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị TDTT tài chính...trong hoạt động TDTT ngoại khóa. Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT cần hỗ trợ giảng viên, hướng dẫn viên, địa điểm, chương trình tập luyện, tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa phù hợp.

3.1.7. Bàn luận về thực trạng thực trạng hoạt động TDTT NK sinh viên Trường ĐHCT

Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

Luận án đã tiến hành nghiên cứu, lựa chọn được 05 tiêu chí phù hợp, nhằm đánh giá thực trạng hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT, cụ thể:

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT.
- Nội dung giảng dạy các môn thể thao ngoại khóa SV Trường ĐHCT.
- Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT.
- Hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT.
- Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa.

Nghiên cứu xây dựng thang đo mức độ hài lòng của sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa thể thao Trường ĐHCT

Luận án nghiên cứu, xây dựng thang đo khảo sát sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT gồm 03 nhân tố: các điều kiện đảm bảo; Thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV và Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa với 14 biến quan sát đảm bảo tính khoa học, tin cậy.

Thực trạng các điều kiện đảm bảo hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

BGH Nhà trường, các cấp lãnh đạo, giảng viên Trường ĐHCT quan tâm đến công tác GDTC và hoạt động TDTT NK của SV, tạo mọi điều kiện thuận lợi, đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo lực lượng giảng viên GDTC, góp phần bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo. Sinh viên có nhận thức, động cơ tích cực, quan tâm tham gia hoạt động TDTT NK.

Thực trạng nội dung hoạt động, giảng dạy TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Hiện tại, Trường ĐHCT chưa xây dựng nội dung chương trình giảng dạy TDTT NK cho SV Nhà trường. Hoạt động TDTT NK của SV chủ yếu là tự tập, thiếu tổ chức, không có nội dung cụ thể...chất lượng không được đảm bảo.

Có thể nhận thấy, công tác tổ chức hoạt động TDTT NK cho SV Nhà trường chưa được quan tâm xây dựng, tổ chức một cách có hệ thống, khoa học, phù hợp, chưa đáp ứng nhu cầu sinh viên về số lượng và chất lượng. Hoạt động TDTT NK thiếu tính tổ chức, quản lý, thiếu nội dung hoạt động cụ thể, từ đó chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa chưa tương xứng với qui mô đào tạo, nhu cầu của SV, GV Nhà trường.

Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT

Qua khảo sát thực trạng hoạt động TDTT NK của SV Trường ĐHCT nhận thấy rằng SV rất ham thích, thường xuyên, tích cực vào hoạt động này. Hoạt động TDTT NK là một trong những hoạt động bình thường, tự nhiên, thường xuyên trong thời gian sinh hoạt hàng ngày của đa số SV Trường ĐHCT. Địa điểm SV tham gia hoạt động TDTT NK chủ yếu trong Trường ĐHCT. Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động TDTT NK của SV là nguyên nhân do bản thân SV (không ham thích TDTT, sức khỏe không đảm bảo) và nguyên nhân do điều kiện sân bãi, trang thiết bị dụng cụ TDTT khó khăn, Trường ĐHCT chưa có CLB TDTT ngoại khóa để tham gia.

Thực trạng hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

Đánh giá xếp loại thể lực chung sinh viên các khóa 43 và khóa 44 Trường ĐHCT năm học 2018 – 2019 ta nhận thấy, cần phải có giải pháp, biện pháp cải thiện sức bền chung, sức mạnh bật hai chân, sức mạnh cơ toàn thân cho sinh nam – nữ khóa 44 Trường ĐHCT. Hoạt động TDTT của Nhà trường chưa “*đáp ứng hoàn toàn*” nhu cầu của sinh viên. Nhà trường cần có giải pháp tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa, đáp ứng nhu cầu luyện tập, rèn luyện của sinh viên.

Sự hài lòng các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

Trên cơ sở khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT, cần có nghiên cứu xây dựng nội

dung, hình thức, hỗ trợ, tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa, đáp ứng nhu cầu tập luyện, giải trí của SV.

Tiểu kết mục tiêu 1

Kết quả nghiên cứu thực trạng thực trạng hoạt động TDTT NK sinh viên Trường ĐHCT, cho thấy: BGH Nhà trường, các cấp lãnh đạo, giảng viên Trường ĐHCT quan tâm đến công tác GDTC và hoạt động TDTT NK của SV, tạo mọi điều kiện thuận lợi, đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo lực lượng giảng viên GDTC, góp phần bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo. Sinh viên có nhận thức, động cơ tích cực, quan tâm tham gia hoạt động TDTT NK; Tuy nhiên công tác tổ chức hoạt động TDTT NK cho SV Nhà trường chưa được quan tâm xây dựng, tổ chức một cách có hệ thống, khoa học, phù hợp, chưa đáp ứng nhu cầu sinh viên về số lượng và chất lượng. Hiện tại, Trường ĐHCT chưa xây dựng nội dung chương trình giảng dạy TDTT NK cho SV Nhà trường. Hoạt động TDTT NK của SV chủ yếu là tự tập, thiếu tổ chức, không có nội dung cụ thể...chất lượng không được đảm bảo.

Thực trạng thể lực của sinh viên còn nhiều hạn chế: Sinh viên nam khóa 43 và 44 còn số lượng lớn SV “không đạt” ở các chỉ tiêu: Nằm ngửa gập bụng; Bật xa tại chỗ; Chạy 30m XPC, Chạy con thoi 4 x 10m và chạy tùy sức 5 phút; Sinh viên nữ khóa 43 và 44 còn số lượng lớn SV “không đạt” ở các chỉ tiêu đánh giá: Lực bóp tay thuận, Nằm ngửa gập bụng, Bật xa tại chỗ, Chạy 30m XPC, Chạy con thoi và chạy tùy sức 5 phút.

Hoạt động TDTT của Nhà trường chưa “đáp ứng hoàn toàn” nhu cầu của sinh viên. Nhà trường cần có giải pháp tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa, đáp ứng nhu cầu luyện tập, rèn luyện của sinh viên.

Về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT về các nội dung khảo sát còn tương đối thấp: Tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa: có giá trị trung bình (mean) đánh giá tương đối thấp, từ 2.72 (SV) đến 2.78; Hỗ trợ của Bộ môn GDTC và Nhà trường: có giá trị trung bình (mean) đánh giá ở mức trung bình, từ 3.25 (SV) đến 3.65 (GV GDTC). SV Trường ĐHCT cần sự hỗ trợ từ Nhà trường về đầu tư, bảo trì hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị TDTT tài chính...trong hoạt động TDTT ngoại khóa. Bộ môn GDTC, Trường ĐHCT cần hỗ trợ giảng viên,

hướng dẫn viên, địa điểm, chương trình tập luyện, tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa phù hợp.

Có thể nhận thấy, công tác tổ chức hoạt động TDTT NK cho SV Nhà trường chưa được quan tâm xây dựng, tổ chức một cách có hệ thống, khoa học, phù hợp, chưa đáp ứng nhu cầu sinh viên về số lượng và chất lượng. Hoạt động TDTT NK thiếu tính tổ chức, quản lý, thiếu nội dung hoạt động cụ thể, từ đó chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa chưa tương xứng với qui mô đào tạo, nhu cầu của SV, GV Nhà trường.

3.2. Nghiên cứu xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ

Luận án nghiên cứu xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC dựa trên các bước cụ thể như sau:

- *Bước 1:* Phân tích, nghiên cứu các tài liệu, các kết quả nghiên cứu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, nhằm làm rõ hơn khái niệm, cơ sở, yêu cầu, điều kiện xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC.

- *Bước 2:* Phân tích các cơ sở thực tế, nhu cầu của SV tham gia Câu lạc bộ TDTT NK, các điều kiện đảm bảo.

- *Bước 3:* Xây dựng và kiểm nghiệm các tiêu chí CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế, quy định của Nhà trường.

- *Bước 4:* Xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC với các tiêu chí, yêu cầu đã được kiểm nghiệm.

3.2.1. Cơ sở xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHTC

3.2.1.1. Cơ sở lý luận xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC

Chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước đặt ra yêu cầu trong hệ thống GD&ĐT không chỉ thực hiện GDTC nội khóa mà còn có hoạt động TDTT ngoại khóa. Trong hệ thống giáo dục quốc dân vai trò môn học GDTC trong chương trình đào tạo quy định nhằm phát triển toàn diện "*Đức, trí, thể, mỹ*" cho thanh niên. Hoạt động TDTT NK dưới hình thức tổ chức CLB TDTT nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hơn, cao hơn, đa dạng hơn về cả vui chơi, giải trí, vừa cả năng khiếu trình độ thể thao, kể cả các phẩm chất đạo đức, lối sống

và kỹ năng sống [46]. Hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường học là nhu cầu, phương tiện rèn luyện TDTT ngoài giờ học chính khóa của đông đảo HS, SV. Hoạt động thể thao ngoại khóa trong nhà trường rất đa dạng, phương pháp linh hoạt, có thể tiến hành nhiều cấp độ, qui mô toàn trường, toàn khóa, lớp hoặc theo đội, nhóm và cá nhân nhằm thỏa mãn yêu cầu khác nhau của SV [40], [58], [60].

Tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa SV qua hình thức CLB TDTT đã được nhiều tác giả trong nước chứng minh là phù hợp, mang lại nhiều hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo [28], [39], [51]. Cơ sở về tổ chức, quản lý CLB TDTT NK SV được bắt nguồn từ những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay [8], [10],[11], [16], [20]. Điều 7, Nghị định 112/2007/NĐ-CP, ngày 31 tháng 1 năm 2015 [ND112], Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật TDTT về “Trách nhiệm đối với GDTC, thể thao trong nhà trường và các cơ sở giáo dục”, quy định:

+ Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm tạo điều kiện hoạt động cho các câu lạc bộ thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên và các Trung tâm thể dục, thể thao trực thuộc.

+ Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác bảo đảm việc thực hiện đầu tư xây dựng và sử dụng đúng mục đích cơ sở vật chất dành cho môn học giáo dục thể chất và hoạt động thể thao theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Thể dục, thể thao và pháp luật liên quan.

Điều 3, Thông tư 18/2011/TT-BVHTTDL [11], quy định công nhận và giải thể CLB TDTT cơ sở về “*Hồ sơ đề nghị công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở*”, gồm:

- + Quyết định thành lập;
- + Danh sách Ban Chủ nhiệm;
- + Danh sách hội viên;
- + Địa điểm tập luyện;
- + Quy chế hoạt động.

CLB TDTT NK SV trong trường đại học thuộc loại hình CLB TDTT cơ sở. Đối tượng SV trong trường đại học có loại hình tổ chức CLB TDTT trường học phù hợp. Có các loại hình CLB TDTT khác nhau công lập và ngoài công lập, tùy thuộc vào mô hình hoạt động:

+ Loại hình CLB TDTT công lập: Đầu tư về cán bộ, CSVC, kinh phí hoạt động cho CLB TDTT chủ yếu là của Nhà trường.

+ Loại hình CLB TDTT liên kết: Nhà trường có đầu tư một phần, các tổ chức xã hội, đoàn thể và tư nhân đầu tư là chính.

Nội dung hoạt động CLB TDTT trường học thường có loại hình: Loại hình CLB TDTT nhiều môn; CLB TDTT một môn; CLB thể thao – giải trí...

Kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước về nội dung, hình thức, tổ chức hoạt động thể thao NK, loại hình CLB TDTT NK SV trường CĐ, ĐH được công bố khá phong phú, đa dạng:

- Tác giả Nguyễn Đức Thành (2013), kết quả Luận án tiến sĩ về *“Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên một số trường Đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh”* cho rằng:

+ Nội dung tập luyện thể thao NK SV là những môn thể thao phổ biến, dễ tập, phù hợp với sở thích SV và điều kiện cơ sở vật chất, sân bãi của Nhà trường: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông và võ thuật.

+ Hình thức tập luyện thể thao NK cơ bản cho cả sinh viên nam và nữ là CLB, nhóm-lớp, đội tuyển thể thao...; hình thức tổ chức tập luyện thể thao NK là có tổ chức, hướng dẫn theo chương trình cụ thể của GV, hướng dẫn viên.

- Tác giả Nguyễn Gắng (2015), kết quả *“Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết TDTT giữa đại học Huế và các tổ chức TDTT trên địa bàn thành phố Huế”* [31], cụ thể:

+ Xây dựng được mô hình CLB TDTT Liên kết, là một dạng thiết chế mới của CLB TDTT cơ sở trường học được tổ chức phối hợp giữa trường học và các tổ chức TDTT bên ngoài. Ưu thế của mô hình CLB liên kết đã khắc phục được những nhược điểm nội tại, huy động được tiềm năng xã hội, tăng cường, đảm bảo được các điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV theo quy trình khoa học.

+ Chứng minh rằng, dù ở dạng liên kết giữa trường học với tổ chức TDTT bán công hay dân lập, thì loại hình tập luyện TDTT ngoại khóa theo mô hình CLB TDTT Liên kết cũng đều mang lại hiệu quả vượt trội toàn diện về hình thái, thể lực, chức năng cũng như các yếu tố về tâm lý, xã hội đối với người tập.

- Tác giả Nguyễn Ngọc Minh (2017) [43], kết quả *“Nghiên cứu loại hình câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động có hiệu quả phù hợp với tổ chức Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao của Đại học Quốc gia Hà Nội”*, cụ thể:

+ Xác định 2 loại hình CLB TDTT ĐHQGHN và CLB thể thao - giải trí ở các trường ĐH thành viên. CLB TDTT ĐHQGHN do Trung tâm GDTC - TT quản lý đã được sự hợp pháp hóa bằng quy chế tổ chức hoạt động huấn luyện VĐV của ĐHQGHN. CLB thể thao – giải trí do Đoàn TN và Hội SV các trường ĐH thành viên thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu, vui chơi, giải trí của đông đảo SV ở ngay cơ sở.

+ Ứng dụng trong 2 năm học 5 giải pháp về tổ chức điều hành CLB TDTT ĐHQGHN do Trung tâm quản lý, 4 giải pháp về tuyên truyền phát triển CLB thể thao – giải trí ở các trường ĐH thành viên đã thu được kết quả: nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện về thể chất, tinh thần; có sự gia tăng số lượng CLB với sự hài lòng của đông đảo SV tham gia tập luyện và thành tích thi đấu ở nhiều môn thể thao nâng cao trình độ thể thao SV ĐHQGHN lên một bước mới

- Tác giả Trần Ngọc Cương (2018) [22], kết quả “*Nghiên cứu xây dựng chương trình các môn thể thao tự chọn theo mô hình câu lạc bộ trong đào tạo tín chỉ của SV trường đại học Sài Gòn*”, cụ thể:

+ Chương trình các học phần thể thao tự chọn theo mô hình câu lạc bộ xây dựng được gồm 5 môn: Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông, thời lượng môn GDTC là 90 tiết (3 tín chỉ). Chương trình được tiến hành trong khuôn khổ đảm bảo tính khoa học, các điều kiện đảm bảo về xây dựng chương trình đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

+ Chương trình các môn thể thao tự chọn theo mô hình CLB trong đào tạo tín chỉ trường Đại học Sài Gòn được đánh giá là khả thi và có giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng mục tiêu đào tạo trong thời kỳ mới. Chương trình có thể đưa vào ứng dụng giảng dạy GDTC cho sinh viên trường Đại học Sài Gòn.

Có thể nhận thấy rằng, CLB TDTT ngoại khóa là loại hình hoạt động TDTT ngoại khóa phù hợp trong trường trường học. Nhằm phát huy tính tự giác, tích cực của người học xây dựng CLB TDTT ngoại khóa là một trong những hình thức tốt nhất để phát huy tinh thần tự giác tích cực, đạt được hiệu quả phát triển thể chất, hiệu quả tâm lý xã hội khác.

Xét về tính đặc thù của sinh viên và chủ trương chỉ đạo của Đảng Ủy, BGH Trường ĐHCT, hình thức CLB TDTT ngoại khóa (công lập) là phù hợp với Trường ĐHCT trong giai đoạn hiện nay.

3.2.1.2. Cơ sở thực tiễn xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Luận án tiến hành khảo sát tầm quan trọng xây dựng, tổ chức, quản lý hoạt động TDTT NK SV thông qua ý kiến của các viên chức quản lý, cán bộ Đoàn – Hội và giảng viên GDTC Trường ĐHCT. Kết quả được trình bày qua bảng 3.30.

Bảng 3.29. Tầm quan trọng nghiên cứu xây dựng, tổ chức, quản lý hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	Xây dựng, tổ chức, quản lý hoạt động TDTT NK SV						Hệ số chi-Square Asymp. Sig. (2-sided)	p
		Không quan trọng		Quan trọng		Rất quan trọng			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	0	0.00	11	40.74	16	59.26	0.04	<0.05
GV GDTC	17	0	0.00	2	11.76	15	88.24		

Qua bảng 3.29, cho thấy tất cả các viên chức quản lý, CB Đoàn – Hội (100%) và giảng viên GDTC cho rằng hoạt động TDTT ngoại khóa phải được Nhà trường xây dựng, tổ chức, quản lý bài bản, khoa học và có hệ thống (100% người được hỏi đều trả lời “quan trọng” và “rất quan trọng”), với kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.04 < 0.05.

Luận án tiếp tục khảo sát sự cần thiết xây dựng CLB TDTT NK SV thông qua ý kiến của các viên chức quản lý, cán bộ Đoàn – Hội và GV GDTC Trường ĐHCT. Kết quả được trình bày qua bảng 3.30.

Bảng 3.30. Kết quả khảo sát về sự cần thiết xây dựng CLB TDTT NK SV

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	Xây dựng CLB TDTT NK SV						Hệ số chi-Square Asymp. Sig. (2-sided)	p
		Không cần thiết		Cần thiết		Rất cần thiết			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	0	0.00	9	33.33	18	66.67	0.034	<0.05
GV GDTC	17	0	0.00	1	5.88	16	94.12		

Qua bảng 3.30, cho thấy tất cả các viên chức quản lý, CB Đoàn – Hội và giảng viên GDTC cho rằng “rất cần thiết” và “cần thiết” xây dựng CLB TDTT

NK SV Trường ĐHTC (100%), với kiểm định Chi – Square, Asymp. Sig. (2-sided) = 0.034 < 0.05. Xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHTC là nhu cầu thực tế, cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC chung của Nhà trường.

Kết quả khảo sát loại hình CLB TDTT ngoại khóa SV phù hợp với điều kiện, đặc điểm Trường ĐHTC, ý kiến của viên chức quản lý, CB Đoàn – Hội và giảng viên GDTC được trình bày qua bảng 3.31.

Bảng 3.31. Kết quả khảo sát ý kiến viên chức quản lý, CB Đoàn – Hội và GV GDTC về loại hình CLB TDTT NK SV

KẾT QUẢ KHẢO SÁT	Số lượng (N)	Loại hình CLB TDTT ngoại khóa						Hệ số chi- Square Asymp. Sig. (2-sided)	p
		<i>CLB TDTT công lập, nhiều môn thể thao</i>		<i>CLB TDTT công lập, một môn thể thao</i>		<i>CLB TDTT liên kết, giải trí</i>			
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)		
Lãnh đạo, cán bộ Đoàn - Hội, Trợ lý TT	27	14	51.85	5	18.52	8	29.63	0.024	<0.05
GV GDTC	17	15	88.24	2	11.76	0	0.00		

Qua bảng 3.31, cho thấy đa số viên chức quản lý, CB Đoàn – Hội và GV GDTC (15/17 GV và 14/27 VCQL) cho rằng tổ chức CLB TDTT NK SV phù hợp là 1 “*CLB TDTT công lập, nhiều môn thể thao*”. Điều này hết sức phù hợp với đặc điểm, tình hình, chủ trương của Trường ĐHTC.

Qua kết quả khảo sát nhu cầu tham gia CLB TDTT NK SV (ở mục 3.1.4.2) cho thấy hình thức luyện tập TDTT được phần lớn SV Trường ĐHTC lựa chọn thông qua khảo sát là “*CLB TDTT do Trường ĐHTC, tổ chức, quản lý, có người hướng dẫn*”, chiếm hơn 47.65%; nhu cầu lựa chọn môn thể thao tham gia tập luyện CLB TDTT NK của SV Trường ĐHTC đa dạng, phong phú. Các môn thể thao được nam SV lựa chọn tham gia CLB TDTT NK là môn bóng chuyền và môn cầu lông, nữ SV lựa chọn môn bóng chuyền, thể dục nhịp điệu; thời gian thích hợp tập luyện CLB TDTT NK hàng ngày là từ 17h00-19h30, phù hợp với thời gian biểu cá nhân của SV.

3.2.2. Lựa chọn nội dung, tiêu chí xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

3.2.2.1 Các nguyên tắc xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Nguyên tắc xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT cần tuân thủ các nội dung mang tính hệ thống, khoa học và đảm bảo các yêu cầu cần thiết cụ thể như sau:

Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu:

Hoạt động CLB TDTT NK trường học là hướng tới chất lượng và hiệu quả, cần đảm bảo nguyên tắc sau:

- + CLB TDTT NK SV cần hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và quản lý;
- + CLB TDTT NK SV có nội dung và kế hoạch hoạt động cụ thể phù hợp với điều kiện của Trường ĐHCT;
- + CLB TDTT NK SV cần đội ngũ hướng dẫn viên về các môn thể thao cho SV trong từng môn thể thao tự chọn.
- + CLB TDTT NK SV cần có cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động thường xuyên, theo kế hoạch.

Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi:

Nguyên tắc khả thi là điều kiện cơ bản để xây dựng thành công CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT:

- + CLB TDTT NK cần có cấu trúc nội dung và mục tiêu hoạt động phù hợp với nhu cầu CLB TDTT trường học;
- + Đáp ứng khả thi nhu cầu của các bên liên quan;
- + Phù hợp với điều kiện của Nhà trường (qui chế hoạt động của Trường ĐHCT, cơ sở vật chất, điều kiện đảm bảo...) và từng cá nhân tham gia CLB (giảng viên, hướng dẫn viên, sinh viên)
- + Phù hợp với quyền hạn và chức năng của CLB TDTT NK trong việc lựa chọn nội dung chương trình và hình thức tổ chức tập luyện.
- + Tổ chức hoạt động CLB phù hợp với đặc điểm của nội dung chương trình và đặc điểm của từng môn thể thao tự chọn trong CT MH GDTC chính khóa đang áp dụng tại Trường ĐHCT.

***Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn:**

Xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT cần đảm bảo tính thực tiễn, cụ thể như sau:

+ Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực tiễn, nhu cầu hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT, CLB TDTT ngoại khóa cần đáp ứng, giải quyết các vấn đề tồn tại;

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa SV;

+ Đảm bảo, nâng cao chất lượng công tác GDTC và TDTT trường học nói riêng, đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHCT nói chung.

***Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ và phát triển:**

Sản phẩm CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT cần phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

+ Nâng cao hiệu quả dạy và học các môn thể thao tự chọn trong trong chương trình môn học GDTC chính khóa đang áp dụng tại Trường ĐHCT. Giảng viên khắc phục những tồn tại chuyên môn trong giảng dạy chính khóa. SV phát huy được năng lực, năng khiếu cá nhân trong hoạt động TDTT ngoại khóa ngoài giờ học. Phong trào TDTT của Trường ĐHCT nâng cao chất lượng, qui mô và hiệu quả.

+ Có thể dễ dàng xây dựng, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV đối với các trong chương trình môn học GDTC chính khóa đang áp dụng tại Trường ĐHCT.

Để đạt được hiệu quả đề ra, xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT cần đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc nêu trên.

3.2.2.2. Lựa chọn các tiêu chí xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Trên cơ sở phân tích các quy định hiện hành của Nhà nước ta, kết quả nghiên cứu được công bố trong nước thời gian gần đây như tác giả Trần Ngọc Cương [22], Nguyễn Găng [31], Nguyễn Thanh Hùng [38], Nguyễn Ngọc Minh [43], Đặng Minh Thắng [53], Nguyễn Đức Thành [56], ..., dựa trên điều kiện, tính đặc thù của Trường ĐHCT và tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, luận án đề xuất nội dung, yêu cầu của CLB TDTT NK SV, phù hợp với Trường ĐHCT như sau:

- *Nội dung 1: Cơ sở pháp lý thành lập, hoạt động CLB TDTT NK SV*

- Nội dung 2: Mục đích CLB TDTT ngoại khóa SV
- Nội dung 3: Chức năng và nhiệm vụ Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa SV
- Nội dung 4: Tổ chức nhân sự, thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV
- Nội dung 5: Nội dung, hình thức sinh hoạt CLB TDTT ngoại khóa SV
- Nội dung 6: Các điều kiện đảm bảo

Nhằm đánh giá độ tin cậy, tin khách quan các điều kiện cần thiết, tiêu chí xây dựng CLB TDTT ngoại khóa, luận án tiến hành phỏng vấn ý kiến của 30 nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên. Kết quả phỏng vấn các tiêu chí xây dựng CLB TDTT NK cho SV Trường ĐHCT được trình bày qua bảng 3.32.

Bảng 3.32. Kết quả phỏng vấn chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên về tiêu chí xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=30)

Mã hóa	Các tiêu chí đánh giá	Số lượng (N)	Mean (Trung bình)	Std. Deviation (Độ lệch chuẩn)	Min (GT nhỏ nhất)	Max (GT lớn nhất)
ND1	Cơ sở pháp lý thành lập, hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên	30	4.40	.968	2	5
ND2	Mục đích Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên	30	4.43	.971	2	5
ND3	Chức năng và nhiệm vụ Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên	30	4.37	.928	2	5
ND4	Tổ chức nhân sự, thành viên Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên	30	4.27	1.143	2	5
ND5	Nội dung, hình thức sinh hoạt Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên	30	4.23	1.040	2	5
ND6	Các điều kiện đảm bảo (địa điểm, sân bãi, kinh phí...)	30	4.33	1.028	2	5

Qua bảng 3.32, cho thấy 06 nội dung phỏng vấn đều có giá trị trung bình từ 4.23 đến 4.43. Các nội dung được lựa chọn đều đạt mức cần thiết. Nhằm xác định độ tin cậy của từng tiêu chí, đề tài tiến hành phân tích hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy. Kết quả được trình bày ở bảng 3.33.

Bảng 3.33. Hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy các nội dung tiêu chí CLB TDTT ngoại khóa

Reliability Statistics (Thống kê tin cậy)		
Hệ số Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items (Số lượng các mục hỏi)
.913	.913	6

Kết quả bảng 3.33, phân tích hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy tổng thể các tiêu chí được lựa chọn là 0.908.

Bảng 3.34. Phân tích mối tương quan với biến tổng thể và hệ số tin cậy của từng tiêu chí CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT
Item-Total Statistics (Hệ số tương quan biến tổng)

MÃ TIÊU CHÍ	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Squared Multiple Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
ĐK1	21.63	18.723	.736	.612	.900
ĐK 2	21.60	19.352	.647	.626	.911
ĐK 3	21.67	18.161	.860	.761	.883
ĐK 4	21.77	16.806	.823	.741	.887
ĐK 5	21.80	17.476	.836	.735	.885
ĐK 6	21.70	18.976	.647	.635	.912

Qua bảng 3.34, cho thấy các tiêu chí đều có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted từ 0.885 đến 0.912, và hệ số này lớn hơn 0.6, từng nội dung, tiêu chí đều đạt mối tương quan với biến tổng > 0.3. Điều đó khẳng định rằng, các nội dung phỏng vấn tiêu chí xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT đảm bảo độ tin cậy cần thiết, không cần loại bỏ tiêu chí nào.

3.2.2.3. Phân tích nội dung cụ thể tiêu chí CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu tham khảo, kết quả nghiên cứu được các nhà khoa học công bố trong nước, phân tích điều kiện cụ thể, chủ trương của Ban lãnh đạo, Đảng ủy Trường ĐHCT, luận án làm rõ các nội dung liên quan đến tiêu chí xây dựng CLB TDTT NK SV:

Cơ sở pháp lý thành lập, hoạt động CLB TDTT ngoại khóa SV:

- Loại hình tổ chức: CLB TDTT cơ sở trường học (công lập)
- Hiệu trưởng Trường ĐHCT quyết định của về thành lập CLB thể thao ngoại khóa (Trường Bộ môn GDTC ký thành lập theo Quyết định ủy quyền, thừa lệnh Hiệu trưởng, theo qui định chức năng nhiệm vụ).
- Bộ môn GDTC tổ chức, quản lý trực tiếp CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được phân giao.

Mục đích Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa SV

- Đào tạo, phát triển con người toàn diện
- Xây dựng, tổ chức, phát triển phong trào TDTT ngoại khóa sinh viên

- Đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT cho sinh viên Trường ĐHCT (02 giờ tự học của sinh viên)

- Tìm kiếm, bồi dưỡng tài năng thể thao cho đội tuyển thể thao

- Tạo môi trường văn hóa lành mạnh, tránh tệ nạn xã hội

Chức năng và nhiệm vụ Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa SV

- Tuyên truyền, vận động những người có cùng sở thích, tự nguyện tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

- Hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, giáo dục đạo đức, ý chí, thói quen tập luyện suốt đời.

- Tổ chức hướng dẫn học tập, tập luyện, xây dựng và huấn luyện đội tuyển thể thao cấp trường.

- Tham gia các giải thể thao sinh viên khu vực, toàn quốc, các hoạt động thể thao của Nhà trường.

- Tổ chức điều hành, phát triển hội viên.

- Điều hành hoạt động CLB tuân theo qui định của Trường ĐHCT và pháp luật của Nhà nước.

Tổ chức nhân sự, thành viên Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa SV

- Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa: 01 chủ nhiệm, 02 phó chủ nhiệm, thư ký CLB.

- Các tiểu ban chuyên môn: tiểu ban tài chính, tiểu ban truyền thông, tiểu ban y tế, tiểu ban cơ sở vật chất...

- Tiêu chuẩn thành viên tham gia Câu lạc bộ: là sinh viên Trường ĐHCT.

- Các thành viên liên quan khác theo qui định chung.

Nội dung, hình thức sinh hoạt Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa SV

- Thời gian hoạt động hàng ngày trong tuần: 17h30 – 19h30 (ngoài giờ học chính khóa của SV)

- Học tập, tập luyện theo nhóm, lớp có người hướng dẫn

- Tham gia thi đấu, biểu diễn tại các giải phong trào sinh viên trong và ngoài trường, thành phố, khu vực, toàn quốc...

- Tổ chức, hướng dẫn cho sinh viên tập luyện các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, thể dục nhịp điệu, bóng bàn...

- Hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ liên quan đến công tác tổ chức, phương pháp trọng tài các môn thể thao

- Tổ chức giao lưu văn hóa, thi đấu giữa các nhóm, đội tuyển các môn thể thao CLB TDTT...

- Các hoạt động sinh hoạt tập thể, truyền thống...

Các điều kiện đảm bảo

- Nhu cầu học tập và tập luyện của sinh viên (2 giờ tự học)

- Nguồn kinh phí hỗ trợ, xã hội hóa (thu từ hội viên, đơn vị tài trợ)

- Bộ môn GDTC tham mưu Nhà trường hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT, chương trình tập luyện...

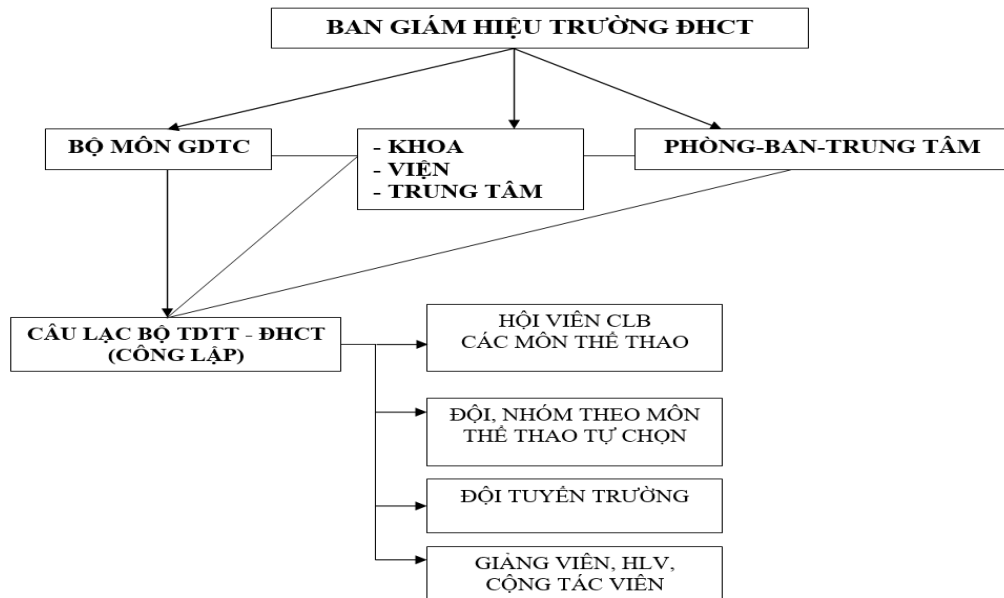
- Đội ngũ giảng viên, cộng tác viên do Bộ môn GDTC quản lý (giảng viên GDTC, đội ngũ cộng tác viên được đào tạo, HLV....)

- Ban lãnh đạo các đơn vị Khoa/Viện/Trung tâm trực thuộc Trường ĐHCT tạo điều kiện, hỗ trợ theo qui định

- Các thành viên phải đảm bảo chức năng và nhiệm vụ theo qui định.

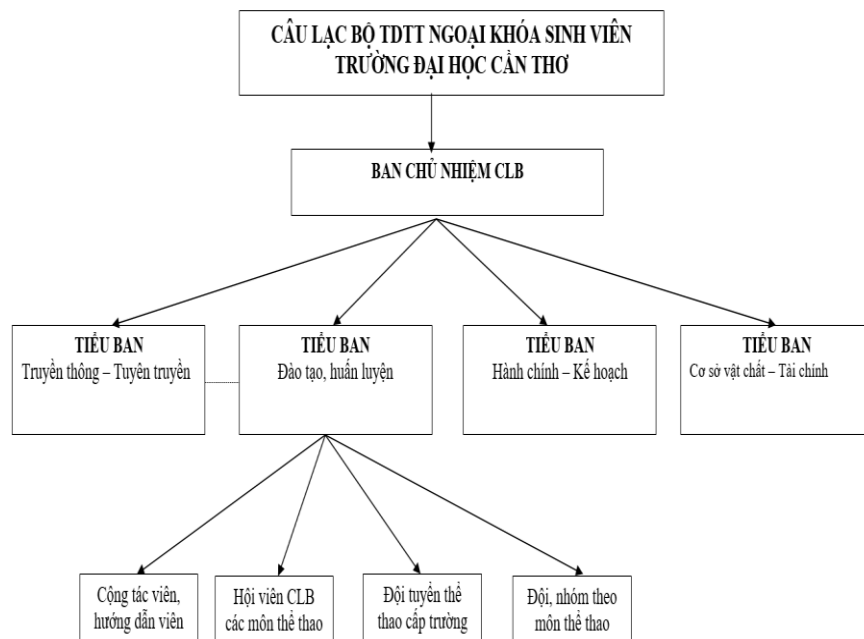
3.2.3. Khái quát tổ chức, hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Trên kết quả phân tích cơ sở pháp lý, tổng hợp kết quả các nghiên cứu của các tác giả về công tác GDTC và TDTT NK có tính tương đồng với điều kiện đặc thù của Trường ĐHCT và cơ sở thực tiễn, đánh giá, ý kiến của giảng viên GDTC, VC QL, CB Đoàn – Hội, Trợ lý Thể thao các đơn vị và nhu cầu của sinh viên Trường ĐHCT, luận án đề xuất xây dựng CLB TDTT NK phù hợp với SV Trường ĐHCT trong giai đoạn hiện nay, cụ thể như sau:



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ vị trí CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Luận án cũng bước đầu tiến hành xây dựng quản lý, tổ chức CLB TDTT ngoại khóa phù hợp cho sinh viên Trường ĐHCT, cụ thể qua sơ đồ 3.2.



Sơ đồ 3.2. Cơ cấu quản lý, tổ chức CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Cơ cấu quản lý, tổ chức CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT được luận án bước đầu xây dựng là loại hình CLB công lập. CLB TDTT NK SV thuộc sự tổ chức, quản lý của Bộ môn GDTC (trực thuộc Ban Giám hiệu, Trưởng Bộ môn GDTC thừa lệnh Hiệu trưởng Quyết định thành lập theo quy định) được sự hỗ trợ của các đơn vị trong trường: Khoa/Viện/ Trung tâm, các Phòng/Ban chức

năng và các tổ chức Đoàn – Hội sinh viên... Thành viên điều hành, quản lý CLB TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT là các viên chức của Nhà trường, cụ thể như sau:

-Tên CLB: Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ
(*tên viết tắt: CLB TDTT CTU*)

-Loại hình CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT: Do Bộ môn GDTC tổ chức, quản lý (*Sự nghiệp, công lập*)

-Tổ chức, quản lý CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT: Tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên là chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ môn GDTC được Ban Giám hiệu phân giao theo quy định. Do đó, Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT được Bộ môn GDTC quản lý trực tiếp về mọi mặt. Cơ cấu tổ chức, quản lý CLB TDTT ngoại khóa SV bao gồm:

+ **Ban chủ nhiệm:** Có chức năng điều hành toàn bộ các hoạt động từ nội dung, tổ chức kế hoạch chuyên môn, cơ sở vật chất, điều hành tất cả các hoạt động trong CLB. Chủ nhiệm là Trưởng/ Phó Trưởng Bộ môn GDTC/viên chức phụ trách chuyên môn. Thành viên Ban chủ nhiệm gồm giảng viên GDTC, cán bộ Đoàn – Hội, trợ lý thể thao các đơn vị và sinh viên. Trưởng Ban Thư ký CLB TDTT ngoại khóa là viên chức Trợ lý TDTT Bộ môn GDTC phụ trách. Các thành viên của Ban thư ký CLB TDTT ngoại khóa là viên chức Trợ lý TDTT của các đơn vị đại diện các Khoa/Viện/ Trung tâm.

+ **Các tiểu ban:** Thành viên do Ban chủ nhiệm CLB đề xuất, phân công nhiệm vụ, có mời thêm các viên chức thuộc Phòng/Ban/Trung tâm của trường hỗ trợ về mặt chuyên môn cho các tiểu ban tùy từng thời điểm.

3.2.4. Xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

3.2.4.1. Nghiên cứu, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Luận án xây dựng Quy chế quản lý, hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT gồm các nội dung dựa trên kết quả khảo sát ý kiến 17 giảng viên GDTC Trường ĐHCT qua 2 lần phỏng vấn, được trình bày qua bảng 3.35.

Bảng 3.35. Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên GDTC Trường ĐHCT về các nội dung Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=17)

TT	Nội dung khảo sát	n	KQPV L1		KQPV L12		X ²	P
			Đồng ý		Đồng ý			
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Tên gọi: <i>Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ</i>	17	16	94.12	17	100.00	1.03	<0.05
2	Vị trí, phạm vi, đối tượng	17	15	88.24	16	94.12	0.37	<0.05
3	Chức năng, nhiệm vụ, mục đích	17	14	82.35	16	94.12	1.13	<0.05
4	Cơ cấu tổ chức, nhân sự	17	16	94.12	15	88.24	0.37	<0.05
5	Trách nhiệm, quyền lợi các thành viên	17	16	94.12	15	88.24	0.37	<0.05
6	Tài chính và cơ sở vật chất	17	13	76.47	16	94.12	2.11	<0.05
7	Hoạt động CLB TDTT ngoại khóa	17	17	100.00	17	100.00	0.00	<0.05
8	Các vấn đề khác liên quan	17	13	76.47	15	88.24	0.81	<0.05

Qua bảng 3.35, các giảng viên GDTC được khảo sát đều đồng thuận với các nội dung Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT được luận án xây dựng, đề xuất. Luận án tiến hành xây dựng Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT.

3.2.4.2. Xây dựng đề án quản lý hoạt động CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT

Đề án quản lý hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT gồm các nội dung sau:

a. Tổ chức quản lý tài chính, cơ sở vật chất

- Bộ môn GDTC tham mưu Ban Giám hiệu phân giao kinh phí hỗ trợ hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT hàng năm theo quy định;
- Bộ môn GDTC hỗ trợ, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị...cho CLB TDTT ngoại khóa sinh viên hoạt động thường xuyên, hiệu quả;

- Kinh phí đóng góp của Hội viên theo quy định của CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ;

- Nguồn tài chính, thiết bị, dụng cụ TDTT do các tổ chức, cá nhân ủng hộ, xã hội hóa.

- Cơ sở vật chất và tài chính của Câu lạc bộ do Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ trực tiếp quản lý; kinh phí thu được từ các khoản đóng góp của Hội viên, từ các nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân sẽ được sử dụng để phục vụ cho quá trình tập luyện, giao lưu, thi đấu và các hoạt động để phát triển CLB;

- Các khoản thu và chi của Câu lạc bộ sẽ được báo cáo công khai trong Câu lạc bộ và Bộ môn GDTC. Phương án chi từ nguồn thu Hội viên, nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân

- Phương án thu từ Hội viên: theo mức thu phí do CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHTC quy định, có sự đồng thuận của đa số Hội viên;

- Phương án chi từ nguồn thu Hội viên: Đề án đề xuất phương án quản lý tài chính thu – chi như sau:

+ Chi 52% tổng nguồn thu từ Hội viên cho công tác quản lý chung, thù lao giảng viên, hướng dẫn viên trực tiếp...

+ Chi 33% tổng nguồn thu từ Hội viên nộp về quỹ cơ sở vật chất của Bộ môn GDTC quản lý nhằm sửa chữa nhỏ trang thiết bị, dụng cụ, đóng tiền điện ngoài giờ....

+ Còn lại 15% tổng nguồn thu từ Hội viên nhập Quỹ CLB, chi cho đối ngoại, tham gia thi đấu ngoài trường...

- Thu – chi các nguồn tài chính, tài trợ trang thiết bị TDTT từ nguồn xã hội hóa theo quy định của Trường ĐHTC và Nhà nước.

b. Thời gian hoạt động CLB TDTT NK SV

- Thời gian hoạt động thường xuyên:

+ Từ thứ 2 đến chủ nhật hàng tuần (nghỉ lễ, tết theo qui định của Nhà nước). Thời gian hoạt động hàng ngày: Sáng từ 5h00 đến 6h30, chiều từ 17h30 đến 19h30.

+ Thời gian hoạt động khác.

- Thời gian huấn luyện, thi đấu:

+ Trên cơ sở Điều lệ tổ chức Giải và kế hoạch thi đấu của Câu lạc bộ, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ sẽ quy định thời gian tập huấn và đi thi đấu; phân công nhiệm vụ cụ thể để các Hội viên thực hiện.

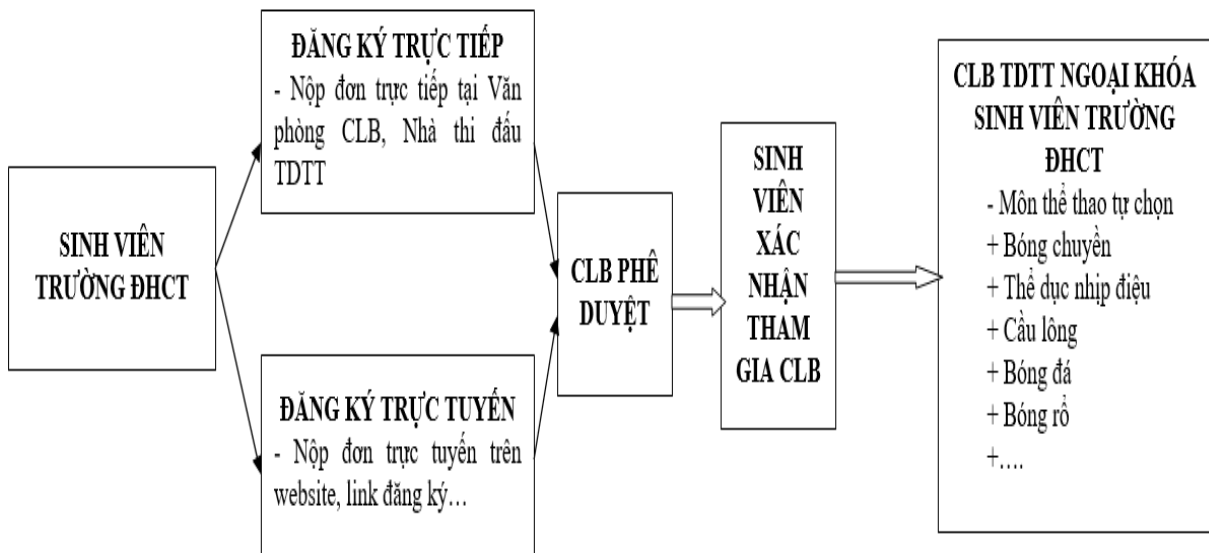
- Quản lý điều hành hoạt động của Câu lạc bộ:
 - + Ban chủ nhiệm họp 06 tháng 01 lần để kiểm điểm, đánh giá quá trình hoạt động của Câu lạc bộ, khi cần có thể họp bất thường do thường trực Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ triệu tập.
 - + Các Hội viên của Câu lạc bộ phải phục tùng mọi sự chỉ đạo, quản lý điều hành của Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ.

Đề án quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường đại học Cần Thơ được thông qua và phê duyệt của Trường Bộ môn GDTC.

3.2.4.3. Xây dựng quy trình đăng ký, tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHTC

Luận án xây dựng quy trình đăng ký, tham gia CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC như sau:

- Sinh viên có nguyện vọng, mong muốn tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa theo các môn thể thao yêu thích.
- CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC thường xuyên ra thông báo thông tin về các hoạt động, điều kiện tham gia CLB rộng rãi đến sinh viên toàn trường thông qua các phương tiện thông tin: email, mạng xã hội (zalo, fanpage, website....), bảng thông báo CLB....
- Sinh viên có thể nộp đơn đăng ký tham gia CLB TDTT NK bằng 02 hình thức trực tiếp và trực tuyến. Nộp đơn trực tiếp tại Văn phòng CLB. Nộp đơn trực tuyến thông qua website....theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.3. Quy trình đăng ký tham gia CLB TDTT NK SV Trường ĐHTC

3.2.4.4. Nghiên cứu lựa chọn nội dung giảng dạy một số môn thể thao CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Phân tích nhu cầu lựa chọn môn thể thao tập luyện ngoại khóa của SV Trường ĐHCT đa dạng, phong phú, tương đồng với số môn thể thao trong chương trình GDTC nội khóa. Trong phạm vi nghiên cứu, điều kiện cho phép về thời gian, kinh phí và các yếu tố khác của đề tài, chúng tôi lựa chọn 03 môn thể thao để bước đầu, thí điểm xây dựng nội dung chương trình giảng dạy CLB TDTT NK, cụ thể như sau:

- + Bóng chuyền (SV nam –nữ)
- + Thể dục nhịp điệu (SV nữ)
- + Cầu lông (SV nam –nữ)

Lựa chọn nội dung giảng dạy môn bóng chuyền ngoại khóa

Luận án tiến hành phỏng vấn 30 nhà khoa học, giảng viên GDTC, HLV chuyên môn bóng chuyền các trường ĐH, CĐ, HLV và Trung tâm TDTT trên địa bàn TP. Cần Thơ, TP. HCM... về nội dung giảng dạy bóng chuyền CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT, kết quả được trình bày qua bảng 3.36.

Bảng 3.36. Kết quả phỏng vấn nội dung giảng dạy bóng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=30)

TT	Nội dung tập luyện	N	Mean (TB)	SD (Độ lệch chuẩn)
1	Các bài tập thực hành kỹ thuật đệm bóng	30	4.93	0.25
2	Các bài tập thực hành kỹ thuật chuyền bóng cao tay	30	4.53	0.51
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật phát bóng	30	4.57	0.50
4	Các bài tập thực hành đập bóng	30	4.53	0.51
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật chắn bóng cá nhân, tập thể	30	4.50	0.51
6	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chung	30	4.50	0.51
7	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chuyên môn	30	4.50	0.51
8	Các bài tập thực hành chiến thuật bóng chuyền	30	4.60	0.50
9	Các bài tập thực hành thi đấu bóng chuyền	30	4.67	0.48
10	Các bài tập thực hành phương pháp trọng tài bóng chuyền	30	4.57	0.50
11	Các bài tập thực hành phương pháp hướng dẫn tập luyện bóng chuyền	30	4.63	0.49
<i>Hệ số Cronbach's Alpha</i> 0.922		<i>N of Items (số lượng các mục hỏi)</i> 11		

Qua bảng 3.36, cho thấy các nhà khoa học, giảng viên GDTC, HLV chuyên môn bóng chuyền đều thống nhất với các nội dung giảng dạy bóng chuyền cho sinh viên CLB TDTT NK Trường ĐHCT với ý kiến tán đồng các nội dung phỏng vấn (với mean từ 4.50 trở lên, Cronbach's Alpha = 0.922). Luận án tiến hành xây dựng bảng phân phối chương trình giảng dạy bóng chuyền cho sinh viên CLB TDTT NK, cụ thể qua bảng 3.37.

Bảng 3.37. Phân phối nội dung giảng dạy môn bóng chuyền CLB TDTT NK Trường ĐHCT

TT	Nội chương trình	Số tiết
1	Các bài tập thực hành kỹ thuật đệm bóng	15
2	Các bài tập thực hành kỹ thuật chuyền bóng cao tay	15
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật phát bóng	15
4	Các bài tập thực hành đập bóng	15
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật chắn bóng cá nhân, tập thể	10
6	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chung	10
7	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chuyên môn	10
8	Các bài tập thực hành chiến thuật bóng chuyền	15
9	Các bài tập thực hành thi đấu bóng chuyền	25
10	Các bài tập thực hành phương pháp trọng tài bóng chuyền	10
11	Các bài tập thực hành phương pháp hướng dẫn tập luyện bóng chuyền	10
Tổng cộng		150

Thời lượng giảng dạy chủ yếu hướng dẫn thực hành các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật nâng cao, chiến thuật, đội hình thi đấu và thực hành phương pháp trọng tài, tổ chức thi đấu, nghiệp vụ, phù hợp với nhu cầu, tâm lý của sinh viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa nhằm rèn luyện, phát triển khả năng chuyên môn, thi đấu giao lưu và tiếp thu các kỹ năng nghiệp vụ về môn thể thao yêu thích. Các SV tham gia CLB TDTT NK BC Trường ĐHCT có thể được giới thiệu tham dự các lớp tập huấn sơ cấp trọng tài, nghiệp vụ thể thao, có thể trở thành cộng tác viên, hướng dẫn viên cho phong trào chung của Nhà trường.

Lựa chọn nội dung giảng dạy môn thể dục nhịp điệu ngoại khóa

Luận án tiến hành phỏng vấn các nhà khoa học, giảng viên GDTC, HLV chuyên môn thể dục các trường ĐH, CĐ, HLV và Trung tâm TDTT trên địa bàn TP. Cần Thơ, TP. HCM... về nội dung giảng dạy môn thể dục nhịp điệu ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT, kết quả được trình bày qua bảng 3.38.

**Bảng 3.38. Kết quả phỏng vấn nội dung giảng dạy môn thể dục nhịp điệu
NK SV Trường ĐHCT (n=30)**

TT	Nội dung tập luyện	N	Mean (TB)	SD (Độ lệch chuẩn)
1	Các bài tập thực hành kỹ thuật cơ bản	30	4.80	0.41
2	Các bài tập thực hành vũ đạo cơ bản	30	4.43	0.50
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm A (Động lực)	30	4.43	0.50
4	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm B(Các động tác tĩnh lực)	30	4.53	0.51
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm C (Bật và nhảy)	30	4.50	0.51
6	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm D(Mềm dẻo và thăng bằng)	30	4.40	0.50
7	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chung, chuyên môn	30	4.50	0.51
8	Các bài tập thực hành phát triển kỹ năng, phối hợp nhóm, đội	30	4.53	0.51
9	Các bài tập thực hành trình diễn, thi đấu	30	4.57	0.50
<i>Hệ số Cronbach's Alpha</i> 0.873		<i>N of Items (Số lượng các mục hỏi)</i> 09		

Qua bảng 3.38, kết quả phỏng vấn các nhà khoa học, giảng viên GDTC, HLV chuyên môn thể dục đều thống nhất với các nội dung giảng dạy thể dục nhịp điệu cho sinh viên CLB TĐTT NK Trường ĐHCT với ý kiến tán đồng các nội dung phỏng vấn (với mean từ 4.50 trở lên, Cronbach's Alpha = 0.873). Luận án xây dựng bảng phân phối chương trình giảng dạy thể dục nhịp điệu CLB TĐTT NK SV, cụ thể qua bảng 3.39.

**Bảng 3.39. Phân phối nội dung giảng dạy thể dục nhịp điệu CLB TĐTT NK
SV Trường ĐHCT**

TT	Nội chương trình	Số tiết
1	Kỹ thuật cơ bản	20
1.1	Bảy bước cơ bản	
1.2	Bảy bước cơ bản kết hợp với tay	
2	Vũ đạo cơ bản	20
2.1	Động tác nhún chân tại chỗ	
2.2	Bước quả trám	
2.3	Bước chân qua lại theo nhạc	
2.4	Lắc hông(biên độ lớn, nhỏ)	

TT	Nội chương trình	Số tiết
3	<i>Kỹ thuật nhóm A (Động lực)</i>	10
3.1	Chống đẩy	
3.2	Đứng đỡ chống sấp	
3.3	Quỳ đỡ chống sấp	
3.4	Chuối vai	
3.5	Chuối tường	
3.6	Bật cóc	
3.7	Bài tập hai người đẩy xe kút kít	
4	<i>Kỹ thuật nhóm B (Các động tác tĩnh lực)</i>	10
4.1	Nhón chân giữ thẳng 2 phút	
4.2	Gập bụng phối hợp hai người	
4.3	Giữ tư thế chống đẩy 2 phút (plan)	
4.4	Ke L	
4.5	Ke dạng	
5	<i>Kỹ thuật nhóm C (Bật và nhảy)</i>	10
5.1	Bật đá chân cao-trước-ngang-sau	
5.2	Bật co gối, bật dạng	
5.3	Bật quay 90 độ, bật ôm gối	
5.4	Bật quay 180 độ, bật ôm gối	
5.5	Ngồi xồm khếp chân bật cao	
5.6	Bật bực 1 phút	
5.7	Bật chữ X	
6	<i>Kỹ thuật nhóm D (Mềm dẻo và thăng bằng)</i>	14
6.1	Xoạc dọc(phải, trái)	
6.2	Trườn dèo	
6.3	Dẻo âm	
6.4	Uốn cầu	
6.5	Ngồi bệt dèo vai	
6.6	Thăng bằng 1 chân (phải- trái) nhắm mắt	
6.7	Xoay tại chỗ 1 phút (phải – trái)	
7	<i>Bài tập phát triển thể lực chung, chuyên môn</i>	20
8	<i>Phát triển kỹ năng, phối hợp nhóm, đội</i>	20
8.1	Phối hợp nhóm	
8.2	Phối hợp đội	
9	<i>Trình diễn, thi đấu</i>	26
Tổng cộng		150

Qua bảng 3.39, thời lượng giảng chủ yếu hướng dẫn thực hành các kỹ thuật cơ bản, kỹ kỹ thuật chuyên môn, phát triển thể lực chung, thể lực chuyên môn và sáng tạo, phối hợp đội, nhóm tập. trình diễn, thi đấu... Điều này cũng hết sức phù hợp với nhu cầu, tâm lý của sinh viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa nhằm rèn luyện, phát triển khả năng chuyên môn, thi đấu giao lưu, nâng cao sức khỏe, tinh thần.

Lựa chọn nội dung giảng dạy môn cầu lông ngoại khóa

Luận án tiến hành phỏng vấn các giảng viên GDTC về nội dung giảng dạy môn cầu lông ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT, kết quả được trình bày qua bảng 3.40.

Bảng 3.40. Kết quả phỏng vấn các nội dung giảng dạy môn cầu lông CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT (n=30)

TT	Nội dung tập luyện	N	Mean (TB)	SD (Độ lệch chuẩn)
1	Các bài tập thực hành tư thế chuẩn bị, cách cầm cầu, cầm vợt	30	4.83	0.38
2	Các bài tập thực hành di chuyển đơn bước, đa bước	30	4.47	0.51
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật phòng thủ phải, trái thấp tay	30	4.47	0.51
4	Các bài tập thực hành kỹ thuật phát cầu ngắn, phát cầu cao sâu	30	4.57	0.50
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật phong cầu	30	4.53	0.51
6	Các bài tập thực hành kỹ thuật treo cầu	30	4.43	0.50
7	Các bài tập thực hành kỹ thuật đập cầu	30	4.53	0.51
8	Các bài tập thực hành kỹ thuật tạt cầu	30	4.57	0.50
9	Các bài tập thực hành kỹ thuật bỏ nhỏ trên lưới	30	4.57	0.50
10	Các bài tập thực hành kỹ thuật tấn công nhanh	30	4.57	0.50
11	Các bài tập thực hành kỹ thuật kéo lưới	30	4.30	0.47
12	Các bài tập thực hành kỹ thuật chặn cầu	30	4.23	0.43
13	Các bài tập thực hành phối hợp kỹ thuật	30	4.20	0.41
14	Các bài tập thực hành chiến thuật di chuyển đơn, di chuyển đôi	30	4.20	0.41
15	Các bài tập thực hành chiến thuật thi đấu đồng đội cầu lông	30	4.20	0.41
16	Các bài tập thực hành thể lực phát triển chung, chuyên môn	30	4.27	0.45
17	Các bài tập thực hành thi đấu cá nhân, đôi	30	4.30	0.47
18	Phương pháp thực hành trọng tài, tổ chức giải đấu cầu lông	30	4.23	0.43
<i>Hệ số Cronbach's Alpha</i> 0.819		<i>N of Items (Số lượng các mục hỏi)</i> 18		

Qua bảng 3.40, các nhà khoa học, giảng viên GDTC, HLV chuyên môn cầu lông đều thống nhất với các nội dung giảng dạy cầu lông cho sinh viên CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT với ý kiến tán đồng các nội dung phỏng vấn (với mean từ 4.20 trở lên, Cronbach's Alpha = 0.819). Luận án xây dựng bảng phân phối chương trình giảng dạy cầu lông cho CLB TDT NK SV, cụ thể qua bảng 3.41.

Bảng 3.41. Phân phối nội dung giảng dạy cầu lông CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

TT	Nội dung tập luyện	Số tiết
1	Các bài tập thực hành tư thế chuẩn bị, cách cầm cầu, cầm vợt	2
2	Các bài tập thực hành di chuyển đơn bước, đa bước	3
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật phòng thủ phải, trái thấp tay	5
4	Các bài tập thực hành kỹ thuật phát cầu ngắn, phát cầu cao sâu	5
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật phong cầu	5
6	Các bài tập thực hành kỹ thuật treo cầu	5
7	Các bài tập thực hành kỹ thuật đập cầu	5
8	Các bài tập thực hành kỹ thuật tạt cầu	5
9	Các bài tập thực hành kỹ thuật bỏ nhỏ trên lưới	5
10	Các bài tập thực hành kỹ thuật tấn công nhanh	5
11	Các bài tập thực hành kỹ thuật kéo lưới	5
12	Các bài tập thực hành kỹ thuật chặn cầu	5
13	Các bài tập thực hành phối hợp kỹ thuật	5
14	Các bài tập thực hành chiến thuật di chuyển đơn, di chuyển đôi	10
15	Các bài tập thực hành chiến thuật thi đấu đồng đội cầu lông	10
16	Các bài tập thực hành thể lực phát triển chung, chuyên môn	30
17	Các bài tập thực hành thi đấu cá nhân, đôi	30
18	Phương pháp thực hành trọng tài, tổ chức giải đấu	10
Tổng cộng		150

Qua bảng 3.41, thời lượng giảng dạy chủ yếu hướng dẫn thực hành các kỹ thuật cơ bản, kỹ kỹ thuật chuyên môn, phát triển thể lực chung – chung – chuyên môn và sáng tạo, phối hợp đôi, thi đấu.... Điều này cũng hết sức phù hợp với tâm lý, mong muốn của sinh viên khi tham gia hoạt động CLB TDTT NK SV.

3.2.4.5. Tổ chức, vận hành hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT do Bộ môn GDTC phụ trách tổ chức, quản lý, điều hành theo qui chế hoạt động được phê duyệt. Bộ môn GDTC bố trí, trang bị 01 văn phòng, phân công nhân sự cần thiết phục vụ quản lý CLB TDTT NK.

CLB TDTT NK được tổ chức đa môn, tương ứng với các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc Trường ĐHCT hiện hành như: bóng chuyền, cầu lông, thể dục nhịp điệu, bóng bàn, bóng đá, bóng rổ...theo nhu cầu của SV.

CLB TDTT NK sử dụng hệ thống sân bãi, nhà tập trang thiết bị, dụng cụ TDTT được Trường ĐHCT đầu tư phục vụ công tác GDTC và hoạt động TDTT toàn trường.

Thời gian hoạt động CLB TDTT NK chủ yếu ngoài giờ học chính khóa: buổi sáng từ 5h30-6h30, buổi tối từ 17h30 – 19h30...và các khung thời gian phù hợp với SV Trường ĐHCT tất cả các ngày trong tuần.

Kinh phí hoạt động CLB TDTT NK chủ yếu từ nguồn đóng góp của học viên, nguồn xã hội hóa và 1 phần kinh phí thường xuyên của Nhà trường.

Sinh viên Trường ĐHCT có thể đăng ký tham gia CLB TDTT NK qua nhiều hình thức: đăng ký trực tiếp, đăng ký qua websiet, link đăng ký...

3.2.5. Bàn luận kết quả nghiên cứu

Cơ sở xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước, tương đồng với nghiên cứu của các tác giả trong nước và phù hợp với chủ trương của Đảng Ủy, Ban Giám hiệu Trường ĐHCT. Hình thức CLB TDTT NK SV (công lập) là phù hợp với SV Trường ĐHCT trong giai đoạn đào tạo tin chỉ hiện nay.

Phân tích nhu cầu của sinh viên, căn cứ trên các thông tin cần thiết thông qua khảo sát, chúng ta nhận thấy rằng nghiên cứu xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT là một nhu cầu thiết yếu, cần được quan tâm thực hiện. Hình thức tập luyện được lựa chọn phù hợp là CLB TDTT ngoại khóa. Môn thể thao phù hợp để sinh viên tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa tương đồng với các môn thể thao trong chương trình môn học GDTC hiện hành của Trường ĐHCT. Đây là những thông tin, cơ sở quan trọng nhằm giúp đề tài tiến hành xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT.

Qua bảng 3.32, cho thấy 06 nội dung phỏng vấn đều có giá trị trung bình từ 4.23 đến 4.43. Các nội dung được lựa chọn đều đạt mức cần thiết. Nhằm xác định độ tin cậy của từng tiêu chí, đề tài tiến hành phân tích hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy. Kết quả bảng 3.33, phân tích hệ số Cronbach's Alpha – hệ số tin cậy tổng

thể các tiêu chí được lựa chọn là 0.908. Điều đó cho thấy nội dung phỏng vấn đảm bảo độ tin cậy cần thiết về tổng thể (06 tiêu chí). Đề tài tiến hành phân tích mối tương quan với biến tổng thể và hệ số tin cậy của từng tiêu chí, nhằm cần thiết phải loại bỏ các tiêu chí có hệ số Cronbach's Alpha Item Deleted không đạt yêu cầu. Kết quả được trình bày ở bảng 3.34, cho thấy các tiêu chí đều có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted từ 0.885 đến 0.912, và hệ số này lớn hơn 0.6, từng nội dung, tiêu chí đều đạt mối tương quan với biến tổng > 0.3. Điều đó khẳng định rằng, các nội dung phỏng vấn tiêu chí xây dựng CLB TĐTT NK SV Trường ĐHCT đảm bảo độ tin cậy cần thiết, không cần loại bỏ tiêu chí nào.

Như vậy, thông qua kết quả phỏng vấn, kiểm nghiệm độ tin cậy, luận án đã tiến hành lựa chọn được 06 tiêu chí xây dựng CLB TĐTT NK SV Trường ĐHCT: *Cơ sở pháp lý thành lập, hoạt động CLB TĐTT NK SV; Mục đích CLB TĐTT ngoại khóa SV; Chức năng và nhiệm vụ CLB TĐTT NK SV; Tổ chức nhân sự, thành viên CLB TĐTT NK SV; Nội dung, hình thức sinh hoạt CLB TĐTT NK SV và Các điều kiện đảm bảo.* Đây là những cơ sở quan trọng giúp luận án xây dựng CLB TĐTT NK SV Nhà trường.

Luận án cũng bước đầu tiến hành xây dựng quản lý, tổ chức CLB TĐTT ngoại khóa phù hợp cho sinh viên Trường ĐHCT. Cơ cấu quản lý, tổ chức CLB TĐTT NK SV Trường ĐHCT được luận án bước đầu xây dựng là loại hình CLB công lập, bao gồm: **Tên CLB:** Câu lạc bộ TĐTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ (*tên viết tắt: CLB TĐTT CTU*); **Loại hình CLB TĐTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT:** Do Bộ môn GDTC tổ chức, quản lý (*Sự nghiệp, công lập*); **Tổ chức, quản lý CLB TĐTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT:** Tổ chức, quản lý hoạt động TĐTT ngoại khóa sinh viên là chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ môn GDTC được Ban Giám hiệu phân giao theo quy định. Do đó, Câu lạc bộ TĐTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT được Bộ môn GDTC quản lý trực tiếp về mọi mặt. Cơ cấu tổ chức, quản lý CLB TĐTT ngoại khóa SV bao gồm: **Ban chủ nhiệm:** Có chức năng điều hành toàn bộ các hoạt động từ nội dung, tổ chức kế hoạch chuyên môn, cơ sở vật chất, điều hành tất cả các hoạt động trong CLB. **Các tiểu ban:** Thành viên do Ban chủ nhiệm CLB đề xuất, phân công nhiệm vụ, có mời thêm các viên chức thuộc Phòng/Ban/Trung tâm của trường hỗ trợ về mặt chuyên môn cho các tiểu ban tùy từng thời điểm.

Kết quả phân tích nhu cầu lựa chọn môn thể thao tập luyện ngoại khóa của SV Trường ĐHCN cho thấy sự đa dạng, phong phú, tương đồng với số môn thể thao trong chương trình GDTC nội khóa. Căn cứ điều kiện thực tiễn của Trường ĐHCN về đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất, về kinh phí hoạt động và các yếu tố khác có liên quan đề tài lựa chọn 03 môn thể thao để bước đầu, thí điểm xây dựng nội dung chương trình giảng dạy CLB TDTT NK, cụ thể là: *Bóng chuyền (SV nam –nữ); Thể dục nhịp điệu (SV nữ) và Cầu lông (SV nam – nữ).*

Kết quả nghiên cứu, xây dựng nội dung và thời lượng giảng dạy các môn thể thao ngoại khóa phù hợp là bóng chuyền, cầu lông, thể dục nhịp điệu. Nội dung hoạt động TDTT ngoại khóa các môn thể thao là thực hành các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật nâng cao, chiến thuật, đội hình thi đấu và thực hành phương pháp trọng tài, tổ chức thi đấu phù hợp với nhu cầu, tâm lý của sinh viên nhằm rèn luyện, phát triển khả năng chuyên môn, thi đấu giao lưu, rèn luyện sức khỏe.

3.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ

3.3.1. Ứng dụng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCN

3.3.1.1. Mô tả thực nghiệm

Luận án tiến hành ứng dụng, tổ chức thực nghiệm CLB TDTT NK SV Trường ĐHCN ở 03 môn thể thao tự chọn là bóng chuyền, thể dục nhịp điệu và cầu lông năm 2020:

Thời gian: từ tháng 03/2020 đến tháng 12/2020 (10 tháng)

Mẫu thực nghiệm:

Luận án lựa chọn khách thể tham gia thực nghiệm bao gồm nhóm:

-Nhóm sinh viên thực nghiệm: CLB ngoại khóa bóng chuyền gồm có 30 SV nam và 30 SV nữ; CLB ngoại khóa thể dục nhịp điệu là 30 SV nữ; CLB ngoại khóa cầu lông là 30 SV nam. Tất cả các sinh viên nhóm thực nghiệm đều học khóa 44 của trường:

+ Nhóm nữ SV nhóm thực nghiệm 1 (Nữ TN1): 30 SVV tham gia CLB NK bóng chuyền.

+ Nhóm nữ SV nhóm thực nghiệm 2 (Nữ TN2): 30 SV tham gia CLB NK thể dục nhịp điệu.

+ Nhóm nam SV nhóm thực nghiệm 1 (Nam TN1): 30 SV tham gia CLB NK bóng chuyền.

+ Nhóm nam SV nhóm thực nghiệm 2 (Nam TN2): 30 SV tham gia CLB NK cầu lông.

Mẫu so sánh sau thực nghiệm:

- **Nhóm sinh viên so sánh sau thực nghiệm:** 30 SV nữ (N.SS1) và 30 SV nam (N.SS2) là những SV tự luyện tập TDTT NK tại Trường ĐHCT, không tham gia CLB TDTT NK.

Mẫu khảo sát, phỏng vấn ý kiến đánh giá, mức độ hài lòng:

- Sinh viên nhóm thực nghiệm: 120 SV (60 SV nam và 60 SV nữ)
- Giảng viên GDTC về hiệu quả CLB TDTT NK SV

Cách thức tiến hành thực nghiệm:

+ SV nhóm thực nghiệm được tập luyện theo chương trình giảng dạy của CLB TDTT NK các môn thể thao bóng chuyên, cầu lông, thể dục nhịp điệu được xây dựng (ở mục 3.2). Các SV tham gia CLB TDTT NK được giảng viên hướng dẫn, có kiểm soát thời lượng hoạt động. Thời gian tham gia CLB TDTT NK của SV nhóm thực nghiệm là 17h30 – 19h30, các ngày trong tuần. Thời lượng tham gia của mỗi sinh viên nhóm thực nghiệm là 03 buổi/ tuần.

+ Sinh viên SV viên so sánh tham gia tập luyện TDTT NK tự cá nhân, theo thói quen bình thường hàng ngày, thời lượng và nội dung không được kiểm soát chặt chẽ.

Nội dung tập luyện ngoại khóa

Luận án sử dụng nội dung chương trình giảng dạy bóng chuyên, thể dục nhịp điệu và cầu lông NK đã được xây dựng và tiến hành thực nghiệm.

3.3.1.2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả của quá trình thực nghiệm CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Tiêu chí đánh giá hiệu quả của quá trình thực nghiệm CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT bao gồm:

- Đánh giá hiệu quả phát triển thể lực chung của sinh viên nhóm thực nghiệm sau khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT (đạt tiêu chuẩn rèn luyện theo QĐ 53-2008/BG&ĐT) [7].

- Đánh giá mức độ hài lòng của SV khi tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT.

- Đánh giá của giảng viên GDTC về hiệu quả CLB TDTT NK SV.

- Đánh giá hiệu quả về số lượng SV tham gia CLB TDTT NK, lợi ích tài chính, khả năng duy trì, phát triển CLB.

3.3.2. Đánh giá hiệu quả phát triển thể lực chung của sinh viên Trường ĐHTC khi tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa

3.3.2.1. Kết quả kiểm tra thể lực chung sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước khi thực nghiệm

* Thể lực chung nữ sinh viên nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm:

Luận án tiến hành kiểm tra sự phạm SV nhóm thực nghiệm (nữ SV môn bóng chuyền_ nữ TN1 và nữ SV môn thể dục nhịp điệu_ nữ TN2) với các tiêu chí theo QĐ số: 53/2008- BGD&ĐT [7], học kỳ 2 năm học 2019 – 2020 vào tháng 05/2020. Kết quả được trình bày qua bảng 3.42.

Bảng 3.42. Thực trạng thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước TN sự phạm

		SỐ LƯỢNG (N)	CÁC THAM SỐ		
			\bar{x}	$\pm \sigma$	Cv%
Lực bóp tay thuận (kG)	Nữ TN1	30	30.08	1.80	5.99
	Nữ TN2	30	29.60	1.88	6.35
	Tổng	60	29.84	1.84	6.17
Năm ngựa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nữ TN1	30	17.80	1.75	9.83
	Nữ TN2	30	17.73	1.68	9.47
	Tổng	60	17.77	1.72	9.65
Bật xa tại chỗ (cm)	Nữ TN1	30	165.07	10.74	6.51
	Nữ TN2	30	167.10	7.23	4.33
	Tổng	60	166.08	8.98	5.42
Chạy 30m XPC (s)	Nữ TN1	30	5.94	0.38	6.43
	Nữ TN2	30	5.85	0.43	7.37
	Tổng	60	5.90	0.41	6.90
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nữ TN1	30	12.21	0.67	5.52
	Nữ TN2	30	12.34	0.65	5.26
	Tổng	60	12.28	0.66	5.39
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nữ TN1	30	906.00	41.16	4.54
	Nữ TN2	30	908.67	34.51	3.80
	Tổng	60	907.33	37.84	4.17

Qua bảng 3.42, cho thấy, thực trạng thể lực chung của nữ SV nhóm thực nghiệm khá tương đồng nhau ở 6/6 test kiểm tra (có Cv% <10%). Kết quả đánh

giá, phân loại thể lực chung nữ SV nhóm thực nghiệm (nữ TN1, và nữ TN2) trước thực nghiệm theo từng chỉ tiêu được trình bày qua bảng 3.43.

Bảng 3.43. Đánh giá, phân loại thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước TN sự phạm

TT	TEST KIỂM TRA	Nữ TN1						Nữ TN2					
		Tốt		Đạt		Không đạt		Tốt		Đạt		Không đạt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	4	13.33	21	70.00	5	16.67	5	16.67	21	70.00	4	13.33
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	5	16.67	19	63.33	6	20.00	6	20.00	19	63.33	6	20.00
3	Bật xa tại chỗ (cm)	4	13.33	22	73.33	4	13.33	4	13.33	18	60.00	3	10.00
4	Chạy 30m XPC (s)	4	13.33	22	73.33	4	13.33	4	13.33	19	63.33	4	13.33
5	Chạy con thoi 4x10 (s)	6	20.00	19	63.33	5	16.67	5	16.67	16	53.33	8	26.67
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	3	10.00	20	66.67	7	23.33	7	23.33	20	66.67	6	20.00

Qua bảng 3.43, cho thấy, thực trạng đánh giá, xếp loại thể lực chung nữ SV nhóm thực nghiệm theo từng chỉ tiêu, trước thực nghiệm sự phạm còn tỷ lệ SV nữ không đạt khá lớn, cụ thể:

+*Lực bóp tay thuận (kG)*: Nhóm nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) còn 16.67 SV không đạt (5/30SV) và nhóm nữ SV TN2 (môn TDNĐ) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV);

+*Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)*: Nhóm nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) còn 20 % SV không đạt (6/30SV) và nhóm nữ SV TN2 (môn TDNĐ) còn 20% SV không đạt (6/30SV);

+*Bật xa tại chỗ (cm)*: Nhóm nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV) và nhóm nữ SV TN2 (môn TDNĐ) còn 10% SV không đạt (3/30SV);

+*Chạy 30m XPC (s)*: Nhóm nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV) và nhóm nữ SV TN2 (môn TDNĐ) còn 13.33% SV không đạt (4/30SV);

+*Chạy con thoi 4x10 (s)*: Nhóm nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV) và nhóm nữ SV TN2 (môn TDNĐ) còn 26.67% SV không đạt (8/30SV);

+*Chạy tùy sức 5 phút (m)*: Nhóm nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) còn 23.33 % SV không đạt (7/30SV) và nhóm nữ SV TN2 (môn TDNĐ) còn 20% SV không đạt (6/30SV).

* *Thể lực chung nam sinh viên nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm:*

Luận án tiến hành kiểm tra sự phạm SV nhóm thực nghiệm (nam SV môn bóng chuyền_nam TN1 và nam SV môn cầu lông_nam TN2) với các tiêu chí theo QĐ số: 53/2008- BGD&ĐT [7], học kỳ 2 năm học 2019 – 2020 vào tháng 05/2020. Kết quả được trình bày qua bảng 3.44.

Bảng 3.44. Thực trạng thể lực chung nam SV CLB TDTT NK trước TN sự phạm

		SỐ LƯỢNG (n)	CÁC THAM SỐ		
			\bar{x}	$\pm \sigma$	Cv%
Lực bóp tay thuận (kG)	Nam TN1	30	44.82	2.94	6.56
	Nam TN2	30	45.14	2.87	6.36
	Tổng	60	44.98	2.91	6.46
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nam TN1	30	19.43	1.83	9.43
	Nam TN2	30	19.73	1.82	9.21
	Tổng	60	19.58	1.83	9.32
Bật xa tại chỗ (cm)	Nam TN1	30	216.13	9.41	4.35
	Nam TN2	30	218.07	11.95	5.48
	Tổng	60	217.10	10.68	4.92
Chạy 30m XPC (s)	Nam TN1	30	5.17	0.43	8.34
	Nam TN2	30	5.12	0.40	7.82
	Tổng	60	5.15	0.42	8.08
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nam TN1	30	11.95	0.42	3.48
	Nam TN2	30	12.02	0.51	4.20
	Tổng	60	11.98	0.46	3.84
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam TN1	30	978.00	65.78	6.73
	Nam TN2	30	994.33	63.01	6.34
	Tổng	60	986.17	64.39	6.53

Qua bảng 3.44, cho thấy, thực trạng thể lực chung của nam SV nhóm thực nghiệm khá tương đồng nhau ở 6/6 test kiểm tra (có Cv% <10%). Kết quả đánh giá, phân loại thể lực chung nam SV nhóm thực nghiệm (nam SV TN1, và nam SV TN2) trước thực nghiệm theo từng chỉ tiêu được trình bày qua bảng 3.45.

Bảng 3.45. Đánh giá, phân loại thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa trước TN sự phạm

TT	TEST KIỂM TRA	Nam TN1						Nam TN2					
		Tốt		Đạt		Không đạt		Tốt		Đạt		Không đạt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	3	10.00	23	76.67	4	13.33	4	13.33	22	73.33	4	13.33

TT	TEST KIỂM TRA	Nam TN1						Nam TN2					
		Tốt		Đạt		Không đạt		Tốt		Đạt		Không đạt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	2	6.67	24	80.00	4	13.33	4	13.33	22	73.33	5	16.67
3	Bật xa tại chỗ (cm)	4	13.33	21	70.00	5	16.67	5	16.67	20	66.67	5	16.67
4	Chạy 30m XPC (s)	3	10.00	22	73.33	5	16.67	5	16.67	23	76.67	5	16.67
5	Chạy con thoi 4x10 (s)	5	16.67	21	70.00	4	13.33	4	13.33	19	63.33	5	16.67
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	4	13.33	21	70.00	5	16.67	5	16.67	22	73.33	5	16.67

Qua bảng 3.45, cho thấy, thực trạng đánh giá, xếp loại thể lực chung nam SV nhóm thực nghiệm theo từng chỉ tiêu, trước thực nghiệm sự phạm còn tỷ lệ sinh viên nam không đạt khá lớn, cụ thể:

+*Lực bóp tay thuận (kG)*: Nhóm nam SV TN1 (môn BC) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV) và nhóm nam SV TN2 (môn CL) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV);

+*Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)*: Nhóm nam SV TN1 (môn BC) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV) và nhóm nam SV TN2 (môn CL) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV);

+*Bật xa tại chỗ (cm)*: Nhóm nam SV TN1 (môn BC) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV) và nhóm nam SV TN2 (môn CL) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV);

+*Chạy 30m XPC (s)*: Nhóm nam SV TN1 (môn BC) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV) và nhóm nam SV TN2 (môn CL) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV);

+*Chạy con thoi 4x10 (s)*: Nhóm nam SV TN1 (môn BC) còn 13.33 % SV không đạt (4/30SV) và nhóm nam SV TN2 (môn CL) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV);

+*Chạy tùy sức 5 phút (m)*: Nhóm nam SV TN1 (môn BC) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV) và nhóm nam TN2 (môn CL) còn 16.67 % SV không đạt (5/30SV).

3.3.2.2. *Kết quả kiểm tra thể lực chung sinh viên CLB TDTT ngoại khóa sau khi thực nghiệm sự phạm*

Thể lực chung nữ sinh viên nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm:

Luận án tiến hành kiểm tra sự phạm sinh viên nữ nhóm thực nghiệm (nữ SV TN1, nữ SV TN2) sau TN, cụ thể qua bảng 3.46, bảng 3.47.

Bảng 3.46. Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn bóng chuyền (nữ TN1) STN
(Paired Samples Statistics)

TEST KIỂM TRA		Mean (TB)	N (SL)	SD (ĐLC)	SE	Sig. (2- tailed)	P
Lực bóp tay thuận (kG)	TTN	30.08	30	1.80	0.33	.000	< 0.05
	STN	30.84	30	1.86	0.34		
Năm ngựa gập bụng (lần/ 30 giây)	TTN	17.80	30	1.75	0.32	.000	< 0.05
	STN	18.90	30	1.63	0.30		
Bật xa tại chỗ (cm)	TTN	165.07	30	10.74	1.96	.000	< 0.05
	STN	172.07	30	10.74	1.96		
Chạy 30m XPC (s)	TTN	5.94	30	0.38	0.07	.000	< 0.05
	STN	5.79	30	0.35	0.06		
Chạy con thoi 4x10 (s)	TTN	12.21	30	0.67	0.12	.000	< 0.05
	STN	11.91	30	0.58	0.11		
Chạy tùy sức 5 phút (m)	TTN	906.00	30	41.16	7.51	.000	< 0.05
	STN	935.67	30	26.48	4.83		

a. The correlation and t cannot be computed because the standard error of the difference is 0.

Qua bảng 3.46, cho thấy, thể lực chung của SV nhóm nữ môn môn bóng chuyền CLB TDTT NK sau thực nghiệm đều có sự phát triển tốt hơn so với trước thực nghiệm, với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê (6/6 test). Cụ thể như sau:

+ Trung bình thành tích lực bóp tay thuận STN của nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) có giá trị 30.84 kG là tốt hơn so với TTN 30.08 kG, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ Trung bình thành tích năm ngựa gập bụng STN của nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) có giá trị 18.90 lần/ 30 giây, là tốt hơn so với 17.80 lần/ 30 giây, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ Trung bình thành tích bật xa tại chỗ STN của nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) có giá trị 172.07cm, là tốt hơn so với 165.07cm, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ Trung bình thành tích chạy 30m XPC STN của nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) có giá trị 5.79s, là tốt hơn so với 5.94s, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ Trung bình thành tích chạy 4 x10m STN của nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) có giá trị 11.91s, là tốt hơn so với 12.21s, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy tùy sức 5 phút STN* của nữ SV TN1 (môn bóng chuyền) có giá trị 935.67m, là tốt hơn so với 906m, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

Bảng 3.47. Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn TDNĐ (nữ TN2) STN
(Paired Samples Statistics)

TEST KIỂM TRA		Mean (TB)	N (SL)	SD (ĐLC)	SE	Sig. (2-tailed)	p
Lực bóp tay thuận (kG)	TTN	29.60	30	1.88	0.34	.000	< 0.05
	STN	30.38	30	1.93	0.35		
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	TTN	17.73	30	1.68	0.31	.000	< 0.05
	STN	18.97	30	1.47	0.27		
Bật xa tại chỗ (cm)	TTN	167.10	30	7.23	1.32	.000	< 0.05
	STN	176.10	30	7.23	1.32		
Chạy 30m XPC (s)	TTN	5.85	30	0.43	0.08	.000	< 0.05
	STN	5.73	30	0.42	0.08		
Chạy con thoi 4x10 (s)	TTN	12.34	30	0.65	0.12	.000	< 0.05
	STN	12.04	30	0.52	0.09		
Chạy tùy sức 5 phút (m)	TTN	908.67	30	34.51	6.30	.000	< 0.05
	STN	928.00	30	22.95	4.19		

a. The correlation and t cannot be computed because the standard error of the difference is 0.

Qua bảng 3.47, cho thấy, thể lực chung của sinh viên nhóm nữ môn TDNĐ CLB TDTT NK sau thực nghiệm đều có sự phát triển tốt hơn so với trước thực nghiệm, với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê (6/6 test). Cụ thể như sau:

+ *Trung bình thành tích lực bóp tay thuận STN* của nữ SV TN2 (môn TDNĐ) có giá trị 30.38 kG là tốt hơn so với TTN 29.60 kG, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích nằm ngửa gập bụng STN* của nữ SV TN2 (môn TDNĐ) có giá trị 18.97 lần/ 30 giây, là tốt hơn so với 17.73 lần/ 30 giây, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

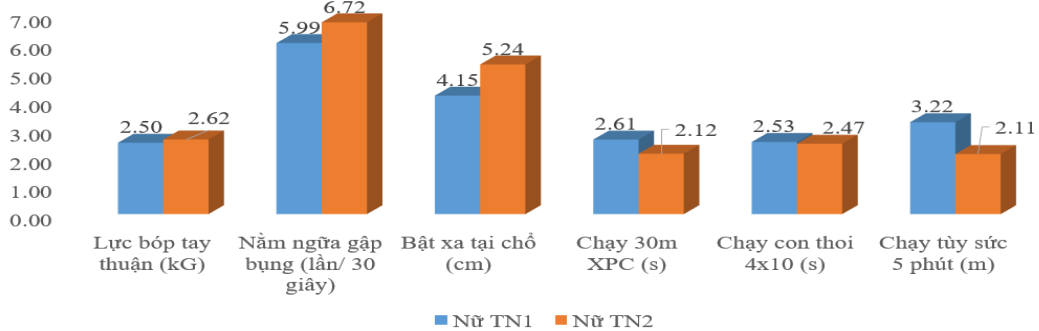
+ *Trung bình thành tích bật xa tại chỗ STN* của nữ SV TN2 (môn TDNĐ) có giá trị 176.10cm, là tốt hơn so với 167.10cm, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy 30m XPC STN* của nữ SV TN2 (môn TDNĐ) có giá trị 5.73s, là tốt hơn so với 5.85s, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ Trung bình thành tích chạy 4 x10m STN của nữ SV TN2 (môn TDNĐ) có giá trị 12.04s, là tốt hơn so với 12.34s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ Trung bình thành tích chạy tùy sức 5 phút STN của nữ SV TN2 (môn TDNĐ) có giá trị 928m, là tốt hơn so với 908.67m, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

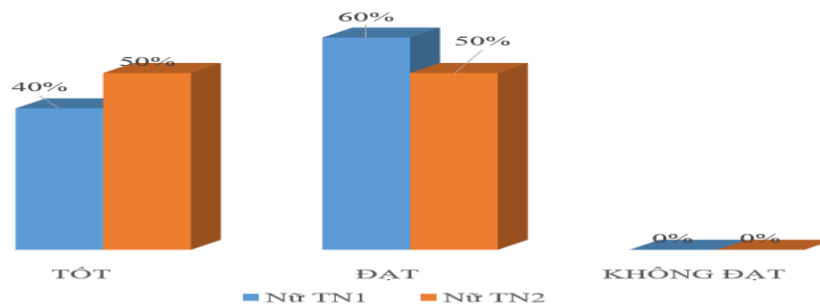
Đánh giá nhịp độ tăng trưởng W(%) thể lực chung nữ sinh viên môn bóng chuyền (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2) CLB TDTT NK, sau thực nghiệm được thể hiện qua biểu đồ 3.11.



Biểu đồ 3.11. Nhịp độ tăng trưởng W(%) thể lực chung nữ sinh viên môn BC (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2) CLB TDTT ngoại khóa, STN

Qua biểu đồ 3.11, cho thấy tổng nhịp độ tăng trưởng W(%) nữ sinh viên môn bóng chuyền (nữ SV TN1) các chỉ tiêu thể lực chung sau thực nghiệm là 21.01%, trung bình là 3.50% trên một chỉ tiêu. Bên cạnh, tổng nhịp độ tăng trưởng W(%) nữ sinh viên môn TDNĐ (nữ SV TN2) các chỉ tiêu thể lực chung sau thực nghiệm là 21.27%, trung bình là 3.55% trên một chỉ tiêu.

Kết quả đánh giá, phân loại tổng hợp thể lực chung nữ sinh viên môn bóng chuyền (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2) CLB TDTT NK được thể hiện qua biểu đồ 3.12.



Biểu đồ 3.12. Kết quả đánh giá, phân loại tổng hợp thể lực chung nữ sinh viên môn bóng chuyền (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2)

CLB TDTT NK STN

Qua biểu đồ 3.12, cho thấy, đánh giá, tổng hợp thể lực chung nữ SV môn bóng chuyền (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2) CLB TDTT NK không còn SV xếp loại “không đạt”. SV nữ tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT đạt được quy định đánh giá, xếp loại thể lực chung của Bộ GD&ĐT.

Thể lực chung nam sinh viên nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm:

Luận án tiến hành kiểm tra sự phạm SV nam nhóm thực nghiệm (nam SV TN1, nam SV TN2) STN, cụ thể qua bảng 3.48, bảng 3.49.

Bảng 3.48. Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn BC (nam TN1) STN

(Paired Samples Statistics)

TEST KIỂM TRA		Mean (TB)	N (SL)	SD (ĐLC)	SE	Sig. (2-tailed)	P
Lực bóp tay thuận (kG)	TTN	44.82	30	2.94	0.54	.000	< 0.05
	STN	46.33	30	3.12	0.57		
Năm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	TTN	19.43	30	1.83	0.33	.000	< 0.05
	STN	21.53	30	1.50	0.27		
Bật xa tại chỗ (cm)	TTN	216.13	30	9.41	1.72	.000	< 0.05
	STN	230.70	30	9.84	1.80		
Chạy 30m XPC (s)	TTN	5.17	30	0.43	0.08	.000	< 0.05
	STN	4.99	30	0.42	0.08		
Chạy con thoi 4x10 (s)	TTN	11.95	30	0.42	0.08	.000	< 0.05
	STN	11.67	30	0.38	0.07		
Chạy tùy sức 5 phút (m)	TTN	978.00	30	65.78	12.01	.000	< 0.05
	STN	1018.33	30	55.65	10.16		

a. The correlation and t cannot be computed because the standard error of the difference is 0.

Qua bảng 3.48, cho thấy, thể lực chung của nhóm SV nam môn bóng chuyền CLB TDTT NK sau thực nghiệm đều có sự phát triển tốt hơn so với trước thực nghiệm, với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê (6/6 test). Cụ thể như sau:

+ *Trung bình thành tích lực bóp tay thuận* STN của nam SV TN1 (môn BC) có giá trị 46.33 kG là tốt hơn so với TTN 44.82 kG, với với sig = 0.000 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích nằm ngửa gập bụng* STN của nam SV TN1 (môn BC) có giá trị 21.53 lần/ 30 giây, là tốt hơn so với 19.43 lần/ 30 giây, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích bật xa tại chỗ* STN của nam SV TN1 (môn BC) có giá trị 230.70cm, là tốt hơn so với 216.13cm, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy 30m XPC* STN của nam SV TN1 (môn BC) có giá trị 4.99s, là tốt hơn so với 5.17s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy 4 x10m* STN của nam SV TN1 (môn BC) có giá trị 11.67s, là tốt hơn so với 11.95s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy tùy sức 5 phút* STN của nam SV TN1 (môn BC) có giá trị 1018m, là tốt hơn so với 978m, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

Bảng 3.49. Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn CL (nam SV TN2) STN
(Paired Samples Statistics)

TEST KIỂM TRA		Mean (TB)	N (SL)	SD (ĐLC)	SE	Sig. (2-tailed)	P
Lực bóp tay thuận (kG)	TTN	45.14	30	2.87	0.52	.000	< 0.05
	STN	46.90	30	2.99	0.55		
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	TTN	19.73	30	1.82	0.33	.000	< 0.05
	STN	22.20	30	1.24	0.23		
Bật xa tại chỗ (cm)	TTN	218.06	30	11.95	2.18	.000	< 0.05
	STN	228.07	30	11.95	2.18		
Chạy 30m XPC (s)	TTN	5.12	30	0.40	0.07	.000	< 0.05
	STN	4.99	30	0.38	0.07		
Chạy con thoi 4x10 (s)	TTN	12.02	30	0.51	0.09	.000	< 0.05
	STN	11.64	30	0.38	0.07		
Chạy tùy sức 5 phút (m)	TTN	994.33	30	63.01	11.50	.000	< 0.05
	STN	1041.33	30	47.10	8.60		

a. The correlation and t cannot be computed because the standard error of the difference is 0.

Qua bảng 3.49, cho thấy, thể lực chung của nhóm SV nam môn CL CLB TDTT NK sau thực nghiệm đều có sự phát triển tốt hơn so với trước thực nghiệm, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê (6/6 test). Cụ thể như sau:

+ *Trung bình thành tích lực bóp tay thuận* STN của nam SV TN2 (môn CL) có giá trị 46.90 kG là tốt hơn so với TTN 45.14 kG, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích nằm ngửa gập bụng* STN của nam SV TN2 (môn CL) có giá trị 22.20 lần/ 30 giây, là tốt hơn so với 19.73 lần/ 30 giây, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

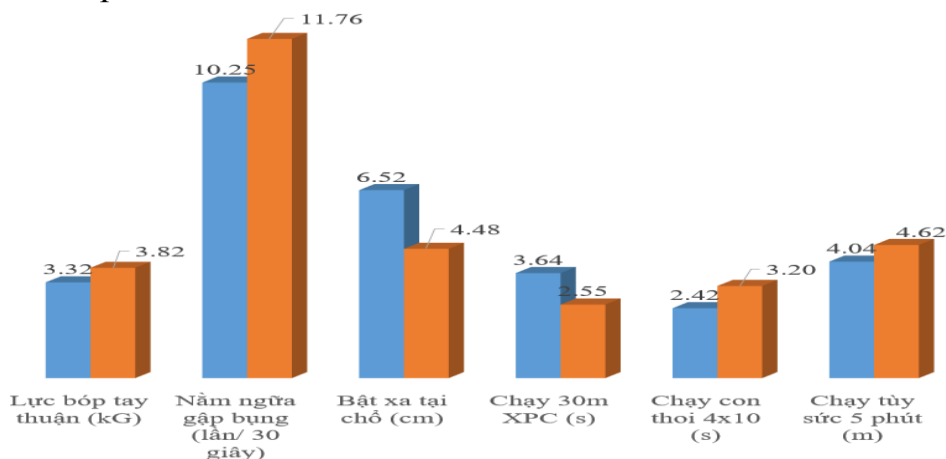
+ *Trung bình thành tích bật xa tại chỗ* STN của nam SV TN2 (môn CL) có giá trị 228.07cm, là tốt hơn so với 218.06cm, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy 30m XPC* STN của nam SV TN2 (môn CL) có giá trị 4.99s, là tốt hơn so với 5.12s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy 4 x10m* STN của nam SV TN2 (môn CL) có giá trị 11.64s, là tốt hơn so với 12.02s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

+ *Trung bình thành tích chạy tùy sức 5 phút* STN của nam SV TN2 (môn CL) có giá trị 1041m, là tốt hơn so với 994m, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê.

Đánh giá nhịp độ tăng trưởng W(%) thể lực chung nam sinh viên môn BC (nam SV TN1) và môn CL (nam SV TN2) CLB TDTT NK, sau thực nghiệm được thể hiện qua biểu đồ 3.12:

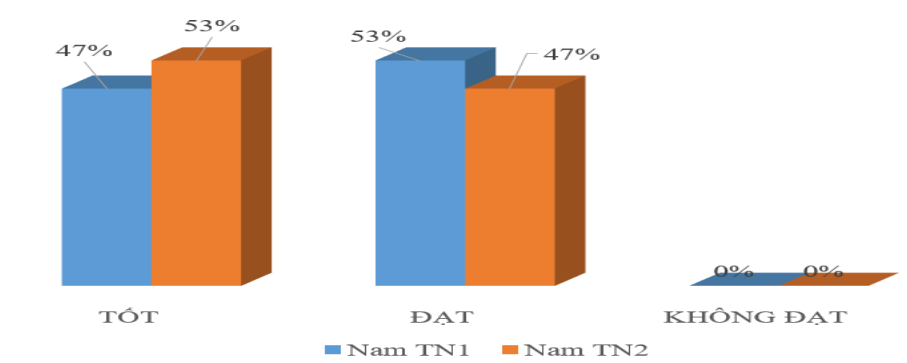


Biểu đồ 3.13. Nhịp độ tăng trưởng W(%) thể lực chung nam SV môn BC (nam TN1) và môn CL (nam TN2) CLB TDTT ngoại khóa, STN

Qua biểu đồ 3.13, cho thấy tổng nhịp độ tăng trưởng W(%) nam SV môn BC (nam SV TN1) các chỉ tiêu thể lực chung sau thực nghiệm là 30.20%, trung

bình là 5.03% /1 chỉ tiêu. Bên cạnh, tổng nhịp độ tăng trưởng W(%) nam SV môn CL (nam SV TN2) các chỉ tiêu thể lực chung sau thực nghiệm là 30.44%, trung bình là 5.07% /1 chỉ tiêu.

Kết quả đánh giá, phân loại tổng hợp thể lực chung nam SV môn BC (nam SV TN1) và môn CL (nam SV TN2) CLB TDTT NK được thể hiện qua biểu đồ 3.14.



Biểu đồ 3.14. Kết quả đánh giá, phân loại tổng hợp thể lực chung nam SV môn BC (nam SV TN1) và môn CL (nam SV TN2) CLB TDTT NK STN

Qua biểu đồ 3.14, cho thấy, đánh giá, tổng hợp thể lực chung nam SV môn BC (nam SV TN1) và môn CL (nam SV TN2) CLB TDTT NK không còn SV xếp loại “không đạt”. Sinh viên nam tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT đạt được quy định đánh giá, xếp loại thể lực chung của Bộ GD&ĐT.

So sánh thể lực chung nữ sinh viên nhóm thực nghiệm (nữ SV TN) và nữ sinh viên nhóm so sánh (Nữ SV SS1) sau thực nghiệm:

Nhằm góp phần khẳng định thêm hiệu quả phát triển thể lực chung cho SV nam – nữ tham gia CLB TDTT NK, luận án tiến hành so sánh thể lực chung nữ SV nhóm thực nghiệm (nữ SV TN1 và nữ SV TN2) với SV nữ nhóm so sánh (nữ SV SS1). Kết quả được trình bày qua bảng 3.50.

Bảng 3.50. Kết quả kiểm tra thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT NK bóng chuyền (nữ SV TN1), môn TDND (nữ SV TN2) và nhóm nữ sinh viên so sánh (nữ SV SS1) STN (Descriptives-mô tả)

TEST KIỂM TRA		N (SL)	Mean (TB)	SD (ĐLC)	SE	Min (GT nhỏ nhất)	Max (GT lớn nhất)
Lực bóp tay thuận (kG)	Nữ TN1	30	30.84	1.86	0.34	27.25	33.59
	Nữ TN2	30	30.38	1.93	0.35	26.95	33.80
	Nữ SS1	30	29.06	2.32	0.42	25.68	32.25
	Tổng	90	30.10	2.16	0.23	25.68	33.80
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nữ TN1	30	18.90	1.63	0.30	17.00	23.00
	Nữ TN2	30	18.97	1.43	0.26	17.00	23.00
	Nữ SS1	30	16.23	1.19	0.22	12.00	18.00
	Tổng	90	18.03	1.90	0.20	12.00	23.00
Bật xa tại chỗ (cm)	Nữ TN1	30	172.07	10.74	1.96	158.00	202.00
	Nữ TN2	30	176.10	7.23	1.32	161.00	190.00
	Nữ SS1	30	167.27	7.98	1.46	152.00	183.00
	Tổng	90	171.81	9.41	0.99	152.00	202.00
Chạy 30m XPC (s)	Nữ TN1	30	5.79	0.35	0.06	5.32	6.51
	Nữ TN2	30	5.73	0.42	0.08	4.87	6.52
	Nữ SS1	30	6.02	0.37	0.07	5.43	6.61
	Tổng	90	5.85	0.40	0.04	4.87	6.61
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nữ TN1	30	11.91	0.58	0.11	10.77	12.88
	Nữ TN2	30	12.04	0.52	0.09	11.07	12.76
	Nữ SS1	30	12.63	0.83	0.15	11.31	14.73
	Tổng	90	12.19	0.72	0.08	10.77	14.73
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nữ TN1	30	935.67	26.48	4.83	890.00	1010.00
	Nữ TN2	30	928.00	22.95	4.19	890.00	960.00
	Nữ SS1	30	860.67	36.57	6.68	790.00	930.00
	Tổng	90	908.11	44.54	4.70	790.00	1010.00

Kết quả so sánh được thể hiện qua bảng 3.51 như sau:

Bảng 3.51. Kết quả so sánh thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn bóng chuyền (nữ SV TN1), môn TDND (nữ SV TN2) và nhóm nữ sinh viên so sánh (nữ SV SS1) (Multiple Comparisons)

Dependent Variable (Biến phụ thuộc)			Mean Difference (Chênh lệch trung bình) (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Lực bóp tay thuận (kG)	Nữ TN1	NU TN2	0.46	0.53	0.39	-0.59	1.51
		NU SS1	1.78133*	0.53	0.00	0.73	2.83
	Nữ TN2	NU TN1	-0.46	0.53	0.39	-1.51	0.59
		NU SS1	1.32067*	0.53	0.01	0.27	2.37
	Nữ SS1	NU TN1	-1.78133*	0.53	0.00	-2.83	-0.73
		NU TN2	-1.32067*	0.53	0.01	-2.37	-0.27
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nữ TN1	NU TN2	-0.07	0.37	0.86	-0.80	0.67
		NU SS1	2.66667*	0.37	0.00	1.93	3.40
	Nữ TN2	NU TN1	0.07	0.37	0.86	-0.67	0.80
		NU SS1	2.73333*	0.37	0.00	2.00	3.47
	Nữ SS1	NU TN1	-2.66667*	0.37	0.00	-3.40	-1.93
		NU TN2	-2.73333*	0.37	0.00	-3.47	-2.00
Bật xa tại chỗ (cm)	Nữ TN1	NU TN2	-4.03	2.27	0.08	-8.54	0.47
		NU SS1	4.80000*	2.27	0.04	0.29	9.31
	Nữ TN2	NU TN1	4.03	2.27	0.08	-0.47	8.54
		NU SS1	8.83333*	2.27	0.00	4.33	13.34
	Nữ SS1	NU TN1	-4.80000*	2.27	0.04	-9.31	-0.29
		NU TN2	-8.83333*	2.27	0.00	-13.34	-4.33
Chạy 30m XPC (s)	Nữ TN1	NU TN2	0.06	0.10	0.55	-0.14	0.25
		NU SS1	-.22833*	0.10	0.02	-0.42	-0.03
	Nữ TN2	NU TN1	-0.06	0.10	0.55	-0.25	0.14
		NU SS1	-.28700*	0.10	0.00	-0.48	-0.09
	Nữ SS1	NU TN1	.22833*	0.10	0.02	0.03	0.42
		NU TN2	.28700*	0.10	0.00	0.09	0.48
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nữ TN1	NU TN2	-0.13	0.17	0.45	-0.47	0.21
		NU SS1	-.72667*	0.17	0.00	-1.06	-0.39
	Nữ TN2	NU TN1	0.13	0.17	0.45	-0.21	0.47
		NU SS1	-.59767*	0.17	0.00	-0.94	-0.26
	Nữ SS1	NU TN1	.72667*	0.17	0.00	0.39	1.06
		NU TN2	.59767*	0.17	0.00	0.26	0.94
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nữ TN1	NU TN2	7.67	7.55	0.31	-7.34	22.67
		NU SS1	75.00000*	7.55	0.00	59.99	90.01
	Nữ TN2	NU TN1	-7.67	7.55	0.31	-22.67	7.34
		NU SS1	67.33333*	7.55	0.00	52.33	82.34
	Nữ SS1	NU TN1	-75.00000*	7.55	0.00	-90.01	-59.99
		NU TN2	-67.33333*	7.55	0.00	-82.34	-52.33

Qua bảng 3.50 và bảng 3.51, cho thấy kết quả so sánh các chỉ tiêu thể lực chung của nữ SV nhóm thực nghiệm (nữ SV TN1, nữ SV TN2) có sự khác biệt so với nữ SV nhóm so sánh (nữ SV SS1), sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê, với sig <0.05. Tất các chỉ tiêu (6/6 chỉ tiêu) thể lực chung nữ SV nhóm thực nghiệm đều tốt hơn nữ SV nhóm so sánh sau thời gian thực nghiệm. Luận án so sánh giá trị trung bình các chỉ số thể lực nữ SV tham gia CLB TDTT NK (nhóm SV TN) và sinh viên nhóm so sánh. Kết quả được thể hiện qua bảng 3.52.

Bảng 3.52. So sánh thể lực chung nữ sinh viên CLB TDTT ngoại khóa (nữ TN) và nhóm nữ sinh viên so sánh (nữ SV SS1) (Independent Samples Test)

TEST – ĐỐI TƯỢNG		N (SL)	Mean (TB)	SD (ĐLC)	Sig. (2- tailed)
Lực bóp tay thuận (kG)	Nữ TN	60	30.61	1.89	.003
	Nữ SS	30	29.06	2.32	
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nữ TN	60	18.93	1.52	.000
	Nữ SS	30	16.23	1.19	
Bật xa tại chỗ (cm)	Nữ TN	60	174.08	9.30	.001
	Nữ SS	30	167.27	7.98	
Chạy 30m XPC (s)	Nữ TN	60	5.76	0.38	.003
	Nữ SS	30	6.02	0.37	
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nữ TN	60	11.97	0.55	.000
	Nữ SS	30	12.63	0.83	
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nữ TN	60	931.83	24.87	.000
	Nữ SS	30	860.67	36.57	

Qua bảng 3.52, cho thấy:

+ *Lực bóp tay thuận (kG)* trung bình của nữ sinh viên nhóm TN là 30.61 kG là tốt hơn so với nữ sinh viên nhóm so sánh 29.06 kG, với sig = 0.003 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Lực bóp tay thuận của nữ SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCCT tốt hơn nữ SV tự tập luyện NK TDTT.

+ *Thành tích nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)* trung bình của nữ sinh viên nhóm TN là 18.93 lần/30 giây là tốt hơn so với nữ sinh viên nhóm so sánh 16.23

lần/30 giây, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nữ SV tham gia CLB TĐTT NK Trường ĐHTC có khả năng nằm ngửa gập bụng tốt hơn nữ SV tự tập luyện NK TĐTT.

+ *Thành tích bật xa tại chỗ (cm)* trung bình của nữ sinh viên nhóm TN là 174.08cm là tốt hơn so với nữ sinh viên nhóm so sánh 167.27cm, với $\text{sig} = 0.001 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nữ SV tham gia CLB TĐTT NK Trường ĐHTC có khả năng bật xa tốt hơn nữ SV tự tập luyện NK TĐTT.

+ *Thành tích chạy 30m XPC (s)* trung bình của nữ sinh viên nhóm TN là 5.76s là tốt hơn so với nữ sinh viên nhóm so sánh 6.02s, với $\text{sig} = 0.003 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nữ SV tham gia CLB TĐTT NK Trường ĐHTC có khả năng chạy 30m XPC tốt hơn nữ SV tự tập luyện NK TĐTT.

+ *Thành tích chạy con thoi 4x10 (s)* trung bình của nữ sinh viên nhóm TN là 11.97s là tốt hơn so với nữ sinh viên nhóm so sánh 12.63s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nữ SV tham gia CLB TĐTT NK Trường ĐHTC có khả năng chạy 4 x 10m tốt hơn nữ SV tự tập luyện NK TĐTT.

+ *Thành tích tùy sức 5 phút (m)* trung bình của nữ sinh viên nhóm TN là 931.83m là tốt hơn so với nữ sinh viên nhóm so sánh 860.67m, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nữ SV tham gia CLB TĐTT NK Trường ĐHTC có khả năng chạy tùy sức tốt hơn nữ SV tự tập luyện NK TĐTT.

Qua đó, khẳng định thêm hiệu quả phát triển thể lực chung đối với SV nữ tham gia hoạt động CLB TĐTT NK do luận án xây dựng, thực nghiệm.

So sánh thể lực chung nam sinh viên nhóm thực nghiệm (nam SV TN) và nam sinh viên nhóm so sánh (Nam SV SS1) sau thực nghiệm:

Luận án tiến hành so sánh thể lực chung nam SV nhóm thực nghiệm (nam SV TN1, nam SV TN2) với nam SV nhóm so sánh (nam SV SS1). Kết quả được trình bày qua bảng 3.53 và bảng 3.54.

Bảng 3.53. Kết quả kiểm tra thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn BC (nam SV TN1) , môn CL (nam SV TN2) và nhóm nam sinh viên so sánh (nam SV SS1) (Descriptives)

TEST – ĐỐI TƯỢNG		N (SL)	Mean (TB)	SD (ĐLC)	SE	Min	Max
Lực bóp tay thuận (kG)	Nam TN1	30	46.33	3.12	0.57	42.36	54.41
	Nam TN2	30	46.90	2.99	0.55	42.48	51.79
	Nam SS1	30	44.41	3.40	0.62	39.19	52.64
	Tổng	90	45.88	3.31	0.35	39.19	54.41
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nam TN1	30	21.53	1.50	0.27	18.00	24.00
	Nam TN2	30	22.20	1.24	0.23	20.00	24.00
	Nam SS1	30	18.80	1.77	0.32	16.00	22.00
	Tổng	90	20.84	2.11	0.22	16.00	24.00
Bật xa tại chỗ (cm)	Nam TN1	30	230.70	9.84	1.80	216.00	256.00
	Nam TN2	30	228.07	11.95	2.18	214.00	260.00
	Nam SS1	30	214.77	14.55	2.66	189.00	242.00
	Tổng	90	224.51	14.01	1.48	189.00	260.00
Chạy 30m XPC (s)	Nam TN1	30	4.99	0.42	0.08	4.16	5.60
	Nam TN2	30	4.99	0.38	0.07	4.27	5.59
	Nam SS1	30	5.29	0.34	0.06	4.46	5.78
	Tổng	90	5.09	0.41	0.04	4.16	5.78
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nam TN1	30	11.67	0.38	0.07	10.77	12.22
	Nam TN2	30	11.64	0.38	0.07	10.92	12.17
	Nam SS1	30	12.51	0.55	0.10	11.24	13.46
	Tổng	90	11.94	0.60	0.06	10.77	13.46
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam TN1	30	1018.33	55.65	10.16	960.00	1150.00
	Nam TN2	30	1041.33	47.10	8.60	960.00	1120.00
	Nam SS1	30	974.93	67.69	12.36	830.00	1090.00
	Tổng	90	1011.53	63.18	6.66	830.00	1150.00

Bảng 3.54. Kết quả so sánh thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa môn BC (nam TN1), môn CL (nam TN2) và nhóm nam sinh viên so sánh (nam SS1) (Multiple Comparisons)

Dependent Variable (Biến phụ thuộc)			Mean Difference (Chênh lệch trung bình) (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Lực bóp tay thuận (kG)	Nam TN1	NAM TN2	-0.57	0.82	0.49	-2.19	1.06
		NAM SS1	1.91467*	0.82	0.02	0.29	3.54
	Nam TN2	NAM TN1	0.57	0.82	0.49	-1.06	2.19
		NAM SS1	2.48133*	0.82	0.00	0.85	4.11
	Nam SS1	NAM TN1	-1.91467*	0.82	0.02	-3.54	-0.29
		NAM TN2	-2.48133*	0.82	0.00	-4.11	-0.85
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nam TN1	NAM TN2	-0.67	0.39	0.09	-1.45	0.11
		NAM SS1	2.73333*	0.39	0.00	1.95	3.51
	Nam TN2	NAM TN1	0.67	0.39	0.09	-0.11	1.45
		NAM SS1	3.40000*	0.39	0.00	2.62	4.18
	Nam SS1	NAM TN1	-2.73333*	0.39	0.00	-3.51	-1.95
		NAM TN2	-3.40000*	0.39	0.00	-4.18	-2.62
Bật xa tại chỗ (cm)	Nam TN1	NAM TN2	2.63	3.17	0.41	-3.66	8.93
		NAM SS1	15.93333*	3.17	0.00	9.64	22.23
	Nam TN2	NAM TN1	-2.63	3.17	0.41	-8.93	3.66
		NAM SS1	13.30000*	3.17	0.00	7.01	19.59
	Nam SS1	NAM TN1	-15.93333*	3.17	0.00	-22.23	-9.64
		NAM TN2	-13.30000*	3.17	0.00	-19.59	-7.01
Chạy 30m XPC (s)	Nam TN1	NAM TN2	-0.01	0.10	0.94	-0.21	0.19
		NAM SS1	-.30533*	0.10	0.00	-0.50	-0.11
	Nam TN2	NAM TN1	0.01	0.10	0.94	-0.19	0.21
		NAM SS1	-.29733*	0.10	0.00	-0.49	-0.10
	Nam SS1	NAM TN1	.30533*	0.10	0.00	0.11	0.50
		NAM TN2	.29733*	0.10	0.00	0.10	0.49
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nam TN1	NAM TN2	0.03	0.11	0.80	-0.20	0.26
		NAM SS1	-.84217*	0.11	0.00	-1.07	-0.62
	Nam TN2	NAM TN1	-0.03	0.11	0.80	-0.26	0.20
		NAM SS1	-.87051*	0.11	0.00	-1.10	-0.64
	Nam SS1	NAM TN1	.84217*	0.11	0.00	0.62	1.07
		NAM TN2	.87051*	0.11	0.00	0.64	1.10
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam TN1	NAM TN2	-23.00	14.83	0.12	-52.48	6.48
		NAM SS1	43.40000*	14.83	0.00	13.92	72.88
	Nam TN2	NAM TN1	23.00	14.83	0.12	-6.48	52.48
		NAM SS1	66.40000*	14.83	0.00	36.92	95.88
	Nam SS1	NAM TN1	-43.40000*	14.83	0.00	-72.88	-13.92
		NAM TN2	-66.40000*	14.83	0.00	-95.88	-36.92

Qua bảng 3.53 và bảng 3.54, cho thấy kết quả so sánh các chỉ tiêu thể lực chung của nam SV nhóm thực nghiệm (nam TN1, nam TN2) có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê so với nam SV nhóm so sánh (nam SS1), sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê, với sig <0.05. Tất các chỉ tiêu (6/6 chỉ tiêu) thể lực chung nam SV nhóm thực nghiệm đều tốt hơn nam SV nhóm so sánh.

Luận án so sánh giá trị trung bình các chỉ số thể lực nam SV tham gia CLB TDTT NK (nhóm SV TN) và SV nhóm so sánh. Kết quả được thể hiện qua bảng 3.55.

Bảng 3.55. So sánh thể lực chung nam sinh viên CLB TDTT ngoại khóa (nam TN) và nhóm nam sinh viên so sánh (nam SV SS1) (Independent Samples Test)

TEST – ĐỐI TƯỢNG		N (SL)	Mean (TB)	SD (ĐLC)	Sig. (2- tailed)
Lực bóp tay thuận (kG)	Nữ TN	60	46.61	3.04	.004
	Nữ SS	30	44.41	3.40	
Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Nữ TN	60	21.87	1.41	.000
	Nữ SS	30	18.80	1.77	
Bật xa tại chỗ (cm)	Nữ TN	60	229.38	10.93	.001
	Nữ SS	30	214.77	14.55	
Chạy 30m XPC (s)	Nữ TN	60	4.99	0.40	.003
	Nữ SS	30	5.29	0.34	
Chạy con thoi 4x10 (s)	Nữ TN	60	11.65	0.37	.000
	Nữ SS	30	12.51	0.55	
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nữ TN	60	1,029.83	52.42	.000
	Nữ SS	30	974.93	67.69	

Qua bảng 3.55 cho thấy:

+ *Lực bóp tay thuận (kG)* trung bình của nam SV nhóm TN là 46.61 kG là tốt hơn so với nam SV nhóm so sánh 44.41 kG, với sig = 0.004 < 0.05, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Lực bóp tay thuận của nam SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT tốt hơn nam SV tự tập luyện NK TDTT.

+ *Thành tích nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)* trung bình của nam SV nhóm TN là 21.87 lần/30 giây là tốt hơn so với nam SV nhóm so sánh 18.80 lần/30 giây, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nam SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT có khả năng nằm ngửa gập bụng tốt hơn nam SV tự tập luyện NK TDTT.

+ *Thành tích bật xa tại chỗ (cm)* trung bình của nam SV nhóm TN là 229.38cm là tốt hơn so với nam SV nhóm so sánh 214.77cm, với $\text{sig} = 0.001 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nam SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT có khả năng bật xa tại chỗ tốt hơn nam SV tự tập luyện NK TDTT.

+ *Thành tích chạy 30m XPC (s)* trung bình của nam SV nhóm TN là 4.99s là tốt hơn so với nam SV nhóm so sánh 5.29s, với $\text{sig} = 0.003 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nam SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT có khả năng chạy 30m XPC tốt hơn nam SV tự tập luyện NK TDTT.

+ *Thành tích chạy con thoi 4x10 (s)* trung bình của nam SV nhóm TN là 11.65s là tốt hơn so với nam SV nhóm so sánh 12.51s, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nam SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT có khả năng chạy 4 x 10m tốt hơn nam SV tự tập luyện NK TDTT.

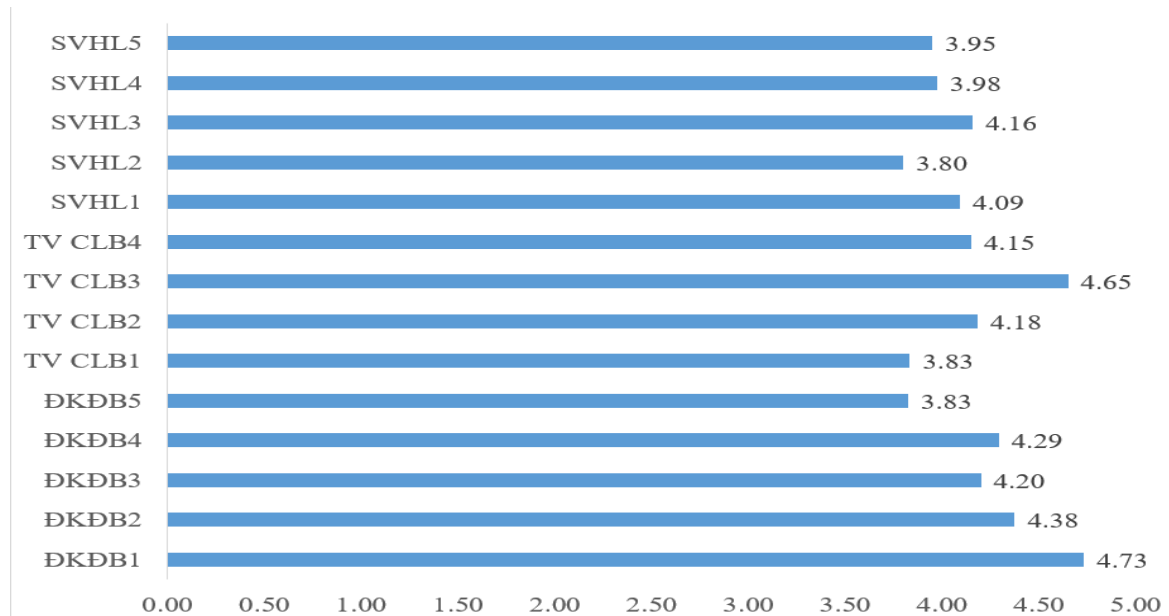
+ *Thành tích tùy sức 5 phút (m)* trung bình của nam SV nhóm TN là 1029.83m là tốt hơn so với nam SV nhóm so sánh 974.93m, với $\text{sig} = 0.000 < 0.05$, sự khác biệt này mang ý nghĩa thống kê. Nam SV tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT có khả năng chạy tùy sức tốt hơn nam SV tự tập luyện NK TDTT.

Qua kết quả trên, khẳng định thêm hiệu quả phát triển thể lực chung đối với nam SV tham gia hoạt động CLB TDTT NK do luận án xây dựng, thực nghiệm.

3.3.3. Đánh giá hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ thông qua chỉ số mức độ hài lòng của sinh viên

Căn cứ kết quả nghiên cứu xây dựng thang đo mức sự hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT gồm 03 nhân tố

Các điều kiện đảm bảo; Thành viên CLB TDTT ngoại khóa SV và Sinh viên hài lòng khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa với 14 biến quan sát được xây dựng (ở mục 1.1), luận án tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV nam – nữ nhóm thực nghiệm STN. Kết quả thực trạng mức độ hài của SV tham gia CLB TDTT NK được thể hiện cụ thể biểu đồ 3.15.



Biểu đồ 3.15. Mức độ hài lòng của sinh viên khi tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT STN (n=120)

Kết quả qua biểu đồ 3.15, cho thấy: về mức độ hài lòng của sinh viên sau khi tham gia CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT đều có mean ≥ 3.80 (mức hài lòng/đồng ý). Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị (ĐKĐB1=4.73) được sinh viên đánh giá cao nhất. Bên cạnh đó SV được hỏi rất hài lòng về các thành viên, cho rằng các thành viên CLB TDTT NK có tinh thần đoàn kết, hợp tác (TV CLB 3). Điều đó cho thấy hiệu quả xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT mang lại, đáp ứng nhu cầu, sở thích cá nhân của SV tham gia.

3.3.4. Đánh giá của giảng viên GDTC về CLB TDTT ngoại khóa sinh viên

Luận án khảo sát ý kiến đánh giá về CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT thông qua ý kiến của 17 GV GDTC. Kết quả được trình bày qua bảng 3.56.

**Bảng 3.56. Kết quả phỏng vấn GV GDTC đánh giá về CLB TDTT
NK SV Trường ĐHCT (n=17)**

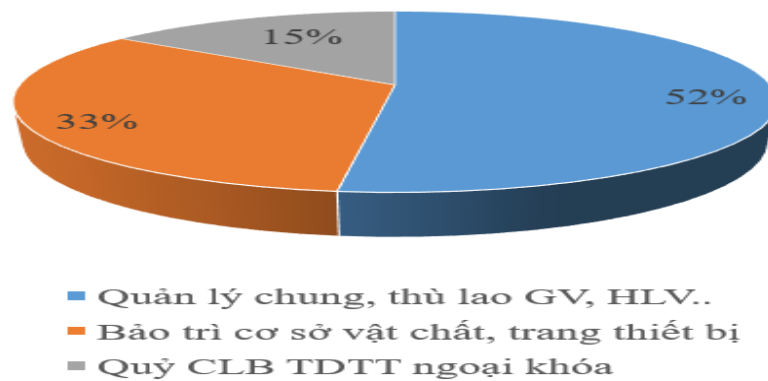
Nội dung khảo sát	N (SL)	Mean (TB)	SD (ĐLC)	S.E	Min	Max
CLB TDTT ngoại khóa được xây dựng đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác tuyên truyền về công tác GDTC và TDTT của trường đại học Cần Thơ	17	4.88	0.33	0.08	4	5
CLB TDTT ngoại khóa được xây dựng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của sinh viên trường đại học Cần Thơ	17	4.59	0.51	0.12	4	5
CLB TDTT ngoại khóa đáp ứng mục tiêu phát triển thể lực chung sinh viên Nhà trường theo quy định	17	4.65	0.49	0.12	4	5
CLB TDTT ngoại khóa đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo chất lượng hoạt động	17	4.35	0.49	0.12	4	5
CLB TDTT ngoại khóa sinh viên mang lại hiệu quả đào tạo chung, góp phần quảng bá thương hiệu trường Đại học Cần Thơ	17	4.29	0.47	0.11	4	5

Kết quả khảo sát bảng 3.56, GV GDTC đánh giá cao hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT ở các nội dung: *CLB TDTT NK SV được xây dựng đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác tuyên truyền về công tác GDTC và TDTT của Trường ĐHCT; CLB TDTT NK được xây dựng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của SV Trường ĐHCT; CLB TDTT NK đáp ứng mục tiêu phát triển thể lực chung SV Nhà trường; CLB TDTT NK đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý hoạt động TDTT SV Trường ĐHCT một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo chất lượng hoạt động; CLB TDTT NK SV mang lại hiệu quả đào tạo chung, góp phần quảng bá thương hiệu Trường ĐHCT* với mean (giá

trị trung bình) từ 4.29 đến 4.88. Điều này khẳng định thêm hiệu quả CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT do luận án nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng.

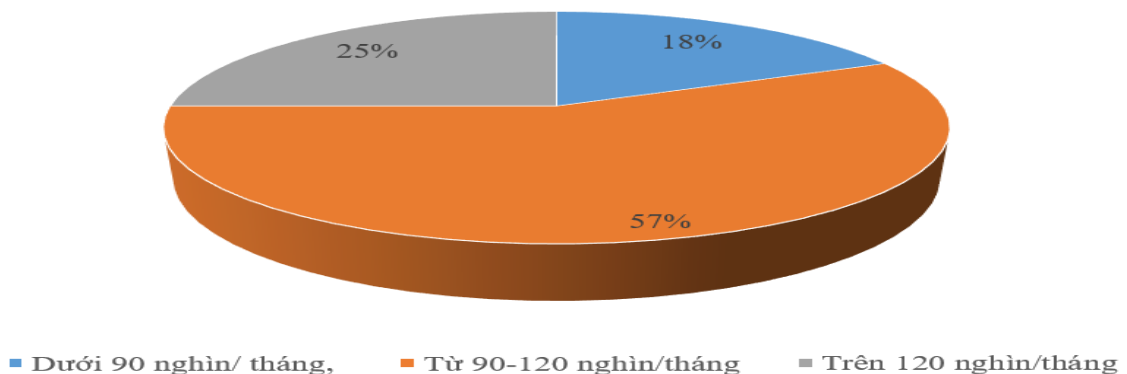
3.3.5. Đánh giá hiệu quả về lợi ích tài chính, khả năng duy trì, phát triển CLB TDTT NK SV

Luận án xây dựng đề án quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT (PL10). Dựa trên đề án thu – chi tài chính từ nguồn thu phí hội viên tham gia CLB TDTT NK SV theo biểu đồ 3.16.



Biểu đồ 3.16. Cơ cấu thu – chi tài chính từ nguồn thu phí hội viên CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT

Luận án khảo sát ý kiến các sinh viên về lệ phí tham gia CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT ở các mức: dưới 90 nghìn/ tháng, từ 90-120 nghìn/tháng và trên 150 nghìn/tháng. Kết quả được thể hiện quan biểu đồ 3.17 như sau:



Biểu đồ 3.17. Kết quả khảo sát mức lệ phí hội viên CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT (n=120)

Kết quả khảo sát SV tham gia CLB TDTT ngoại khóa về mức lệ phí phù hợp thu hàng tháng từ hội viên nhằm tổ chức, duy trì hoạt động CLB theo đề án được phê duyệt cho thấy phần lớn SV được hỏi (75%) cho rằng mức lệ phí phù hợp cho sinh viên Trường ĐHCT là từ 120 nghìn/ tháng trở xuống. Lệ phí thu từ hội viên CLB TDTT NK được sử dụng cho các mục đích như sau:

- + Chi công tác quản lý chung, thù lao giảng viên, HLV, hướng dẫn viên trực tiếp...

- + Chi nộp quỹ cơ sở vật chất của Bộ môn GDTC quản lý nhằm sửa chữa nhỏ trang thiết bị, dụng cụ, đóng tiền điện ngoài giờ....

- + Quỹ CLB, chi cho đôi ngoại, tham gia thi đấu ngoài trường...

Tổ chức hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT mang lại hiệu quả quản lý và khai thác tốt các công trình TDTT phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, luyện tập và thi đấu TDTT của học sinh, sinh viên, học viên và cán bộ, viên chức của Trường ĐHCT.

3.3.6. Bàn luận về hiệu quả hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT

Luận án tiến hành ứng dụng, tổ chức thực nghiệm CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT ở 03 môn thể thao tự chọn là bóng chuyền, thể dục nhịp điệu và cầu lông năm 2020: từ tháng 03/2020 đến tháng 12/2020 (10 tháng). Khách thể nghiên cứu gồm: *Nhóm sinh viên thực nghiệm*: CLB ngoại khóa bóng chuyền gồm có 30 SV nam và 30 SV nữ; CLB ngoại khóa thể dục nhịp điệu là 30 SV nữ; CLB ngoại khóa cầu lông là 30 SV nam và *Nhóm sinh viên đối chứng*: 30 SV nữ (N.SS1) và 30 SV nam (N.SS2) là những SV tự luyện tập TDTT NK tại Trường ĐHCT, không tham gia CLB TDTT NK. Tất cả các sinh viên hai nhóm đều học khóa 44 của Trường ĐHCT.

Đề tài đã lựa chọn được 4 tiêu chí đánh giá hiệu quả của quá trình thực nghiệm CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT bao gồm: Đánh giá hiệu quả phát triển thể lực chung của sinh viên nhóm thực nghiệm sau khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa sinh viên (đạt tiêu chuẩn rèn luyện theo QĐ 53-2008/BG&ĐT); Đánh giá mức độ hài lòng của SV khi tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT; Đánh giá của giảng viên GDTC về hiệu quả CLB TDTT

NK SV và Đánh giá hiệu quả về số lượng SV tham gia CLB TDTT NK, lợi ích tài chính, khả năng duy trì, phát triển CLB là khách quan, khoa học, phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Trước thực nghiệm: Thể lực chung của nam và nữ SV nhóm thực nghiệm có hệ số biến thiên $Cv% < 10\%$, số liệu khá tập trung. Thực trạng đánh giá, xếp loại thể lực chung của nam – nữ sinh viên nhóm thực nghiệm (nữ TN1, nữ TN2, nam TN1 và nam TN2) đều tồn tại tỷ lệ % số sinh viên xếp loại “không đạt” (nam xếp loại “không đạt” từ 13.33%-16.67%, nữ xếp loại “không đạt” từ 13.33%-26.67%).

Sau thực nghiệm sư phạm, thể lực chung của nữ SV môn bóng chuyền (nữ SV TN1) và môn TDNĐ (nữ SV TN2) CLB TDTT NK đều có sự phát triển tốt, và sự phát triển này mang ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, SV nữ tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT đạt được quy định đánh giá, xếp loại thể lực chung của Bộ GD&ĐT. Thể lực chung của nam SV môn BC (nam SV TN1) và môn CL (nam SV TN2) CLB TDTT NK đều có sự phát triển tốt, và sự phát triển này mang ý nghĩa thống kê. SV nam tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT đạt được quy định đánh giá, xếp loại thể lực chung của Bộ GD&ĐT.

SV nam – nữ tham gia CLB TDTT ngoại khóa các môn thể thao tự chọn BC, CL, TDNĐ (nam SV TN1, nam SV TN2, nữ SV TN1 và nữ SV TN2) có sự phát triển tốt về các chỉ tiêu thể lực chung và đạt được quy định đánh giá, xếp loại thể lực chung do Bộ GD&ĐT đề ra.

Mức độ hài lòng của sinh viên sau khi tham gia CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT đều có mean ≥ 3.80 (mức hài lòng/đồng ý). CLB TDTT NK SV đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao thường xuyên, rèn luyện sức khỏe, phù hợp sở thích cá nhân, và tạo tâm lý tốt cho thành viên CLB.

Giảng viên GDTC đánh giá cao hiệu quả tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT ở các nội dung: CLB TDTT NK SV được xây dựng đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác tuyên truyền về công tác GDTC và TDTT của Trường ĐHCT; CLB TDTT NK được xây dựng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của SV Trường ĐHCT; CLB TDTT NK đáp ứng mục tiêu phát triển thể lực chung SV Nhà trường; CLB TDTT NK đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý hoạt động TDTT SV Trường ĐHCT một cách khoa học, có hệ thống, đảm

bảo chất lượng hoạt động; CLB TDTT NK SV mang lại hiệu quả đào tạo chung, góp phần quảng bá thương hiệu Trường ĐHCT.

CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT còn mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, từ nguồn thu Hội viên tự nguyện đóng góp, nguồn thu xã hội hóa, tài trợ... mang lại hiệu quả quản lý và khai thác tốt các công trình TDTT phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, luyện tập và thi đấu TDTT của sinh viên Nhà trường.

Tiểu kết chương 3:

Về thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Qua kết quả đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT, nghiên cứu rút ra một số kết luận như sau:

- Công tác GDTC nội khóa và hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT được Ban Giám hiệu, các cấp lãnh đạo quan tâm thực hiện đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đào tạo, chuẩn đầu ra của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban Giám hiệu, các cấp lãnh đạo, giảng viên Trường ĐHCT quan tâm đến công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi, đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo lực lượng giảng viên GDTC, góp phần bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát 2,140 sinh viên toàn trường về mức độ hài lòng của sinh viên học môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC có 11/13 tiêu chí được đánh giá “hài lòng” trở lên, có 02/13 tiêu chí sinh viên chưa hài lòng là: Chất lượng hệ thống sân bãi, nhà tập và Hoạt động TDTT ngoại khóa ngoài giờ học.

- Đội ngũ giảng viên Bộ môn GDTC có chuyên môn đào tạo phong phú, đa dạng, đáp ứng giảng dạy chương trình môn học GDTC và tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên. Bộ môn GDTC rất chú trọng đối với chuyên môn của giảng viên, yêu cầu 01 giảng viên phải đảm nhận giảng dạy tối thiểu 02 môn thể thao tự chọn. Ngoài ra giảng viên Bộ môn GDTC còn là trọng tài của các liên đoàn thể thao quốc gia như: bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, bơi lội, bóng rổ, thể dục....

-Thực trạng sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị TDTT của nhà trường đáp ứng tốt cho công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên toàn trường. Tuy nhiên, nhà trường cần quan tâm đầu tư xây dựng mới sân bãi

ở một số vị trí thuận lợi cho sinh viên; quan tâm sửa chữa các hạng mục xuống cấp, hư hỏng... nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu tập luyện của sinh viên.

Trường ĐHCT rất quan tâm đến các điều kiện đảm bảo cho công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên toàn trường (sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị TDTT, tài chính, kinh phí. Tuy nhiên, sự đầu tư này chưa tương xứng với qui mô đào tạo của nhà trường, nhu cầu của thực tiễn.

- So sánh chỉ số thể chất của SV Trường ĐHCT với kết quả nghiên cứu “*Thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi đầu thế kỷ XXI*” [13] thể chất, như sau:

- Lực bóp tay thuận (kG): Lực bóp tay thuận trung bình của nam SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT tốt hơn người Việt Nam [13]. Lực bóp tay thuận trung bình của nữ SV khóa 43 cao hơn so với người Việt Nam [13] cùng độ tuổi và khóa 44 kém hơn so với người Việt Nam [13] cùng độ tuổi.

- Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây): Giá trị nằm ngửa gập bụng trung bình của nam SV các khóa 43, 44 Trường ĐHCT thấp hơn người Việt Nam [13]. Giá trị nằm ngửa gập bụng trung bình của nữ SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT tốt hơn người Việt Nam [13].

- Bật xa tại chỗ (cm): Thành tích bật xa tại chỗ trung bình của nam SV các khóa 43, 44 Trường ĐHCT thấp hơn người Việt Nam [13]. Thành tích bật xa tại chỗ trung bình của nữ SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT đều tốt hơn người Việt Nam [13].

- Chạy 30m XPC (s): Thành tích chạy 30m XPC trung bình nam SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT cao hơn người Việt Nam [13]. Thành tích chạy 30m XPC trung bình của nữ SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT đều tốt hơn người Việt Nam [13].

- Chạy con thoi 4x10m (s): Thành tích chạy con thoi 4x10m trung bình nam SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT cao hơn người Việt Nam [13]. Thành tích chạy con thoi 4x10m trung bình của nữ SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT cao hơn người Việt Nam [13].

- Chạy tùy sức 5 phút (m): Thành tích chạy tùy sức 5 phút trung bình của nam SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT cao hơn người Việt Nam [13]. Thành tích chạy tùy sức 5 phút trung bình của nữ SV các khóa 43 và 44 Trường ĐHCT cao hơn người Việt Nam [13].

- Giai đoạn hiện nay, công tác tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên của Trường ĐHCT chưa được quan, đầu tư đúng mức. Các hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên phần lớn là mang tính tự phát, không đáp ứng yêu cầu đặt ra. Chỉ có một số đội tuyển bóng đá futsal, bóng đá sân lớn được tổ chức cấp đội tuyển trường, tập trung trong thời gian ngắn, thi đấu xong giải là giải tán, số lượng sinh viên tham gia rất hạn chế....

- Qua kết quả khảo sát thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT ta nhận thấy rằng sinh viên rất ham thích, thường xuyên, tích cực vào hoạt động này. Hoạt động TDTT ngoại khóa là một trong những hoạt động bình thường, tự nhiên, thường xuyên trong thời gian sinh hoạt hàng ngày của đa số sinh viên Trường ĐHCT. Sinh viên nhận thức được hiệu quả tích cực của hoạt động TDTT ngoại khóa trong việc phát triển toàn diện bản thân, bổ sung kết quả học tập các môn học khác. Địa điểm sinh viên tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa chủ yếu trong Trường ĐHCT. Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên là nguyên nhân do bản thân sinh viên (không ham thích TDTT, sức khỏe không đảm bảo) và nguyên nhân do điều kiện sân bãi, trang thiết bị dụng cụ TDTT khó khăn, chưa có CLB TDTT ngoại khóa để tham gia.

Phân tích, đánh giá nhu cầu của SV khi tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa, có thể thấy rằng: SV Trường ĐHCT ham thích tập luyện TDTT ngoại khóa; sinh viên cho rằng cần phải tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa; hình thức tập luyện CLB TDTT ngoại khóa được nhiều SV lựa chọn nếu Nhà trường xây dựng; sự cần thiết phải xây dựng chương trình giảng dạy TDTT ngoại khóa với nội dung tương đồng chương trình môn học GDTC hiện hành và thời gian tập luyện TDTT ngoại khóa phù hợp hàng này là từ 17h00-19h30, phù hợp với thời gian biểu cá nhân SV.

Về xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Trên cơ sở phân tích các quy định hiện hành của Nhà nước ta, kết quả nghiên cứu được công bố trong nước thời gian gần đây cho phép rút ra các kết luận như sau:

-Thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa chưa đáp ứng tốt nhu cầu của sinh viên Trường ĐHCT. Tất cả giảng viên, cán bộ Đoàn – Hội, sinh viên Trường ĐHCT cho rằng cần thiết phải nghiên cứu tổ chức, xây dựng hoạt động TDTT ngoại khóa phù hợp nhu cầu SV. Tất cả viên chức được hỏi đều

cho rằng, hoạt động TDTT ngoại khóa có vai trò quan trọng trong phát triển thể chất, góp phần phát triển toàn diện sinh viên, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế - xã hội.

- Thông qua kết quả nghiên cứu của thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT: hoạt động TDTT ngoại khóa chưa được Trường ĐHCT xây dựng, tổ chức, quản lý...; chưa có thiết chế hoạt động; chưa có nội dung giảng dạy, hoạt động; các điều kiện đảm bảo chưa được quan tâm đúng mức... Từ đó hoạt động TDTT ngoại khóa chưa đáp ứng nhu cầu SV. Kết quả khảo sát, đa số SV có nguyện vọng và mong muốn được tham gia luyện tập TDTT.

- Kết quả phỏng vấn, kiểm nghiệm độ tin cậy, đề tài đã tiến hành lựa chọn được 09 tiêu chí xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT: *Cơ sở pháp lý thành lập, hoạt động CLB TDTT ngoại khóa; Mục đích Câu lạc bộ TDTT ngoại; Chức năng và nhiệm vụ Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa; Tổ chức nhân sự, thành viên Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa; Sản phẩm của Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa; Hình thức sinh hoạt Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa; Nội dung sinh hoạt Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa; Điều kiện đảm bảo; Tổ chức thực hiện* gồm 38 nội dung cụ thể được luận án xây dựng, nhận được sự đồng thuận của các nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên (n=30), với giá trị trung bình (mean) 4.43 – 4.70, hệ số kiểm nghiệm Cronbach's Alpha > 0.7, đạt giá trị tin cậy cao. Đây chính là cơ sở quan trọng xây dựng Câu lạc bộ TDTT sinh viên Trường ĐHCT.

Luận án đề xuất CLB TDTT ngoại khóa phù hợp với sinh viên Trường ĐHCT trong giai đoạn hiện nay: Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa (công lập) theo môn thể thao tự chọn phù hợp. Tổ chức CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT được đề tài bước đầu xây dựng là loại hình CLB công lập. Thành viên điều hành, quản lý CLB TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT là các viên chức của Nhà trường.

Về đánh giá hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT

Sau thực nghiệm sư phạm, các chỉ số thể lực của SV nam – nữ nhóm thực nghiệm có sự phát triển tốt, đạt quy định đánh giá xếp loại của Bộ GD&ĐT, vượt trội hơn so với thể lực chung sinh viên nhóm so sánh. SV tham gia tập luyện Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa có chỉ số phát triển thể lực tương đối tốt hơn so với sinh viên tự tập luyện TDTT ngoại khóa. Hiệu quả phát triển lực

cho sinh viên nam – nữ nhóm thực nghiệm tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa CLB mà luận án xây dựng đã được ghi nhận.

Mức độ hài lòng của SV sau khi tham gia CLB TDTT NK Trường ĐHCT đều có mean ≥ 3.80 (mức hài lòng/đồng ý). Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị (ĐKĐB1=4.73) được SV đánh giá cao nhất. Bên cạnh đó SV được hỏi rất hài lòng về các thành viên, cho rằng các thành viên CLB TDTT ngoại khóa có tinh thần đoàn kết, hợp tác (TV CLB 3).

GV GDTC đánh giá cao hiệu quả CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT ở các nội dung: CLB TDTT NK được xây dựng đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác tuyên truyền về công tác GDTC và TDTT của Trường ĐHCT; CLB TDTT NK được xây dựng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của SV Trường ĐHCT; CLB TDTT NK đáp ứng mục tiêu phát triển thể chất sinh viên Nhà trường; CLB TDTT NK đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHCT một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo chất lượng hoạt động; CLB TDTT NK SV mang lại hiệu quả đào tạo chung, góp phần quảng bá thương hiệu Trường ĐHCT với mean (giá trị trung bình) từ 4.29 đến 4.88. Điều này khẳng định thêm hiệu quả CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT do luận án nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng.

Tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT mang lại hiệu quả quản lý và khai thác tốt các công trình TDTT phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, luyện tập và thi đấu TDTT của học sinh, sinh viên, học viên và cán bộ, viên chức của Trường ĐHCT.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

1. Thực trạng hoạt động TDTT NK của SV Trường ĐHCT bước đầu đã đạt được một số kết quả tốt, luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, công tác tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Nhà trường chưa thật khoa học, thiếu bài bản, chưa có hệ thống. Qua khảo sát thực trạng hoạt động TDTT NK SV Trường ĐHCT, sinh viên rất ham thích, thường xuyên, tích cực vào hoạt động này. Hoạt động TDTT ngoại khóa là một trong những hoạt động bình thường, tự nhiên, thường xuyên trong thời gian sinh hoạt hàng ngày của đa số sinh viên Trường ĐHCT. Địa điểm SV tham gia hoạt động TDTT NK chủ yếu trong Trường ĐHCT. Phân tích, đánh giá nhu cầu của sinh viên khi tham gia hoạt động TDTT NK, có thể thấy rằng: SV Trường ĐHCT ham thích tập luyện TDTT NK; SV cho rằng cần phải tổ chức, quản lý hoạt động TDTT NK; sự cần thiết phải xây dựng chương trình giảng dạy TDTT ngoại khóa với nội dung tương đồng chương trình môn học GDTC hiện hành.

2. Từ kết quả nghiên cứu luận án đã xây dựng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT phù hợp với đặc thù, điều kiện thực tế của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay: Tên CLB: Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa (công lập) theo môn thể thao tự chọn phù hợp và các môn thể thao nội khóa: bóng chuyền, thể dục nhịp điệu, cầu lông. CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT được xây dựng đảm bảo tính khoa học, khách quan, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường

3. Kết quả thực nghiệm ứng dụng CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT được xây dựng đã khẳng định tính hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, thông qua các tiêu chí cụ thể: Các chỉ số thể lực của sinh viên nam – nữ nhóm thực nghiệm có sự phát triển tốt, đạt quy định đánh giá xếp loại của Bộ GD&ĐT, vượt trội hơn so với thể lực chung sinh viên nhóm so sánh. SV tham gia tập luyện CLB TDTT NK có chỉ số phát triển thể lực tương đối tốt hơn so với sinh viên tự tập luyện TDTT ngoại khóa. Hiệu quả

phát triển lực cho SV nam – nữ nhóm thực nghiệm tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa: Mức độ hài lòng của sinh viên sau khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa Trường ĐHCT đều có giá trị trung bình (mean) ≥ 3.80 (*mức hài lòng/đồng ý*). Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị (ĐKĐB1=4.73) được sinh viên đánh giá cao nhất. GV Bộ môn GDTC đánh giá cao hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường ĐHCT với giá trị trung bình (mean) từ 4.29 đến 4.88 và Tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT là nhu cầu thực tiễn, mang lại hiệu quả quản lý và khai thác tốt các công trình TDTT phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, luyện tập và thi đấu TDTT của học sinh, sinh viên, học viên và cán bộ, viên chức của Trường ĐHCT.

KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất Trường ĐHCT xem xét ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, tạo cơ chế về tài chính, các điều kiện đảm bảo cần thiết nhằm phát triển bền vững CLB TDTT ngoại khóa sinh viên, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo chung Nhà trường.

2. Trường ĐHCT cần mở rộng quy mô CLB TDTT NK SV tương ứng với các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC của Nhà trường, nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện, giải trí của SV ngoài giờ học nội khóa. Từ đó, tạo nên sự đa dạng trong việc lựa chọn các hình thức rèn luyện, vui chơi, giải trí của SV Nhà trường.

3. Bộ môn GDTC cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng viên chức làm công tác quản lý CLB NK SV Trường ĐHCT về các kỹ năng quản lý, điều hành, nghiệp vụ liên quan...nhằm tăng cường hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững CLB TDTT NK.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hữu Tri, Lê Bá Tường, Lê Thiết Can (2022), Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên trường Đại học Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể dục Thể thao*, số 6/ 2022; Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Hữu Tri, Lê Bá Tường, Lê Thiết Can (2022), Xây dựng Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường Đại học Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể dục Thể thao*, số 6/ 2022; Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1994), *Chỉ thị số 36-CT/TW* về Công tác TDTT trong giai đoạn mới.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Pháp lệnh TDTT số 28/2000/PL-UBTVQH10 ngày 25/9/2000*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Chỉ thị số 17-CT/TW*, ngày 23/10/2002 của Ban bí thư về phát triển Thể dục thể thao đến năm 2010.
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2000”*.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT* ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT* ngày 18/9/2008 V/v Ban hành qui định về việc đánh giá xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT*, 23/12/2008 ban hành quy định tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Văn bản Số: 17/VBHN-BGDĐT*, ban hành *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), “*Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT* ngày 25 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học”.
11. Lê Bửu (1995), *Bác Hồ với Thể dục Thể thao Việt Nam*, NXB TDTT Hà Nội.
12. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Thông tư số 18 /2011/TT-BVHTTDL*, Quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.
13. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2002), “*Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 – 20 tuổi (thời điểm 2001)*”, NXB TDTT Hà Nội.
14. Dương Nghiệp Chí (2007), “*Thể thao trường học ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới*”, NXB TDTT Hà Nội.
15. Dương Nghiệp Chí, Vũ Thái Hồng (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.
16. Chính phủ (2007), *Nghị định 112/2007/NĐ-CP*, ngày 31 tháng 1 năm 2015, Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật TDTT.
17. Chính phủ (2007), *Nghị định số 185/2007 ngày 25/12/2007*, V/v qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.
18. Chính phủ (2010), *Quyết định số 2198/QĐ-TTg*, ngày 10/12/2010, Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020.
19. Chính phủ (2011), *Quyết định số 641/QĐ-TTg*, ngày 28/4/2011, về việc “Phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030”.
20. Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP*, Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động Thể thao trong nhà trường.

21. Chính phủ (2016), *Quyết định số 1076/QĐ-TTg*, ngày 17/6/2016, về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.
22. Trần Ngọc Cương (2018), “Nghiên cứu xây dựng chương trình các môn thể theo tự chọn theo mô hình câu lạc bộ trong đào tạo tín chỉ của SV trường đại học Sài Gòn”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TDTT TP.HCM*.
23. D.HARRE (1996), *Học thuyết huấn luyện*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội. Tr 13.
24. Phùng Xuân Dũng (2015), “Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học sư phạm TDTT Hà Nội”, *Luận án Tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh*.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, NXB Sự Thật, Hà Nội, tr.12-13.
26. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
27. Đại học Cần Thơ (2015), *Chương trình môn học GDTC áp dụng cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học (không chuyên ngành GDTC)*.
28. Đại học Cần Thơ (2018), *Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục*, Trung tâm Quản lý chất lượng.
29. Đại học sư phạm TDTT TP.Hồ Chí Minh (2009), *Giáo trình sinh lý học thể dục thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
30. Nguyễn Văn Điệp (2018), "Phân tích các yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ cơ sở vật chất trường đại học Tây Đô", Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô, số 03-2018.
31. Nguyễn Gắng (2015), Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết TDTT giữa đại học Huế và các tổ chức TDTT trên địa bàn thành phố Huế”, *Luận án tiến sĩ*

- giáo dục, Viện Khoa học TĐTT.*
32. *Hồ Chí Minh Biên niên Tiểu sử, H.2006, t.3, tr.190-19, NXBCTQG Hà Nội*
 33. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý TĐTT, NXB TĐTT Hà Nội.*
 34. Trịnh Trung Hiếu (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục TĐTT trong nhà trường, NXB TĐTT Hà Nội.*
 35. Nguyễn Văn Hòa (2017), *Cải tiến chương trình giảng dạy các môn thể thao tự chọn cho sinh viên không chuyên trường Đại học Cần Thơ, Luận án tiến sĩ khoa học, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.*
 36. Hội đồng xuất bản - Hồ Chí Minh Toàn tập (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, tr.241, NXBCTQG Hà Nội.*
 37. Hội đồng xuất bản - Hồ Chí Minh Toàn tập (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10, tr.440, NXBCTQG Hà Nội.*
 38. Nguyễn Thanh Hùng (2018), “Xây dựng chương trình giáo dục thể chất học phần tự chọn, ngoại khóa cho sinh viên Đại học Quy Nhơn”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.*
 39. Nguyễn Trung Kiên (2018), “Xây dựng chương trình đào tạo hướng dẫn viên Aerobic tại trường đại học TĐTT TP. HCM”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.*
 40. Lê Văn Lãm (2008), *Giáo trình Thể dục thể thao trường học, NXB TĐTT Hà Nội.*
 41. Vương Hiếu Lung (2013), “Nghiên cứu tương quan kết quả kiểm tra thể chất và trình độ hoạt động thể lực sinh viên đại học Hải Nam”, *Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Triết Giang, Khoa Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao, tiến sĩ Lê Bá Tường dịch.*
 42. Mensi cốp V.V Vôn cốp N.I. (1997), *Sinh hóa học TĐTT, NXB TĐTT Hà Nội*

43. Nguyễn Ngọc Minh (2017), “Nghiên cứu loại hình câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động có hiệu quả phù hợp với tổ chức Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao của Đại học Quốc gia Hà Nội”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Viện Khoa học TDTT*.
44. Novicóp. A.D – Mátveep L.P (1990), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất* (Phạm Trọng Thanh – Lê Văn Lãm dịch), tập 1, NXB TDTT Hà Nội, tr 10, 16.
45. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, điều 41, năm 1992.
46. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006), *Luật TDTT 77/2006/QH11*, ngày 29 tháng 10 năm 2006.
47. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Luật TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
48. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật giáo dục*, số 43/2019/QH14, ngày 16 tháng 06 năm 2019.
49. Nguyễn Quang Quyền (1974), *Nhân trắc học và sự ứng dụng nghiên cứu trên người Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
50. Vương Siêu (2012), “Nghiên cứu hiện trạng và khuynh hướng hoạt động thể lực”, *Tập san nghiên cứu khoa học Học viện thể thao Thượng Hải*, Số 8 năm 2012, tiến sĩ Lê Bá Tường dịch.
51. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Lưu Quang Hiệp, Phạm Ngọc Viễn (1999), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, NXB TDTT Hà Nội.
52. Phan Việt Thái (2003); “Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá đến thể chất và chất lượng học tập của sinh viên trường Đại học Cần Thơ”, *Luận văn thạc sĩ giáo dục, Trường Đại học TDTT TP.HCM*.
53. Đặng Minh Thắng (2019), “Nghiên cứu xây dựng nội dung, chương trình

- TDDT ngoại khóa cho nam sinh viên trường Cao đẳng cảnh sát Nhân dân II”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TDDT TP.HCM.*
54. Trịnh Hùng Thanh, Lê Nguyệt Nga (1993), *Cơ sở sinh học và sự phát triển tài năng thể thao*, NXB TDDT Hà Nội.
 55. Nguyễn Đức Thành (2013), “Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên một số trường Đại học ở Thành phố Hồ chí Minh”. *Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện Khoa học TDDT.*
 56. Đặng Minh Thành (2018), “Đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa cho sinh viên tỉnh Sóc Trăng”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Viện Khoa học TDDT.*
 57. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2009), *Nghiên cứu khoa học trong Quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê
 58. Vũ Đức Thu và cộng sự (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất dùng trong trường đại học, cao đẳng và THCN*, NXB TDDT Hà Nội.
 59. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp TDDT*, NXB TDDT Hà Nội.
 60. Đồng Văn Triệu (2006), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, NXB TDDT Hà Nội.
 61. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS*, NXB Thống kê.
 62. Bùi Bảo Trung (2012), “Nghiên cứu tổ chức hoạt động CLB môn cầu lông ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Hoa Sen”, *Luận văn thạc sĩ giáo dục học, Trường Đại học TDDT TP.HCM.*
 63. *Từ điển bách khoa Việt Nam 2* (2005), NXB Bách Khoa Hà Nội.
 64. Lê Bá Tường (2010), *Toán thống kê TDDT*, NXB Trường ĐHCĐ.
 65. Nguyễn Trương Phương Uyên (2019), *Ứng dụng phương pháp học tập tự*

- điều chỉnh của sinh viên trường đại học Tài chính Marketing TP. Hồ Chí Minh, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.*
66. V.P PHILIN (1996) , *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ* , NXB TĐTT Hà Nội.
 67. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong TĐTT*, NXB TĐTT, Hà Nội.
 68. Phạm Ngọc Viễn, Lê Văn Xem, Mai Văn Muôn (1991), *Tâm lý học TĐTT*, NXB TĐTT Hà Nội.
 69. Nguyễn Khắc Viện (2002), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, tr 73.
 70. Võ Văn Việt (2017), Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ đào tạo, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học sư phạm TP.HCM.*
 71. Nguyễn Hữu Vũ (2015), “Ứng dụng một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên trường đại học tư thục Hoa Sen thành TP. HCM”, *Luận án tiến sĩ giáo dục, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.*
 72. Trần Thị Xoan (2006), “Nghiên cứu phát triển các hình thức thể thao ngoại khóa phù hợp với nữ sinh viên”, *Luận văn thạc sĩ giáo dục, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.*
 73. Lý Hải Yến (2010), “Nghiên cứu và vận dụng phương pháp đo lường hoạt động thể lực thường ngày thanh thiếu niên thành phố Thượng Hải”, *Luận án Tiến sĩ*, Khoa Vận động thân thể, Học viện Thể thao Thượng Hải, tiến sĩ Lê Bá Tường dịch.

Tiếng nước ngoài

74. Amy M. Tenhouse, College extracurricular activities - impact on students, types of extracurricular activities. (<http://education.stateuniversity.com/pages/1855/CollegeExtracurricular-Activities.html#ixzz0zfmj4jIy>).

75. Bailey, R, Armour, K, Kirk, D. The educational benefits claimed for physical education and school sport: an academic review. *Res Pap Educ* 2009;24:1–28.
76. Brown, C., & Johnson, J. D. (2018). Sport management student club participation: An exploratory study. *College Student Journal*, 52(4), 460–476.
77. Coakley, J. (2007). *Sports in society: Issues and controversies* (9th ed.). Boston, MA: McGraw-Hill.
78. Coakley, J. (2009). *Sports in society: Issues and controversies* (10th ed.). Boston, MA: McGraw-Hill.
79. Anderson L., Karthwohl D., et al, 2001. *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom’s Taxonomy of Education Objectives*.
80. De Martelaer, K, Theeboom, M. Physical education and youth sport. *The Handbook of Physical Education*. Thousand Oaks, CA, London; SAGE Publications, 2006.
81. Don J. Webber and Andrew Mearman (2009), Student participation in sporting activities, source: *Applied Economics*, Volume 41, Number 9, April 2009, (<http://carecon.org.uk/DPs/0501.pdf>).
82. Hair, Joseph F., et al. *Multivariate Data Analysis: A Global Perspective*. 7th ed. Upper Saddle River: Prentice Hall, 2009.
83. Hardin, Bemiller, and Pate (2013), Development and Organization of a Student-Operated Sport Management Cocurricular Club: Partners in Sports, *Sport Management Education Journal* 7(1): pp43-50.
84. Harrow, A.J. (1972). *A taxonomy of the psychomotor domain*. New York: David McKay Co.
85. Kokko, S, Kannas, L, Villberg, J. The health promoting sports club in

- Finland—a challenge for the settings-based approach. *Health Prom Int* 2006;21:219–29.
86. Leon Lifschutz (2012), Club Sports: Maximizing Positive Outcomes and Minimizing Risks, *Recreational Sports Journal* 36(2):104-112, <https://www.researchgate.net/publication/306051245>.
 87. Oliver, R.L. (1980) A Cognitive Model of the Antecedents and Consequences of Satisfaction Decisions. *Journal of Marketing Research*, 17, 460-469.
 88. Petra Goljal, Tatjana Robič, The role of sports clubs in sports activity of students, *Zdrav Var* 2014; 53: 26-33.
 89. Priest, N, Armstrong, R, Doyle, J. Policy interventions implemented through sporting organisations for promoting healthy behaviour change (Review). *Cochrane Database of Systematic Reviews* 2008, p. Art. No.: CD004809.
 90. Richard Bailey (2006), Physical Education and Sport in Schools: A Review of Benefits and Outcomes, American School Health Association, October 2006, Vol. 76, No. 8, p.397-401.
 91. Roberts, T., Miller, T., & Wells, J. (Eds.). (2003). *Sports clubs: A resource guide*. Corvallis, OR: NIRSA; pp11.
 92. WHO (2007), WHO Information Series on School Health (http://www.who.int/school_youth_health/media/en/sch_childfriendly_03_v2.pdf).
 93. Wong, C.S., Wong, P.M. & Chau, S.L. (2001). Emotional Intelligence, attitudes towards lives and attainment of educational goals: An exploratory study in Hong Kong. *New Horizons in Education*, Vol.44, pp1-11.
 94. Zeithaml, V.A. and Bitner, M.J. (2000) *Services Marketing: Integrating*

Customer Focus across the Firm. 2nd Edition, McGraw-Hill, Boston.

Inetnet

95. <https://www.carrollu.edu/campus-student-life/recsports/club-sports/policies>.
96. [https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A2u_1%E1%BA%A1c_b%E1%B%99_\(t%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A2u_1%E1%BA%A1c_b%E1%B%99_(t%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c)).
97. <http://www.cnki.net/>.
98. <https://www.ctu.edu.vn/gioi-thieu/gioi-thieu.html>.
99. <https://dpe.ctu.edu.vn/index.php>.
100. <https://uh.edu/recreation/sports-programs/sport-clubs/starting-new-club/>
101. <https://dormitory.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2022/thong-bao-ve-viec-tham-gia-cau-lac-bo-duc-thao-nh-2021-2022>.

PHỤ LỤC 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV1)

Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

(Dành cho nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên)

Kính gửi:

Để đánh giá chính xác và đầy đủ về thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên Trường Đại học Cần Thơ, chúng tôi tiến hành xác định các tiêu chí đánh giá. Vì vậy, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến đóng góp của quý vị. Kính mong quý giảng viên, nhà khoa học, cán bộ quản lý hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ!

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

I. PHẦN THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

- Họ và tên: Chức vụ:
- Học hàm, học vị:
- Đơn vị:
- Thâm niên công tác:

II. PHẦN NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1: Quý Thầy/cô vui lòng cho biết, các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDDT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ?

Lưu ý:

Cách thức lựa chọn: Chúng tôi phân bố khoảng đo lường thành 5 mức. Quý vị chọn dấu nhân (X) một trong các mức đo như sau:

- Hoàn không toàn đồng ý
- Không đồng ý
- Bình thường
- Đồng ý
- Hoàn toàn đồng ý

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên (sự quan tâm BGh, đội ngũ giảng viên GDTC, Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, kinh phí phục vụ hoạt động TDTT cho sinh viên)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Nội dung giảng dạy các môn thể thao ngoại khóa SV Trường ĐHCT	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường ĐHCT	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Hiệu quả của hoạt động TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCT (thể lực chung, số lượng SV tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa, hiệu quả kinh tế-xã hội...)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 2: Các tiêu chí khác theo ý kiến của quý vị:

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV2)

Xác định các tiêu chí xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên
Trường Đại học Cần Thơ

(Dành cho nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên)

Kính gửi: -----

Để đánh giá chính xác và đầy đủ về tiêu chí xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ, chúng tôi tiến hành xác định các tiêu chí. Vì vậy, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến đóng góp của quý vị. Kính mong quý giảng viên, nhà khoa học, cán bộ quản lý hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ!

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

I. PHẦN THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

- Họ và tên: Chức vụ:
- Học hàm, học vị:
- Đơn vị:
- Thâm niên công tác:

II. PHẦN NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1: Quý Thầy/cô vui lòng cho biết, các tiêu chí cần thiết xây dựng Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên Trường Đại học Cần Thơ?

Lưu ý:

Cách thức lựa chọn: Chúng tôi phân bố khoảng đo lường thành 5 mức. Quý vị chọn dấu nhân (X) một trong các mức đo như sau:

1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Cơ sở pháp lý thành lập, hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Mục đích Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
3	Chức năng và nhiệm vụ Câu lạc bộ TĐTT ngoại khóa sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Tổ chức nhân sự, thành viên Câu lạc bộ TĐTT ngoại khóa sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Nội dung, hình thức sinh hoạt Câu lạc bộ TĐTT ngoại khóa sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Các điều kiện đảm bảo	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 2: Các tiêu chí khác theo ý kiến của quý vị:

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV3)

**Xác định các nội dung giảng dạy môn bóng chuyên ngoại khóa
sinh viên CLB TDTT Trường ĐHTC**

(Dành cho nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên môn bóng chuyên)

Kính gửi: -----

Câu 1: Quý Thầy/cô vui lòng cho biết, các nội dung giảng dạy môn bóng chuyên ngoại khóa phù hợp cho sinh viên Trường ĐHTC ?

Lưu ý:

Cách thức lựa chọn: Chúng tôi phân bố khoảng đo lường thành 5 mức. Quý vị chọn dấu nhân (X) một trong các mức đo như sau:

1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các bài tập thực hành kỹ thuật đệm bóng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Các bài tập thực hành kỹ thuật chuyên bóng cao tay	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật phát bóng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Các bài tập thực hành đập bóng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật chắn bóng cá nhân, tập thể	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chung	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chuyên môn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Các bài tập thực hành chiến thuật bóng chuyên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Các bài tập thực hành thi đấu bóng chuyên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	Các bài tập thực hành phương pháp trọng tài bóng chuyên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	Các bài tập thực hành phương pháp hướng dẫn tập luyện bóng chuyên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 2: Các nội dung khác theo ý kiến của quý vị:

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV4)

**Xác định các các nội dung giảng dạy môn thể dục nhịp điệu ngoại khóa
sinh viên CLB TDTT Trường ĐHTC**

(Dành cho nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên môn thể dục nhịp điệu)

Kính gửi: -----

Câu 1: Quý Thầy/cô vui lòng cho biết, các nội dung giảng dạy môn thể dục nhịp điệu ngoại khóa phù hợp cho sinh viên Trường ĐHTC ?

Lưu ý:

Cách thức lựa chọn: Chúng tôi phân bố khoảng đo lường thành 5 mức. Quý vị chọn dấu nhân (X) một trong các mức đo như sau:

1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các bài tập thực hành kỹ thuật cơ bản	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Các bài tập thực hành vũ đạo cơ bản	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm A (Động lực)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm B (các động tác tĩnh lực)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm C (Bật và nhảy)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Các bài tập thực hành kỹ thuật nhóm D (Mềm dẻo và thăng bằng)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Các bài tập thực hành phát triển thể lực chung, chuyên môn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Các bài tập thực hành phát triển kỹ năng, phối hợp nhóm, đội	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Các bài tập thực hành trình diễn, thi đấu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 2: Các nội dung khác theo ý kiến của quý vị:

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV5)

**Xác định các nội dung giảng dạy môn cầu lông khóa
sinh viên CLB TDTT Trường ĐHTC**

(Dành cho nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên môn cầu lông)

Kính gửi: -----

Câu 1: Quý Thầy/cô vui lòng cho biết, các nội dung giảng dạy môn cầu lông ngoại khóa phù hợp cho sinh viên Trường ĐHTC ?

Lưu ý:

Cách thức lựa chọn: Chúng tôi phân bố khoảng đo lường thành 5 mức. Quý vị chọn dấu nhân (X) một trong các mức đo như sau:

1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các bài tập thực hành tư thế chuẩn bị, cách cầm cầu, cầm vợt	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Các bài tập thực hành di chuyển đơn bước, đa bước	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Các bài tập thực hành kỹ thuật phòng thủ phải, trái thấp tay	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Các bài tập thực hành kỹ thuật phát cầu ngắn, phát cầu cao sâu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Các bài tập thực hành kỹ thuật phong cầu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Các bài tập thực hành kỹ thuật treo cầu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Các bài tập thực hành kỹ thuật đập cầu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Các bài tập thực hành kỹ thuật tạt cầu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Các bài tập thực hành kỹ thuật bỏ nhỏ trên lưới	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	Các bài tập thực hành kỹ thuật tấn công nhanh					

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
11	Các bài tập thực hành kỹ thuật kéo lưới					
12	Các bài tập thực hành kỹ thuật chặn cầu					
13	Các bài tập thực hành phối hợp kỹ thuật					
14	Các bài tập thực hành chiến thuật di chuyển đơn, di chuyển đôi					
15	Các bài tập thực hành chiến thuật thi đấu đồng đội cầu lông					
16	Các bài tập thực hành thể lực phát triển chung, chuyên môn					
17	Các bài tập thực hành thi đấu cá nhân, đôi					
18	Phương pháp thực hành trọng tài, tổ chức giải đấu cầu lông					

Câu 2: Các nội dung khác theo ý kiến của quý vị:

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV6)

(Giảng viên Giáo dục thể chất)

Kính gửi: -----

Để phân tích thực trạng và nhu cầu tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường đại học Cần Thơ, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến của quý vị. Kính mong quý thầy cô hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

PHẦN NỘI DUNG

Câu 1: Xin quý thầy/cô cho biết mức độ quan tâm của sinh viên trường đại học Cần Thơ đối với hoạt động TDTT ngoại khóa?

- Rất quan tâm
- Quan tâm
- Không quan tâm

Câu 2: Xin quý Thầy/Cô cho hoạt TDTT ngoại khóa hiện nay có đáp ứng nhu cầu của sinh viên trường đại học Cần Thơ không?

- Hoàn toàn đáp ứng
- Đáp ứng
- Không đáp ứng

Câu 3: Đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT ?

Mức độ hài lòng của các quý Thầy/Cô đối với hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT.

Các mức đánh giá:

1. Rất không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường 4. Hài lòng 5. Rất hài lòng

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các điều kiện đảm bảo (sự quan tâm của Ban lãnh đạo các cấp, cơ sở vật chất, tài chính...)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Nội dung, hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Tổ chức, quản lý hoạt động TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Hỗ trợ của Bộ môn GDTC và Nhà trường,	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Hệ thống giải thể thao sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 4: Xin quý Thầy/Cô cho biết tầm quan trọng của việc nghiên cứu tổ chức, quản lý hoạt động ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Không quan trọng

Câu 5: Xin quý Thầy/ Cô cho biết sự cần thiết nghiên cứu tổ chức xây dựng câu lạc bộ TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Câu 6: Xin quý Thầy/Cô cho biết cần thiết xây dựng nội dung chương trình giảng dạy TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Câu 7: Xin quý Thầy/Cô cho biết loại hình CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ phù hợp?

- CLB TDTT công lập, nhiều môn thể thao
- CLB TDTT công lập, một môn thể thao
- CLB TDTT liên kết
- Ý kiến khác:.....

.....

PHẦN PHẢN BỔ SUNG

(Trả lời bằng cách viết tay)

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV7)
(Giảng viên Giáo dục thể chất)

Kính gửi: -----

Nhằm phân tích, xây dựng các nội dung Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến của quý vị. Kính mong quý thầy cô hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

PHẦN NỘI DUNG

Xin quý thầy/cô cho biết các nội dung Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động CLB TDTT NK SV Trường ĐHCT là phù hợp?

TT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Không đồng ý	Đồng ý
1	Tên gọi: <i>Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ</i>		
2	Vị trí, phạm vi, đối tượng		
3	Chức năng, nhiệm vụ, mục đích		
4	Cơ cấu tổ chức, nhân sự		
5	Trách nhiệm, quyền lợi các thành viên		
6	Tài chính và cơ sở vật chất		
7	Hoạt động CLB TDTT ngoại khóa		
8	Các vấn đề khác liên quan		

PHẦN PHẢN BỔ SUNG

(Trả lời bằng cách viết tay)

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHÒNG VẤN (P.PV8)

(Lãnh đạo Khoa/ Phòng ban/ Trung tâm/ Viện, Đoàn – Hội/ Trợ lý thể thao)

Kính gửi: -----

Để phân tích thực trạng và nhu cầu tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên Trường đại học Cần Thơ, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến của quý vị. Kính mong quý thầy/cô hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

PHẦN 1: NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Xin quý thầy/cô cho biết mức độ quan tâm của các cấp lãnh đạo của trường đại học Cần Thơ đến công tác GDTC và hoạt động TDDT ngoại khóa cho sinh viên Nhà trường?

- Rất quan tâm
- Quan tâm
- Không quan tâm

Câu 2: Xin quý thầy/cô cho biết mức độ quan tâm của sinh viên trường đại học Cần Thơ đối với hoạt động TDDT ngoại khóa?

- Rất quan tâm
- Quan tâm
- Không quan tâm

Câu 3: Xin quý thầy/cô cho biết đội ngũ giảng viên GDTC đáp ứng nhu cầu hoạt động TDDT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Hoàn toàn đáp ứng
- Đáp ứng
- Không đáp ứng

Câu 4: Xin quý thầy/cô cho biết các điều kiện đảm bảo khác (sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ...) cho hoạt động TDDT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ ?

- Hoàn toàn đáp ứng
- Đáp ứng
- Không đáp ứng

Câu 5: Xin quý Thầy/Cô cho hoạt TĐTT ngoại khóa hiện nay có đáp ứng nhu cầu của sinh viên trường đại học Cần Thơ không?

- Hoàn toàn đáp ứng
- Đáp ứng
- Không đáp ứng

Câu 6: Xin quý Thầy/Cô cho biết tầm quan trọng của việc nghiên cứu tổ chức, quản lý hoạt động ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Không quan trọng

Câu 7: Xin quý Thầy/ Cô cho biết sự cần thiết nghiên cứu tổ chức xây dựng câu lạc bộ TĐTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Câu 8: Xin quý Thầy/Cô cho biết mô hình CLB TĐTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ phù hợp?

- CLB TĐTT công lập, nhiều môn thể thao
- CLB TĐTT công lập, một môn thể thao
- CLB TĐTT liên kết, giải trí
- Ý kiến khác:.....

Câu 09: Đánh giá thực trạng hoạt động TĐTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHTC ?

Mức độ hài lòng của các quý Thầy/Cô đối với hoạt động TĐTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHTC.

Các mức đánh giá:

1. Rất không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường 4. Hài lòng 5. Rất hài lòng

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các điều kiện đảm bảo (sự quan tâm của Ban lãnh đạo các cấp, cơ sở vật chất, tài chính...)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Nội dung, hình thức hoạt động TĐTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Tổ chức, quản lý hoạt động TĐTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Hỗ trợ của Bộ môn GDTC và Nhà trường,	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Hệ thống giải thể thao sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

PHẦN 2: PHẦN BỔ SUNG

(Trả lời bằng cách viết tay)

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV9)

(Dành cho sinh viên)

Để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Trường đại học Cần Thơ, chúng tôi gửi phiếu này đến các anh/chị. Mong các anh/chị vui lòng trả lời hoặc cho ý kiến một cách trung thực, thẳng thắn những câu hỏi dưới đây bằng cách **tô kín ô trả lời hoặc ghi vào ô chừa sẵn**.

Trân trọng cảm ơn!

1. Họ và tên SV: Giới tính:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Khoa/Viện/Trung tâm: Ngành:
Lớp: Năm thứ: Mã số SV:
5. Nơi khảo sát:

PHẦN 1: Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GDTC VÀ HOẠT ĐỘNG TDTT NGOẠI KHÓA

Câu 1: Anh/chị cho biết mức độ quan tâm của các cấp lãnh đạo của trường đại học Cần Thơ đến công tác GDTC và hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Nhà trường?

- Rất quan tâm
- Quan tâm
- Không quan tâm

Câu 2: Anh/chị cho biết đội ngũ giảng viên GDTC đáp ứng nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Hoàn toàn đáp ứng
- Đáp ứng
- Không đáp ứng

Câu 3: Anh/chị cho biết các điều kiện đảm bảo khác (sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ...) cho hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ ?

- Hoàn toàn đáp ứng
- Đáp ứng
- Không đáp ứng

PHẦN 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TDDT NGOẠI KHÓA

Câu 1: Anh/chị cho biết mức độ hài lòng của các anh/chị đối với chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học của trường đại học Cần Thơ

Mức độ hài lòng của các anh/chị đối với chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học của trường đại học Cần Thơ.

Các mức đánh giá:

1. Rất không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường 4. Hài lòng 5. Rất hài lòng

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Nội dung cấu trúc môn học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Đề cương môn học, tài liệu tham khảo	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Kết quả học tập, rèn luyện được mong đợi	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Kế hoạch, phương pháp, nội dung giảng dạy của giảng viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Phương pháp đánh giá kết quả học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức mới	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Phương pháp khuyến khích, hướng dẫn sinh viên tự học, tự rèn luyện	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Chất lượng hệ thống sân bãi, nhà tập luyện	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Chất lượng trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tập luyện, học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	Môi trường xã hội, cảnh quan phục vụ tập luyện, học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	Chất lượng bộ phận hỗ trợ cho mượn, quản lý dụng cụ, trang thiết bị phục vụ học tập, rèn luyện	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
12	Sự quan tâm của Ban lãnh đạo BM. GDTC trong việc đảm bảo chất lượng dạy - học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13	Hoạt động TDDT ngoại khóa ngoài giờ học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 2: Ngoài giờ học GDTC nội khóa, các anh chị có tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa (qui định 01 giờ học trên lớp có 02 giờ tự học) không?

- Có tham gia
- Không tham gia

***Lưu ý:** Nếu trả lời “*không tham gia*”, thì anh chị chỉ trả lời thêm **Câu 10** và hoàn thành đợt khảo sát)

Câu 3: Nhận thức của anh/chị về vai trò, tác dụng của hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường học?

- Không quan trọng
- Góp phần rèn luyện nhân cách, ý chí, hoàn thiện, phát triển thể chất, đạt tiêu chuẩn rèn luyện sinh viên 5 tốt
- Mất thời gian, không có tác dụng gì
- Là phương tiện tự nâng cao sức khỏe, rèn luyện, hoàn thiện môn học GDTC (thực hiện 02 giờ tự học của sinh viên
- Có tác dụng vui chơi, giải trí lành mạnh
- Có tác dụng làm cho tinh thần hưng phấn, tích cực, thúc đẩy học tốt các môn khác trong chương trình học
- Nguy hiểm, dễ xảy ra chấn thương
- Tốn kém, không thích hợp cho sinh viên
- Các ý kiến khác:.....

Câu 4: Anh/ chị hãy cho biết động cơ sinh viên hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường học?

- Động cơ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất bản thân
- Động cơ ham thích TDTT, nâng cao trình độ thể thao
- Động cơ thể hiện, khẳng định bản thân
- Động cơ giao lưu bạn bè, mở rộng mối quan hệ xã hội
- Động cơ nâng cao kết quả học tập môn học GDTC

Câu 05: Anh/ chị cho biết các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên (có thể chọn lựa nhiều ý)?

- Không thích TDTT
 - Do thể chất, sức khỏe bản thân không đáp ứng
 - Yêu cầu học chính khóa căng thẳng, ít thời gian nhàn rỗi
 - Chưa có sự quan tâm đúng mức của các cấp lãnh đạo
 - Công tác tuyên truyền, thông tin không thường xuyên
 - Cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ TDTT thiếu thốn, khó khăn
 - Trường đại học Cần Thơ chưa có tổ chức các CLB TDTT ngoại khóa phù hợp với nhu cầu của SV
 - Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của hoạt động TDTTNK
 - Chưa đủ kinh phí, tài chính tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa
 - Ý khác:.....
-

Câu 6: Anh/ chị hãy cho biết mức độ thường xuyên tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa?

- Thường xuyên (hơn 3 buổi/tuần)
- Không thường xuyên (2-3 buổi/tuần)
- Ít tham gia (1 buổi/tuần)

Câu 7: Anh/ chị hãy cho biết thời lượng thường xuyên tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa trong ngày?

- Dưới 30 phút/ngày
- Từ 30 phút đến 60/ngày
- Trên 1 giờ/ngày

Câu 8: Anh/ chị tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên dưới hình thức nào sau đây?

- Hoạt động tự tập luyện cá nhân
- Hoạt động tự tập luyện theo nhóm (có cùng sở thích)
- Hoạt động trong các đội tuyển Trường/Khoa/Liên chi hội SV
- Hoạt động trong CLB TDTT ngoài Trường ĐHCT
- Hoạt động trong CLB TDTT trong Trường ĐHCT, có người hướng dẫn
- Ý khác:.....

Câu 9: Anh/ chị tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa bằng các môn thể thao nào sau đây?

- Điền kinh
- Võ Taekwondo
- Bóng chuyền
- Bóng đá
- Bóng bàn
- Cầu lông
- Thể dục nhịp điệu (Aerobic)
- Bơi lội
- Bóng rổ
- Đá cầu
- Các trò chơi dân gian
- Ý khác:.....

Câu 10: Anh/ chị tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa ở các địa điểm nào sau đây?

- Sân trường/Khoa/Đoàn – Hội
- Nhà thi đấu, nhà tập luyện TDTT trường đại học Cần Thơ
- Sân Kí túc xá
- Các CLB tư nhân bên ngoài trường
- Các nơi khác ngoài trường đại học Cần Thơ

Câu 11: Đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT ?

Mức độ hài lòng của các anh/chị đối với hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường ĐHCT.

Các mức đánh giá:

1. Rất không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường 4. Hài lòng 5. Rất hài lòng

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Các điều kiện đảm bảo (sự quan tâm của Ban lãnh đạo các cấp, cơ sở vật chất, tài chính...)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Nội dung hoạt động TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Hỗ trợ của Bộ môn GDTC và Nhà trường,	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Hệ thống giải thể thao sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

PHẦN 3: NHU CẦU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TDTT NGOẠI KHÓA

Câu 1: Anh/ chị cho biết hoạt động TDTT ngoại khóa được tổ chức theo hình thức nào sau đây là phù hợp với sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Tự tập luyện cá nhân
- Tự tập luyện theo nhóm (có cùng sở thích)
- Các đội tuyển Trường/Khoa/Liên chi hội SV/trường
- Hoạt động trong CLB TDTT ngoài Trường ĐHCT
- CLB thể thao giải trí do Đoàn – Hội tổ chức, quản lý
- CLB TDTT do Trường ĐHCT, tổ chức, quản lý, có người hướng dẫn

Câu 2: Nếu trường đại học Cần Thơ thành lập, tổ chức Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa, anh/ chị lựa chọn các môn thể thao nào sau đây tập luyện?

- Điền kinh
- Võ Taekwondo
- Bóng chuyền
- Bóng đá
- Bóng bàn
- Cầu lông
- Thể dục nhịp điệu (Aerobic)
- Bơi lội
- Bóng rổ
- Đá cầu
- Các trò chơi dân gian

Câu 3: Anh/ chị tham gia hoạt động CLB TDTT ngoại khóa vào thời gian thích hợp trong ngày?

- Thời gian: 5h00-6h30
- Thời gian: 11h30-13h15
- Thời gian: 17h00-19h30
- Thời gian: sau 19h30

Câu 4: Anh/ chị tham gia tập luyện CLB TDTT ngoại khóa bao nhiêu buổi trong tuần là hợp lý ?

- 1 buổi/ tuần
- 2 – 3 buổi/ tuần
- Từ 4 buổi/tuần trở lên

Câu 5: Anh/ chị cho biết cần thiết xây dựng nội dung chương trình giảng dạy TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Câu 6: Anh/ chị cho biết nội dung chủ yếu chương trình giảng dạy TDTT ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Cần Thơ?

- Nội dung chương trình TDTT ngoại khóa tương ứng, phù hợp với các môn thể thao tự chọn đang giảng dạy tại trường đại học Cần Thơ
- Nội dung chương trình TDTT ngoại khóa tùy theo sở thích của sinh viên
- Không có ý kiến

Câu 7: Anh/ chị sẵn sàng trả phí tham gia hoạt động CLB TDTT ngoại khóa ?

- Không đồng ý
- Đồng ý
- Đồng ý hoàn toàn

Câu 8: Anh/ chị lựa chọn tham gia tập luyện CLB TDTT ngoại khóa nào phù hợp sau đây?

TT	Môn thể thao	Phù hợp	Không phù hợp
1	Điền kinh		
2	Võ Taekwondo		
3	Bóng chuyền		
4	Bóng đá		
5	Bóng bàn		
6	Cầu lông		
7	Thể dục nhịp điệu (Aerobic)		
8	Bơi lội		
9	Bóng rổ		
10	Đá cầu		
11	Các trò chơi dân gian		

PHẦN 4: PHẦN BỔ SUNG
(Trả lời bằng cách viết tay)

Trân trọng cảm ơn quý anh/chị./

....., ngày tháng năm 20

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHIẾU PHÒNG VẤN (P.PV10)

(Giảng viên Giáo dục thể chất, CLB TDTT ngoại khóa)

Kính gửi: -----

Để đánh giá hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường đại học Cần Thơ, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến của quý vị. Kính mong quý thầy (cô) hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

Câu 1: Xin quý Thầy/Cô cho biết CLB TDTT ngoại khóa được xây dựng đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác tuyên truyền về công tác GDTC và TDTT của trường đại học Cần Thơ không?

- Hoàn toàn đồng ý
- Đồng ý
- Không đồng ý

Câu 2: Xin quý Thầy/Cô cho biết CLB TDTT ngoại khóa được xây dựng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của sinh viên trường đại học Cần Thơ không?

- Hoàn toàn đồng ý
- Đồng ý
- Không đồng ý

Câu 3: Xin quý Thầy/Cô cho biết CLB TDTT ngoại khóa đáp ứng mục tiêu phát triển thể chất sinh viên Nhà trường không?

- Hoàn toàn đồng ý
- Đồng ý
- Không đồng ý

Câu 4: Xin quý Thầy/ Cô cho biết cho biết CLB TDTT ngoại khóa đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý hoạt động TDTT sinh viên Trường ĐHTC một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo chất lượng hoạt động không?

- Hoàn toàn đồng ý
- Đồng ý
- Không đồng ý

Câu 5: Theo quý Thầy/cô tổ chức, xây dựng CLB TDTT ngoại khóa sinh viên mang lại hiệu quả đào tạo chung, góp phần quảng bá thương hiệu trường Đại học Cần Thơ không ?

-Hoàn toàn đồng ý

-Đồng ý

- Không đồng ý

PHẦN PHÂN BỔ SUNG
(Trả lời bằng cách viết tay)

.....
.....
.....
.....
.....

Trân trọng cảm ơn Quý vị!

....., ngày tháng năm 20.....

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 11

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN (P.PV11)

(Dành cho sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa)

Để đánh giá hiệu quả CLB TDTT ngoại khóa sinh viên Trường đại học Cần Thơ, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến của quý vị. Kính mong quý anh (chị) hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

Trân trọng cảm ơn!

- Họ và tên SV: Giới tính:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:
- Khoa/Viện/Trung tâm: Ngành:
Lớp: Năm thứ: Mã số SV:
- Nơi khảo sát:
.....

PHẦN 1: NỘI DUNG

Câu 1: Anh/chị cho biết mức độ hài lòng của mình khi tham gia CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHC T ?

Mức độ hài lòng của các anh/chị đối với chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học của trường đại học Cần Thơ.

Các mức đánh giá:

1. Rất không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Bình thường 4. Hài lòng 5. Rất hài lòng

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
1	Sự quan tâm của lãnh đạo các cấp đối với hoạt động CLB TDTT ngoại khóa SV	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Công tác quản lý, tổ chức điều hành hoạt động, tập luyện CLB TDTT ngoại khóa SV	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Các hoạt động giao lưu khác trong trường, ngoài trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

TT	NỘI DUNG PHỎNG VẤN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
		1	2	3	4	5
4	Kế hoạch, chương trình, nội dung tập luyện CLB TDTT ngoại khóa SV	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	Điều kiện sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị tập luyện TDTT	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	Ban chủ nhiệm và các thành viên các Tiểu ban chuyên môn ứng xử hòa nhã, thân thiện	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	Giảng viên, huấn luyện viên ứng xử hòa nhã, thân thiện	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	Các thành viên có tinh thần đoàn kết, hợp tác	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	Sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa luôn thân thiện, hòa đồng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	Sinh viên thích tham gia CLB TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	Cảm giác sinh viên rất tốt sau hoàn thành các buổi tập luyện TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
12	Tham gia CLB TDTT ngoại khóa, sinh viên thấy vui khi sinh hoạt nhóm, đội	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13	Tham gia CLB TDTT ngoại khóa rất hữu ích cho sức khỏe của tôi	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
14	Tôi sẵn sàng dành thêm thời gian và giới thiệu các bạn tôi tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu 2: Anh/chị cho biết mức lệ phí hội viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa SV Trường ĐHCТ chỉ trả trong 1 tháng là phù hợp

- Dưới 90 nghìn/ tháng
- Từ 90 nghìn – 120 nghìn/ tháng
- Trên 120 nghìn/ tháng

PHẦN 2: PHẦN BỔ SUNG
(Trả lời bằng cách viết tay)

Trân trọng cảm ơn quý anh/chị./

....., ngày tháng năm 20

Họ và tên chữ ký người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 12

PHIẾU GHI KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CHUNG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Địa điểm kiểm tra: Ngày..... tháng..... năm

Họ và tên:.....Nam, nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Khóa Đại học:.....Khoa/Viện/Trung tâm/ BM:.....

1. Lực bóp tay thuận (kG):.....
 2. Bật xa tại chỗ (cm):
 3. Nằm ngửa gập thân (số lần/30giây):
 4. Chạy 30m xuất phát cao (giây):
 5. Chạy con thoi 4x10m (giây):
 6. Test chạy tùy sức 5 phút (m) Số đeo.....số vòng.....lẻ.....m.
- Tổng số:.....

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----

(Dòng ô này dùng cho đếm số vòng chạy, không đưa vào xử lý)

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

NGƯỜI KIỂM TRA

(Ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 13**DANH SÁCH CÁC NHÀ KHOA HỌC, CHUYÊN GIA, GIẢNG VIÊN
THAM GIA KHẢO SÁT, PHỎNG VẤN**

TT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM, HỌC VỊ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1	Lê Quang Anh	THS-GVC	Trường Đại học Cần Thơ
2	Lê Thiết Can	PGS-TS	Trường ĐH TDTT TP. HCM
3	Châu Hoàng Cầu	THS-GVC	Trường Đại học Thơ
4	Lê Vũ Linh	THS-GV	Sở GD&ĐT Vĩnh Long
5	Đoàn Thu Ánh Điểm	THS-GVC	Trường Đại học Thơ
6	Trần Trung Du	THS-GV	Trường Đại học Tây Đô
7	Nguyễn Minh Đức	THS-GV	Trường Đại học XD Miền Tây
8	Phạm Như Hiếu	THS-GV	Trường Đại học Cần Thơ
9	Phạm Thị Mỹ Hoa	THS-GVC	Trường Đại học SP TP. HCM
10	Nguyễn Văn Hòa	TS-GVC	Trường Đại học Thơ
11	Lê Phương Hùng	THS-GV	Trường Đại học Thơ
12	Nguyễn Hoàng Khoa	THS-GV	Trường Đại học Thơ
13	Nguyễn Thanh Liêm	TS-GVC	Trường Đại học Thơ
14	Nguyễn Song Linh	THS-GV	Trường Đại học Tây Đô
15	Bạch Mai Ly	THS	Trung tâm HL TT QG Cần Thơ
16	Lâm Hoàng Mai	THS-GV	Trường Đại học Bạc Liêu
17	Phạm Hùng Mạnh	TS-GV	Trường Đại học Tây Nguyên
18	Tổng Lê Minh	THS-GV	Trường Đại học Thơ
19	Trịnh Thị Thành Minh	THS-GV	Trường Đại học Tây Đô
20	Nguyễn Toàn Năng	THS-GV	Trường Đại học Trà Vinh
21	Đào Vũ Nguyên	TH-GVC	Trường Đại học Thơ
22	Từ Thanh Phong	THS-GV	Trường Đại học FPT Cần Thơ
23	Nguyễn Thanh Phong	THS-GV	Trường CĐ KT đối ngoại Cần Thơ
24	Đặng Thị Kim Quyên	TS-GVC	Trường Đại học Thơ
25	Nguyễn Lê Trường Sơn	TH-GVC	Trường Đại học Thơ
26	Nguyễn Minh Tâm	THS-GV	Trường Đại học Nam Cần Thơ
27	Nguyễn Văn Thái	THS-GVC	Trường Đại học Thơ
28	Phan Việt Thái	TS-GV	Trường Đại học Thơ
29	Châu Đức Thành	THS-GV	Trường Đại học Thơ

TT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM, HỌC VỊ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
30	Đặng Minh Thành	TS-GV	Trường CĐ SP Sóc Trăng
31	Bùi Bình Thuận	THS-GV	Trường Đại học Cửu Long
32	Nguyễn Hồng Tín	THS-GV	Trường Cao đẳng TW Nha Trang
33	Đào Mai Sơn Trà	THS-GV	Trường Đại học Kiên Giang
34	Nguyễn Quốc Trâm	THS-GVC	Trường Đại học Phú Yên
35	Võ Thành Trinh	THS-GV	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
36	Ngô Kiên Trung	THS-GVC	Trường Đại học SP TP. HCM
37	Lê Bá Tường	TS-GVC	Trường Đại học Thơ
38	Nguyễn Bá Vi	THS-GV	Trường CĐ KT - kỹ thuật Cần Thơ
39	Nguyễn Văn Viên	THS-GV	Trường Đại học Bạc Liêu
40	Trần Thị Xoan	THS-GVC	Trường Đại học Thơ

PHỤ LỤC 14**DANH SÁCH VIÊN CHỨC QUẢN LÝ, CÁN BỘ ĐOÀN - HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ THAM GIA KHẢO SÁT, PHÒNG VẤN**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ
1	Phan Quang Vinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Công tác Sinh viên
2	Trần Thiện Bình	Trưởng phòng	Phòng Công tác Chính Trị
3	Phan Văn Hiền	Giám đốc	Trung tâm phục vụ sinh viên
4	Nguyễn Kỳ Tuấn Sơn	Phó Trưởng phòng	Phòng Đào tạo
5	Lê Thành Phiêu	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản trị Thiết bị
6	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Giám đốc	TT Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV
7	Trần Thị Thủy Tiên	Bí thư	Đoàn TN Trường ĐHTC
8	Nguyễn Văn Pha	Phó Bí thư	Đoàn TN Trường ĐHTC
9	Huỳnh Phúc Lộc	Chủ tịch	Hội SV Trường ĐHTC
10	Lê Nguyễn Hải Đăng	Thư ký	Hội SV Trường ĐHTC
11	Nguyễn Thái Sơn	Bí thư ĐTN	Khoa Công nghệ
12	Lê Văn Quan	Bí thư ĐTN	Khoa CNTT &TT
13	Phạm Công Thiện	Bí thư ĐTN	Khoa Khoa học Chính trị
14	Võ Thị Tú Anh	Bí thư ĐTN	Khoa Khoa học Tự nhiên
15	Nguyễn Xuân Thuận	Bí thư ĐTN	Khoa Kinh tế
16	Võ Hoàng Tâm	Bí thư ĐTN	Khoa Luật
17	Nguyễn Công Thuận	Bí thư ĐTN	Khoa Môi trường &TNTN
18	Huỳnh Thị Anh Thư	Bí thư ĐTN	Khoa Ngoại ngữ
19	Châu Thị Anh Thi	Bí thư ĐTN	Khoa Nông nghiệp
20	Tô Công Tâm	Bí thư ĐTN	Khoa Phát triển Nông thôn
21	Phan Hoàng Linh	Bí thư ĐTN	Khoa Sư phạm
22	Trần Thị Mỹ Duyên	Bí thư ĐTN	Khoa Thủy sản
23	Nguyễn Thanh Nhã Trúc	Bí thư ĐTN	Khoa Dự bị Dân tộc
24	Bùi Ngọc Mai	Bí thư ĐTN	Trung tâm CNPM
25	Hồ Chí Thịnh	Bí thư ĐTN	Viện Nghiên cứu PT ĐBSCL
26	Trần Nguyên Tuấn	Bí thư ĐTN	Viện Nghiên cứu & PT CNSH
27	Lê Thị Nhiên	Bí thư ĐTN	Khoa Khoa học XHNV

PHỤ LỤC 15

**KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CHUNG SINH VIÊN NỮ
CLB TDTT NGOẠI KHÓA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nữ TN1	B1800007	31.29	32.12	17	18	152	161	5.61	5.49	13.85	12.59	920	940
Nữ TN1	B1800008	32.72	33.59	18	19	170	179	6.05	5.92	12.36	12.13	860	890
Nữ TN1	B1800011	29.56	30.34	17	18	167	176	5.8	5.68	11.99	11.76	850	900
Nữ TN1	B1800012	27.92	28.66	16	17	168	177	6.21	6.08	11.91	11.68	920	940
Nữ TN1	B1800014	29.45	30.23	18	19	162	171	5.62	5.50	11.28	11.07	960	930
Nữ TN1	B1800016	29.97	30.76	19	20	169	178	5.65	5.53	12.31	12.08	940	960
Nữ TN1	B1800020	29.76	30.55	17	18	162	171	5.61	5.49	12.41	12.17	930	950
Nữ TN1	B1800021	30.24	31.04	17	18	168	177	5.47	5.36	13.01	12.76	950	950
Nữ TN1	B1800023	28.32	29.07	18	19	153	162	5.99	5.86	12.33	12.10	870	890
Nữ TN1	B1800024	32.31	33.17	20	21	165	174	5.81	5.69	12.88	12.64	910	930
Nữ TN1	B1800027	32.52	33.38	22	23	161	170	4.97	4.87	12.91	12.66	930	950
Nữ TN1	B1800042	28.23	28.98	17	18	154	163	5.61	5.49	11.84	11.62	920	940
Nữ TN1	B1800043	29.25	30.03	17	18	176	185	5.95	5.83	11.46	11.24	920	930
Nữ TN1	B1800050	29.53	30.31	20	21	169	178	5.99	5.86	11.92	11.69	850	920
Nữ TN1	B1800055	28.65	29.41	20	21	165	174	6.21	6.08	11.97	11.74	960	960

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nữ TN1	B1800056	28.25	29.00	19	20	175	184	5.42	5.31	12.12	11.89	860	890
Nữ TN1	B1800060	26.35	27.05	15	18	181	190	6.66	6.52	11.76	11.54	890	910
Nữ TN1	B1800065	29.94	30.73	17	18	167	176	6.44	6.30	12.95	12.70	940	960
Nữ TN1	B1800069	31.25	32.08	17	18	177	186	5.61	5.49	11.74	11.52	840	890
Nữ TN1	B1800071	26.89	27.60	18	19	168	177	5.47	5.36	13.01	12.76	940	960
Nữ TN1	B1800074	29.25	30.03	19	20	169	178	5.71	5.59	13.79	12.55	900	920
Nữ TN1	B1800076	28.26	29.01	16	17	176	185	5.9	5.78	12.16	11.93	960	930
Nữ TN1	B1800086	29.09	29.86	18	19	170	179	6.05	5.92	11.36	11.14	910	930
Nữ TN1	B1800089	31.4	32.23	20	21	176	185	5.8	5.68	11.99	11.76	900	920
Nữ TN1	B1800098	29.13	29.90	15	17	165	174	6.61	6.47	11.96	11.73	890	910
Nữ TN1	B1800104	30.24	31.04	19	20	175	184	5.42	5.31	12.12	11.89	890	910
Nữ TN1	B1800105	26.25	26.95	15	18	157	166	5.29	5.18	12.76	12.52	940	960
Nữ TN1	B1800115	32.93	33.80	17	18	166	175	6.62	6.48	12.95	12.70	920	940
Nữ TN1	B1800130	26.76	27.47	18	19	162	171	6.62	6.48	12.02	11.79	890	910
Nữ TN1	B1800131	32.26	33.11	16	19	168	177	5.47	5.36	13.01	12.76	900	920
Nữ TN2	B1800134	30.26	30.87	19	20	165	172	5.64	5.53	11.93	11.67	990	1010
Nữ TN2	B1800142	31.66	32.29	17	18	165	172	6.21	6.09	12.06	11.79	930	950
Nữ TN2	B1800151	30.49	31.1	18	19	161	168	5.43	5.33	12.31	12.04	920	940
Nữ TN2	B1800158	31.46	32.09	15	18	159	166	5.77	5.66	12.51	12.23	910	930
Nữ TN2	B1800165	30.98	31.6	17	18	162	169	5.96	5.85	11.22	10.97	950	970

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nữ TN2	B1800181	32.93	33.59	16	17	172	179	5.94	5.83	11.4	11.15	890	910
Nữ TN2	B1800182	30.71	31.32	15	17	157	164	5.66	5.55	12.65	12.37	820	920
Nữ TN2	B1800199	26.79	27.33	19	20	159	166	5.76	5.65	11.22	10.97	860	900
Nữ TN2	B1800240	26.72	27.25	22	23	167	174	5.81	5.7	12.59	12.31	920	940
Nữ TN2	B1800252	32.52	33.17	21	22	161	168	6.62	6.49	12.23	11.96	820	910
Nữ TN2	B1800262	29.97	30.57	20	21	155	162	6	5.89	12.72	12.44	910	930
Nữ TN2	B1800267	26.76	27.3	19	20	166	173	5.95	5.84	12.35	12.08	820	930
Nữ TN2	B1800268	29.53	30.12	18	19	169	176	5.75	5.64	11.34	11.09	850	890
Nữ TN2	B1800277	26.74	27.27	17	18	165	172	6.21	6.09	12.16	11.89	930	950
Nữ TN2	B1800279	30.14	30.74	17	18	195	202	5.42	5.32	11.01	10.77	860	890
Nữ TN2	B1800281	32.18	32.82	17	18	154	161	6.26	6.14	11.95	11.69	910	930
Nữ TN2	B1800282	32.93	33.59	18	19	151	158	6.64	6.51	11.84	11.58	910	930
Nữ TN2	B1800287	30.45	31.06	17	18	162	169	5.61	5.5	13.13	12.84	930	950
Nữ TN2	B1800290	26.89	27.43	16	17	168	175	5.47	5.37	11.94	11.68	930	950
Nữ TN2	B1800292	30.61	31.22	17	18	159	166	6.21	6.09	12.66	12.38	920	940
Nữ TN2	B1800294	31.29	31.92	17	18	159	166	5.9	5.79	11.99	11.73	940	960
Nữ TN2	B1800295	30.15	30.75	16	17	168	175	6.65	5.72	13.17	12.88	930	950
Nữ TN2	B1800296	30.14	30.74	17	18	187	194	5.8	5.69	11.92	11.66	870	890
Nữ TN2	B1800297	29.13	32.1	19	20	165	172	6.61	6.48	13.15	12.86	920	940
Nữ TN2	B1800303	29.15	29.73	18	19	195	202	5.42	5.32	11.96	11.7	920	940

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nữ TN2	B1800315	29.25	31.35	18	19	153	160	5.69	5.58	12.05	11.78	910	930
Nữ TN2	B1800316	31.02	31.64	16	17	169	176	6.44	6.32	11.94	11.68	930	950
Nữ TN2	B1800317	29.76	30.36	21	22	162	169	5.61	5.5	13.02	12.73	940	960
Nữ TN2	B1800318	31.23	31.85	20	21	168	175	5.67	5.56	11.92	11.66	950	970
Nữ TN2	B1800324	30.61	32.15	17	18	154	161	6.21	5.69	14.05	12.66	890	910

PHỤ LỤC 16

**KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CHUNG SINH VIÊN NAM
CLB TDTT NGOẠI KHÓA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nam TN1	B1800028	47.25	49.35	20	22	221	236	4.94	4.78	11.75	11.39	970	1000
Nam TN1	B1800032	46.15	47.53	18	20	210	225	5.14	4.97	12.05	11.76	960	990
Nam TN1	B1800033	43.72	45.03	21	23	202	217	4.57	4.42	13.32	12.12	960	990
Nam TN1	B1800045	44.78	46.12	18	20	222	237	4.77	4.61	11.56	11.2	890	970
Nam TN1	B1800049	45.52	46.89	21	23	232	247	5.48	5.3	11.75	11.39	920	960
Nam TN1	B1800053	42.66	43.94	16	18	214	229	4.77	4.58	11.76	11.86	990	1020
Nam TN1	B1800057	40.54	42.65	20	22	212	227	4.3	4.16	11.81	11.44	960	990
Nam TN1	B1800062	42.66	43.94	19	21	221	236	4.4	4.25	11.83	11.46	970	1000
Nam TN1	B1800067	42.66	43.94	20	22	212	227	5.58	5.4	12.03	11.86	980	1010
Nam TN1	B1800068	45.94	47.32	18	20	217	232	5.67	5.48	12.19	11.55	970	960
Nam TN1	B1800079	40.22	42.36	18	20	219	234	5.58	5.4	12.55	12.16	1090	1120
Nam TN1	B1800082	40.54	42.59	19	21	213	228	4.77	4.61	12.45	12.06	850	980
Nam TN1	B1800084	41.61	42.86	20	22	216	231	5.14	4.97	11.59	11.23	1110	1040
Nam TN1	B1800109	42.66	43.94	21	23	241	256	4.68	4.53	11.96	11.78	960	990
Nam TN1	B1800112	44.21	45.54	21	23	202	217	4.67	4.52	11.54	11.18	960	980

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nam TN1	B1800114	43.72	45.03	19	21	212	227	5.14	4.97	12.71	11.79	980	970
Nam TN1	B1800116	45.31	46.67	20	22	203	218	5.64	5.45	11.76	11.4	1010	1040
Nam TN1	B1800118	43.15	42.47	21	23	201	216	5.53	5.35	12.14	11.92	1070	1100
Nam TN1	B1800150	45.83	49.25	18	20	211	226	4.72	4.56	11.72	11.36	990	1020
Nam TN1	B1800152	52.83	54.41	21	23	208	223	5.63	5.44	11.59	11.23	1110	1140
Nam TN1	B1800164	47.56	48.99	17	23	229	244	5.31	5.13	12.23	11.85	990	1020
Nam TN1	B1800171	44.89	46.24	20	23	218	233	5.53	5.35	12.15	11.77	1060	1090
Nam TN1	B1800172	50.39	51.9	19	21	217	232	5.09	4.92	11.11	10.77	890	970
Nam TN1	B1800174	47.96	49.4	18	20	214	229	5.16	4.59	11.82	11.45	960	990
Nam TN1	B1800191	46.72	49.12	17	21	230	245	5.79	5.6	11.91	12.22	830	980
Nam TN1	B1800200	43.94	45.26	21	23	210	216	5.58	5.4	11.72	12.15	970	970
Nam TN1	B1800208	49.21	50.69	17	19	225	240	5.74	5.55	11.79	11.42	980	1010
Nam TN1	B1800263	46.39	49.19	18	20	226	241	5.58	5.4	11.86	12.21	1020	1150
Nam TN1	B1800265	42.35	42.86	23	23	211	222	5.14	4.97	12.18	11.8	980	1110
Nam TN1	B1800283	43.08	44.37	24	24	215	230	5.09	4.92	11.74	12.2	960	990
Nam TN2	B1800291	44.49	46.23	19	22	246	256	4.65	4.54	12.1	11.76	950	990
Nam TN2	B1800298	40.89	42.48	17	20	250	260	4.37	4.27	12.15	11.81	970	1010
Nam TN2	B1800299	49.15	51.07	19	22	225	235	5.25	5.12	11.99	11.65	990	1030
Nam TN2	B1800305	48.62	50.52	20	23	221	231	4.72	4.61	11.86	11.53	1030	1070
Nam TN2	B1800307	43.43	45.12	21	24	235	245	5.49	5.36	11.95	11.62	1050	1090

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nam TN2	B1800319	41.58	43.20	23	23	222	232	5.07	4.95	12.03	11.69	960	1000
Nam TN2	B1800320	48.36	50.25	21	23	204	214	4.71	4.60	11.3	10.98	970	1010
Nam TN2	B1800339	47.44	49.29	18	21	225	235	4.92	4.80	11.87	11.54	1020	1060
Nam TN2	B1800340	47.97	49.84	21	24	209	219	4.58	4.47	11.23	10.92	810	960
Nam TN2	B1800356	45.32	47.09	17	20	215	225	5.73	5.59	12.36	12.01	950	990
Nam TN2	B1800358	42.05	43.69	17	20	209	219	4.92	4.80	13.82	12.17	840	980
Nam TN2	B1800363	42.79	44.46	19	22	230	240	5.69	5.55	11.4	11.08	1040	1080
Nam TN2	B1800364	43.11	44.79	23	23	237	247	4.83	4.71	11.85	11.52	1030	1070
Nam TN2	B1800371	44.56	46.30	21	22	210	220	4.82	4.70	11.35	11.03	970	1010
Nam TN2	B1800373	41.37	42.98	17	20	208	218	5.29	5.16	12.52	12.17	1060	1100
Nam TN2	B1800378	45.22	46.98	20	23	221	231	4.97	4.85	11.86	11.53	1000	1040
Nam TN2	B1800380	46.89	48.72	21	23	210	220	5.68	5.54	12.52	12.17	1060	1100
Nam TN2	B1800408	47.95	49.82	20	23	207	217	4.87	4.75	11.93	11.60	980	1020
Nam TN2	B1800410	44.28	46.01	19	22	210	220	5.78	5.49	11.91	11.58	1040	1080
Nam TN2	B1800413	49.78	51.72	19	22	225	235	5.46	5.33	11.8	11.47	980	1020
Nam TN2	B1800416	46.25	48.05	17	20	205	215	5.73	5.59	12.22	11.88	1080	1120
Nam TN2	B1800422	42.05	43.69	22	23	209	219	4.92	4.80	12.15	11.81	970	1010
Nam TN2	B1800445	42.79	44.46	19	22	220	230	5.29	5.16	11.4	11.08	950	990
Nam TN2	B1800446	43.11	44.79	23	24	217	227	4.83	4.71	12.22	11.88	1080	1120
Nam TN2	B1800455	44.72	46.46	21	23	210	220	4.82	4.70	11.35	11.03	970	1010

NHÓM	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)		Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10 (s)		Chạy tùy sức 5 phút (m)	
		TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN	TTN	STN
Nam TN2	B1800459	49.17	51.09	20	23	208	218	5.29	5.16	12.25	11.91	960	1000
Nam TN2	B1800461	42.36	44.01	20	23	221	231	4.97	4.85	12.01	11.67	1000	1040
Nam TN2	B1800475	47.25	49.09	21	23	212	222	5.58	5.45	12.52	12.17	1060	1100
Nam TN2	B1800477	41.25	42.86	18	21	211	221	4.87	4.75	12.3	11.96	980	1020
Nam TN2	B1800479	49.85	51.79	19	22	210	220	5.59	5.46	12.25	11.91	1080	1120

PHỤ LỤC 17

KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CHUNG SINH VIÊN NỮ NHÓM SO SÁNH (NỮ SS1)

TT	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)	Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (s)	Chạy con thoi 4x10 (s)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
1	B1800325	30.81	16	164	5.48	13.4	890
2	B1800326	31.01	16	178	6.38	13.2	870
3	B1800327	29.86	16	164	5.57	11.91	920
4	B1800331	30.81	16	162	5.62	12.7	850
5	B1800335	30.34	14	165	6.12	11.82	930
6	B1800344	32.25	16	183	6.1	12	840
7	B1800348	30.08	17	160	6.21	12.72	870
8	B1800350	26.43	16	162	6.15	11.82	840
9	B1800352	31.65	16	167	5.97	12.38	880
10	B1800353	31.85	16	164	6.51	12.42	860
11	B1800360	29.35	14	152	6.16	11.31	860
12	B1800372	26.23	12	179	6.11	13	860
13	B1800375	28.92	16	157	5.49	11.94	790
14	B1800377	25.68	17	168	6.38	12.9	870
15	B1800381	25.91	18	169	5.56	11.6	860
16	B1800382	26.01	17	157	6.43	13.5	790
17	B1800383	32.25	17	162	6.61	12.46	870
18	B1800386	26.34	18	165	5.76	13.21	880
19	B1800387	27.68	17	171	5.62	12.52	930
20	B1800388	29.98	16	162	6.38	14.73	880
21	B1800389	30.65	16	162	6.06	13.38	850
22	B1800390	32.05	16	173	6.21	12.8	870
23	B1800394	26.23	16	172	5.95	11.47	810
24	B1800396	28.53	17	168	6.38	12.83	870
25	B1800399	25.91	17	178	5.56	11.6	800
26	B1800401	26.01	17	157	5.43	12.51	790
27	B1800403	32.25	17	179	6.61	12.46	870
28	B1800406	29.15	17	165	5.76	13.2	880
29	B1800412	27.68	17	171	5.62	12.52	860
30	B1800419	29.98	16	182	6.38	14.73	880

PHỤ LỤC 18

KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CHUNG SINH VIÊN NAM NHÓM SO SÁNH (NAM SS1)

TT	MÃ SỐ SINH VIÊN	Lực bóp tay thuận (kG)	Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (s)	Chạy con thoi 4x10 (s)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
1	B1800490	47.25	20	221	4.94	11.75	970
2	B1800491	46.15	18	210	5.14	12.05	960
3	B1800492	43.72	21	202	4.57	13.32	960
4	B1800528	44.78	18	222	4.77	11.56	890
5	B1800540	45.52	21	232	5.48	11.75	920
6	B1800541	42.66	16	214	4.77	11.76	990
7	B1800551	40.54	20	212	4.3	11.81	960
8	B1800561	42.66	19	221	4.4	11.83	970
9	B1800581	42.66	20	212	5.58	12.03	980
10	B1800584	45.94	18	217	5.67	12.19	970
11	B1800670	40.22	18	219	5.58	12.55	1090
12	B1800677	40.54	19	213	4.77	12.45	850
13	B1800679	41.61	20	216	5.14	11.59	1110
14	B1800685	42.66	21	241	4.68	11.96	960
15	B1800691	44.21	21	202	4.67	11.54	960
16	B1800692	43.72	19	212	5.14	12.71	980
17	B1800702	45.31	20	203	5.64	11.76	1010
18	B1800708	43.15	21	201	5.53	12.14	1070
19	B1800715	45.83	18	211	4.72	11.72	990
20	B1800718	52.83	21	208	5.63	11.59	1110
21	B1800719	47.56	17	229	5.31	12.23	990
22	B1800727	44.89	20	218	5.53	12.15	1060
23	B1800732	50.39	19	217	5.09	11.11	890
24	B1800737	47.96	18	214	5.16	11.82	960
25	B1800754	46.72	17	230	5.79	11.91	830
26	B1800758	43.94	21	210	5.58	11.72	970
27	B1800767	49.21	17	225	5.74	11.79	980
28	B1800782	46.39	18	226	5.58	11.86	1020
29	B1800793	42.35	23	211	5.14	12.18	980
30	B1800804	43.08	24	215	5.09	11.74	960

PHỤ LỤC 19

QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

ĐIỀU 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Tên gọi: Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ.
- Tên viết tắt: CLB TDTT- CTU
- Địa chỉ: Nhà thi đấu TDTT – trường đại học Cần Thơ, khu II, đường 3-2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại: 0923.872187-4, website: <https://dpe.ctu.edu.vn/index.php>

ĐIỀU 2: VỊ TRÍ, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

- Vị trí: CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ do Trưởng Bộ môn GDTC thừa lệnh Hiệu trưởng ký ban hành theo nhiệm vụ được phân giao. CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ do Bộ môn GDTC quản lý trực tiếp về mọi mặt.
- Phạm vi: Quy định quản lý và hoạt động nhằm tổ chức, quản lý và phát triển hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ
- Đối tượng: Quy định này áp dụng cho sinh viên, giảng viên, viên chức trường đại học Cần Thơ.

ĐIỀU 3: CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, MỤC ĐÍCH

- Chức năng: CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ có các chức năng như sau:

- + Xây dựng nội dung kế hoạch huấn luyện, giảng dạy cho các đội tuyển thể thao cấp trường đại học Cần Thơ, các nhóm môn thể thao ngoại khóa;

+ Hướng dẫn, vận động những sinh viên có cùng sở thích để tự nguyện tổ chức, phổ biến, hướng dẫn hoạt động TDTT nhằm thỏa mãn nhu cầu rèn luyện thân thể, vui chơi giải trí, nâng cao sức khỏe, cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần và nâng cao thành tích thể thao cho người học.

+ Tư vấn, tham mưu cho Ban lãnh đạo Bộ môn GDTC, trường đại học Cần Thơ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa sinh viên Nhà trường.

- Nhiệm vụ: CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ có các nhiệm vụ như sau:

+Tuyên truyền giáo dục sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa chấp hành quy định, pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

+Tuyên truyền, vận động những sinh viên có cùng sở thích tự nguyện tham gia tập luyện TDTT;

+Tăng cường kỹ năng, kỹ xảo vận động nhằm phát triển thể lực và thành tích thể thao;

+Tổ chức hướng dẫn các nhóm, đội, lớp tập luyện TDTT;

+Tổ chức các giải thể thao cấp trường, giao lưu thể thao, tham dự các giải thể thao thành phố Cần Thơ, khu vực và toàn quốc.

+Quản lý và phát triển sinh viên tại CLB TDTT sinh viên trường đại học Cần Thơ;

+Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và tiếp nhận quản lý các nguồn tài trợ cho việc phát triển phong trào hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên.

+Xây dựng quy chế hoạt động, trình cấp trên ra Quyết định thành lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Mục đích: CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ có các mục đích như sau:

+ Nâng cao chất lượng dạy và học môn giáo dục thể chất cho sinh viên chuyên và không chuyên ngành trong toàn Trường.;

+Phát triển phong trào TDTT và nâng cao thành tích thể thao;

+Thỏa mãn nhu cầu tập luyện theo các môn thể thao ưu thích;

+Thu hút sinh viên tập luyện TDTT thường xuyên góp phần ngăn chặn đẩy lùi các tệ nạn xã hội thâm nhập học đường.

ĐIỀU 4: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường ĐH Cần Thơ:

+ Chủ nhiệm: Phó Trưởng Bộ môn GDTC/ Viên chức phụ trách chuyên môn thể thao cấp trường (*Trợ lý TDTT trường đại học Cần Thơ*);

+ Phó chủ nhiệm: 2- 3 phó chủ nhiệm CLB

+ Thư ký thường trực: Giảng viên GDTC, trường đại học Cần Thơ

+ Thành viên thường trực: các trưởng tiểu ban tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đối ngoại, chuyên môn...

+ Các thành viên khác.

- Nhân sự CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ: Nhân sự là viên chức, giảng viên Bộ môn GDTC trường đại học Cần Thơ và các cộng tác viên, hướng dẫn viên liên kết.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CÁC THÀNH VIÊN

- Giảng viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên có trách nhiệm và quyền lợi như sau:

+ Thực hiện theo đúng nội dung, chương trình, kế hoạch của Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ đúng quy định, đảm bảo hiệu quả và chất lượng.

+ Tham gia vào quá trình quản lý sinh viên và tập luyện.

+ Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn do các cấp có thẩm quyền tổ chức.

+ Được cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

+ Được hỗ trợ các chế độ bồi dưỡng nhiệm vụ theo quy định.

- Sinh viên tham gia CLB TDTT ngoại khóa trường đại học Cần Thơ có trách nhiệm và quyền lợi như sau:

+ Thực hiện đầy đủ các nội quy, quy định, kế hoạch luyện tập CLB TDTT ngoại khóa trường đại học Cần Thơ.

+ Được tuyên dương, khen thưởng khi đạt thành tích trong tập luyện, thi đấu thể thao cho đội tuyển trường đại học Cần Thơ

+ Bảo quản giữ gìn trang thiết bị luyện tập, giáo trình, giáo án, tài liệu và cơ sở vật chất được giao.

+ Được hỗ trợ trang thiết bị dụng cụ thể thao phục vụ cho luyện tập.

ĐIỀU 6: TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Bộ môn GDTC tham mưu Ban Giám hiệu kinh phí hỗ trợ hoạt động CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ hàng năm theo quy định;

- Bộ môn GDTC hỗ trợ, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị...cho CLB TDTT ngoại khóa sinh viên hoạt động thường xuyên, hiệu quả;

- Kinh phí đóng góp của Hội viên theo quy định của CLB TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ;

- Nguồn tài chính, trang thiết bị, dụng cụ TDTT do các tổ chức, cá nhân ủng hộ, xã hội hóa.

- Cơ sở vật chất và tài chính của Câu lạc bộ do Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ trực tiếp quản lý; kinh phí thu được từ các khoản đóng góp của Hội viên, từ các nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân sẽ được sử dụng để phục vụ cho quá trình tập luyện, giao lưu, thi đấu và các hoạt động để phát triển Câu lạc bộ;

- Các khoản thu và chi của Câu lạc bộ sẽ được báo cáo công khai trong Câu lạc bộ và Bộ môn GDTC.

ĐIỀU 7: HOẠT ĐỘNG CLB TDTT NGOẠI KHÓA

- Thời gian hoạt động thường xuyên:

+ Từ thứ 2 đến chủ nhật hàng tuần (nghỉ lễ, tết theo qui định của Nhà nước). Thời gian hoạt động hàng ngày: Sáng từ 5h00 đến 6h30, chiều từ 17h30 đến 19h30.

+ Thời gian hoạt động khác.

- Thời gian huấn luyện, thi đấu:

+ Trên cơ sở Điều lệ tổ chức Giải và kế hoạch thi đấu của Câu lạc bộ, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ sẽ quy định thời gian tập huấn và đi thi đấu; phân công nhiệm vụ cụ thể để các Hội viên thực hiện.

- Quản lý điều hành hoạt động của Câu lạc bộ:

+ Ban chủ nhiệm họp 06 tháng 01 lần để kiểm điểm, đánh giá quá trình hoạt động của Câu lạc bộ, khi cần có thể họp bất thường do thường trực Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ triệu tập.

+ Các Hội viên của Câu lạc bộ phải phục tùng mọi sự chỉ đạo, quản lý điều hành của Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ.

ĐIỀU 8: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN

- Tất cả các hội viên ra vào nơi tập luyện phải chấp hành nghiêm chỉnh nội qui và qui định của Câu lạc bộ;

- Khi vào nơi tập luyện phải mặc trang phục Vận động viên thể thao (quần, áo, giày đế mềm...) thể hiện văn minh, lịch sự, tôn trọng lẫn nhau; Không phát ngôn bừa bãi gây mất trật tự tại nơi tập luyện...

- Các hội viên của Câu lạc bộ đều có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau trong tập luyện và thi đấu trên cơ sở chịu sự quản lý điều hành của Ban chủ nhiệm;

- Khi có khách đến giao lưu, thi đấu phải báo Ban chủ nhiệm, chương trình giao lưu sẽ do Ban chủ nhiệm điều hành.

ĐIỀU 9: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Quy định này gồm 09 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Trưởng Bộ môn GDTC, trường đại học Cần Thơ ký Quyết định ban hành.

- Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ do Bộ môn GDTC quản lý có trách nhiệm thường xuyên cập nhật những quy định mới về lĩnh vực chuyên môn báo cáo Ban lãnh đạo Bộ môn GDTC xin ý kiến chỉ đạo trước khi áp dụng thực hiện nếu có nội dung khác với Quy định này.

- Trong quá trình thực hiện, nội dung Quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Việc sửa đổi bổ sung do Trưởng Bộ môn GDTC, trường đại học Cần Thơ xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất và kiến nghị của Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ TDTT ngoại khóa sinh viên trường đại học Cần Thơ và bộ phận phụ trách chuyên môn./.

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 075/QĐ - GDTC

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH CỦA TRƯỞNG BỘ MÔN V/v thành lập Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường Đại học Cần Thơ

TRƯỞNG BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

- Căn cứ vào Quyết định số 5818/QĐ-ĐHCT ngày 12/12/2018 của Hiệu Trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành danh mục văn bản Hiệu trưởng uỷ quyền cho các Phó Hiệu trưởng ký thay và thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường ký thừa lệnh và ký thừa uỷ quyền.

- Căn cứ vào nhu cầu của công tác tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay;

- Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Nay thành lập Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường Đại học Cần Thơ và cử các viên chức có tên sau đây làm thành viên Ban chủ nhiệm CLB:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ trong CLB
1	Ông: Nguyễn Hữu Tri	Bí thư Đoàn thanh niên, Trợ lý TT Trường ĐHTC	Chủ nhiệm
2	Bà: Phạm Như Hiếu	Phó Bí thư Đoàn thanh niên	Phó Chủ nhiệm
3	Ông: Nguyễn Lê Trường Sơn	Bí thư Chi đoàn CB	Phó Chủ nhiệm
4	Ông: Đào Vũ Nguyên	Giảng viên	Thành viên
5	Bà: Trần Thị Lâm	Chuyên viên VP	Thành viên - Thư ký

ĐIỀU 2: Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ Thể dục thể thao ngoại khóa sinh viên trường Đại học Cần Thơ xây dựng, tổ chức, quản lý hoạt động theo “Đề án CLB” được phê duyệt và các quy định hiện hành của Trường Đại học Cần Thơ.

ĐIỀU 3: Các đơn vị, bộ phận có liên quan và các cá nhân có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Nơi nhận:

- BGh (báo cáo);
- Các đơn vị trong trường;
- Các cá nhân có tên trong điều 1;
- Lưu VP. BM. GDTC.